

Charlie Bone và cái bóng xứ Badlock (Tập 7)

Contents

Charlie Bone và cái bóng xứ Badlock (Tập 7)	1
1. Chương 01	2
2. Chương 02 - Phần 1	7
3. Chương 02 - Phần 2	11
4. Chương 03	15
5. Chương 04	21
6. Chương 05	27
7. Chương 06	34
8. Chương 07	40
9. Chương 08	47
10. Chương 09	52
11. Chương 10	57
12. Chương 11	63
13. Chương 12	68
14. Chương 13	73
15. Chương 14	79
16. Chương 15	81
17. Chương 16	85
18. Chương 17 - Phần 1	92
19. Chương 17 - Phần 2	95
20. Chương 18	98
21. Chương 19	104
22. Chương 20 - Phần 1	111
23. Chương 20 - Phần 2	115
24. Chương 21 (hết)	119

Charlie Bone và cái bóng xứ Badlock (Tập 7)



Giới thiệu

Những kẻ ở ác độc Học viện Bloor đang triệu tập thêm nhiều đồng minh ma thuật hùng mạnh hơn T

1. Chương 01

Những hậu duệ của Vua Đỏ

Manfred Bloor: Con trai ông hiệu trưởng Học viện Bloor. Một kẻ thôi miên. Manfred là hậu duệ của Borlath, con trai cả của Vua Đỏ. Borlath là một tên bạo chúa độc tài.

Naren Bloor: Con gái nuôi của Bartholomew Bloor. Naren có thể phát đi những thông điệp từ khoảng cách xa. Cô bé thuộc dòng dõi của một người cháu trai của Vua Đỏ bị bọn cướp biển bắt cóc và mang tới Trung Hoa.

Asa Pike: Asa người thú là chất của một bộ lạc sống ở những khu rừng phía Bắc có truyền thống nuôi dưỡng thú hoang dã kì dị. Asa có thể biến hình vào lúc trời tối.

Billy Raven: Billy có khả năng trao đổi thông tin với thú vật. Một trong những tổ tiên của nó có tài nói chuyện với lũ quạ trên giá treo cổ, nơi treo thầy tử tội. Vì tài này mà ông bị đuổi khỏi làng mình.

Lysander Sage: Chắt đích tôn của một nhà thông thái người Phi Châu. Cậu có phép gọi hồn tổ tiên tâm linh của mình.

Tancred Torsson: Người gọi bão. Tổ tiên gốc Scandinavi của cậu là Thor, dựa theo tên của thần sấm. Tancred biết tạo nên gió, mưa, sấm và chớp.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại truyenclub.com - gác nhỏ cho người yêu sách.]

Gabriel Silk: Gabriel có thể cảm nhận được ý nghĩ và cảm xúc của người khác qua áo quần của họ. Cậu xuất thân từ một dòng họ những nhà tâm linh học.

Emma Tolly: Emma có thể bay. Họ của cô có xuất xứ từ một hiệp sĩ người Tây Ban Nha. Vua đỏ đã cưới con gái ngài, vì vậy hiệp sĩ này cũng là tổ tiên của tất cả những người được ban phép thuật.

Charlie Bone: Charlie có phép đi vô hình chụp và hình vẽ. Từ dòng họ bên cha, cậu là hậu duệ của Vua Đỏ, còn về bên dòng họ mẹ, cậu thuộc dòng dõi của Mathonwy, thầy pháp xứ Wales, bạn tâm giao của Vua Đỏ.

Dorcas Loom: Dorcas có thể ếm bùa vào quần áo. Bà tăng tổ của nó, Lola Defarge, chính là kẻ đã đan chiếc khăn choàng teo rút trong khi thích thú chứng kiến cuộc hành hình Hoàng hậu nước Pháp năm 1793.

Idith và Inez Branko: Hai chị em sinh đôi siêu năng, có họ hàng xa với Zelda Dobinki.

Joshua Tilpin: Joshua có thể phát ra từ tính. Tổ tiên của nó đến nay vẫn còn là một ẩn số. Thậm chí gia đình Bloor cũng không biết chắc nó sống ở đâu. Nó vốn tự mình đến cửa học viện và giới thiệu danh tánh. Học phí của nó được chi trả thông qua một ngân hàng tự.

Una Onimous: Cháu gái của ông Onimous. Una mới 5 tuổi và tài phép của cô bé được giữ bí mật cho đến chừng nào tự bùng phát.

Olivia Vertigo: Hậu duệ của Guanhamara, một người con đã chạy trốn khỏi lâu đài của Vua Đỏ, sau đó cưới hoàng tử nước Ý. Olivia là người tạo ảo ảnh. Gia đình Bloor không biết về tài phép của Olivia.

Dagbert Endless: Dagbert là con trai của Lord Grimwald, kẻ điều khiển đại dương. Mẹ nó gom góp vàng từ răng người chết đuối để luyện thành bùa linh bảo vệ con trai mình. Dagbert có thể dìu người ta chết đuối.

Phần mở đầu

Gió ở xứ Badlock là thứ gió quái độc nhất trên đời - chúng từ khắp mọi hướng thốc tới, hú hét, dội ình ình vào tấm lưng rộng của người khổng lồ, dứt tóc, quất vào mắt ngài khiến ngài không sao mở mắt nổi. Cứ

mỗi bước chân nhấc lên là những cơn gió lại quét vòng quanh, bó thít đôi cẳng dài của ngài, tới chừng quật ngài ngã khụy.

Phía sau người khổng lồ, một đồng bằng bao la với đầy bụi rậm bị gió san phẳng và đất đá không ngừng bị gió xới tung. Ngài và đứa trẻ đi cùng đã phải mất một ngày một đêm mới đi hết vùng đất không mền khách này. Họ đi từ những rặng núi quanh năm tuyết phủ, viền quây đồng bằng như một bức tường thành bền vững.

Người khổng lồ kéo chặt chiếc áo thùng cho kín thùng bé ngài đang ôm trong tay. Họ đang đi mãi miết, nhắm hướng một lòng chảo nhỏ, nơi ấy có thể thấy cây cối làm chỗ trú ẩn và mặt nước ánh lên loang loáng.

“Tha lỗi cho ta, Roland,” người khổng lồ rên rỉ. “Ta không thể bước thêm được nữa.”

“Cha mệt rồi, thưa cha,” thằng bé nói, đoạn toài người trườn khỏi cánh tay người khổng lồ. “Nếu để con tự đi thì cha sẽ bước dễ dàng hơn.”

Người khổng lồ kinh ngạc trước tinh thần của thằng bé. Cái tính này là thừa hưởng từ mẹ nó đây, ngài nghĩ, và chợt thấy xấu hổ khi nhìn Roland vẫn không hề nao núng sau cuộc hành trình cam go ròn rã của họ. Thu hết sức lực, người khổng lồ lại tiếp tục cất bước, khó nhọc dướn tới trước trong khi con trai ngài dừng cảm lão đảo bước bên cạnh.

“Trông kia!” Roland bắt chợt hét to. “Con trông thấy một đốm sáng trong lòng hồ.”

“Mặt trăng đó,” người cha lầm bầm.

“Không phải, cha à. Lửa đó.”

Người khổng lồ quơ tay lên che mắt rồi chớp mắt. Quả thật như vậy, một khoảng sáng chập chờn bên rìa lòng chảo. Nhưng làm sao ngài biết cái thứ đó có nguy hiểm hay không? Xem ra hai cha con khó lòng tìm được sự trợ giúp ở cái nơi tiêu điều ảm đạm thế này.

Bất thành linh, Roland lao như thể bắn về phía trước. Cậu luôn có thiên hướng đắm đầu vào những gì kích thích trí tò mò của cậu.

“Khoan!” Người khổng lồ gọi giật.

Nhưng Roland, với đôi cánh tay giang rộng như ôm lấy gió, đã vượt lên trước, xuyên qua những làn gió xoay xoáy, bươn bả về phía vạt cây và biến mất khỏi tầm nhìn.

Khi người khổng lồ lê bước tới lòng chảo, ngài thấy con trai đang chuyện trò tíu tít với một thằng bé độ chừng 10 tuổi, tóc trắng lạ kỳ. Thằng bé lạ giờ cây đèn lõi bắc lên để nhìn cho rõ cái thân hình đang đứng sừng sững nơi miệng lòng chảo, và người khổng lồ để ý thấy đôi mắt màu tím của thằng bé. Yêu tinh, người khổng lồ nghĩ. Nó định giở phép ranh mãnh gì ra với cha con mình đây?

“Roland, lại đây,” người khổng lồ ra lệnh, bước gần hơn tới hai thằng bé.

Đột nhiên không biết từ đâu, một người khác xuất hiện trong vòng ánh sáng của ngọn đèn, một thanh niên cao lớn, tóc đen nhanh như lông quạ, khoác áo chùng cũng màu đen bóng.

“Đừng sợ,” người thanh niên áo đen nói, “Owain tóc trắng không phải yêu tinh đâu. Cậu ấy đã lùng kiếm hai người suốt nhiều tháng nay rồi.”

“Tìm ta?” Đôi mắt của người khổng lồ nheo híp lại.

“Chú là Otus Yewbeam phải không?” Cậu bé lạ hỏi.

“Đó là tên ta”.

Thằng bé cúi chào thật sát. “Tìm thấy chú cháu vui sướng quá đi mất. Không ai biết chú đã đi đâu. Mãi mới có một bà lão cùng làng với chú, vào lúc sắp chết, không còn sợ bị trừng phạt, mách cho cháu biết chú và con trai đang bị một hiệp sĩ mặc đồ toàn màu xanh lá cây cầm tù.”

“Bá tước Harken.” Người khổng lồ khịt mũi khinh bỉ.

“Nhưng anh đã trốn thoát rồi,” người thanh niên áo đen nói.

“Lẽ ra chúng cháu phải cứu chú,” Owain nói, “nhưng chú bị canh phòng nghiêm ngặt quá.”

Roland, này giờ cứ nhảy lên nhảy xuống loi chơi vì khoái chí, không thể nén cái tin này lâu thêm được nữa, liền bật ra, “Owain là anh họ của con đó cha, còn ngài đây,” nó chỉ người thanh niên áo đen, “là bác Tolemeo.”

Người khổng lồ nhúu mày, “Lẽ nào đây là thật.”

Telemeo đáp, “Chúng ta hãy vào hẻm trong lòng chảo đi hẵng, ở đó nói chuyện dễ dàng hơn.” Từ lúc gặp nhau đến giờ họ toàn hét võ giọng, không sao biểu lộ được tình cảm nồng ấm vì gió cứ chém phạt lời họ mà tung hê lên trời.

Ngài Tolemeo dẫn đường, theo sau là Owain, cây đuốc rừng rực trong tay nó chiếu vào dải áo chùng của ngài Tolemeo khiến nó cho sáng lóe lên những màu sắc biến ảo, thoát xanh da trời sống động, chuyển qua xanh lá cây, rồi lại tới màu tím sẫm.

Anh ta mặc áo lông chim, người khổng lồ nghĩ, bất giác một nỗi sợ hãi mơ hồ thốn lên, chạy dọc khắp thân thể ngài. Nhưng ta tuyệt nhiên đừng mong chờ họ là người bình thường, bởi vì họ là con cái của Vua Đỏ, giống như Amoret vợ yêu của ta cũng là một người con của nhà vua vĩ đại này.

Tất cả đi xuống cụm đá tảng dưới đáy lòng chảo. Khi đã an tọa trên một phiến đá rộng, người khổng lồ hỏi, “Các vị có biết tin tức gì về vợ tôi không?”

Ngài không nhận được câu trả lời ngay. Owain nhìn gằm xuống đất. Hình như thằng bé tóc trắng này bất giác hoảng hốt và e dè.

“Thứ lỗi cho tôi, anh à,” ngài Tolemeo nói lảng, “nhưng theo tôi thấy thì anh không giống người khổng lồ lắm.”

“Phải đấy,” Owain bật cười lãnh lút. “Cháu luôn tưởng tượng cái đầu khổng lồ khuất hẳn trong mây cơ.”

Ngày Otus mỉm cười bao dung. “Tôi không phải là người khổng lồ thật sự, mặc dù tôi xuất thân từ dòng người khổng lồ. Cha tôi cao tận hơn hai sải. Tôi chỉ cao bằng hai phần ba ông ấy thôi. Các em trai tôi thậm chí còn nhỏ hơn tôi. Có lẽ hậu sinh của người khổng lồ bọn tôi sẽ có kích thước bình thường hơn.” Nói đoạn ngài liếc nhìn Roland, sau đó thúc giục tha thiết, “Làm ơn nói cho tôi biết đi, các người có tin tức gì về vợ của tôi không?”

Ngài Tolemeo vội nhìn xuống. Cái thoáng nhún vai không kìm nổi của anh khiến trái tim của người khổng lồ hụt mất một nhịp.

“Làm ơn nói cho tôi đi.” Ngài Otus gằm vang. “Cho dù là tin xấu nhất.”

“Vợ của ngài đến chỗ anh trai của bà ấy, Amadis...” ngài Tolemeo bắt đầu.

“Biết rồi, biết rồi,” người khổng lồ cắt ngang. “Tôi đã nghe nói rằng bá tước Harken đang mưu đồ trở lại. Tôi tưởng bà ấy sẽ an toàn khi ở chỗ Amadis chứ. Bà ấy cho Gương Thần do cha, là nhà vua, chế ra và bà ấy đã dùng nó để... chu du.” Ngài Otus nhìn những gương mặt đang dòm mình trân trân. Có vẻ như họ không ngạc nhiên. “Các người biết về Gương Thần à?”

“Chúng tôi biết,” ngài Tolemeo xác nhận. “Và chúng tôi còn biết nó là vật mà Harken rất thèm muốn.”

Miệng người khổng lồ xệch ra thành một nụ cười cay đắng. “Tuy bá tước Harken là thầy bùa nhưng hẳn thêm thường tất cả mọi thứ do cha của anh làm ra hoặc sở hữu. Bọn chúng, Harken với đội quân quỷ lùn và côn đồ của hắn đã bao vây nhà chúng tôi. Amoret đã cố mang con chạy trốn cùng với mình, bà ấy nghĩ Gương Thần sẽ đưa cả hai mẹ con cùng đi, nhưng không hiểu sao nó lại không có tác dụng với Roland. Thằng bé rơi tóm vào vòng tay tôi khi mẹ nó biến mất. Mấy phút sau, Harken xông vào nhà chúng tôi và bắt hai cha con tôi đi. Chúng đây bọn tôi tới xứ Badlock này và suốt hai năm nay bọn tôi bị giam tại một trong vô số tòa tháp của hắn. Cách đây ba ngày tôi đã hạ gục tên quỷ lùn hung ác mang đồ ăn đến cho bọn tôi, và trong khi hắn còn đang choáng váng với cú đá của tôi thì Roland thông thái đã đẩy hắn vào tủ, khóa cửa lại.”

“Xong rồi cháu cởi dây trói cho cha,” Roland tiếp lời. “Chúng đã không biết là cháu đã trở nên lớn mạnh như vậy, chứ nếu biết thì chúng cũng xích cháu vào tường như cha cháu rồi.”

Người khổng lồ bế thốc con trai lên ôm vào lòng mình, “Bọn tôi đã đi miết từ hôm đó tới nay, nhưng thứ gió đáng nguyện rửa này kìm nín bước chân bọn tôi. Nếu bọn tôi có thể ra được bờ biển và kiếm được thuyền thì sớm muộn bọn tôi cũng tìm được vợ và mẹ. Tôi nghe nói anh vợ của tôi, Amadis, có tòa lâu đài tuyệt đẹp nằm trên một hòn đảo ở biển Tây.”

Bầu thỉnh lặng tiếp theo sau lời bình luận này sâu thẳm đến độ tưởng chừng như nó là một cái vực đen hun hút mà tâm trí của người khổng lồ không muốn chạm tới.

“Nói cho tôi biết đi,” ngài thì thào.

“Vợ anh đã chết rồi,” ngài Tolemeo nói rầu rầu. “Owain sẽ kể cho anh nghe phần còn lại bởi vì nó đã có mặt tại đó.”

Roland vùi đầu vào cổ cha, bờ vai nó run rẩy theo từng cơn nấc thẳm. Đáng lý ra ta nên biết trước việc này, ngài Otus nghĩ. Làm sao ta dám hy vọng mình sẽ né tránh được sự thật? “Kể đi!” Ngài giục.

Owain tụt khỏi tảng đá đang ngồi và trao cây đuốc cho ngài Tolêmo. Xong cậu chắc hai tay lại với nhau, nhìn thẳng vào mặt người khổng lồ và bắt đầu. “Tất cả là do bác Borlath của cháu, anh cả của vợ chú. Hẳn chú đã biết rằng bác ta là một trong những đồng minh của Harken. Bác ta đã tìm thấy hòn đảo của cha cháu và lâu đài mà cha cháu đã xây. Người ta nói đó là tòa lâu đài kì diệu nhất trên đời. Borlath muốn chiếm tòa lâu đài. Bác ta xua lính đánh thuê tới bao vây nhà cháu, nhất quyết làm cho nhà cháu phải chết đói, nhưng cha cháu có khả năng nói chuyện được với thú vật nên ông đã gọi sói, dơi, chim và chuột đến. Lũ chuột đặc biệt hữu ích khi đã ăn hết sạch kho lương của Borlath. Mùa đông tới, bọn lính đánh thuê trở nên bất mãn, đòi bỏ đi, và đó cũng là khi Borlath sử dụng đến tài phép kinh hoàng của bác ta. Cháu thấy mình rơi vào giữa trận chiến - lửa từ tay bác ta phụt ra. ”Owain giơ hai bàn tay lên, căng rộng những ngón tay để minh họa. “Chỉ trong một giây mà một vòng lửa đã bao vây chúng cháu. Cha cháu đặt cháu xuống đất và hét to: ‘Chạy đi Owain. Hãy chạy nhanh hết sức tới cái giếng và chừng nào cha gọi thì con mới được ra’. Thế là cháu chạy. Và trong khi chạy cháu ngược lên thấy một cái gương sáng chói đang bay về phía mình, thế là cháu chụp lấy, cháu nghe văng vẳng từ xa, rất xa tiếng cô Amoret gọi: ‘Nhớ đưa Gương Thần cho con trai cô’. Sau đó cháu xuống giếng ngay, có con quạ của cháu đi cùng. Nó là bạn cháu mà, chú biết đấy, và cháu nói được ngôn ngữ của nó.”

“Từ sâu dưới giếng, bọn cháu, tức là cháu và con quạ lắng nghe. Bọn cháu nghe thấy tiếng kêu hét, tiếng khóc rên, tiếng gươm khua, dao chém, tiếng giàn giáo đổ sập. Cháu nghĩ thấy mùi lửa, và mùi còn tệ hơn cả lửa”. Owain ngược đôi mắt sáng ngời lên trời, ngực cậu phập phồng lên xuống như thể đang chạt vật lấy hơi. Ngài Tolemeo đặt một bàn tay lên vai cậu, và cậu bé kể tiếp. “Rồi bỗng nhiên mọi thứ đều im bật, im như tờ, và cháu biết cha sẽ không bao giờ gọi cháu ra nữa; cháu biết cháu sẽ không bao giờ nghe được tiếng của cha. Thế là cháu tự chui lên khỏi giếng. Họ đã chết. Tất cả mọi người.”

Miệng của người khổng lồ há hốc ra, nhưng tiếng khóc căm nghẹn trong cổ họng ngài. Roland quay đầu nhìn sững vào Owain. Nỗi kinh hãi đã hút khô dòng nước mắt của nó.

Owain nói khẽ, “lúc cháu chui ra thì trời đang đổ tuyết, những bức tường lâu đài sáng lóa lên như thủy tinh, sáng đến nỗi cháu không thể nhìn thấy mặt mình trong đó”.

“Đó là thầy pháp ra tay,” ngài Tolemeo đỡ lời. “Ngài là bạn của cha tôi, ngài Mathonwy. Ngài phái những đám mây tuyết tới dập tắt lửa. Nhưng sự chi viện của ngài đến quá trễ nên đã không cứu được Amadis và Amoret. Khi sự việc này xảy ra thì tôi đang ở Toledo, thành phố của mẹ tôi.”

Owain chụp lấy bàn tay của ngài Tolemeo. “Cháu đã gửi con quạ của cháu tới tìm bác Tolemeo, kể từ ngày bác ấy đến là bọn cháu đã đi tìm chú tới tận hôm nay.” Cậu thò tay vào áo choàng của mình và rút ra một chiếc gương lồng trong khung kim loại quý. Gương Thần sáng đến nỗi như có ánh mặt trời chiếu thẳng vào mặt họ.

Người khổng lồ thở hắt, quay mặt đi. “Amoret,” ngài lào thào.

Ngài Tolemeo lấy tấm gương từ Owain và đặt vào hai tay người khổng lồ. “Hãy cầm lấy Gương Thần này, Otus Yewbeam à,” ngài nghiêm giọng. “Anh đã mất vợ nhưng anh vẫn còn con trai.”

Người khổng lồ định đáp lại thì ngài Tolemeo bắt thần quay gót, hai lỗ mũi nở loe ra, mắt quắc lên cảnh giới. “Chúng sắp đuổi kịp bọn ta,” ngài thét to.

“Tôi chẳng nghe thấy gì cả,” người khổng lồ nói.

“Cũng vậy thôi”. Ngài Tolemeo lẳng Roland lên vai. “Chúng ta chỉ còn một thoáng nữa thôi”. Ngài bắt đầu sải bước quanh bờ hồ. “Otus, nhanh lên. Chúng đến đó.”

Người khổng lồ đứng dậy, áp Gương Thần vào ngực. Ngài ngược nhìn lên miệng lòng chảo, quả thật, bọn chúng kia, một hàng bóng đen dài đang len lỏi qua những thân cây. Tiếng rống giọng mũi, dùng đục nổi lên, xoáy thốc vô lỗ tai người khổng lồ khi quỹ lùn của Harken bắt đầu tràn xuống bờ dốc. Những đôi mắt ti hí lẫn cái mồm nguếch ngoác dính khuất vào cái mũi khoằm như cục thịt thù lù. Tất cả bọn chúng mặc yếm giáp sắt xếp vẩy, màu xám xịt che bộ ngực và đội mũ sắt chớp cao, trông lố bịch để giấu cái đầu gồ bườ. Khí giới chúng mang theo gồm dùi cui, thương, giáo và những cây giăng ná chết người. Đàng sao chúng là một đám quân gớm ghiếc, không phải quỹ lùn cũng không phải người.

Người khổng lồ vọt chạy. Đôi chân dài của ngài dễ dàng phóng qua khỏi những cụm đá lồi chồm bên thành hồ. Ở phía trước, ngài còn kịp thấy gương mặt nhỏ xíu của Roland lộ ra khỏi vai ngài Tolemeo ngoái nhìn lại. “Chạy đi, cha, chạy mau,” chú bé gọi to.

Tiếng rống của lũ quỹ lùn tràn lấp lòng chảo. Đá và thương phóng rào rào xuống từ đủ mọi hướng, giờ thì người khổng lồ biết họ đã bị vây kín.

“Bá tước đang nổi giận,” một giọng khàn khạt rống vang. “Ngài đã trừng phạt tao vì mày trốn thoát, Otus Yewbeam. Nên bây giờ đến lượt tao trừng phạt mày.”

Người khổng lồ nhận ra đó là Ngón Cái Dị, đầu sỏ đội lính canh của Harken. Hắn to xác hơn những đứa khác, với bộ mặt xám ngoét như xác chết, nhưng đặc điểm khiến hắn nổi bật lên tất cả là ngón cái trên bàn tay phải - to xù, u máu, chề bè, rộng hơn cả lòng bàn tay hắn.

Ngài Otus né một hòn đá bắn ra từ bộ giăng ná của Ngón Cái Dị.

“Gương Thần, cha.” Roland hét. “Dùng Gương Thần để tự cứu mình đi cha. Chắc chắn mẹ đã mong ước điều đó”.

Ngài Tolemeo dừng chạy, ngoái gọi lại: “Đúng vậy, Otus. Hãy đưa Gương Thần cho chúng. Vậy sẽ làm chậm bước chúng. Tôi sẽ cứu con trai anh, nhưng anh phải tự lo lấy.”

“Hãy cứu Roland,” người khổng lồ thét. Ngài thấy Gương Thần lên trời cao. Tất cả những cái mặt quỹ lùn đồng loạt ngẩng lên kinh hãi và chết trân khi vòng ánh sáng rơi cuồn cuộn xuống đất, phát ra những tia sáng chói lói xuyên qua những đôi mắt yếu ớt của chúng, làm mất chúng lòa trong một thoáng.

Một tiếng rú đau đớn và điên cuồng bùng lên. Gương Thần rút phạch trúng chân Ngón Cái Dị. Hắn có thể cảm nhận sức nặng của Gương Thần nhưng không thể nhìn thấy nó.

“Tạm biệt, Otus!” Ngài Tolemeo gọi.

Người khổng lồ quay lại.

Ngài Tolemeo đang bay lên khỏi mặt đất, với Roland và Owain tóm chặt lấy hai tay ngài. Cao lên, cao lên nữa. Khi họ bay qua lòng chảo, tấm áo chùng lông chim tung phấp phật quanh họ, trong khi mặt nước hồ đen bị quạt gợn sóng theo làn gió. Khi họ bay lên khỏi những ngọn cây viền quanh hồ, hai cái cánh xò ra phía sau ngài Tolemeo. Ngài lướt không khí phẳng phẳng, nằm ngang ra như người đang bơi đồng thời với đôi cánh quạt một cách trang nhã trên linh. Có lẽ ngài là con chim to lớn nhất từng bay qua bầu trời đầy sao, đó là chưa tính tới hai thân hình nhỏ xíu đang bám lấy ngực ngài.

Một nụ cười mãn nguyện giãn ra trên gương mặt ngài Otus Yewbeam, và trong những năm tháng dài cô độc về sau này, nụ cười đó thỉnh thoảng vẫn lặp đi lặp lại biết bao lần mỗi khi người khổng lồ hồi tưởng lại khoảnh khắc ấy.

Lũ quỷ lùn đã hồi phục thị giác. Chúng lao xuống hồ, vung dùi cui, găm gờ chữ rửa. Người khổng lồ biết có chạy cũng vô ích. Ngài thấy Ngón Cái Dị đã nhặt Gương Thần lên. Rốt cuộc thì cái bóng sẽ có được vật mà hắn muốn.

2. Chương 02 - Phần 1

Kiện hàng trong tầng hầm

“Ê, tụi mèo đẹp!”

Trong hành lang nhà số 9, đường Filbert, có một thằng nhóc đứng ở chân cầu thang. Trông nó vừa gầy guộc vừa quắt queo. Cào mớ tóc nâu nhạt rồi bù xòa trước mặt, nó thè lưỡi ra. “Những con mèo lửa! Người ta gọi tụi bay như thế đó phải không?”

Ba con mèo đang ngồi trên gióng cầu thang phía trên chiếu nghỉ, quắc mắt dòm xuống. Minh chúng khoác những bộ lông rực rỡ: màu đồng, màu cam và màu vàng. Con màu cam rít khè lên; con màu vàng giơ chân trước xòe rõ những móng vuốt nguy hiểm; con màu đồng gừ lên một tiếng đầy đe dọa.

“Sao tụi bay không thích tao? Tao thông minh hơn tụi bay. Cứ chờ đi,” thằng bé giơ nắm đấm lên, “rồi có ngày tụi bay sẽ phải hối hận”.

Cánh cửa đằng sau nó xịch mở và một giọng chói lói cất lên “Eric, mày đang làm gì đó?”

“Lại xem này.”

Hai người phụ nữ bước vào hành lang. Nếu như không có hai mươi năm cách biệt giữa họ thì chắc hẳn là họ giống nhau y đúc. Cả hai đều cao lớn, mắt đen, với cái miệng nhỏ lúc nào cũng mím lại và cái mũi dài nhọn hoắt. Có điều, trong khi tóc bà này trắng như màu của khúc xương thì tóc bà kia đen như cánh quạ.

“Nhìn ki..a..a!” Eric chỉ lên chỗ ba con mèo.

Người phụ nữ già phọt ra một tiếng gừ đặc tịt trong cổ họng. “Chúng làm gì ở đây? Tao đã cấm tiệt chúng rồi mà.”

Người phụ nữ trẻ hơn, mẹ kế của Eric, túm lấy bàn tay nó giật xệch lại, “Tao đã bảo mày không bao giờ được lại gần lũ thú đó mà.”

“Con lại gần tụi nó hồi nào” Eric cãi. “Con ở đây còn tụi nó ở trên đó chứ bộ. Với lại tụi nó đâu có cắn con”.

“Cắn chứ sao không,” bà dì ghẻ vặn lại. “Chúng là thú hoang.”

“Với trái tim báo,” bà chị để thêm vào. Xong cất cao giọng mụ ta gọi ầm lên, “Charlie! Charlie Bone, ra đây ngay.”

Một cánh cửa trên lầu bật mở, và thoáng cái, một thằng bé tóc bù xù nhoài người qua lan can. Con mèo vàng bước đi tới gần cậu và cọ cái đầu vô cánh tay cậu. Hai con mèo khác nhảy xuống chiếu nghỉ và cũng cạ vòng tròn quanh chân cậu.

“Gi vậy, nội?” Charlie vừa vuốt đầu con mèo vàng vừa ngáp.

“Đồ lười chảy thây!” Bà nội nó cấm cản. “Mày vẫn còn ngủ à?”

“Đâu có.” Charlie bực bội đáp lại. “Cháu đang làm bài tập về nhà.”

“Mày đã cho lũ mèo vô nhà phải không?”

“Chúng không gây hại gì đâu,” Charlie nói.

“Gây hại thôi á?” Đôi mắt đen của nội Bone trợn lên giận dữ. “Chúng là lũ thú nguy hiểm nhất thành phố này, mau đuổi chúng ra”.

“Xin lỗi nha Nhân Mã.” Charlie nhắc con mèo vàng ra khỏi thanh gió. “Xin lỗi nha Dương Cưu với Sư Tử,” nó nói với lũ mèo đang vờn quanh chân nó. “Nội Bone bảo các bạn phải đi đi”.

Cho dù cách phát âm hay kiểu nhả chữ của Charlie không rõ ràng nhưng xem ra lũ mèo biết chính xác nó đang nói gì. Chúng đi theo Charlie vô phòng ngủ của Charlie, khi Charlie mở cửa sổ, chúng nhảy ra, từng con một chui qua cành cây dễ thò vô sát bậc cửa.

“Hẹn gặp các bạn ở quán cà phê Thú Kiểng nha.” Charlie gọi với theo khi những con mèo lửa nhảy xuống vỉa hè. Chúng đồng thanh meo lên một tiếng, nhất loạt phóng đi khiến cho một con chó bên kia đường dừng sững lại.

Charlie mỉm cười, đóng cửa sổ lại. Quay trở ra chiếu nghỉ, nó thấy bà nội, bà cô Venetia và Eric vẫn còn đang đứng nhìn chằm chằm lên.

“Chúng đi rồi à?” Nội Bone hặc hỏi.

“Dạ, nội.” Charlie uể oải.

Vừa lúc thì người phụ nữ thứ ba xuất hiện từ phòng khách. Nét mặt góc cạnh và búi tóc xám to sụ khiến nhìn vô ai cũng chắc chắn bà này có liên hệ máu mủ với hai bà kia. Đúng vậy thật, đấy là bà cô Eustacia của Charlie. Mụ ta khệ nệ ôm một vật hình chữ nhật, đẹp, bọc trong giấy màu nâu. Vật đó dài chừng mét rưỡi và rộng gần một mét.

Charlie thừa biết dù cho nó có lên tiếng hỏi về kiện hàng đó thì cũng chẳng ích chi. Thế nào câu trả lời cũng sẽ là không phải việc của nó. Nhưng nó có thể đoán được vật đó là cái gì. Trong bụng nó bỗng nổi lên nỗi phấn khích không sao kìm nén nổi.

“Mày nói cái gì?” Bà cô Eustacia gầm gừ Charlie.

“Đi làm bài tập ngay.” Nội Bone ra lệnh.

Cái miệng mỏng quẹt của Eric nhếch ra thành một nụ cười thật khó chịu. “Tạm biệt, Charlie Bone!”

Charlie chẳng thèm đáp lại. Nó trở vô phòng và đóng cửa lại tạo ra một tiếng sầm rõ to. Nhưng rồi thì, lẳng lặng hết sức, nó mở cửa ra, he hé chút thôi. Nó muốn biết cái gì đang diễn ra với món đồ mà bà cô Eustacia khiêng tới. Rõ ràng đó phải là một bức tranh.

Đã hai năm trôi qua kể từ ngày Charlie phát hiện ra tài phép dị thường của mình. Cái ngày mà nó tự dưng nghe thấy những giọng nói phát ra từ một bức hình. Để rồi những năm tháng sau sự kiện đó Charlie thấy mình chu du vô hình chụp, nói chuyện với những người đã chết hàng bao năm trước. Sự việc tương tự cũng diễn ra khi nó tập trung nhìn vô tranh vẽ: nó có thể gặp những đồ vật trong những bức vẽ cổ, gặp cả những con người đã sống cách đây nhiều thế kỷ. Thường thì Charlie cố tránh những trường hợp như vậy - đi vô quá khứ là một chuyện, rời khỏi đó là chuyện khác. Một hay hai lần nó đã may mắn thoát ra được.

Chả hiểu sao mà cái vật hình chữ nhật bọc giấy nhẵn nhúm màu nâu kia lại khuấy động trí tò mò của Charlie dữ dội. Nó áp tai vô khe cửa, lắng nghe.

“Sao cô lại mang nó tới đây, ta không thể tưởng tượng được,” tiếng bà nội nó vỡ rạn ra vì giận dữ.

“Tôi đã nói với chị rồi,” bà cô Eustacia rít chặt. “Tầng hầm nhà tôi bị ẩm ướt.”

“Thế thì treo nó lên tường.”

“Tôi không thích vậy.”

“Vậy thì đem nó cho...”

“Ấy đừng nhìn tôi thế,” bà cô Venetia giãy nảy. “Nó khiến tôi rợn tóc gáy.”

“Mụ ta bắt tôi phải nhận,” bà cô Eustacia cáu kỉnh. “Con mẹ Tilpin đó không phải là người cho ta cái cọ.”

Charlie suýt nghẹn thở. Nó chưa hề nghe nói đến mẹ Tilpin kể từ dạo đó. Có thời mụ ta là cô giáo dạy nhạc khá xinh đẹp được gọi là cô Chrystal, nhưng chưa ai thấy mặt mụ kể từ này mụ bị lộ chân tướng là phù thủy.

“Bọn họ còn lâu mới giữ nó ở trường,” bà cô Eustacia re ré tiếp. “Ngay cả Ezekiel cũng cảnh giác với nó. Lão bảo nó đánh cắp ý nghĩ của lão, nó hút ý nghĩ của lão như nam châm... Chính miệng lão nói vậy đấy.”

“Joshua Tilpin là nam châm.” Eric chen vào.

Đi ghê của nó khẩy ra một tiếng cười khô khốc “Hừ! Con trai của phù thủy. Cũng một giuộc cả thôi.”

Tới đây thì cả ba bà già cũng tranh nhau nói một lúc, Charlie chẳng thể phân biệt được bà nào nói cái gì, nhưng hình như là cuối cùng nội Bone phải đồng ý cho phép bức tranh, hay bất kể nó là cái gì, được cất dưới tầng hầm nhà họ. Nói cho ngay, đó không phải là tầng hầm của họ, bởi vì họ chia chung ngôi nhà này với ông cậu của Charlie, ông cậu Paton. Charlie và bà ngoại nó, ngoại Maisie, được phép sống chung ở đây cho tới khi ba mẹ Charlie đi nghỉ tuần trăng mật lần thứ hai về, và khi “Góc Kim Cương”, nhà của ba mẹ nó, được sửa xong.

Thế là bắt đầu một xâu chuỗi những tiếng lịch kịch, lộp bộp rồi tới những tiếng gắt gỏng, có lẽ là khi bức tranh được khiêng xuống tầng hầm. Cuối cùng, cửa tầng hầm đóng lại, sau đó thêm một hồi bàn cãi, lăm răm và lách cách nữa thì nội Bone cùng hai bà em với Rirc rời khỏi nhà.

Charlie ráng chờ ở trong phòng nó cho tới khi nghe tiếng tắt cả mọi người nện vô chiếc xe của bà cô Eustacia. Thêm vài tiếng nổ máy hụp cùng một tiếng gài số xe cái rẹt, đinh ốc nữa thì chiếc Ford già nua lao đảo lao xuống đường.

Cổ đợi cho năm phút nữa trôi qua, Charlie lên ra khỏi phòng và đi xuống lầu. Xuống tới tầng hầm nó thấy cửa đã khóa. Hèn là Charlie biết tất cả chìa khóa được cất ở đâu. Nó đi vô nhà bếp, kéo ghế cặp sát cái tủ đựng chén đĩa. Đứng kiễng chân hết cỡ, nó với lấy cái hũ màu xanh da trời trang trí hình những con cá vàng.

“Con làm gì mà leo lên đó?” một giọng nói cất lên.

Charlie khựng lại. Chiếc ghế trơn trành. Charlie hét lên hét hồn. Cổ giữ thẳng bằng. Nó đã không nhận thấy ngoại Maisie đang hí húi quần áo ra khỏi máy giặt ở góc bếp.

“Ngoại Maisie, ngoại theo dõi con à?” Charlie dằn dỗi.

Ngoại Maisie đứng thẳng người lên. “Ta còn nhiều việc hay hơn để làm, cậu trẻ à.”

Bà ngoại của Charlie khác hẳn nội Bone một trời một vực. Ngoại Maisie không cao hơn Charlie là mấy, lại đang phải đánh vật với vấn đề giảm cân. Giữ chân đầu bếp của gia đình thì việc này không hề dễ dàng tí nào.

“Hừm,, bà tự hỏi tại sao con lại lấy mấy cái chìa khóa đó?” Gương mặt tròn xoe của ngoại Maisie trông rất tếu khi bà làm mặt nghiêm. Thậm chí nhíu mày cũng là cả cố gắng đối với bà. “Đừng chối nhé. Ở trên đó đâu có gì khác khiến cho con quan tâm.”

“Con nghĩ bà cô Eustacia vừa mới mang một bức tranh tới cất dưới tầng hầm.”

“Mẹ ta cất ở đó thì sao?”

“Con... ờm, con chỉ muốn... bà à, nhìn nó một cái.” Charlie tóm vội cái hũ hình cá vàng và lôi ra một chiếc chìa khóa to phành, gỉ sét.

Ngoại Maisie lắc đầu. “Không phải ý hay đâu, Charlie.”

“Sao vậy ngoại?” Charlie đẩy cái hũ vô chỗ cũ và nhảy xuống khỏi ghế.

“Con biết bọn họ rồi còn gì,” ngoại Maisie nghiêm nghị. “Mấy bà cô nhà Yewbeam đó luôn luôn tìm cảnh phỉnh lừa con. Bộ con nghĩ bọn họ không biết con sẽ bị dụ phải xuống nhìn xem... nó là gì ư?”

“Họ không biết con đã nghe trộm đâu, ngoại Maisie.”

“Hừ!” ngoại Maisie lăm bằm. “Đảm bảo họ biết chứ sao không.”

Charlie vờ về chiếc chìa khóa trong những ngón tay. “Con chỉ muốn nhìn bên ngoài xem hình thù nó thế nào thôi. Con không bóc giấy bọc ra đâu.”

“Không ư? Coi này, Charlie, ba mẹ con đang xem cá voi ở đầu kia thế giới. Nếu có gì xảy ra với con thì bà biết ăn nói thế nào...?”

“Sẽ chẳng có gì xảy ra cho con đâu.” Trước khi ngoại Maisie kịp nói thêm lời nào thì Charlie đã xăng xái bước ra khỏi nhà bếp, đi dọc theo hành lang xuống tầng hầm. Chiếc chìa khóa xoay cái một trong ổ khóa - dễ đến ngạc nhiên. Nhưng ngay khi cánh cửa thấp mở ra, Charlie bỗng có cảm giác chắc chắn rằng sẽ có gì đó xảy ra với mình. Không nghi ngờ gì, nó có thể cảm thấy một cú giật nhẹ nhưng dứt khoát, hút nó xuống cái cầu thang gỗ kêu cọt kệt, và xuống, xuống nữa, cho tới khi nó đứng trong bóng tối lạnh lẽo của tầng hầm.

Gói hàng đã được dựng tựa vô tường, giữa một tấm đệm cũ và một bộ cọc treo màn gió gỉ sét. Charlie không chắc, nhưng hình như nó nghe thấy có một tiếng động nhẹ từ bên dưới lớp giấy bọc nhàu nhĩ phát ra.

“Không thể nào!” Charlie túm lấy tóc. Điều này trước đây chưa bao giờ xảy ra. Đáng lẽ nó phải thấy mặt người trước rồi mới nghe thấy âm thanh chứ. Nhưng tiếng động này vọng tới từ cái gì ngoài tầm mắt nó. Khi nó nhích về phía gói hàng, một tiếng rít ù ù vụt qua tai nó.

“Gió chắc?” Charlie vươn một tay ra.

Khi nó vừa chạm vô thì lớp giấy bọc liền kêu loạt soạt. Nguyên cả kiện hàng đột nhiên sống động hẳn lên và Charlie lưỡng lự. Nhưng cái giấy nghi ngại đó lập tức bị lấn át bởi trí tò mò đang bốc ngùn ngụt trong nó, thế là nó bắt đầu xé toạc giấy gói ra. Những mảnh giấy bay tốc lên không, được nâng đỡ bởi những ngón tay luống cuống của Charlie, rồi một thứ gió bất tự nhiên, đổ ai biết từ đâu thổi ra.

Bức tranh thậm chí không cần phải đợi đến lúc được mở lộ hết ra. Lâu trước khi những chỗ góc được gỡ giấy bọc, một khung cảnh rộn người bắt đầu thẩm vô tầng hầm âm u. Sao lại có sự việc như thế này xảy ra? Charlie hoang mang. Nó chờ đợi cái cảm giác lộn nhào quen thuộc vốn thường trấn áp nó khi đi chu du vô tranh ảnh. Việc này chưa từng có. Nó ngây dại nhìn khi những bức tường gạch của tầng hầm bị nuốt chửng bởi một khung cảnh núi non ở đẳng xa. Những ngọn tháp cao, đen thui xuất hiện ở cận cảnh; một ngọn tháp sà vô gần đến nỗi Charlie có thể ngửi thấy mùi rêu ẩm bám trên những bức tường. Những sinh vật xấu xí có vẩy chạy lúp xúp trên mặt tháp, dùng khựng lại một thoáng, ngó trân trối vô Charlie bằng những đôi mắt lấp lóe nguy hiểm.

Chắc là ảo ảnh, Charlie tự nhủ. Nó vươn tay ra... Và chạm vô cái sống lưng có gai cứng như sừng của một trong những con vật màu đen trông như con cóc đó. “Áá!” nhảy phắt ra khỏi con vật, Charlie trượt chân ngã bật ngửa. Bên dưới lưng nó thấy sỏi đá lẫn sẵn dính cỏ trơn nhầy, màu đen xám. Phía trên nó là những đám mây màu tím trôi vù vù qua bầu trời màu tro, xung quanh nó gió thét gào và đâm sầm sập, hú hét và thổi dài.

“Vậy là mình đã đến nơi đó.” Charlie đứng dậy phủi lưng. “Cho dù nơi đó là nơi đâu.”

Giữa những chập ngừng chớp nhoáng, khi gió chỉ còn rên rĩ, Charlie có thể nghe thấy tiếng những bước chân nặng nề và những tiếng nói đục nhè nhẹ. “Nó ở đây. Tao có thể ngửi thấy mùi của nó,” một cái giọng nổi rõ rệt lên.

“Nó là của tao.” Cái giọng này nhờn nhớt hết như nước trong bồn chứa đặc sệt bát chén dơ. “Tao biết cách bắt nó.”

“Ngón Cái Dị biết,” một đàn đồng thanh chói tai, dùng đục tiếp theo sau.

Charlie lùi vòng qua tòa tháp, núp khi tiếng chân bước rầm rộ tới gần. Xem ra không có cửa sổ trong tòa nhà này và Charlie vừa mới chợt nghĩ rằng cửa lớn cũng không có luôn thì bất ngờ, nó bị tóm ngang thắt lưng rồi bị nhấc bổng lên không. Một nắm tay khổng lồ up vô miệng nó và một giọng ghé sát tai nó, thì thào, “Cậu bé, mạng sống của mi phụ thuộc vào sự im lặng của mi.”

Choáng sóc và á khẩu, Charlie bị troe đánh đu giật lùi qua một cánh cửa để mở rồi được đặt xuống. Nó thấy mình ở trên bậc thấp nhất của một dãy cầu thang đã hình xoắn ốc hướng đi lên cho tới khi biến mất vô bóng tối.

“Lên đi,” giọng nói đó thì thào, “nhanh hết sức đôi bàn chân mi có thể.”

Charlie leo lên những bậc thang đá, tim đập loạn xạ. Lên, lên và lên tiếp, không bao giờ dừng lại cho tới khi nó tới một cánh cửa ở bậc trên cùng. Charlie đẩy cửa mở và bước vô căn phòng phía bên kia. Một cửa sổ hẹp, cao trổ trên tường tỏa ra thứ ánh sáng u sầu xuống đồ đạc lều tều bên dưới, một cái giường dài nhất Charlie từng thấy, một cái bàn cao nhất, cái ghế cao nhất, và... lẽ nào đó là một chiếc thuyền, treo trên tường? Nó quay phắt lại khi chủ nhân của căn phòng khom người chui qua rầm đồ cửa bước vô, đóng cửa, khóa lại.

3. Chương 02 - Phần 2

Charlie trông thấy một người khổng lồ hoặc một người gầy giống khổng lồ nhất mà nó từng thấy. Tóc của ngài ấy trắng như cước, cuộn lại thành búi phía sau đầu, và một chòm râu cầu kỳ trắng như tuyết, dài xuống gần chấm thắt lưng. Ngài mặc áo vải thô bên trong, bên ngoài choàng áo gi-lê bằng da và quần len màu nâu buộc túm dây ở mắt cá.

Người khổng lồ đặt một ngón tay lên miệng và rồi gơ tay lên đẩy mở một ô ván tường nhỏ, cài giữa những rui nhà. Không một lời, ngài nhắc Charlie lên khoảng không gian tối om vừa lộ ra. Charlie lặn người và ô ván lập tức trở về vị trí cũ, bỏ lại nó trong một cái hố bí bưng tối thui, với hai đầu gối thu lu áp vô ngực và cánh tay ôm vòng lấy chân.

“Chúng sẽ không tìm thấy mi đâu, tin ta đi,” người khổng lồ thì thầm, đầu ngài có lẽ chỉ cách bên dưới rui nhà chừng ba tấc.

Có một lỗ nhỏ ở ngang tầm tai Charlie, và khi quay đầu qua nó có thể nhìn thẳng xuống căn phòng bên dưới. Nó vừa loay hoay tìm thế ngồi xong thì nghe thấy tiếng lao xa lao xao dội âm lên cầu thang.

“Otus Yewbeam, người có ở trên đó không đấy?”

“Người có thấy thằng bé không?”

“Người bắt nó rồi hả?”

“Nó là của bọn tao.”

“Của tao,” giọng gằn đặc của Ngón Cái Dị. “Tất cả đều là của tao.”

Một rừng nắm đấm và dùi cui bắt đầu nện ầm ầm vô cánh cửa.

“Kiên nhẫn nào, bọn lính,” ngài Otus nói giọng ra. “Ta đang ngủ.” Chỉ một bước ngài đã ra tới cửa, rồi vừa thở dài sườn sượt không biết bao nhiêu lần vừa khua dây xích loảng xoảng, ngài mở cửa ra.

Một bầy sinh vật xấu xí, lùn cục trăn vô, vây ập lấy người khổng lồ. Chúng đeo miếng giáp ngực bằng kim loại chồng lên lớp áo da không tay, vá vúi, còn đầu thì bị rọ trong mũ giáp kim loại trông hết như mũ chóp cao. Rìu, dao, giăng ná, và dùi cui treo lủng lẳng bên thắt lưng, mặc dù có vài đứa đeo cung trên lưng, với ống tên đầy ắp mũi tên bóng nhoáng. Hầu hết bọn này đều thấp hơn thắt lưng người khổng lồ, nhưng có một tên, coi bộ còn bự xác hơn cả bọn, cao gần bằng Charlie. Lẽ nào tên này giống bức tượng thần lùn bằng đá đã từng đặt ngoài cửa ngôi nhà u ám của bà cô Venetia?

“Sao người khóa cửa ngăn bọn ta?” Tên to lớn hặc hỏi.

“Không phải ngăn bọn người, Ngón Cái Dị,” người khổng lồ đáp, “mà là ngăn lũ vấy cóc.”

“Vấy cóc!” Ngón Cái Dị nhổ nước bọt phì phì.

“Lũ vấy cóc phá hoại phát sợ,” ngài Otus cần nhắc. “Nhiều ngày chúng ăn hết bánh mì của ta trong khi ta ngủ.”

“Láo.” Ngón Cái Dị nói. “Bọn vấy cóc không thể mở khóa cửa giỏi hơn một tên nhóc. Người đã bắt nó rồi, tao biết.”

“Ai?” Người khổng lồ hỏi lại với giọng trầm trầm.

“Thằng nhóc,” một trong những sinh vật nhỏ hơn nạt nộ. “Nó ở đây. Thợ Canh đã thấy nó đi khỏi. Phải bắt nó, theo chỉ thị của bá tước.”

“Thầy bùa,” tên ở bên cạnh hắn hòa theo.

“Ếm bùa,” bọn khác đồng thanh.

Có một tiếng cọt két thật lớn vang lên khi ngài Otus đổ rầm người nằm xuống chiếc giường. Giờ thì ngài đã ra khỏi tầm nhìn của Charlie, mặc dù nó vẫn thấy một bàn chân dài quần da thuộc của ngài.

“Những chú lính đáng kính, ta không thấy một thằng nhóc nào cả,” người khổng lồ nói. “Không tin thì lục soát đi nếu các chú phải thế.”

“Đương nhiên bọn ta sẽ khám,” Ngón Cái Dị lầu bầu. “Dậy, tên khổng lồ.”

Người khổng lồ vẫn không nhấc mình khỏi giường khi Ngón Cái Dị và lính gác của hắn lật úp cái giường. Chúng chém ga trải giường, moi nệm rơm, chọc ống khói, lôi củi đang cháy dở ra khỏi lò sưởi và nạy ván sàn. Cuộc truy quét điên cuồng kéo dài chưa đến mười phút thì, từ chỗ núp của mình, Charlie thấy một đồng tro và rơm chết un lên, cùng với mảnh sành vỡ và những mẩu bánh mì.

“Đuôi trụi!” Một tên lính đột ngột ré om xòm.

Charlie không thể thấy hắn vừa lục trúng cái gì. Chắc hẳn thứ đó ở đầu kia căn phòng.

“Tham lam, tham lam,” Ngón Cái Dị bắt bình. “Những sáu con đuôi trụi cho bữa sáng à, Otus?”

“Ta là người khổng lồ,” ngài Otus thở dài.

“Bọn tao sẽ để lại một con... nhỏ nhất.” Ngón Cái Dị nói một cách hằn học.

“Cảm ơn,” ngài Otus bảo.

Một tên lính có cái mặt đầy mụn cơm bước vô và đứng ngay chốc lỗ nhòm của Charlie. “Không có thằng nhóc ở đây, thưa Tướng Quân,” hắn báo cáo. “Có lẽ ở trong rừng?”

“Không nhóc à? Không nhóc.” Ngón Cái Dị bước xà quần trong căn phòng. Hắn dừng lại bên cạnh tên mặt mụn và ngó lên.

Charlie thấy mình trở mặt dờm vô một con mắt xám lạnh đá. Nó không dám chớp mắt. Nó không dám thở. Con mắt nó thốn đau khi phải cố giữ cho mắt mở to mà không dao động. Ngón Cái Dị có thấy nó không? Hắn có linh cảm gì về sự hiện diện của Charlie, đang nằm chèo queo phía trên? Một cơn buồn hắt xì ập đến choán giữ Charlie. Nó mím chặt hai môi, từ từ giơ những ngón tay lên mặt và kẹp chặt lấy mũi.

“Những sinh vật đáng sợ ở trên đó,” tên mặt mụn cơm lào thảo. “Chắc là bạch dơi. Bọn ta rời khỏi đây mau, thưa Tướng Quân.”

“Bạch dơi?” Ngón Cái Dị xoa xoa cằm bằng ngón cái quái gở, to bằng cả bàn tay của hắn. “Người có bạch dơi không Otus?”

Charlie hầu như không nín được một cái thở hắt.

“Đáng buồn là có,” người khổng lồ đáp. “Chúng cướp giấc ngủ của ta.”

Ngón Cái Dị cụp đầu xuống và buột ra một tràng cười khùng khục, độc địa. Giây sau cả căn phòng tràn ngập tiếng cười lục đục khi bọn lính hòa theo tướng của chúng. Tr tràng cười tập thể xốn óc im bất ngay khoảnh khắc Ngón Cái Dị ngậm cái miệng lại. Không một lời nào nữa, tên đầu sở hù hỏ cút đi khỏi, theo sau là đoàn quân của hắn.

Charlie lắng nghe tiếng chân rầm rập đi xuống cầu thang. Cánh cửa ở chân tháp kín mít đóng lại và bọn lính bắt đầu tràn ra đường. Charlie nín thở chờ. Nó không dám nhúc nhích, sợ tên lính nào đó vẫn còn nán lại trong phòng bên dưới. Nó có thể nghe thấy tiếng ngài Otus dọn dẹp phòng sau khi vụ đột nhập ầm ĩ trôi qua.

Rất lâu sau khi những bước chân đi xa hẳn, người khổng lồ bắt đầu cười lên với Charlie. “Mi an toàn rồi, cậu bé. Đừng phải sợ, ta sẽ đưa người xuống.”

“Cảm ơn ngài,” Charlie nói giọng khản đặc.

Người khổng lồ gỡ tấm ván ra người bảo, “Bước lên vai ta này”. Ngài khuỳnh hai cánh tay và Charlie thò hai chân qua cái lỗ. Ngài Otus nhẹ nhàng hạ Charlie xuống và đặt nó lên giường ngài.

Charlie vịn vẹo đôi vai đau nhừ và xoa xoa cánh tay. “Cháu không biết thế nào mà cháu lại ở đây.”

Người khổng lồ kéo một cái ghế lại gần giường và ngồi xuống. Ngheo đầu qua bên, ngài nhìn Charlie chăm chú với vẻ dò hỏi. “Tên mi?”

“Charlie Bone, thưa ngài.”

”Mi là người chu du phải không?

“Đạ... phải, thỉnh thoảng. Cháu có thể đi vô hình chụp, hình vẽ.” Quan sát cái nhú mảy khó hiểu của người khổng lồ, Charlie nói nhanh “Hình chụp rất khó giải thích, nhưng cháu nghĩ ngài biết hình vẽ là gì.” Người khổng lồ gật đầu. “Nhưng sao lần này rất khác... phép chu du của cháu, ý cháu là vậy. Lần này có một bức vẽ... hình như chụp bắt cháu.”

“Ừm,” người khổng lồ lại gật đầu. “Vợ ta có một tấm gương có thể giúp bà ấy chu du.”

“Gương Thần ạ?” Charlie phấn khích. “Tổ tiên cháu, bà Amoret có một tấm Gương Thần. Nó gây ra nhiều rắc rối. Có kẻ muốn lấy nó... Một thầy bùa.”

“Amoret là vợ ta!” Nắm tay khổng lồ của người khổng lồ chộp lấy bàn tay Charlie. “Tên ta là Otus Yewbeam.”

“Thế thì... ngài cũng là tổ tiên của cháu.” Ánh mắt Charlie trượt khắp thân hình cao lớn của người khổng lồ, từ đỉnh đầu tới bàn chân dài. “Có lẽ cháu còn to cao nữa cho mà coi.”

Người khổng lồ mỉm cười. “Ngay từ bé ta đã cao thế này rồi.” Ngài giơ bàn tay lên cao khỏi mặt đất chừng hơn một mét tám.

“Ồ.” Charlie ỉu xiu.

“Thế kỷ của mi là gì?” Ngài Otus hỏi.

“Ồm... thế kỷ hai mươi mốt.” Charlie nói, sau một hồi suy nghĩ.

“Tức là cách đây hơn chín trăm năm”.

Charlie nhướn mày. “Cháu không biết. Cháu không bao giờ đi vô quá khứ theo cách này. Cháu đang nhìn vô một bức tranh, cháu thấy núi và những tòa tháp, nhưng không có người, rồi thì, bất thành linh tất cả cảnh này hiện ra xung quanh cháu.”

“Hắn rất mạnh,” ngài Otus nói rành rọt. “Hắn muốn mi ở xứ Baclock.”

“Ai ạ?”

“Bá tước, thầy bùa, cái bóng xứ Badlock - hắn có rất nhiều tên. Hắn đã bắt ta đến nơi này làm tù nhân từ cách đây hai mươi năm, khi vợ ta trốn tới lâu đài của anh bà ấy.” Đôi mắt to của người khổng lồ mờ đi một thoáng, và ngài ngược nhìn vàng sáng mờ trong khung cửa sổ. “Hắn muốn bắt Amoret. Hắn muốn bắt tất cả những người con của Vua Đỏ. Hắn đã chiếm được năm đứa dễ dàng, đã dắt díu họ bước đi trên con đường tội ác. Những người khác - Amadis, Amoret, Guanhamara, Petrello và Tolemeo - thì trốn khỏi bạo ngược. Chính Tolemeo đã cứu con trai Roland của ta, và chính vì lẽ đó mà cái bóng trừng phạt ta. Lính của hắn tận hưởng sự tra tấn. Bây giờ chúng chấp nhận cho ta hối lộ để được yên thân. Ta gần như bị lãng quên rồi.”

Charlie nhắc lại cho người khổng lồ nhớ rằng hôm nay bọn lính đã không buộc ngài phải hối lộ cho yên thân. “Cháu đã đưa ngài vô nguy hiểm,” nó nói. “Nếu bọn chúng mà bắt được cháu thì...?”

“Không,” người khổng lồ nhiệt thành cúi người về trước. “Chúng sẽ không bắt được mi đâu.” Ngài đứng lên và sải bước ra chỗ lò sưởi choán một bức tường rộng. “Giờ thì chúng ta sẽ ăn đuôi trĩu nhé, cậu bé.”

“Dạ, tốt ạ.” Một thoáng lo âu pha lẫn trong giọng nói của Charlie. Đuôi trĩu là cái gì, nó thối mốc.

Người khổng lồ mở một cánh cửa nhỏ ăn vô trong tường và lôi ra một sinh vật trông như con chuột đen có cái đuôi dài thườn thượt, không lông. “Chỉ còn có một con,” ngài Otus thở dài. “Nhưng sẽ đủ.”

Bụng Charlie thắt lại. “Nếu đó là đuôi trĩu, thì bạch dơi là gì?”

Ngài Otus bật cười. “Chúng là thứ mà chúng ta, trên thế giới của chúng ta, được biết đến là con dơi, nhưng bạch dơi trắng như tuyết. Dân Badlock tin rằng chúng là ma. Nhưng ta thì không sợ chúng.”

“Cháu cũng không sợ.” Charlie lên liếc nhanh về phía người khổng lồ. Ngài Otus đang lột da con đuôi trĩu và, hy vọng đó là việc nó không bao giờ phải làm, Charlie vội ngoảnh mặt đi. “Ngài có bao giờ cố tìm đường về nhà không?” Nó hỏi người khổng lồ.

Ngài Otus cười buồn bã. “Anh của vợ ta, Tolemeo, đã cố cứu ta lần thứ hai, nhưng Ngón Cái Dị và bọn côn đồ của hắn đã bắt bọn ta. Tolemeo may mắn thoát đi được. Và lại sau khi biết vợ ta đã chết, ta chẳng còn quan tâm cuộc đời ta sẽ chấm dứt như thế nào và chấm dứt ở đâu nữa.”

Charlie sức nhớ lại hình ảnh lướt qua của một phụ nữ đẹp tuyệt trần, mỉm cười ra từ một bức tường gương, và thế rồi, một kế hoạch hầu như không tưởng bắt đầu lóe lên trong óc nó.

“Xứ Badlock là một xứ mà không ai từ thế giới của chúng ta có thể tìm thấy,” người khổng lồ tiếp. “Không ai ngoài Tolemeo thông thái. Đó là một nơi khủng khiếp. Có gió không ngừng gào rú, và rồi vào mỗi mùa đông lại có một trận lụt lớn. Nước tràn ngập vùng đất giữa những dãy núi tạo thành một vực thẳm.”

“Thế thì kia đúng là một chiếc thuyền rồi.” Charlie gạt đầu về phía cái vật có hình thù giống chiếc thuyền gỗ treo trên tường.

“Đúng, nó là thuyền. Đâu có nơi nào khác để sống ngoài tòa tháp.”

“Thế còn tên thầy bùa sống ở đâu?”

“Trong một pháo đài đen, một vết sẹo trên núi. Để ta chỉ cho mi thấy nào.” Nói đoạn ngài Otus thả khối thịt vô nôi sắt, chùi tay vô miếng giẻ giặt ở thắt lưng và, trước khi Charlie kịp phản đối, ngài nâng nó lên khung cửa sổ cao.

Đêm đang ập xuống rất nhanh, nhưng những ngọn núi nhọn hoắt in rõ thành một dải lờ mờ chồm trên nền trời xanh lá cây nhạt. Gần đỉnh của ngọn núi cao nhất có thể thấy những ánh đèn đỏ nhấp nháy, phía sau là một cái tháp dốc đứng hình mũ màu đen.

“Hắn hiếm khi ở đó,” người khổng lồ nói, “nhưng lửa cháy liên tục để nhắc nhở thần dân của hắn là hắn đang canh chừng bọn họ.”

Charlie rùng mình. Bất giác nó sợ mình sẽ bị kẹt vĩnh viễn trong thế giới thù địch này. Khi sắp sửa được hạ xuống đất thì nó chợt la lên. “Khoan. Cháu nhìn thấy một thứ.”

Cách chân tháp của người khổng lồ chừng một mét, có một con chó vàng đang đứng. Nó đang ngược lên nhìn cửa sổ. Khi con chó bắt được ánh mắt Charlie, nó liền học lên sủa.

“Hạt Đậu!” Charlie thét ồm.

Làm sao con chó của thằng bạn nói khổ của nó lại theo nó vô bức tranh? Không thể nào có việc đó.

Nhưng đúng là vậy thật.

4. Chương 03

Chú chó tan biến

Vài phút sau khi Charlie chu du vô xứ Badlock, thằng bạn thân nhất của nó, Benjamin Brown, một thằng bé nhỏ thó, tóc sùm sụp và vẻ mặt lúc nào cũng lo âu, rời nhà nó ở số 12, đường Filbert. Hạt Đậu, con chó của thằng này tong tấy theo sau.

Khi Benjamin nhấn chuông nhà số 9, cánh cửa được ngoại Maisie mở ra ngay lập tức.

“Benjamin cưng ơi,” ngoại Maisie thét lên, lời xệch nó vô hành lang. “Ta hy vọng con làm được cái gì đó. Charlie đi mất rồi.”

“Đi mất, thưa bà Jones? Đi đâu ạ?” Benjamin ngoan ngoãn chùi giày vô thảm chùi chân.

“Nếu ta biết thì ta đã không đứng đây bảo con phải làm gì đó, đúng không?” Ngoại Maisie nhắm mắt lại và gãi gãi sau gáy. “Ta biết nói gì với ba mẹ nó đây hả trời?”

“Cháu nghĩ bà không cần phải nói gì với cô chú ấy đâu ạ.” Benjamin nói. “Có lẽ ba với mẹ cháu có thể giúp được, họ là thám tử tư cơ mà.”

Benjamin lập tức hồi hận với những lời vừa thốt ra.

Ba mẹ nó đang điều tra một vụ án rất quan trọng. Họ vừa mới rời nhà đi xong, cô Brown cải trang thành đàn ông còn chú Brown cải trang thành phụ nữ. Benjamin không thích ba mẹ nó ăn mặc kiểu như thế - họ không giải thích trường hợp phải đeo râu giả (đối với cô Brown) và phải đội tóc giả nhuộm màu (đối với chú Brown), mà chỉ bảo Benjamin đến nhà Charlie đi, ở đó ngoại Maisie sẽ cho nó ăn trưa.

“Cháu xin lỗi, cháu nghĩ lại là ba mẹ cháu không thể giúp được đâu.” Benjamin tạ lỗi.

“Ta chắc chắn điều đó.” Ngoại Maisie quay đi và dẫn Benjamin vô một hành lang tối. “Đây là một trong những vụ biến mất mà người thường không thể nào hy vọng tìm ra.”

“Nhưng cháu là người bình thường.” Benjamin nhắc bà.

Ngoại Maisie thở dài. “Ờ, ta biết. Nhưng con là bạn của nó nên con có thể đi gọi một đứa khác trong bọn những đứa được ban phép thuật á, hay tự chúng xưng như thế.”

“Những người con của Vua Đỏ ạ.” Benjamin lặng lẽ nói.

Họ đã tới cánh cửa tầng hầm, vẫn còn mở banh. Ngoại Maisie vẫy Benjamin và chỉ xuống tầng hầm. Benjamin ngó xuống căn phòng mọc meo ở dưới mặt đất. Ngoại Maisie gật đầu khích lệ. Benjamin vốn không thích ba cái tầng hầm, cả Hạt Đậu cũng chả thích. Chú chó bự bắt đầu tru lên.

“Cháu phải xuống đó ạ?” Benjamin hỏi.

“Nó ở dưới đó đó,” ngoại Maisie giọng khản đặc.

“Dạ?”

“Bức tranh, cưng.”

Benjamin vuột ra một tiếng “Ồ ồ ồ” ngân dài khi nó vỡ lẽ rằng Charlie chắc hẳn đã đi chu du rồi. “Vậy thì nó không hẳn là biến mất.”

“Lần này thì có,” ngoại Maisie nghiêm trang.

Benjamin dòm trần vô tầng hầm. Nó bước xuống ba, rồi bốn bậc cho tới khi có thể thấy bao quát căn phòng. Một ngọn đèn tù mù thông từ trên trần nhà xuống chiếu cho nó thấy một cái tủ hổng, mấy cái ghế gãy, bó cọc màn gió, những chồng báo và tạp chí, mấy cái bao nylon to màu đen chứa đồ căng phòng. Và rồi nó nhìn thấy bức tranh. Cái bức tranh dựa vô tường, bên cạnh một tấm đệm cũ cuộn lại.

Một cái bóng nhỏ chập chờn trên bức tranh và Benjamin trông thấy con bướm trắng lượn lơ quanh bóng đèn tròn. Lập tức con bướm chao mình biến vụt đi. Benjamin đi xuống nền tầng hầm và bước về phía bức

tranh. Hạt Đậu lạch cạch bước xuống theo sau nó. Chú chàng thở hồng hộc và thỉnh thoảng lại tru lên một tiếng hoảng vía.

Bức tranh khiến Benjamin rùng mình. Đúng như ngoại Maisie thừa nhận, nó chỉ là một thằng bé bình thường, cho nên nó không hề biết đến cảm giác phản kháng lại những cú giạt thô bạo như Charlie đã trải qua, cũng không cảm nhận hay nghe được tiếng gió của xứ Badlock rít rú. Tuy nhiên nó có ngay ấn tượng là nét vẽ tả chân của bức tranh bày ra một nơi không phải do tưởng tượng mà là được sao chụp đúng y như thực. Nơi đó hiện hữu. Hoặc đã từng hiện hữu. Với những ngọn tháp xám xịt, bầu trời không có mặt trời, in hình những dãy núi lù xù, chắc hẳn đó là một xứ sở chồng chất hận thù và tội ác.

Có một dòng chữ màu xanh lá cây ở cuối bức tranh, góc phía bên phải. Đề: Xứ Badlock. Nếu xứ Badlock là một nơi có thật thì đó không phải là nơi Benjamin muốn tới. Vậy tại sao Charlie lại “Đi Vào” trong đấy được? Đó là một hoang mạc. Theo như Benjamin nhớ, Charlie luôn cần phải nghe thấy tiếng nói trước đã, sau đó tập trung vô một gương mặt người rồi mới đi được vô một bức tranh nào đó cơ mà. Và trong suốt quãng thời gian Benjamin biết về tài phép của thằng bạn mình, Charlie không bao giờ biến mất thật sự. Thân người Charlie vẫn luôn luôn ở hiện tại, trong khi tâm trí nó chu du vô thế giới đằng sau bức tranh.

“Con nghĩ việc đó là sao, Ben?” Ngoại Maisie trên đầu cầu thang hỏi xuống.

Benjamin lắc đầu. “Cháu không biết, thưa bà Jones. Ông cậu của Charlie đâu ạ?”

“Paton hả? Ở tiệm sách. Chứ còn ở đâu nữa?”

“Có lẽ cháu đi tới đó đây. Chắc là ông Yewbeam sẽ biết phải làm gì.” Benjamin quay đầu bước lên cầu thang.

Hạt Đậu không đi theo cậu chủ mà đứng ở trước bức tranh với điệu bộ kỳ cục, đầu nó oạt hẳn sang bên, như thể đang nghe ngóng gì đó. Nó hộc lên tiếng đục ngầu, nghe thê lương. Và rồi, ngay trước mắt Benjamin, chú chó vàng từ từ nhỏ lại, nhạt dần đi.

“Hạt Đậu?” Benjamin lao bổ về phía con chó. Nó tóm được chóp đuôi Hạt Đậu, mẩu đuôi đứng im, cứng đờ như cây chổi, nhưng chưa tới một giây sau thì cái đuôi cũng tan nốt, tan luôn nguyên cả con chó yêu quý của Benjamin.

Benjamin hét thất thanh “HẠT ĐẬU!” đúng lúc vọng xuống tiếng cánh cửa trước đóng sầm lại.

“Ồi thiên địa ơi!” Ngoại Maisie ụp tay lên miệng.

Và rồi bà bị đẩy một cách thô lỗ sang bên bởi nội Bone, mụ bất thành hình xuất hiện cạnh bà.

“Cái quái gì thế?” Nội Bone hặc sách.

Benjamin ngó lên nhìn hai bà. Ngoại Maisie lắc đầu, mắt mở trao tráo và lông mày giãn giạt. Dường như bà đang cảnh báo cho Benjamin. Đau khổ hết sức, Benjamin bắt đầu suy nghĩ gấp gáp. Chính nó và Charlie luôn hiểu rằng tuyệt đối không được để nội Bone biết tý gì về những việc đang diễn ra, nhất là nếu như việc ấy có dính líu đến phép chu du của Charlie.

Nội Bone đã bắt gặp ánh nhìn khẩn cấp của ngoại Maisie. “Bà mắc chứng gì vậy, bà kia?” Mụ hỏi.

“Kính ngạc,” ngoại Maisie nói. “Sững sốt. Hình như chúng ta nghe thấy tiếng chuột, phải không Benjamin?”

Benjamin gật đầu lia lịa.

“Ta nghĩ ta đã nghe thấy tiếng chó sủa.” Nội Bone hoài nghi nhìn Benjamin trừng trừng. “Con chó của mày đâu?”

“Nó... hôm nay nó không đi với cháu.” Benjamin nói, hầu như nghẹn lời vì đau buồn. Từ chỗ mụ ta đứng lên, liệu nội Bone có thấy bức tranh bị bóc giấy gói. Nó nghĩ là có.

“Thật bất thường. Mày mà không mang theo chó. Tưởng nó là cái bóng của mày chứ?” Người phụ nữ cao nguẩy gót bước đi, còn thông thêm: “Tao sẽ ra khỏi tầng hầm đó nếu tao là mày. Coi bộ sẽ có cái con hơn cả chuột ra bắt mày đó. À mà này, Charlie đâu?”

“Đi tới tiệm sách,” ngoại Maisie nói vội. “Và Benjamin cũng định tới đó, phải không Ben?”

“È... dạ.”

Benjamin thiếu não lê bước lên cầu thang tầng hầm. Nó cảm thấy mình phản bội Hạt Đậu vì để mặc con chó bị kẹt bên trong bức tranh khủng khiếp. Nhưng nó còn làm gì khác được nữa? Ông cậu Paton của Charlie sẽ cung cấp câu trả lời. Ông thường biết làm gì khi xảy ra sự cố.

Ngoại Maisie nhìn theo Benjamin ra cửa và nói: “Cẩn thận nha cưng. Ta không thích nghĩ đến việc con đi một mình trong thành phố này mà không có con chó đi cùng.”

“Cháu mười một tuổi rồi.” Benjamin nhắc bà “Gặp lại bà sau, thưa bà Jones.”

“Ta hy vọng thế, cưng.” Ngoại Maisie đóng cửa lại.

Benjamin chỉ mới dậm đi được vài bước trên đường là nó đã cảm nhận sâu sắc cái phần thân thể bị mất mát của mình. Phần con chó. Trước đây có lần nó đã không có Hạt Đậu ở bên, khi ba mẹ nó tới HongKong. Nhưng lúc đó rất khác. Đây là thành phố mà hầu như chẳng thể gọi là bình thường. Không hề báo trước, người ta có thể tự dưng biến mất, đèn đường tự nhiên nổ tung, tuyết rơi vào mùa hè.

Tiệm sách cô Ingledew không xa đường Filbert, nhưng hôm nay Benjamin có cảm giác dường như là một vực thẳm choán giữa nó và sự an toàn. Nó mới đi được một nửa đường Đồi Cao thì thấy bên kia đường có hai đứa trẻ khác. Một đứa là Joshua Tilpin, cái thằng quắt quéo, luộm thuộm, mặt lúc nào cũng cau cạo, và bên cạnh nó là thằng cao hơn, nước da mét xanh màu lá cây, dáng đi liễng xiễng. Dagbert kẻ-dìm-chết-người.

Giả bộ như không trông thấy bọn chúng, Benjamin bước đi thờ ơ, nhưng từ góc mắt nó thấy Dagbert đẩy Joshua và chỉ qua đường về phía nó.

Benjamin hoảng hồn. Thay vì đi tiếp trên con đường, nó tạt vô một ngõ hẻm. Trong vài phút nó đứng trong bóng tối, nhìn ra hai thằng kia. Mình thật ngu, nó tự xỉ vả. Mắc mớ gì mình phải sợ hai thằng học chung trường với Charlie đó? Đúng ra nó đâu có biết chúng. Nhưng sao bọn chúng khiến nó rợn tóc gáy. Joshua khét tiếng làm cho người ta mất nhụt ý chí - không phải kiểu như thôi miên, nhưng theo kiểu mà người ta gọi là lực từ trường. Còn về Dagbert, thằng này có thể dìm người ta chết đuối. Mới đây nó đã định dìm chết Charlie dưới sông.

Liếc tới con đường sau lưng nó, Benjamin thở phào khi nhận ra mình đang đứng ở đâu. Nó liền co giò chạy.

“Sao vậy, Benjamin Brown?” Một giọng gọi nó. “Mất chó à?”

Benjamin không ngoái lại. Joshua và Dagbert chắc hẳn đã băng qua đường đi theo nó.

“Mày không phải sợ tụi tao, nhóc Ben.” Dagbert quát. “Charlie đâu?”

Suýt nữa thì vấp té, Benjamin lao bổ vô quảng trường rải sỏi. Ở chính giữa quảng trường tọa lạc một ngôi nhà cũ, đứng riêng biệt. Xung quanh là những bức tường thấp và một khu vườn ngập cỏ. Một tấm biển tơi bởi mưa gió, đóng đinh trên cổng, đề Mái ấm gia đình Gunn. Ngoài ra trên tấm biển còn vẽ chi chít những nốt nhạc: nốt móc đôi, nốt móc đơn, nốt trắng, nốt tròn mặc dù, chẳng cần phải nhìn những ký hiệu âm nhạc đó người ta cũng biết một gia đình nghệ sỹ sống ở đây. Tiếng ồn từ trong nhà phát ra quả là inh tai nhức óc. Những bức tường rung lên bởi tiếng trống, tiếng đàn violin, tiếng sáo, tiếng cello, và tiếng hát.

Benjamin nhấn chuông cửa và một giọng được thu âm sẵn rống lên inh ỏi “MỞ CỬA! MỞ CỬA! MỞ CỬA!”

Tiếng kêu cửa nhà Gunn luôn khiến Benjmin bứt óc nhưng nếu là một tiếng chuông thánh thót thì đảm bảo nó sẽ chìm lìm trong tiếng nhạc và khách khứa hẳn là sẽ chờ vô vọng nơi bậc cửa.

Cánh cửa do Fidelio Gunn mở, một tay cầm cây đàn violin và tay kia cầm cái vĩ. “Chào Ben, Charlie đâu?” Cậu bé mặt đầy tàn nhang hỏi.

Một tiếng “Ồi” thét lên đằng sau Benjamin.

“Charlie... ế... cho em vô, ĐƯỢC KHÔNG?” Benjamin hỏi.

Thoáng thấy bóng bọn đuổi theo Benjamin, Fidelio bảo: “Vô mau đi.”

Benjamin nhảy phóc vô Mái ấm Gia đình Gunn và Fidelio đóng cửa lại.

“Có chuyện gì thế hả, Ben?” Fidelio dẫn đường đi vô căn bếp hỗn độn. Một con mèo xám đang ăn bữa sáng thừa chưa được dọn khỏi bàn và một phụ nữ mặc váy dài sặc sỡ đang hát bên bồn rửa chén. Một bé gái mặt cũng đầy tàn nhang đang lên dây đàn violin ở bên cạnh bà.

“Nhạc nhẹ chút đi mẹ!” Fidelio hét tướng lên. “Mimi, đem đàn của em ra chỗ khác.”

Bác Gunny ngoái nhìn qua vai và cất tiếng hát vang, “Benjamin Brown. Ngạc nhiên làm sao! Lẽ nào tôi có thể tin vô mắt mình! Chú chó ẩn tượng của cháu đâu rồi?”

“Charlie Bone đâu?” Mimi hỏi, đồng thời gảy một dây đàn.

“Này, Benjamin là người có quyền riêng của mình.” Fidelio nói. “Cậu ấy không cần phải có thứ phụ thuộc.”

“Có cái gì?” Mimi hỏi, gảy một dây đàn khác.

“Đồ phụ tùng,” bà mẹ cô bé đáp. “Chú chó của Benjamin không vĩnh viễn gắn vào cậu ấy, cả Charlie cũng không. Ngồi xuống đi Ben.”

Benjamin kéo một cái ghế ra và ngồi xuống. Cảm thấy đói bụng, nó bịch một mẩu bánh mì khô lên cần.

“Pudding mới liếm vô đấy.” Mimi cảnh báo.

Benjamin ngó nhìn con mèo xám và buồn bã thả miếng bánh xuống.

Fidelio kéo ghế ngồi cạnh nó và chồm tới trước, chống vùi chỗ lên bàn. Mimi thôi gảy đàn violin và ngồi vắt vẻo lên bàn ở đầu kia. Bác Gunn ngậm nga khe khẽ trong khi đang chà cái gì đó ở trong bồn rửa.

“Gì đó Ben?” Fidelio hỏi. “Không phải vì cái bọn ngớ ngẩn ngoài kia đấy chứ?”

“Không.” Benjamin nhìn Mimi.

“Mimi luôn biết óc chuyện gì đang xảy ra.” Fidelio nói. “Em không thể giữ bí mật với nó được đâu, nhưng nó có thể giữ bí mật được cho em, phải không Mimi?”

“Môi của em luôn gắn chặt lại.” Mimi ngoác với Benjamin một nụ cười rộng nhưng môi thì mím chặt.

“Ồ, được.” Benjamin bắt đầu câu chuyện có phần rề rà, nhưng đến đoạn cao trào Hạt Đậu biến mất thì đột nhiên nó kể gấp gáp trong làn nước mắt tuôn đầm đìa.

“Anh không thể tin nổi, ” Fidelio ngồi thẳng lại. “Trước đây Charlie có bao giờ mang chó đi với nó đâu. Anh không biết là nó có thể làm được điều đó.”

“Nó không mang Hạt Đậu đi.” Benjamin rống to. “Hạt Đậu biến mất rất lâu sau khi Charlie vô trong bức tranh. Ít nhất là em nghĩ thế. Nhưng Charlie không bao giờ đi vô cái gì phải không? Người nó luôn ở ngoài. Chỉ có tâm trí nó đi vô thôi.”

“Tính cho tới bây giờ.” Fidelio nhận xét. “Có lẽ tài phép của nó đã phát triển.”

Benjamin lắc đầu. “Có gì đó không bình thường, Fido”. Nó đứng lên và bước tới cánh cửa sổ nhìn ra quảng trường. “Bọn đuổi theo em chuồn rồi. Em nghĩ em tranh thủ chạy ào tới tiệm sách đây. Ông cậu của Charlie sẽ biết phải làm gì.”

“Ông ấy... ông ấy... ông ấy... Có vấn đề về chuyện làm nổ phải không?” Bác Gunn hát réo rất.

“Gì ạ?” Benjamin hỏi.

“Ông cậu Paton, ông Yewbeam,” bác Gunn thả giọng rơi tòm xuống. “Chắc chắn ông ấy đang yêu một phụ nữ trung thực là cô Ingledew. Làm sao ông ấy có thể cưỡng nổi? Ông ấy sẽ cưới cô ấy. Cả thành phố này đang chờ.”

“Ý mẹ là mẹ đang chờ thì có.” Fidelio nói. Nó quay qua Benjamin. “Anh sẽ đi với em, Ben à. Đừng nghĩ là em một mình đơn độc trong thành phố này khi không có con chó của em.”

“Em mười một tuổi rồi.” Benjamin thở dài.

“Còn anh mười hai.” Fidelio dứt khoát. “Có khác đấy.”

Sau nhiều tuần bầu trời âm ảm và gió rét, hôm nay có vài tia nắng yếu ớt bắt đầu tỏa xuống thành phố. Chúng chẳng thể nâng tinh thần của Ben lên được. Nó cảm thấy giận dữ với Charlie vì đang làm một việc quá rủi ro. Nhưng thế mới là Charlie. Thằng đó luôn đâm sầm vô những rắc rối mà không suy nghĩ gì ráo.

Dường như có thể đọc được tâm trí của Benjamin, Fidelio nói: “Có thể Charlie không bao giờ có ý định đi vô bức tranh đó. Rất có thể nó chỉ bị hút vô, ngoài ý muốn của nó, như con chó của em vậy.”

“Hừ.” Benjamin lầu bầu.

Hai thằng lúc này đang rẽ vô con đường hẹp rải sỏi dẫn đến Nhà Thờ Lớn. Hai bên đường, những ngôi nhà khung gỗ với mái ngói cong cổ xưa đổ bóng xuống mặt đường rải sỏi thành những góc nguy hiểm. Tiệm sách ở ngay đối diện nhà thờ mái vòm đồ sộ. Một tấm biển gắn trên cửa đề Cô Ingledew bằng lối chữ bay bướm, hoài cổ, trong cửa sổ trưng hai quyển sách khổng lồ bọc da, đặt trên đệm vải nhung đỏ đậm. Cô Ingledew bán toàn sách quý và hiếm.

Nếu hai thằng bé có để ý thấy chiếc xe bóng nhoáng màu đen đậu bên ngoài tiệm, thì chúng cũng không mấy may nghĩ tới nó mà hấp tấp lao thẳng vô. Một cái chuông nhỏ gắn bên trong cửa rung lên vui tai khi chúng bước vô nơi bán sách. Tuy nhiên, cảnh tượng chúng trông thấy chẳng dễ chịu tí nào.

Ngồi trên chiếc xe lắn bên cạnh quầy là lão Ezekiel Bloor, chủ học viện Bloor. Ngài Ezekiel, như lão thích được gọi thế, một trăm lẻ một tuổi, với cái đầu mà nếu xui xẻo nhìn trúng thì ai cũng bảo nó giống một cái hộp sọ động dục. Thân người lão trùm trong tấm chăn len kẻ ô vuông, đầu đội mũ len đỏ ôm che khít vàng tai nhẵn nhéo. Có rất ít thịt bao cái mũi tổ bố, gồ lên như cái mấu hay đôi gò má xương xẩu và cái cằm dài của lão. Tuy vậy, mắt Ezekiel lại còn ghê hơn. Chúng quắc trợn bên dưới mảng trán lồi và đen thui như mắt trẻ lên mười.

Đằng sau chiếc xe lắn của lão già có một gã đàn ông lực lưỡng trọc đầu: gã Weedon, kẻ sai vặt ở trường, tài xế riêng, tay làm vườn. Không có gì mà gã không làm theo lệnh của lão Ezekiel, kể cả giết người.

Fidelio và Benjamin chắc hẳn rất vui mừng nếu chúng lùi ra được khỏi tiệm, nhưng đã quá trễ để tẩu thoát. Chúng lẩn chần đi xuống ba bậc thang dẫn vô tiệm.

“A ha!” Lão Ezekiel rống lên. “Bọn ta có gì ở đây thế này? Những khách hàng lạ lùng đến mua sách hiếm, ta nói thế đấy. Ta cá là bọn bay chưa để dành nổi 100 bảng đâu, Fidelio Gunn, với đứa xuất thân từ gia đình tám con như nhà mày thì còn lâu. Mày không kham nổi đôi giày nữa là, ta nói thế đấy.” Lão chìa tia nhìn móc mĩa vô đôi giày thể thao mòn tưa của Fidelio.

Fidelio ngượng nghịu đổi chân, nhưng nó không phải loại dễ bắt nạt, cho dù là bởi lão chủ học viện đi chăng nữa. “Tôi để dành tiền học, thưa ngài,” nó nói. “Và chúng tôi đến gặp Emma Tolly.”

“Bạn gái mày à?” Lão Ezekiel khịt mũi. “Con chim nhỏ hả?”

“Không phải thưa ngài,” Fidelio điềm tĩnh nói. “Cô ấy là bạn.”

“Còn anh chàng khăng khiu nào đang cố núp trong bóng tối kia?” Lão Ezekiel vặn đầu lại để nhìn Benjamin, thằng này đúng là đang cố núp sau lưng Fidelio. “Mày là ai? Nói!”

Benjamin lúc này tâm trí đang ở đâu đâu, chỉ chăm chăm lo tìm Hạt Đậu, nó hầu như không tập trung vô cái gì, tuy nhiên nó biết nó không nên nói chuyện con chó của nó biến mất cho lão Ezekiel.

“Nói mau, thằng ngu!” Lão già quát.

Fidelio đỡ lời: “Bạn ấy là Benjamin Brown, thưa ngài. Bạn của Charlie.”

Gã Weedon quyết định chen vô cuộc đàm thoại. “Thế hôm nay Charlie đâu?” Hắn hỏi, nhếch mép khinh bỉ.

Benjamin lầu khào: “Bạn.”

Lão Ezekiel bật ra một tiếng cười quái gở. “Ta biết mày rồi. Ba má mày là thám tử tư. Bọn chó săn hào huyền. Con chó của mày đâu, Benjamin Brown?”

Benjamin cau mặt lại, nghiêng chặt răng và thấy cho Fidelio một cái nhìn tuyệt vọng. “È... er...”

Fidelio ra tay giải cứu. “Nó đi bác sĩ thú y rồi. Benjamin rất buồn.”

Lão Ezekiel ngửa đầu ra sau mà cười lục cục. Gã Weedon phụ họa bằng một tràng cười gằn, trong khi hai thằng bé im lặng nhìn bọn chúng, trong lòng hoang mang. Có gì tức cười với việc con chó đi thú y?

Bức màn gió đằng sau quầy tách ra và một phụ nữ duyên dáng có mái tóc màu hạt dẻ xuất hiện. Tay cô cầm một quyển sách nhũ vàng nặng trĩu, rồi cô cẩn thận đặt nó lên quầy. “Chào các cháu. Cô không biết các cháu đến đây,” cô Ingledew nói.

“Chúng đi theo con chim nhỏ,” lão Ezekiel cười khẩy.

Cô Ingledew tảng lờ lời nhận xét của lão. “Tôi nghĩ chắc là ngài muốn quyển này, ngài Bloor,” cô nói, quay quyển sách ra để lão có thể thấy cái tựa.

“Bao nhiêu?” Lão hỏi cộc lốc.

“Ba trăm bảng,” cô Ingledew bảo với lão.

“Ba trăm.” Lão Ezekiel đập rầm bàn tay đầy chấm đồi mồi xuống quyển sách quý, khiến cô Ingledew nhăn mặt. “Ta chỉ muốn xem một chút xíu về cái hộp gỗ quý khảm xà cừ, ngày tháng năm và kích thước của nó này kia thôi.” Lão Ezekiel bắt đầu lật những trang sách bằng những ngón tay dài, u mấu. “Giúp tao, Weedon.”

Nhân lúc lão già chúm mũi vô quyển sách, hai thằng bé lật đặt băng qua cửa hàng, vòng ra sau quầy. Lão Ezekiel bắt đầu lút rít về chữ nhỏ quá khi chúng chuồn qua khỏi bức màn gió và vô phòng sau của cô Ingledew.

Trong đây thậm chí còn nhiều sách hơn ở ngoài tiệm. Sách phủ kín những bức tường từ sàn tới tận trần nhà: những quyển sách bạc màu, tĩnh tại, những quyển lớn xếp ở kệ dưới cùng, và những quyển nhỏ xếp ở kệ trên cùng. Sách khiến cho căn phòng nồng mùi ẩm mốc và mùi da thuộc chứ không dễ chịu. Nhưng dù sao đó cũng là phòng khách, cho nên nó có vài cái bàn nhỏ, ghế sofa, hai chiếc ghế bành, một cái ghế đứng bọc da và một cái bàn làm việc. Cúi hẳn người trên bàn viết là một người đàn ông tóc đen, mà cho dù đang ngồi ông vẫn cao lớn khác thường.

Người đàn ông không để ý đến hai thằng bé mà vẫn tiếp tục chú mục vô những trang sách trước mặt.

Fidelio hắng giọng.

Không ngẩng đầu lên, người đàn ông nói: “Nếu cháu muốn gặp Emma và Olivia thì chúng nó tới quán cà phê Thú Kiểng rồi.”

“Thật ra, thưa ông Yewbeam, tụi cháu muốn gặp ông.” Fidelio nói.

“À,” ông cậu của Charlie nói. “Ta đang bận.”

“Đây là khẩn cấp ạ.” Benjamin kêu lên. “Charlie đang đi vô một bức tranh, cả con chó của cháu nữa và tụi nó không ra.”

“Chúng sẽ ra,” ông cậu Paton tiếp tục nghiên cứu sách. “Rồi sẽ ra.”

“Ông không hiểu.” Fidelio nói bằng giọng khẩn cấp nhất mà cái giọng của nó có thể triệu tập được. “Lần này cả người Charlie đi hẳn vô - cả người nó đã biến mất... mất tăm.”

Ông cậu Paton ngược mắt lên liếc nhìn tụi nó qua đôi kính nửa vàng trắng. “Mất tăm?”

“Vâng. Thưa ông Yewbeam. Đi hoàn toàn.” Benjamin nói, sắp òa khóc tới nơi. “Cái bức tranh đó ở dưới tầng hầm nhà ông và bà của Charlie, bà ngoại dễ mến í, bảo cháu xuống coi giúp vì Charlie đã biến mất trước đó rồi. Vì vậy cháu đi xuống, Hạt Đậu đi theo cháu, và thế là, nó cũng... đi vô đó luôn.”

Ông cậu Paton nhú mày. “Bức tranh gì vậy, Benjamin?”

“Kinh khủng.” Benjamin. “Bao nhiêu ngọn tháp và núi. Có một cái tên ghi ở cuối bức tranh. Xứ Badlock, cháu nghĩ nó ghi vậy.”

“Xứ Badlock!” Ông cậu Paton đứng bật dậy khỏi ghế nhanh đến nỗi chiếc ghế đổ kênh ra sàn, tất cả giấy bay tung khỏi bàn.

“Đó là một nơi nguy hiểm ạ?” Benjamin nín thở hỏi.

“Nơi tồi tệ nhất thế gian,” ông cậu Paton nói. “Mặc dù ta không chắc chắn nó có thật trên đời này hay không.”

Miệng Benjamin há xệ ra. Nó nhìn trơ trơ ông cậu Paton Yewbeam, cố hiểu xem ông vừa nói gì. Ngay cả Fidelio cũng không thốt lên lời.

“Không còn thời gian để mất nữa, các cậu. Mau lên.” Ông cậu Paton gạt phăng tấm màn gió và sải bước ra ngoài tiệm, Fidelio và Benjamin lúnh quýnh theo sau.

5. Chương 04

Món đuôi trĩu hàm

Cô Jula Ingledew đang hốt hải nhìn chừng lão Ezekiel Bloor khi lão lật giở quyển sách quý của cô. Cô không thích cái cách lão mạnh bạo giật trang giấy ra xa khỏi người lão nhằm cố ý gây thêm thiệt hại cho sách như thế. Tuy nhiên, khi thấy ông cậu Paton, lão già cũng ngược lên.

“A ha! Paton Yewbeam!” Lão Ezekiel la ré. “Tưởng chú không ra ngoài ban ngày chứ.”

“Tôi ra ngoài khi tôi thích,” ông cậu Paton đập lại, giật cái phũ phốt khỏi giá treo mũ ở góc phòng.

“Hừm,” lão già khịt mũi khi ông cậu Paton bước về phía cửa. “Giờ ta biết rồi, chẳng trách tại sao cái cửa hàng tình tang này lại tồi tệ. Bà phải gắn chút điện ở trong đây chứ, Bà Sách.”

Ông cậu Paton dừng phắt giữa chừng, khiến Benjamin tông sầm vô ông. “Coi chừng cái lưỡi của lão đó, Ezekiel Bloor,” ông cậu Paton gầm to.

“Không thì sao...?” Lão Ezekiel cười khẩy. “Ta hy vọng người không nghĩ đến việc cầu xin người phụ nữ tốt này cười mi, Paton. Cô nàng sẽ chẳng bao giờ được người ngỗ lời đâu, người thừa biết thế.” Lão phọt ra một tràng cười khùng khục.

Lũ trẻ len lén nhìn cô Ingledew và ông cậu Paton Yewbeam đang mặt mày đỏ lựng lên. Lão Ezekiel lôi quyển sách ra để quệt miệng và cô Ingledew nhân cơ hội đó bèn tước quyển sách hiểm khỏi tay lão. Gã Weedon giật quyển sách lại.

Đã qua khỏi cơn bối rối, ông cậu Paton nói. “Cảm phiền lão bỏ cái mũi của lão ra khỏi việc của tôi, lão Bloor.”

“Thì người cứ chạy việc của người đi,” bàn tay ướm nhẹp của lão Ezekiel phẩy một cái chổng lớn.

Ông cậu Paton chùng chình, ngó trừng trừng lão già. “Tôi hy vọng lão chưa phá hỏng một quyển sách hiếm.” Ông nhìn cô Ingledew. “Ju... cô Ingledew, cô có muốn tôi...?”

“Không, không,” cô Ingledew hấp tấp, vẫn còn đỏ mặt. “Ông đi đi, Pa... ông Yewbeam. Tôi thấy việc khẩn cấp đây.”

“Đành vậy.” Ông cậu Paton lưỡng lự trong khổ sở. Rõ ràng ông muốn ở lại để bảo vệ cô Ingledew nhưng Benjamin đã ra tới bậc thang và kéo giật ông tay áo ông.

“Em sẽ gọi cho ông,” cô Ingledew cầm điện thoại di động của cô lên, “nếu có gì không hay.”

“Thế nhé,” ông cậu Paton nhìn cô một cái đầy ý nghĩa và bước qua khung cửa mà Benjamin đã nôn nóng mở ra sẵn.

“Ông sẽ làm gì ạ, ông Yewbeam?” Fidelio hỏi khi cả đoàn phóng nhanh trên đường.

“Còn tùy xem cái gì là cần thiết,” ông cậu Paton nói.

“Ồ kìa!” Benjamin chỉ xuống đường.

Đang chạy về phía họ là hai cô bé: Emma Tolly mặc áo khoác có mũ trùm đầu, mái tóc màu vàng bay lòa xòa trước mặt, đang đánh vật với một cái giỏ, trong khi bên cạnh cô bé là Olivia Vertigo cũng đang xách một cái giỏ, cái này nhỏ hơn và rõ ràng là dễ mang hơn. Olivia trông lạ mắt trong chiếc áo lạnh ngoại cỡ, chiếu ra lóa chói những NGÔI SAO từ mảnh kim sa vàng óng ánh ở vạt trước. Con nhỏ còn đội thêm một chiếc mũ trắng tinh và quàng khăn cổ màu vàng rực. Tóc nó nhuộm tím rậm.

“Ông Yewbeam.” Olivia í ới. “Ông phải giúp tụi con.”

“Làm ơn, làm ơn, làm ơn đi ạ.” Emma kêu to. “Có một việc kinh khủng vừa mới diễn ra.”

Hai đoàn gặp nhau giữa đường.

“Chúng ta đang cực bận,” ông cậu Paton sượt qua chúng và tiếp tục sải bước.

“Có chuyện kinh khủng gì vậy?” Benjamin hỏi, không sao cưỡng được phải dừng lại.

“Quán cà phê Thú Kiểng bị đóng cửa.” Emma hét lạc giọng. “Vĩnh viễn. Kinh khủng quá. Tụi này thấy ông Onymous ngồi bên bàn. Đầu cúi gục vô tay. Trông rất sầu thảm.”

“Chúng ta sẽ đối phó với việc đó sau Em.” Fidelio bước vòng qua hai đứa con gái. “Có việc còn tệ hơn thế đã xảy ra với Charlie.”

“Và Hạt Đậu nữa.” Benjamin thêm. “Cả hai biến mất. Mất tiêu. Tự dưng tan biến vô một bức tranh.”

Emma đặt cái giỏ xuống, từ trong đó phát ra một tiếng quát lớn. “Rồi các cậu định làm gì?”

“Tụi này không biết, để tới nhà Charlie rồi tính.” Fidelio nói, lo lắng nhìn theo thân hình đang cúi cúi bước đi của ông cậu Paton.

“Tụi này sẽ tới ngay!” Olivia không bao giờ chịu đứng ngoài sự kiện nào. “Tụi mình về tiệm cát thú cưng đi Em.”

“Tớ không vô tiệm đâu nếu tớ là đằng ấy.” Fidelio nói ngoái qua vai. “Lão Bloor già đang ở đó đó.”

Hai thằng bé vụt đi trong khi hai đứa con gái đứng tần ngần. Cuối cùng Emma quyết định mình không thể để đi Julia một mình đối phó với lão Bloor. Cô bé đi tiếp đoạn đường cùng vệt Namcy, trong khi Olivia co giò đuổi gấp theo sau hai thằng bé cùng với con thỏ trắng tên là George của nó.

Đây là thời điểm tiến thoái lưỡng nan đối với ông cậu Paton. Ông đã tới đường Đồi Cao, nơi có đèn rực rỡ trong từng cửa sổ bày hàng. Ông cậu Paton kéo sụp vành mũ xuống che mặt, cố một cách vô ích đừng liếc nhìn cửa sổ. Nhưng hôm nay là thứ bảy và đường Đồi Cao đen đặc người đi mua sắm. Những đám mây nhẹ nhẹ sau trút xuống ào ạt. Những cái dù vội vã giương lên, do vóc người cao lớn nên ông cậu Paton lập tức rơi vào tầm nguy hiểm. “Coi chừng!” Ông thở hộc khi suýt nữa thì bị một cây dù chọc mất một con mắt. Nghiêng người né qua bên, ông thấy mình ngó thẳng vô một cánh cửa sổ trưng bày những ma-nơ-canh đang tạo dáng.

“BỐP.” Tầm kính cửa sổ vỡ vụn.

Giữa tiếng kêu thét thất kinh và cảnh náo loạn, ông cậu Paton quỳ quả đi tiếp. Ông không để ý là đang có đèn đỏ nên cứ thế lướt đi, thành ra một chiếc Volvo xanh da trời lại suýt tông trúng ông. “Xin lỗi, xin lỗi,” ông cậu Paton nói, liếc nhìn đèn xi nhan của một chiếc xe hơi. Lần này vụ nổ êm hơn, chỉ một tiếng phụp nhẹ. Người tài xế không để ý và ông cậu Paton lên được lề đường mà không bị phát hiện.

Rủi thay, một chiếc xe hơi khác, trắng không kịp đã tông sầm vô chiếc Volvo. Hai người tài xế nhào người ra tuôn xối xả những lời lẽ thô thiển vào không khí ẩm ướt.

Bán tín bán nghi là ông cậu Paton có liên quan đến cánh cửa sổ vỡ, hai thằng bé chen lấn qua đám đông tới nơi vừa kịp lúc chứng kiến tai nạn mới nhất của ông. Gần về tới nhà số 9, đường Filbert thì chúng bắt kịp ông.

“Phải ông làm không ạ?” Benjamin hỏi. “Ý cháu là về cánh cửa sổ.”

“E là vậy, Benjamin. Ta rất biết ơn cháu đã im lặng về sự việc.”

“Dạ vâng, ông Yewbeam.”

Họ lên những bậc cấp nhà số 9, ông cậu Paton đi đầu. Vừa mở cửa ra, ông liền đặt một ngón tay lên môi và thì thầm gấp gáp. “Không một lời, bà chị ta đang ở nhà.”

“Bà ấy à.” Benjamin thì thào lại.

Bỗng có tiếng ré lên từ dưới đường và Olivia chạy như bay đến chỗ họ, cái rổ đựng dưa trong tay. “Chờ con với!” Nó gọi.

“Suýt!” Cả hai thằng cùng nhắc.

“Xin lỗi.” Olivia thở lấy hơi. “Có bà nội cuồng trí đó ở nhà không?”

Benjamin gật đầu. Olivia loay hoay leo lên bậc cấp và nhảy tót vô hành lang cùng mọi người. Ông cậu Paton lặng lẽ đóng cửa lại, và Olivia đặt phịch cái rổ của nó kế bên giá mắc áo khoác.

Họ kiễng chân đi vô nhà bếp, ở đó ngoại Maisie đang chờ thấp thỏm. “Không có gì xảy ra,” bà nói liền. “Không một dấu hiệu. Tôi cứ để mắt nhìn nó luôn nhưng bức tranh thổ tả đó cứ ở nguyên đấy, dòm lại tôi. Ông biết không? Tôi có cảm tưởng là nó toát lên vẻ tự mãn vậy.”

“Chúng ta cùng xem nào.” Ông cậu Paton bỏ mũ ra.

Bụng Benjamin sôi rột lên một cái, nghe thấy rõ.

“Ồi trời ơi,” ngoại Maisie kêu lên. “Tôi quên làm bữa trưa. Lần đầu tiên đấy. Để tôi lo liệu xong ngay trong khi mọi người xuống tầng hầm.”

Ông cậu Paton cho rằng không nhất thiết phải kéo cả đoàn xuống đó. Bảo Fidelio và Olivia đợi trong nhà bếp, ông chọn Benjamin tháp tùng mình. Dù sao Benjamin cũng đã chính mắt trông thấy Hạt Đậu biến mất, và nó có thể cho ông biết bức tranh có gì thay đổi không.

Ông cậu Paton thấp ba ngọn nến trong cái giá đặt trên tủ đựng ly chén. “Bất kể làm gì cũng không được bật đèn tầng hầm lên nghe chưa”, ông dặn Benjamin.

“Vâng ạ, ông Yewbeam,” Benjamin nói dứt khoát.

Ông cậu Paton xuống cầu thang theo kiểu giật lùi, tay phải cầm giá nến. Benjamin theo sau.

“Trời, nơi gì mà gớm ghiếc!” ông cậu Paton tuyên bố khi ánh nến run rẩy chiếu lên bề mặt bức tranh.

Benjamin rùng mình. Xứ Badlock trông ghê rợn hơn lần trước. Trong ánh nến nó càng toát ra vẻ hãi hùng. Benjamin không dám nghĩ cái gì có thể xảy đến với Hạt Đậu trong cái xứ sở khủng khiếp ghê hồn này. Bất ngờ, nó trông thấy. Ở cuối bức tranh, đang ló ra khỏi góc của một trong những tòa tháp, là một con chó. Hạt Đậu. Miệng nó há ra trong tiếng tru câm nín.

Benjamin thét lên.

“Gì thế...” ông cậu Paton suýt đánh rơi cái giá nến.

“Nhìn, nhìn kìa ông Yewbeam!” Benjamin chỉ ngón tay run rẩy vô Hạt Đậu.

Ông cậu Paton cúi sát hơn về phía cái đầu của con chó.

Tiếng thét của Benjamin khiến cho mọi người ở bên trên chạy xô tới cánh cửa tầng hầm.

“Gì thế? Chuyện gì thế?” Ngoại Maisie lo lắng.

“Cho con xuống được không?” Olivia nài nỉ. “Con không thể chịu nổi nếu không biết có gì dưới đấy.”

“Hạt Đ... ậu ở đây... ầy...” Benjamin lắp bắp.

“Ở đây?” Fidelio nói.

“Ở đây... nhưng không phải ở đây. Ở đó.” Benjamin meo máo.

“Trong bức tranh.” Giọng của ông cậu Paton đầy bầu không khí căng thẳng lên thành mối uy hiếp. Vậy là quá đủ cho Olivia, nó nhào ngay xuống cầu thang. Giữa chừng thì khựng lại bởi một tiếng thét trong hành lang.

“THỎ!” Nội Bone hét.

Nội Bone sợ hãi như mọi thứ vật, nhưng giống thỏ vô hại mới là thứ mụ ghét cay ghét đắng.

Olivia lưỡng lự leo thụt lùi xuống, trong khi Fidelio bình thần bảo: “Không sao đâu bà Bone. Nó không cắn bà đâu.”

“ĐỒ QUỲ.” Nội Bone rú rít và rồi mụ trông thấy Olivia. “Mày làm gì ở đây, con nỡm?”

Olivia chưa bao giờ bị gọi là con nỡm. Nhưng nó hơi khoai khoai, bởi vì thỏ George của nó đã sống khỏi giỏ và lúc này đang chạy lên tới giữa cầu thang, phẫn chí gặm tấm thảm. Nội Bone đứng ở đầu cầu thang, một con mắt nheo híp lại, con kia kinh hoàng theo dõi từng cử động của con thỏ.

Olivia phóng lên khỏi cầu thang, tóm lấy con thỏ và mang giúi trở vô giỏ. “Thật tình nó không làm đau một con ruồi,” nó vừa cảm râm vừa cột chặt nắp giỏ.

“Tao hỏi mày đang làm gì ở đây.” Cẩm thấy đã an toàn hơn, nội Bone lạch bạch đi xuống cầu thang.

Trước khi Olivia kịp nghĩ ra câu trả lời. Ông cậu Paton đã nhô lên khỏi tầng hầm và nói: “Tôi nghĩ đã đến lúc bà phải trả lời một vài câu hỏi của tôi, Grizelda.”

“Hỏi gì?” Nội Bone nguẩy đầu qua với vẻ đề phòng.

“Hỏi rằng... làm sao bức tranh ở dưới tầng hầm, và nó từ đâu được mang tới đây?”

“Không phải việc của mày.” Với một cái liếc hống hách về phía chiếc giỏ nhốt George, nội Bone lết xuống cầu thang, băng qua hành lang vô phòng khách. Ông cậu Paton đi theo mụ và ba đứa nhóc kéo lũ lượt theo ông. Nhưng còn ngoại Maisie thì ngồi phịch xuống chiếc ghế ở hành lang, vuột ra một tiếng thở dài nào nề.

“Đó là việc của tôi,” ông cậu Paton cương quyết.

Nội Bone ngồi phạch xuống chiếc ghế bành và cầm tờ báo lên.

“Chị có nghe tôi nói không đấy, Grizelda?” Ông cậu Paton gầm vang, và rồi, trước sự ngỡ ngàng của ba đứa trẻ đang đứng xó rổ ở cửa, ông nói toẹt ra, “Thằng cháu của chị đã biến mất vô bức tranh đó.”

Benjamin lấp bắp. “Chúng ta không nên nói cho bà ấy...”

Nội Bone đặt tờ báo xuống. Khuôn mặt quàu quạu dài thượt của mụ thoáng hiện lên vẻ khoái trá. “Nhưng đó là tại nó,” mụ điềm nhiên bảo.

Bên trong tòa tháp của người khổng lồ, Charlie vẫy Hạt Đậu một cái thật nhanh trước khi được hạ xuống sân nhà của ngài Otus.

“Một con chó ư?” Ngài Otus nói. “Diện mạo chúng không bao giờ được thấy ở xứ Badlock.”

“Chúng ta phải cứu nó trước khi bọn quỷ lùn tàn ác trở lại.” Charlie vừa nói vừa đi ra cửa.

“Con trai, chờ đã!” Ngài Otus ra lệnh. “Việc này không đơn giản thế.”

“Ở đây không có gì đơn giản cả.” Charlie bắt đầu chạy xuống cầu thang đá hình xoáy tròn ốc.

“DỪNG LẠI!” Tiếng gầm của người khổng lồ dội âm khắp cầu thang khiến Charlie buộc phải nghe lời. “Coi chừng đó là một trò lừa, Charlie, để dụ con ra ngoài trời. Trở lại đi, ta nài nỉ con đó.”

Charlie lần chân bước trở lại căn phòng của người khổng lồ. Nó nhận ra tình thế của mình sẽ trở nên vô vọng nếu cả nó và Hạt Đậu cùng bị bắt. “Cháu thấy để nó ngoài đó một mình thì tội quá,” nó nói với người khổng lồ, “nhất là bây giờ nó đã trông thấy cháu rồi.”

“Ta biết, ta biết,” ngài Otus thấp một ngọn nến và đặt lên bàn. “Nhưng xung quanh chúng ta đầy rẫy những tòa tháp và lính canh. Trời sắp tối đến nơi rồi, một bóng tối không giống nơi nào khác, Charlie à. Ở xứ

Badlock không có sao chiếu sáng, còn ánh trăng thì rất... hiếm hoi. Vì vậy chúng ta có thể lên ra khỏi tháp và cứu con chó tội nghiệp kia.”

Người khổng lồ khuấy cái nồi treo bên trên bếp lò. “Ta đã từng có một con chó trong thế giới quê nhà của ta. Đó là một con chó đẹp, nhưng bọn ta đã bị chia cách. Giờ cái xứ Badlock này chẳng hề có chó hay mèo. Chỉ rất bọ với lũ sinh vật nhớt nhầy, gớm ghiếc, máu lạnh được gọi là vầy cóc thối. Chim chóc bay trên nhưng đôi cánh rất xương không lông, con nào cũng có một cái mỏ dài đáng sợ.”

Charlie leo lên giường của người khổng lồ. “Nhưng tại sao không có chó hoặc mèo?”

“Cái bóng và lũ người của hắc cho rằng công dụng duy nhất của sinh vật là cho vô nồi làm thức ăn, hoặc để lấy da làm áo chùng, áo khoác, hoặc thậm chí cả giày. Mọi sinh vật máu ấm đều bị săn lùng, hầu như đã tuyệt chủng cả. Chỉ còn đuôi trụi là sống sót, có lẽ là do bởi chúng sinh sản nhanh như quỷ.”

“Thế còn bạch dơi?” Charlie hỏi.

“À, bạch dơi.” Ngài Otus mỉm cười. “Bọn chúng không dám động vô bạch dơi, bởi vì bọn chúng cho đấy là ma.” Ngài dùng môi múc vài cục thịt hầm bốc khói vô hai cái tô lớn bằng gỗ. “Đi lại bàn nào, hậu-duệ-Charlie của ta, và ăn bữa tối của con đi.”

Charlie nhảy xuống khỏi giường và ngồi lên cái ghế cao, trong khi người khổng lồ xé một ổ bánh tròn ra làm hai và đặt bên cạnh mỗi cái tô một miếng. Sau đó ngài gần như ngồi hẳn lên bàn và bẻ bánh mì nhúng vô món hầm, dùng nó như một cái muỗng. Charlie làm theo. Đuôi trụi hầm hóa ra ngon cực kì, nhưng chắc là tại Charlie đang đói bụng.

Họ ăn trong im lặng một lát. Charlie cứ lẩn bấn với ý nghĩ về con chó bên ngoài tòa tháp. Chú ta đang hoảng sợ biết nhường nào. Đến khi bao tử nó đã được món hầm nóng làm cho ấm lên thì nó chỉ còn nghĩ sao mà dễ chịu thế không biết. Chốc chốc nó lại liếc nhìn gương mặt ông tổ của mình. Ngài không có gì giống với người khổng lồ và những người Yewbeam mà nó biết. Nội Bone và mấy bà em có mắt đen híp và miệng mỏng dính, trong khi ngài Otus này có đôi mắt to màu xám và miệng rộng, phóng khoáng. Nhưng dĩ nhiên, nhiều thế hệ đã trôi qua giữa họ.

“Kể cho ta nghe về cuộc sống của con đi,” người khổng lồ nói, vét mẩu thịt cuối cùng ở cái tô của ngài.

Charlie liếm ngón tay cho tới khi không còn chút tàn tích nào của món hầm ngon lành nữa, và nó bắt đầu kể. Nó kể cho người khổng lồ nghe chuyện ba nó bị Manfred Bloor thôi miên như thế nào, phải sống mười năm rông rở trong một ngôi trường được gọi là học viện Bloor, trong khi không ai biết ông ở đâu. Nó kể tiếp rằng nó, Charlie, đã khám phá ra tài phép có thể đi vô tranh của mình. Nó tả nội Bone và các bà em độc ác của mẹ. Nó kể về bạn bè nó, những cậu bé bình thường như Fidelio và Benjamin. “Chỉ có Fidelio không hẳn là bình thường.” Charlie thêm. “Anh ấy là thiên tài âm nhạc và một ngày nào đó anh ấy sẽ nổi tiếng.”

Tiếp theo Charlie kể lại những cuộc phiêu lưu của nó với những đứa trẻ khác, cũng được ban phép thuật, những hậu duệ của Vua Đỏ, như nó. Emma biết bay, Billy hiểu được tiếng thú vật, Lysander gọi hồn tổ tiên tâm linh của anh ấy, Tancred tạo bão, Gabriel cảm nhận được những việc đã xảy ra. “Và cả Olivia.” Charlie bật cười khúc khích. “Bạn ấy là người tạo ảo ảnh, nhưng gia đình Bloor không biết về tài phép của bạn ấy. Bạn ấy là vũ khí bí mật của tụi con.”

“Vậy là cái lão già Ezekiel cổ lỗ này giam giữ bọn trẻ các con trong cái học viện của lão vì... vì...?” Người khổng lồ nhìn Charlie với vẻ dò hỏi.

“Vì tài thánh, con nghĩ ở đây ngài gọi như thế,” Charlie nói. “Và tụi con không hẳn là bị cầm tù.”

“Nhưng dưới sự kiểm soát của lão.”

“Thỉnh thoảng tụi con không tuân lệnh.”

“Tốt! Tốt!” Ngài Otus thốt lên, đập hai bàn tay vào nhau. Ngài liếc ra cửa sổ. “Sắp tối rồi. Con chó có thể được cứu.”

“Hạt Đậu!” Charlie hầu như đã quên khuấy Hạt Đậu đáng thương trong khi nó mãi kể chuyện cho người khổng lồ nghe.

Ngài Otus dẫn đường đi xuống tháp. Ngài cầm nến để trong một cái đĩa sắt. Nó bốc mùi mỡ cháy và tỏa ra những cái bóng khổng lồ nhún nhảy trên bức tường đá. Khi họ ra tới cánh cửa ngoài, người khổng lồ dừng lại nghe ngóng. Charlie chờ bên cạnh, hầu như không dám thở.

Ngài Otus chưa kịp mở hẳn cửa Charlie đã vèo ra ngoài. Nó đâm sầm vô bức màn đen không thể xuyên thủng, đến nỗi nó cảm thấy như mình vừa bị mù tức thì. Mà qua bức màn đen khủng khiếp đó là gió, thoát tiên ủa tới từ một hướng, tiếp sau từ hướng khác, đẩy nó dí lưng vô bức tường tháp, kéo hẫng chân nó và thốc vô đầu nó.

“HẠT ĐẬU!” Charlie hét vô trong gió.

Nó chờ một tiếng sủa đáp lại. Nhưng không có tiếng gì vọng át được tiếng gió.

“Tốt nhất là quay lại thôi, con.” Ngài Otus gọi. “Nó bị bắt rồi.”

“Không!” Nó chạy đại tới trước. Bất thần nó té dúi. Rồi đáp oạch xuống mặt đất đá sỏi cứng ngắc cùng với một tiếng hự. Quờ một tay ra nó chạm trúng một bức tường nhộp nháp. Có gì lúc nhúc bò qua các kẽ tay nó và nó lại hét lên tiếng nữa.

Đúng lúc đó mang lên một tiếng sủa gần sâu trong cổ họng, và cho dù ở tư thế nguy hiểm thế này, Charlie vẫn thấy phần chân hẫng lên. “Hạt Đậu!” Nó gọi.

Giọng của người khổng lồ trôi lều bều bên trên ngọn gió, “Ta là gã khổng lồ đáng nguyên rủa. Đáng ra ta phải báo trước cho con biết về những cái hố. Con đâu rồi, cậu bé?”

“Ở đây!” Charlie kêu to. Nó nghe thấy tiếng giày ồng. Một bàn tay tổ chảng chụp lấy tay nó, và rồi nó được nhấc bổng lên dọc theo thành hố. Khi nó được nhấc lên tới mặt đất, một luồng ánh trắng yếu ớt, đứt khúc chiếu cho nó thấy một con chó màu vàng to đùng đang đứng chênh vênh trên miệng hố. “Hạt Đậu!” Nó mừng hóm.

Hạt Đậu sủa rồi rít khi người khổng lồ bê cả thằng bé lẫn nó đi về phía tòa tháp. “Im, chó!” Ngài suýt, đẩy cả hai qua cánh cửa.

Charlie túm lấy vòng cổ của con chó đang mừng rỡ, trong khi ngài Otus đóng cửa lại và cài hai cái then nặng ngang qua.

“Chắc chắn con chó này sẽ khiến bọn ta bị xích cả đêm trước khi màn đêm qua,” người khổng lồ lầm bầm.

“Có ai nghe thấy tiếng chúng ta ạ?” Charlie vượt đầu Hạt Đậu, cố vỗ cho nó điềm tĩnh lại.

“Ta e là tên hàng xóm của ta đã nghe rồi,” ngài Otus thừa nhận khi họ đi lên cầu thang đá. “Tòa tháp của hần ở sát bên, hần chẳng phải là người tử tế gì.”

Vì bây giờ Hạt Đậu đã tìm thấy Charlie cho nên nó có vẻ ngại leo lên những bậc thang tối. Charlie phải dụ nó bằng những cái vuốt ve và hứa hẹn những cục xương, mặc dù nó không biết có tìm thấy cục nào khi cả đoàn lên tới phòng của người khổng lồ hay không.

Người khổng lồ đã nghĩ trước cả. Đến lúc Charlie lôi được con chó sợ sệt lên đỉnh cầu thang, ngài Otus đã vớt từ trong nôi ra hai cục xương. Quăng qua sần nhà, ngài chặc chặc nói, “Ăn đi, chó dũng cảm.”

“Con không nghĩ nó dũng cảm đâu,” Charlie nhận xét khi nhìn Hạt Đậu hau háu gặm khúc xương.

“Charlie, con phải trốn khỏi đây,” ngài Otus nói rành rọt. “Bọn ta không thể đảm bảo sẽ giấu được con chó đó. Chẳng bao lâu sau gã hàng xóm của ta sẽ báo cho Ngón Cái Dị và bọn lính. Con sẽ nghe thấy tiếng tù và rồi thế là con tiêu tùng.”

“Nhưng bằng cách nào?” Charlie ngó quanh căn phòng của người khổng lồ. “Con không thể”, nó nói như sắp khóc. “Con không biết làm sao con đã đến được đây. Khi chu du con có một chiếc đĩa phép...”

“Chiếc đĩa phép?” Mắt người khổng lồ tròn to lên.

“Con là thầy pháp thật ư?”

“Không, không.” Charlie lắc đầu. “Đó là món đồ con được thừa kế từ một tổ tiên khác của con, một thầy pháp xứ Wales. Giải thích lâu lắm.”

Quá dài, thật vậy, bởi vì ngay khoảnh khắc đó, âm thanh xé óc của một hồi tù và rống lên rung chuyển cả tòa tháp của người khổng lồ.

“Ồi, chào ôi, phải làm gì bây giờ?” Người khổng lồ bước vòng quanh vòng quanh, hai nắm tay siết chặt lại và nhìn trừng trừng ra ngoài khung cửa sổ cao. “Ta sẽ bảo vệ con đến hơi thở cuối cùng của ta, Charlie. Nhưng ta chỉ có một mình. Ta không thể thắng bọn chúng. Ngón Cái Dị sẽ bắt con. Ồi tội nghiệp con, rồi con sẽ ra sao?”

Tiếng rên rĩ của người khổng lồ quá sức chịu đựng của Hạt Đậu. Nó tru học một tiếng đồng thời nhảy cẫng lên - và một sự việc đáng kinh ngạc xảy ra. Từ trong một bên tai của con chó, một con bướm trắng bay ra. Nó đến đậu trên cánh tay Charlie.

“Claerwen.” Charlie thở hắt. “Chiếc đĩa phép của con.”

“Trong thế giới ở thời của ta, bọn ta gọi loài này là bướm đêm,” người khổng lồ đang bối rối nói.

“Dạ, đúng đúng, nó là bướm đêm, nhưng nó đã từng là chiếc đĩa phép.” Charlie bảo với người khổng lồ. “Ngài Yewbeam, ngài Otus... bọn con có thể đi được rồi. Cảm ơn, cảm ơn ngài...”

“Thế thì đi đi. Bởi vì ta đã nghe thấy tiếng bước chân bọn quỷ lùn. Nhanh lên, nhanh lên. Charlie Bone.”

“Có lẽ ngài đi với con, ngài Otus?”

Người khổng lồ buồn bã lắc đầu. “Một việc không thể được. Đi đi, Charlie.”

Charlie vòng tay ôm ngang người Hạt Đậu. “Con sẽ trở lại, ngài Otus, con hứa. Con sẽ tìm cách đưa ngài ra khỏi xứ Badlock.” Nhìn vô con bướm đêm, nó hét. “Claerwen, đưa tớ về nhà.”

Căn phòng quanh nó bắt đầu giạt nảy lên và lóc xóc mấy cú liên. Bất chấp trọng lực của trái đất, bàn, ghế, giường nghiêng qua bên, rồi lơ lửng trên không. Charlie đang lướt không khí. Giờ thì nó lộn ngược đầu xuống. Tai nó kêu ù ù ầm ầm. Nó cảm thấy bộ lông cứng của Hạt Đậu tan đi dưới những ngón tay nó và cổ túm cho chặt hơn, nhưng có gì đó, hoặc ai đó, đang cố giạt chú chó khỏi tay nó. Và rồi bàn tay nó trống hươ trong khi nó thì xoáy lộn ra xa.

Charlie thoáng thấy gương mặt nhân từ, đang hoài nghi của tổ tiên mình lần cuối cùng trước khi nó bị giạt qua thời gian, qua những mạng âm thanh loang loáng, vun vút, ngập tràn xúc giác và khứu giác.

Nó đáp cái búp xuống nền tầng hầm lạnh lẽo của nhà số 9, đường Filbert. Bức tranh Badlock dựa vô tường, đằng sau nó. Liếc nhìn vụt qua bức tranh, Charlie phóng vút lên cầu thang, leo vô hàng lang. Nó có thể nghe thấy tiếng cãi cọ phía trên.

“Ồi quỷ thần ôi!” Ngoại Maisie hét lên, nhảy dựng khỏi ghế. “Charlie về rồi!”

Một bầu thỉnh lặng đột ngột rơi xuống phòng khách. Ông cậu Paton hiện ra, theo sau là Fidelio, Benjamin và Olivia.

“Charlie!” Benjamin thét vang. “Bồ có thấy Hạt Đậu không?”

Charlie vẫn chưa hoàn hồn. Bám chắc lấy thanh vịn cầu thang cho khỏi té, nó nói, “Có chút vấn đề ở đây, Ben à.”

6. Chương 05

Làn hơi nước màu xanh lá cây

“Charlie Bone, tao ghét mày!”

Cơn giận ình ình nổ tung của Benjamin không giống tính nó chút nào, đến nỗi Charlie chỉ đứng đực ra, sưng sốt dầm ằng bạn.

“Mày lúc nào cũng ế,” Benjamin ét toáng. “Mày luôn làm mất chó của tao. Lần trước nó suýt bị chết đuối, lần trước nữa khi ầy bùa tới ì...”

“Benjamin Brown. Bình tĩnh coi.” Ông cậu Paton quát.

Miệng Benjamin ngậm tịt lại ành cái mím môi dỗi hờn. Gương mặt xanh xao của nó chuyển ành đỏ tía vì tức giận, mắt dầm nước.

Charlie đau khổ nhìn chăm chặp xuống chân. “Mình xin lỗi, nhưng mình đã cố mang Hạt Đậu về cùng với mình, mình đã cố ật mà.”

“Cậu ầy nó à?” Benjamin suýt nữa ì nghẹn chính lời của nó. “Làm sao cậu ra được còn nó ì không? Nó bị kẹt ở nơi ghê rợn đó rồi... và... và...”

Ông cậu Paton đặt tay lên vai Benjamin và nhẹ nhàng đẩy nó về phía nhà bếp. “Nào, ngồi xuống đất đã, tất cả. Chúng ta cần bàn ảo mọi việc ật cần ận nào.”

Một giọng giống giả từ phòng khách vọng ra. “Xời, còn làm gì được nữa?”

“Tôi nghĩ đây là âm mưu quỷ quyết gì đó của bà, có phải không Grizalde?” Ông cậu Paton trả miêng.

“Của ta?” Vẫn cái giọng ai oán đó chõ ra. “Ta chả biết gì với cái gì về nó sất. Bức tranh bọc giấy kín mít. Làm sao ta biết Charlie sẽ nổi cơn tọc mạch?”

“Bà đã biết hết.” Ông cậu Paton lầu bầu. Lừa tất cả vào nhà bếp xong, ông đóng sầm cửa lại.

“Để ta làm ít bánh sandwich,” ngoại Maisie nói bằng giọng êm ru, tỉnh rụi của mình.

Tất cả mọi người ngồi vào bàn bếp trong khi ngoại Maisie bắt đầu xẻ bánh mì. Ông cậu Paton bước tới bước lui, hết ngắt cầm lại gãi đầu.

Charlie nhìn Benjamin đang ngồi chầu bậu đằng cuối bàn. “Ừ... nếu tất cả muốn biết.”

“Dĩ nhiên muốn chứ. Chính vì vậy mà bọn này ở đây,” Fidelio nói.

“Quái lạ lắm,” Charlie bắt đầu, liếc êm cái nữa về hướng Benjamin. “Tớ đang đứng dưới đó, nhìn vào bức tranh ì tớ cảm ầy hình như mình bị kéo về phía nó. Dù nó bọc kín, nhưng tớ nghe ầy tiếng động từ bên trong phát ra... tiếng gió.”

“Gió?” Ông cậu Paton dừng bước và đi lại ngồi xuống bên bàn.

“Tiếp đi,” Olivia úc ép.

“Thế là tới áo giấy bọc bức tranh ra, chỉ áo chút ôi, rồi ì bắt ình ình tớ đã ở đó. Tớ hầu như không chu du gì hết. Cứ như bức tranh ò ra hút tới vô vậy.” Charlie nhìn quanh những gương mặt đang chờ đợi. Ngay cả Benjamin cũng đang nhìn trân trối vào nó.

“Ừ,” Ông cậu Paton nói, “Rồi sao?”

“Sau đó con gặp một người khổng lồ.”

“NGƯỜI KHỔNG LỒ!” Tất cả cùng ốt lên, kể cả ngoại Maisie, bà lại ré lên cái nữa do vô tình sập của tủ lạnh ngón tay mình.

“Đại loại là người khổng lồ,” Charlie chữa lại. Nó bắt đầu kể cho mọi người nghe về NGÓN CÁI DỊ và đội quân quỷ lùn, về đuôi trụi và bạch dơi, về pháo đài đen trên núi, và cuối cùng, về việc HẠT ĐẬU đã xuất hiện như ế nào và con bướm đêm của Charlie trốn trong tai của HẠT ĐẬU ra sao.

Trong suốt quãng ời gian dài Charlie kể chuyện không một lời nào xen ngang lời nó, và khi nó kể xong, một bầu im lặng sâu ắm rơi tòm xuống căn phòng, dường như không ai có ý muốn phá vỡ sự im lặng ấy, cho tới khi Benjamin nói, cực khê, “Điều gì sẽ xảy ra cho HẠT ĐẬU nếu đội quân quỷ lùn muốn bộ da của nó?”

Trước khi ai dám đưa ra lời suy đoán, ngoại Maisie đặt một đĩa sandwich ập to lên bàn, bảo, “Ăn chút gì đi, mấy con.”

“Hy vọng cái này cũng ích hợp với tôi.” Ông cậu Paton nói, nhón lấy một miếng bánh sandwich kẹp táo và hạt óc chó phồng cả ra một bên. “Charlie,” ông tiếp, “con vừa nói cho chúng ta nghe là con đã ấy một pháo đài ở xứ Badlock.”

“Ồ xa xa.” Charlie nói bằng cái miệng đầy nhóc phó mát và dưa chua. “Pháo đài của tên ấy bừa. Chỉ nhìn ôi con đã nổi da gà lên rồi.”

“Hừm.” Ông cậu Paton vuốt ngược lọn tóc đen mà ông suýt cắn chung với bánh mì ra sau. “Ta ấy xem ra tên ấy bừa Harken lại định giở trò gì đây.”

“Sao hấn giở trò được ă,” Fidelio cãi lại. “Charlie và các bạn khác tổng cổ hấn đi khi họ niệm chú xung quanh cái cây Nhà Vua rồi mà.”

“Chắc chắn hấn đi rồi,” Olivia hét ầm, nhảy chơi chơi tại chỗ nó đang ngồi, “bởi vì mẹ của Charlie đã được cứu và... và ba của nó đã tỉnh trí... rồi mẹ của Joshua, mẹ phù ỷ á, đã biến mất.”

“Và hấn không còn sống ở cửa hàng bách hóa Vương Quốc nữa,” Benjamin xác nhận với chúng, “bởi vì ba mẹ tớ đã gặp người chủ mới khi đi mua sắm ở đó rồi, ba mẹ tớ bảo ông ấy hoàn toàn bình ường, có điều hơi lên ký, eo ý mẹ là vậy.”

“Tuy nhiên.” Ông cậu Paton quay qua Charlie. “Cái bóng trong bức chân dung Nhà Vua vẫn còn đó chứ?”

Charlie ú ập là nó vẫn còn ở đấy, trong bức chân dung treo trong phòng Nhà Vua ở Học viện Bloor. Charlie hay cố đi vô đó, nhưng luôn luôn có một cái bóng đen đằng sau Nhà Vua ngăn Charlie gặp tổ tiên lấy lòng của mình.

“Vậy là ta chắc chắn rồi.” Ông cậu Paton nói.

Olivia nhướng long mày lên. “Nghĩa là sao, ư ông Yewbeam?”

Ông cậu Paton ở dài. “Có nghĩa là, Olivia cưng, rằng nếu có một cái bóng trong bức chân dung Nhà Vua, ỉ vẫn có một cái bóng ám ảnh trong cuộc sống của chúng ta... nó rất yếu,” ông nói êm khi quan sát về mặt lo lắng của bọn nhỏ, “nhưng dù sao nó cũng chỉ là một cái bóng ôi. Ta cảm ấy dường như ai đó vẫn còn liên lạc với tên ấy bừa Harken, do đó mà bức tranh mới được mang tới đây, và cung cách lạ đời của cuộc hành trình vô xứ Badlock của Charlie.”

Ông cậu Paton ấy năm cặp mắt mở căng đang dán vô mình một cách mong đợi hơn là hoảng hốt. Nhận ấy mình nên nghĩ ra cái gì đó tốt hơn, ông nói, “Nhưng người đó là ai, hay cái gì, hoặc tại sao... ta không ể hiểu được. Trừ phi, “ông gãi cằm,” trừ phi có ai đó sử dụng Gương Thần.”

“Gương Thần của bà Amoret đã bị nứt khi Joshua đánh cắp nó từ tay con rồi,” Charlie ủng ỉnh nói.

“Có lẽ nó đã được sửa lại,” Benjamin nêu ý kiến khi trong nó ước gì mình xua đi được hình ảnh con chó đói meo, bị xích vào một khối đá và tên quý lùn Ngón Cái Dị đang cầm cái kéo bự tổ chẳng, trở tới.

Gương Thần Amoret vẫn chưa được sửa. Mẹ Tilpin, tức cô Chrystal hồi đó, tuy là phù ỷ nhưng mẹ cũng có những hạn chế nhất định. Mẹ đã cố ử mọi bừa chú mục có ể tìm ấy trong cuốn Những Bừa mê và Thần chú Chọn lọc của Steffania Sugwash (quyển sách mẹ được thừa kế từ ông cụ kỵ của mẹ, Silas Sugwash khét tiếng), tất cả đều vô hiệu. Vì vậy mẹ quyết định chiêu nạp một số học trò được ban phép uật của Học viện Bloor vô một lớp học cuối tuần, ở đây mẹ kỳ vọng sẽ kết hợp những tài phép đặc biệt của bọn chúng lại để sửa chữa Gương Thần Amoret quý báu nhưng đã hư hỏng một cách đáng buồn.

Cùng sự phò tá của Manfred Bloor, mẹ Tilpin đã xoay sở trốn dưới tầng hầm Học viện Bloor. Mẹ sống tại đây với con trai, Joshua – cái ằng này dạo gần đây hay gắt gồng, phát cuồng mỗi khoảnh khắc phải chui nhủi trong hai căn phòng bẩn ỉu ẩm ập cùng bà mẹ luôn tụng kinh ề ề, đốt ảo được trong tô sắt và ỉnh oảng lại còn bắt nó nhảy chung với bà ta những vũ điệu kinh hỗn. Nhưng bà ta là mẹ nó, và nó không trách móc bà ta - ôi không đâu nó hận là hận Charlie Bone, kẻ đã khiến mẹ nó phải chịu cảnh giấu mình; Charlie, kẻ đã đánh cắp Gương Thần Amoret và khiến cho Joshua phải làm bề gương.

Chẳng có nhiều đứa trẻ chọn tiêu pha những buổi chiều ứ Bầy của mình trong căn phòng đầy âm khí dưới tầng hầm Học viện Bloor, nhưng Dorcas Loom và chị em sinh đôi nhà Branko, Idi và Inez, là bọn hâm mộ cô Fairy Tilpin, như chúng ích gọi mụ như vậy, lại làm ế. Tên gọi này của mụ đã có ời rất hợp linh, nhưng kể từ khi mụ Tilpin liên lạc với tên ầy bùa Harken ì không ể còn ế nữa. Dĩ nhiên Joshua cũng am dự lớp học, nhưng ành viên cuối cùng của nhóm, Dagbert Endless, ì ít hăng hái nhất. Trong khi bọn khác nhòai cả người qua bàn, mê mẩn lắng nghe mụ Tilpin ì Dagbert lại ích a ần vô những xó tối. Thỉnh oảng nó liếc nhìn nhóm người lèo tèo kia bằng vẻ mặt ngờ vực không che giấu. Điều này khiến mụ Tilpin sôi máu, nhưng mụ chưa lần nào phê bình Dagbert, bởi vì mụ biết nó là đứa hung mạnh nhất trong tất cả bọn trẻ ở đây, và nếu mụ mà mang được ầy bùa Harken trở về ế giới này ì Dagbert sẽ là một đồng minh vô giá.

Hôm nay, mụ Tilpin đang cảm ầy lạc quan cực kỳ. Bọn oắt con đã sẵn sàng phát huy tài lực. Mụ cất quẫy Những Bùa mê và Thần chú Chọn lọc của Steffania Sugwash vào một học tử và khóa lại bằng chiếc chìa khóa nhỏ bằng vàng mà mụ luôn giữ trong túi áo.

“Á á! Hôm nay cô không dạy chúng em về Steffania sao?” Một trong hai đứa sinh đôi nhà Branko khiến cho một chiếc ghế khăng khiu bay lảo đảo qua phòng.

“Nóng nảy sẽ không đưa người đi tới đâu,” mụ Tilpin mắng. “Ai đã làm vậy?”

“Em,” đứa sinh đôi vừa làm nhận.

“Ừ, nhưng người là đứa nào trong hai?”

“Cô mà không nhận ra được à, cô T?” Giọng nói từ trong bóng tối bên cạnh một cái tủ to lù lù vọng ra. “Thế mà em tưởng cô biết tất cả mọi ứ cơ chứ.”

Mụ Tilpin quyết định lờ tịt Dagbert đi. “Nếu người không nói cho ta biết người là đứa sinh đôi nào ì bài học kết học tại đây.”

Hai chị em sinh đôi nhà Branko ngồi sát vào nhau, giương mắt dòm mụ Tilpin bên dưới mảng tóc đen ui chạy ngang qua trán. Hai bộ mặt trắng bột như sứ không biểu ị tí ti cảm xúc nào, nhưng rồi một trong hai đút bất ần ré lên, “Inez, ư cô Fairy Tilpin, em là Inez.”

“Không phải, mày là Indi,” Dagbert vặn vẹo.

Đến đây ì sự việc đã đi quá xa. “Dagbert Endless, nếu người không ôi phá lớp đi, ì ta sẽ không có giải pháp nào ngoài đuổi người.”

“Đuổi ì đuổi.” Dagbert bước về phía những tấm ván gãy nát dung để làm cửa cho cái được-gọi-là lớp học.

“Dừng lại!” Mụ Tilpin ra lệnh.

Dagbert đã ra tới cửa, ghéech mắt dòm lại.

Mụ Tilpin đảo mắt gớm ghiếc lườm ằng bé đang làm mặt căng căng. Thằng ranh này bốc mùi cá tanh lòm, mặt xanh rớt như tàu lá, còn tóc ì dài lều nghều khiến đầu óc mụ liên tưởng tới rong biển. Nhưng mụ cần nó.

“Ta đã không nói người bị đuổi,” mụ Tilpin nói có hơi hám phỉnh nịnh. “Ta chắc chắn chúng ta sẽ hòa uận nếu chúng ta cùng cố gắng hơn. Có một vật ta muốn chỉ cho riêng mình người coi. Dagbert.”

“Tại sao là Dagbert?” Joshua ắc mắc.

“Ồ, cả các người nữa,” mẹ nó bảo, đoạn với vẻ gây chú ý đầy kịch tính, mụ ò tay xuống gầm bàn và lôi ra một tấm gương lồng khung kim loại quý sáng lấp lánh. Giơ ra cho từng đứa một cảm nhận ánh sáng chói lóa từ mặt gương bóng ngời, mụ tuyên bố, “Gương Thần Amoret.”

“Nó bị nứt,” Dagbert nhận xét.

“Chính xác,” mụ Tilpin mỉm cười.

“Cô có ý gì khi nói... chính xác?” Dorcas Loom hỏi bằng giọng lè nhè của nó.

Mụ Tilpin không hoàn toàn vô cảm. Mụ cảm ấy tội nghiệp cho cái con Dorcas mặt phèn phẹt đỏ gay và mái tóc xoăn tít ò lò kia. “À, hừ, lý do ta chỉ cho các người Gương Thần này là bởi vì nó bị nứt. Ta nghĩ nếu kết hợp tài phép phi ường của chúng ta lại, thì chúng ta sẽ có ể, và sẽ có khả năng sửa nó.” Mụ đặt tấm gương lên bàn, để hả nhận ấy Dagbert đã tiến lại gần hơn.

Ba đứa con gái háo hức cúi rạp người xuống bàn và ngó chòng chọc tấm gương bạc. Định nhìn bóng mình sẽ được soi vào gương, bọn chúng choáng sốc khi nhìn ấy một màn sương khói nhiều màu lơ mờ trên bề mặt.

“Giống như nước,” Inez bình phẩm.

Dagbert tiến lại gần hơn và nhìn qua vai Joshua.

“Sao chúng em không nhìn ấy mình trong đó,” Dorcas hỏi.

“Bởi vì các người không có ở đó,” mụ phù ỷ lẩm rầm.

Dagbert chìa tia nhìn ngờ vực vào mụ và nói rành rỏ. “Chúng tôi ở đây. Cho nên hình chúng tôi phải ở trong đó chứ.” Nó chỉ vào tấm gương.

“Ồ. Nhưng đây là Gương Thần Amoret,” mụ Tilpin đáp. “Ta thấy rằng người không biết câu chuyện này Dagbert. Ta sẽ làm người hài lòng ngay. Cách đây chín trăm năm, Vua Đỏ, mà tất cả những người trong căn phòng này công nhận là tổ tiên của mình, đã...”

“Không phải là tổ tiên duy nhất,” Dagbert chỉ ra.

“Suyt!” Mấy đứa kia nhắc.

Mụ Tilpin tiếp tục như ể sự phá ngang không hề hiện diện, “... có mười người con. Bà Lili, con gái cả của Người cưới ầy bà Harken và ta là hậu duệ của sự kết hôn này.”

“Húu-uu!” Dagbert huýt sáo.

“Bà Amoret, con gái út của Nhà Vua, cưới một...” mụ Tilpin ngúc ngoắc những ngón tay trắng trợt của mụ trên không, “một gã khổng lồ, ta tin ể.”

Dagbert lại huýt sáo, nhưng tất cả lơ nó đi.

“Nhà Vua làm cho bà Amoret một tấm gương, một tấm Gương Thần có ể giúp bà ta chu du. Bà ta chỉ việc nhìn vào Gương Thần và nghĩ đến người mà bà ta mong ước ấy, và thế là, bà ra đã ở bên cạnh họ rồi.”

Đến đây ì Joshua kể tiếp câu chuyện mà đến bây giờ nó đã uộc nằm lòng. “Nhưng bà Amoret chết và ầy bà Harken ừa kể Gương Thần.”

“Thật không? Có ật ông ta thừa kể Gương Thần?” Dagbert khịt mũi một cái, ra điều không tin. Đôi mắt xám của mụ Tilpin quắc lên. “Đúúú! Thừa kể!”

“Tao cầu cho mày đừng phá bình nữa, Dagbert,” Idi cầu nhàu. “Mày làm phiền tui tao nhiều quá.”

“Thế ì xin lỗi!” Dagbert nhún vai và bước đi.

“Khoan!” Mụ Tilpin ra lệnh. “Ta đã đưa ầy bà Harken trở lại bằng cái này.” Mụ chộp lấy tấm gương và giơ lên.

“Nhưng Charlie Bone đã lấy được, bọn ta đã đánh nhau và tao làm bể nó,” Joshua tiếp, “rồi sau đó Charlie tìm ra thần chú đưa ầy bà Harken trở về xứ Badlock.”

“Và ngài vẫn ở đó cho tới khi Gương Thần được chữa lành,” mụ Tilpin nói lời. “Nhưng chúng ta sẽ làm được, phải không bọn trẻ? Ta và các người hợp lực để ầy bà Harken có ể lại một lần nữa bước đi cùng với chúng ta.”

Bọn chúng ngược lên nhìn xoáy vô người phụ nữ nước da tái mét, lông mày rậm dày, người đã từng là một cô giáo xinh đẹp tóc vàng dễ mến. Tóc mụ bây giờ suôn đuột không còn màu sắc, đôi mắt dề lên những quầng âm, ậm chí cả cái miệng của mụ cũng rúm lại ành một đường kẻ tím ngắt. Lẽ nào đây là điều xảy ra khi người ta chịu nhượng bộ làm phù ỷ? – Đám con gái âm hồi.

Dagbert Endless ngo nguậy muốn đi ra phía cánh cửa tạm. “Tôi dìm chết người,” nó nói, “tôi không ấy mình có ể vá tấm gương đó bằng cách nào.”

“Nhìn đây!” Mụ Tilpin ra lệnh, vung vẩy tấm Gương Thần một cách vô vọng. “Hãy kính ngạc đi! Dagbert Endless! Hãy kính sợ, hãy sửng sốt, hãy choáng ngợp.”

Dagbert vâng lời mụ ta bằng một cái liếc tò mò về phía tấm gương lồng trong khung quý. Rồi nó nhìn êm cái nữa. Mắt nó căng tròn ra, quai hàm há xệ xuống. Bởi vì đó kia, giữa những hình ù và màu sắc chuyển động không ngừng, một hình nhân đang dần hình thành. Đầu tiên là một chiếc áo chên màu xanh lục, rồi tới khuôn mặt da màu ô-liu nhưng chưa rõ ảnh nét hay đặc điểm gì hiện ra bên dưới làn mây của mái tóc nâu vàng. Từ từ, trong khuôn hình ô-van của gương mặt, hai con mắt màu xanh lá cây đậm phòi ra – chúng hình như đang chìa ăng vô Dagbert và, dưới ánh nhìn dữ tợn, có sức không chế đó, nó ấy chân mình đang nhúc nhích về phía tấm gương. Thế nhưng khoảnh khắc đặc ăng của mụ Tilpin bị cướp mất bởi một tiếng ình chói tai. Cánh cửa gỗ mụ ình linh đổ ập và một ăng bé tóc trắng nhỏ tẹo đổ nhào vô phòng. Nó nằm vập mặt trên tấm ván gãy, và tất cả mọi người trở mắt nhìn nó, không ốt nên lời, cho tới khi mụ Tilpin tìm lại được giọng.

“Billy Raven! Gián điệp!” Mụ ết rầm.

“Tên rình mò!” Joshua gào.

“Đồ hót lẻo nghe lén!” Dorcas hùa tiếp.

“Thằng chồ mũi!” Hai đứa sinh đôi đồng anh.

“Sao mày tìm được bọn tao, Billy?” Dagbert hỏi khi vừa rùng mình oát khỏi ánh nhìn màu xanh lá cây đậm.

Billy Raven lồm cồm đứng dậy, lọng cọng vừa tìm mắt kính vừa nói, “Em đang tìm con chó của em.”

“Con May Phúc già khú ghẻ lở,” Joshua gần giọng.

Mụ Tilpin đặt tấm gương rất nhẹ xuống bàn và bước tới chỗ Billy. “Sao mày không ở nhà Charlie Bone?” Mụ hỏi với giọng lạnh tanh.

“Anh ấy quên hỏi em,” Billy xịt mũi, rút một cái dầm ra khỏi lòng bàn tay.

“Quên,” mụ Tilpin nói. “Vây là không tử tế. Ta tưởng nó là bạn của mày.”

“Anh ấy là bạn,” Billy lí nhí, “nhưng ình oảng anh ấy bạn.”

“Ồi! Billy tội nghiệp,” Dorcas ỉ ôi.

Billy chu mỏ, lén liếc nhanh về phía cái bàn. Một làn mây giống như hơi nước màu xanh lá cây đang bay cuồn cuộn khỏi tấm gương lên phía trần nhà ầm ập. Tất cả mọi người quay qua nhìn eo ánh mắt của nó, ai nấy mắt chữ O mồm chữ A.

“Đó là gì ế?” Billy ắc mắc.

Mụ Tilpin chấp hai tay vào nhau, lộ vẻ sung sướng vô ngần. “Billy Raven, đó là một ông điệp từ tổ tiên của ta. Đường như mày vừa mới làm ngài ấy ất vọng.”

“Em?” Cái cảm giác lạnh buốt chạy dọc sống lưng Billy không liên quan gì đến nhiệt độ trong căn phòng của mụ Tilpin. Cảnh tượng làn hơi nước màu xanh lá cây làm nó khiếp hãi, đến nỗi không nghe được tiếng gõ kêu rắc rắc khi có ai đó bước qua cánh cửa sập.

Thình lình vai Billy bị tóm chặt từ đằng sau và ăng bé kêu hốc lên bặt vía.

“Mày làm gì ở đây?” Manfred Bloor xoay người ăng bé về phía hắn. “Sao mày không ở nhà Charlie Bone?”

Billy nhìn vào đôi mắt đen hung ác đang găm xuống mình. Nó luôn rờn rợn Manfred Bloor – với gương mặt xương xẩu và đôi vai hẹp, trông hắn như một ông già hơn là một anh niên mười chín tuổi. Mái tóc dài cột đuôi ngựa đã điểm những sợi xám, và cái áo lạnh màu đen bó cứng hắn mặc chỉ càng nhấn mạnh êm bộ khung gầy nhằng của hắn.

“Hả?” Manfred gừ.

“Anh... anh ấy không hỏi,” Billy áp ứng.

“Không hỏi. Đó không phải là lý do.” Manfred khinh khỉnh liếc nhìn đám nhóc ngồi quanh chiếc bàn và khi nhận ra Dagbert hần liền nhếch ra nửa cái cười.

Trong lúc đó làn hơi nước màu xanh lá cây chỉ còn lại một sợi mây mỏng như mạng nhện, lơ lửng hướng lên mái trần lát gạch. Hình như Manfred không trông thấy nó. “Cút đi lũ nhóc!” Hần sửa. “Ta muốn nói chuyện riêng với bà Tilpin.”

Cả lũ đồng anh: “Vâng, thưa ngài Manfred,” xong rồi Dorcas, hai chị em sinh đôi, Joshua u dọn sách vở của chúng và tiến ra cửa. Dagbert không hó hé gì, nhưng cũng eo tụi kia. Khi cả bước qua đồng gỗ vụn, đột ngột nó quay phắt lại và mấp máy môi, “Bà ta muốn đưa một ầy bùa về đi trong trên ế giới này. Thấy nghĩ gì về việc đó, ầy Manfred?”

“Ta nghĩ đó là một ý tưởng xuất sắc,” Manfred đáp, kèm eo một trong những kiểu cười độc địa của hắn.

“Thật à?” Dagbert nhướng lông mày lên rồi bước ra hành lang tối.

“Cả mày nữa,” Manfred bảo ằng bé tóc trắng, hình như đáng bị ôi miên.

Billy giật nảy mình. Nó ngó dáo dác căn phòng như ể không biết làm sao mà mình lại ở đó, rồi lê bước qua khung cửa.

“Bảo gã Weedon đến sửa cánh cửa mày đã làm đổ,” mẹ Tilpin gọi với eo ằng nhỏ.

“Vâng,” Billy nói ịu xịu.

Manfred nhặt hai mẩu ván lên gác chéo qua khoảng trống gió lùa. Phủi hai tay cho sạch bụi, hắn đến ngồi xuống bàn. “Rất đáng hài lòng,” hắn nói, cười ngoác để lộ ra một hàm răng dài vàng ệch.

“Anh có vẻ mãn nguyện về mình đấy,” mẹ Tilpin nhận xét.

“Ồ đúng ế, Titania. Bà không nhận ra sao?”

“Nhận ra cái gì?” Xem ra mẹ Tilpin đáng quan tâm đến gương mặt của mẹ hơn bất kỳ lời nào Manfred nói.

“Nó đang trở lại,” Manfred bầu chặt lấy cạnh bàn và chồm người tới trước. “Tài phép của tôi, Titania. Nhớ không, bà đã nói là nó sẽ trở lại nếu tôi kiên nhẫn. Bà đã nói, “Hãy ư giãn, cứ cố gắng nhưng đừng bắt ép nó.Ồ, tôi vừa mới ôi miên Billy Raven xong. Bà không nhận ra sao?”

“Ta nghĩ vậy.” Mẹ Tilpin chau mày vào tấm gương, lăm bầm, “Ngài không vui.”

“Khi lũ báo tấn công tôi, tôi đã nghĩ ế là mình tiêu đời rồi, nhưng giờ ì tình ế đã đảo ngược. Tôi mạnh hơn bao giờ hết.” Manfred giang rộng đôi cánh tay khẳng khiu dài ượt ra.

“Ta nghĩ đó là sự giận dữ,” mẹ Tilpin nói, vẫn không rời mắt khỏi tấm gương, “Cơn giận dữ và nỗi sợ hãi, hai yếu tố hùng mạnh. Chúng có ế tạo đường dẫn cho những sức mạnh còn nằm ngủ yên trong chúng ra.”

“Thế ư?” Manfred nhúu mày với tấm gương. “Chuyện gì đang diễn ra ế, Titania?”

Ánh mắt vẫn dán chặt vô tấm gương, mẹ Tilpin lăm bầm, “Ngài đang chờ ằng bé bạch tạng. Ta chưa cho phép anh sử dụng tên của ta để gọi ta.”

Manfred nhún vai, “Xin lỗi, Fairy Tilpin, nhưng cái tên đó rất hợp với bà.”

Mẹ Tilpin nhăn mặt. Mẹ không bao giờ biết cách nhận lời khen. “Ta cảm ầy ngài đang tức giận, ngay ở đây.” Bỗng mẹ tự dấm ật mạnh vô bụng mình. “Ngài muốn Billy vào hôm nay. Khi Eustacia Yewbeam mang bức tranh đi, mẹ đã bảo đảm với ta là ằng bé bạch tạng sẽ ở nhà Charlie mà.”

“Có gì vội vã ế?” Chúng tôi bảo đảm chắc chắn ằng bé đó sẽ nhìn vô bức tranh vào ứ Bảy tuần sau. Rồi nó sẽ nói chuyện với con chó và bá tước Harken sẽ bắt được nó.”

“Con chó đó còn lâu mới cầm cự được một tuần,” mẹ Tilpin cau kỉnh. “Bọn quỷ lùn ăn ịt chó, anh biết đấy.”

“Khổ nó chưa.”

Mụ Tilpin dậm chân. “Này, đừng có bông phèng. Anh quên Thầy Bùa làm việc này là vì anh à? Ngài đã hứa sẽ giữ ằng bé ở lại cho đến khi bản di chúc mắc toi kia được tìm thấy và được hủy bỏ. Anh ử tưởng tượng coi cái gì sẽ xảy ra nếu Lyell Bone trở lại và nhớ ra bản di chúc được cất giữ ở đâu. Trò chơi sẽ kết thúc, Manfred Bloor. Billy Raven sẽ ừa kế tất cả mọi ứ. Nhớ đấy: “Tòa nhà này, tòa lâu đài cổ xưa, ậm chí cả những cửa cái giấu bên dưới giường của lão Ezekiel.”

Manfred tắt ngúm nụ cười và vẻ mặt trở về lạnh lùng ma mãnh, mụ Tilpin bắt giắc áp chặt tấm gương vào ngực, như ể cái hình hài màu xanh là cây đang lộn gợn trong mặt gương có ể bảo vệ mụ khỏi tia nhìn chết chóc của gã anh niên.

“Lyell Bone sẽ không bao giờ trở lại,” Manfred rít chặt. “Bọn ta cứ chờ đi rồi ấy.”

7. Chương 06

Quán cà phê thú kiểng bị đóng cửa

Thật lâu sau khi những người bạn thân thiết ra về, Charlie vẫn đi lẩn quẩn quanh nhà. Lên rồi xuống cầu thang, vô rồi lại ra khỏi phòng nó, nó lại lọ mọ chui xuống tầng hầm, ở đó nó nhìn trần trần vô hình ảnh Hạt Đậu, những mảng lông trắng chen lẫn mảng lông nâu vàng, cái mũi đen bóng và đôi mắt nâu vàng mang vẻ hờn trách đang nhìn xoáy vô mắt Charlie.

“Tao đang tìm cách đưa mày thoát khỏi đó, Hạt Đậu,” Charlie lảm nhảm, nhưng dù cố hết sức nó vẫn không thể chạm tới con chó bị kẹt ở xứ Badlock, một nơi xem ra thậm chí không tồn tại ở thế giới thực. Ai đó đã tạo ra một thanh chắn giữa Charlie và sinh vật đáng thương mà nó đang tha thiết muốn cứu. Charlie biết thừa kẻ đó là ai, bởi vì nó đã gặp bức tường không thể nào xuyên qua được như thể bất cứ khi nào nó cố đi vào bức chân dung Vua Đỏ.

Ông cậu Paton đã rút lui vô phòng riêng để nghiền ngẫm vấn đề. Theo ý kiến của ông thì Billy Raven mới là đứa giải tỏa được sự huyền bí của câu chuyện Hạt Đậu bị giam hãm. Rất có cơ hội thằng bé bạch tạng này sẽ bằng cách nào đó liên lạc được với con chó trong bức tranh.

Nhưng Billy đang bị nhốt trong học viện Bloor và chẳng có cơ may nào được thả ra vào cái giờ muộn màng ngày Chủ Nhật như thế này. Họ đành phải đợi đến cuối tuần sau, khi Charlie chắc chắn sẽ đưa Billy về cùng.

“Một tuần là quá dài,” Charlie thất kinh kêu lên khi nghĩ tới Ngón Cái Dị và cái thói khoái thịt chó của hần.

Ngoại Maisie bật tivi nhà bếp lên, vẽ mặt vốn thường vui vẻ của bà hần những nếp lo âu. “Giờ chúng ta không thể làm gì được, Charlie à. Cho nên chúng ta cố phải mà vui lên thôi,” bà nói.

Charlie không thể đồng tình với và. Nó định trở xuống tầng hầm lần nữa thì nội Bone đi xuống cầu thang, diện đồ là lượt để đi ăn tối với các bà em. Charlie đứng bên cánh cửa tầng hầm, nhìn cái dáng cao lớn đi hùng hổ về phía cửa trước. Dù biết là vô ích nhưng Charlie vẫn không kìm nổi, phải hô tướng lên.

“Nội ơi! Làm ơn, làm ơn đi, bà có biết tại sao con chó của bạn cháu bị khoá ở trong bức tranh đó không?”

Nội Bone lờn khờng.

Charlie bước về phía mụ. “Nếu nội biết tại sao việc đó xảy ra thì nội làm ơn nói cho cháu biết cháu có thể mang Hạt Đậu ra khỏi đó bằng cách nào được không?”

“Tao hy vọng mày đã làm xong bài tập về nhà của mày. Ngày mai đi học rồi.” Mụ xoay cái nắm cửa.

“Làm ơn đi nội!” Charlie năn nỉ.

Không nói thêm lời nào bà nội nó mở cửa trước bước ra, để mặc gió đông đóng sầm cửa lại đằng sau.

“Cảm ơn nội!” Charlie lầu bầu.

Nó vừa mới bước được và bước xuống tầng hầm thì chuông cửa reo. Nội Bone quên chìa khóa ư? Charlie cố làm ngơ tiếng chuông, nhưng nó vẫn reo điên cuồng. Dù là ai gọi, thì ngón tay người đó đánh hẳn vào cái chuông luôn và học không buông tay đến chừng nào có người ra mở cửa.

Charlie lê bước trở lại cửa trước. Hầu như nó chỉ vừa xoay nắm cửa thì một phụ nữ nhỏ bé tóc nâu trong bộ com-lê vải tuyết và mũ lưỡi trai đàn ông đã xông ào vô hành lang. Charlie nhận ra ngay mẹ của Benjamin, cô Brown.

“Charlie, ông cậu của cháu đâu?” Cô Brown hỏi.

“Ông ấy bận ạ.” Charlie biết ông cậu Paton ghét bị quấy rầy vào lúc sắp tối, khi tắt cả đèn đóm sáng lên. “Nếu về Hạt Đậu...”

“Dĩ nhiên rồi!” Cô Brown nói to. “Cháu đã làm gì thế? Benjamin âu sầu không nguôi...”

“Cháu biết...” Charlie gật đầu.

“Cháu không biết, Charlie Bone, chứ biết thì cháu đã không làm thế.”

“Nhưng cháu...”

“Ông Paton!” Cô Brown gọi lên lầu. “Tôi biết ông ở trên đó. Tôi thấy đèn sáng ở cửa sổ phòng ông. Tôi phải nói chuyện với ông.”

Một cánh cửa bật mở và ông cậu Paton xuất hiện nơi đầu cầu thang. “Gì thế, Patricia?” Ông cậu nói hơi cộc.

“Gì ư? Ông biết rõ còn gì,” cô Brown hé to. “Ông nhốt con chó của Benjamin ở đây và chúng tôi muốn lấy lại chó.”

“Chính xác nó không ở...” Charlie cố giải thích cho cô.

Rõ ràng, cô Brown coi như Charlie không có mặt ở đó. “Im coi,” cô nói. “Cô đang nói chuyện với ông cậu của cháu. Hạt Đậu đâu? Tôi muốn thấy nó.”

“Nếu cô khẳng khẳng.” Ông cậu Paton trở vô phòng ông và trở ra với một ngọn nến cầm theo. “Vui lòng đừng bật đèn,” ông nói khi đi xuống cầu thang.

“Điều đó có mơ tôi cũng chả dám,” cô Brown nói.

Ông cậu Paton dẫn cô xuống tầng hầm, trong khi Charlie lúp cúp theo đuôi cách vài bước. Vừa trông thấy hình vẽ Hạt Đậu đang tru không thành tiếng trong cảnh thê lương ác mộng, cô Brown rú lên và chấp hai tay vào nhau.

“Chuyện gì thế?” Cô thở hắt. “Benjamin kể không mạch lạc. Tôi không hiểu nổi nó nói gì.”

Charlie bắt đầu giải thích và lần này cô Brown cho phép nó kể hết câu chuyện hoặc ít nhất là hết phần có Hạt Đậu. Charlie bỏ hầu hết về các chi tiết về xứ Badlock và không nói rõ người đã cứu nó là một ông khổng lồ.

“Mọi người định sẽ làm gì?” Cuối cùng cô Brown hỏi. “Làm sao mang con chó của chúng tôi ra khỏi đó?”

“Tôi hy vọng cô giúp đỡ Patricia,” ông cậu Paton gượng gạo. “Cô là thám tử tư.”

“Đừng khiếm nhã thế ông Paton,” cô đập lại. “Tôi không thể đối phó với... với tất cả những thứ ma thuật đó. Ồi, đôi lúc tôi nghĩ giá như Charlie và Benjamin đừng bao giờ là bạn. Đáng ra tôi không nên để việc này tiếp diễn, một khi tôi biết Charlie rất... khác.”

Ông cậu Paton trừng mắt ngó cô. “Cô để chúng làm bạn với nhau là vì bà Maisie chăm sóc con trai cô trong khi cô lang thang khắp đất nước cải trang thành Sherlock Holmes.” Ông bước nhanh khỏi bức tranh và bắt đầu leo lên cầu thang. “Đi, Charlie.”

Charlie im thít đi theo.

“Xin lỗi,” cô Brown nói theo, loáy hoáy bước sau hai ông cháu. “Lẽ ra tôi không nên nói những điều đó. Chỉ tại tôi lo lắng cho Ben.”

Ngoại Maisie nhảy bổ ra khỏi nhà bếp và nhẹ nhàng mời, “Cô uống chút cà phê nhé, cô Trish?”

Cô Brown liếc nhìn gương mặt lạnh lùng của Ông cậu Paton. “Tôi... à, vâng. Hay quá. Nếu chúng ta có thể bàn luận sự việc một cách bình tĩnh hơn...”

Ngoại Maisie đã thấp vài ngọn nến và nhà bếp lung linh ánh sáng thân thiện. Một đĩa bánh quy sô-cô-la mời gọi đặt ở trên bàn và ông cậu Paton mềm lòng phải ở lại cùng cô Brown và ngoại Maisie. “Mặc dù tôi thích cô-ca và cà phê hơn,” ông nói.

“Con cũng thế,” Charlie bảo.

Bầu không khí căng thẳng dịu đi một chút, nhưng cô Brown dường như không thể tổng khứ được nỗi lo lắng cứ nhủ lại ở trước chán cô. “Đáng ra tôi phải quen với việc này,” cô nói. “Tôi biết thành phố này khác với những nơi khác. Tôi biết nhà cửa nơi này được xây dựng trên những chiến trường cổ xưa và tại những địa điểm tràn ngập ma thuật khi trời tối. Tôi biết có những việc xảy ra không ai giải thích được, những bí mật mà đến cảnh sát cũng không muốn dây vào để giải quyết, những tội ác mà họ không dám công bố. Và đôi khi, thật là nổi ám ảnh cho những người bình thường như tôi, như anh Brown nhà tôi và... Benjamin. Nhưng cứ có gì đó cứ giữ chân chúng tôi ở thành phố này. Tôi nghĩ đó là bởi vì bất chấp mọi việc, chúng tôi cảm thấy ở đây có một đáng hào hiệp tốt bụng vô cùng.”

“Vua Đỏ,” Charlie nói khẽ. Cảm thấy mắt mọi người đang nhìn mình, một cách có ý thức, nó nói thêm, “Ngài vẫn còn ở đây.”

“Ý con muốn nói là linh hồn của ngài chứ gì, Charlie,” Ông cậu Paton đỡ lời.

Charlie lắc đầu. “Không, còn hơn thế. Con đã nhìn thấy ngài. Con đã bảo với ông rồi, Ông cậu Paton: một hiệp sĩ cài lông chim đỏ trên mũ giáp, ngài mặc áo chùng đỏ và phi một con ngựa trắng. Ngài đã cứu con, hai lần.”

Trong một lúc không ai nói gì. Thậm chí cả Ông cậu Paton cũng không thể tìm ra lời lẽ giải thích về Hiệp sĩ Đỏ, nhưng cuối cùng ông bảo, “Đó không phải là Nhà Vua đâu, Charlie.”

“Thế thì là ai?” Ngoại Maisie hỏi. “Ai mặc như thế, lại cưỡi ngựa trắng phi trong đêm?”

Ông cậu Paton nhún vai. “Cái đó, tôi không biết.”

Cô Brown đứng dậy, đội mũ vô. “Tôi đến đây vì con chó. Nhưng giờ tôi thấy hoang mang hơn bao giờ hết.”

“Charlie nghĩ Billy Raven có khả năng giúp,” ngoại Maisie nói.

“Billy Raven?” Cô Brown nói sáng. “Làm sao thằng bé có thể... á, dĩ nhiên, nó có thể liên lạc được với...”

“Thú vật,” Charlie nói hốt. “Cháu nghĩ nó có thể hiểu Hạt Đậu đang cố nói gì với chúng ta. Nhưng chúng ta phải đợi đến cuối tuần sau.”

Cô Brown thở dài. “Nó là hy vọng duy nhất của chúng ta. Đành vậy. Tôi về thì hơn. Tôi nghĩ ngày mai Benjamin có thể đi học nổi.” Cô thấy ánh mắt giận dữ lần cuối cùng vô Charlie trước khi ai đó nói thêm lời nào và dùng dưng bước ra.

“Tôi quên không hỏi tại sao cô ấy mặc đồ đàn ông,” Ông cậu Paton nói.

“Tôi cũng quên,” ngoại Maisie bảo.

Charlie lên lầu gói ghém đồ đạc ngày mai đi học. Một tuần ở trường nội trú có nghĩa là nó phải mang đồ ngủ, khăn tắm và quần áo sạch. Tai họa cho đứa học trò nào quên mang bàn chải đánh răng. Bà giám thị, bà cô Lucretia của Charlie, sẽ phạt cấm túc đối với mọi sự sơ suất nhỏ nhất.

Vào sáng thứ Hai, chiếc xe buýt chở học sinh màu xanh da trời đón Charlie ở đầu đường Filbert. Nó mặc áo chùng xanh da trời, đồng phục của học trong khoa Nhạc, xách túi quần áo màu xanh da trời và cặp sách màu nâu. Fidelio, cũng mặc áo chùng xanh da trời, đã chờ chỗ cho Charlie như thường lệ. Đằng sau nó là Gabriel Silk, một anh có gương mặt dài, tóc nâu rũ xuội.

“Em có nghe nói gì về quán cà phê Thú Kiểng chưa?” Gabriel nhào người qua lưng ghế của Gabriel hỏi. “Một thăm hoạ quá sức.”

“Có thật họ đóng cửa nó không?” Charlie nhón nhác.

“Vĩnh viễn,” Fidelio rầu rĩ.

“Tất cả là do ủy viên hội đồng Loom, cha của Dorcas,” Gabriel bảo với chúng. “Ông ta lấy cớ là có lời than phiền về tiếng ồn ào ở đó.”

Quán cà phê Thú Kiểng là nơi họp mặt yêu thích của Charlie và bạn bè. Nó không thể tưởng tượng tụi nó sẽ ra sao nếu không có cái quán ấy. Hoặc ông bà Onymous chủ quán, sẽ ra sao nếu không được phục vụ khách hàng.

Khi chiếc xe buýt xanh da trời tiến vô quảng trường trước học viện Bloor, một chiếc xe buýt xanh lá cây cũng trở tới đậu bên cạnh nó và đám học sinh khoa Mỹ Thuật bắt đầu túa ra. Emma có trong số bọn này. Đằng sau con nhỏ là Tancred Torsson và Lysander Sage. Hai anh đều mười bốn tuổi và hình như không bao giờ tách rời nhau.

“Hãy, Charlie,” Tancred gọi. “Cuối tuần thế nào?”

“Đừng hỏi,” Fidelio đáp thay.

Tancred bước tới chỗ tụi nó. Mái tóc vàng lía chĩa của anh giấu trong cái nón bóng chày bằng vải nỉ, và chiếc áo chùng xanh lá cây phồng lên trong gió chính anh tạo ra. “Có chuyện gì à?”

Khi chúng leo những bậc thang lên Học viện Bloor, Charlie bắt đầu kể cho Tancred nghe về Hạt Đậu. Và vừa bắt đầu thì Charlie mới nhận ra phía bên kia nó là anh người Phi Châu, Lysander Sage, đang ghé sát đầu vô để nghe giọng rừ rì của nó.

Chúng đi giữa hai tòa tháp, băng qua cái sân gạch và lên một dãy cầu thang nữa tới cánh cửa gỗ sồi to chành oành chạm trổ những hình nhân bằng đồng. Sáng nay cánh cửa mở nhưng một khi tất cả bọn trẻ đã vô trong thì người ta sẽ khóa cửa cài then lại cho tới chiều thứ Sáu.

Charlie kết thúc câu chuyện đúng lúc chúng chuẩn bị bước vô tiền sảnh. Lysander vỗ vai Charlie bảo, “Chúng ta sẽ tới đây đưa nó ra được mà, phải không Tanc?”

“Bọn anh sẽ cố,” Tancred hạ thấp giọng trả lời.

Giờ chúng đã ở trong tiền sảnh lát đá phiến, nơi im lặng là luật. Charlie, Fidelio, và Gabriel đi vô phòng để áo khoác xanh da trời, phía trên cửa treo tấm biển hai cây kèn trumpet bắt chéo nhau. Tancred và Lysander hướng về phía tấm biển có hai cây cọ vẽ, cũng bắt chéo nhau, biểu thị phòng để áo khoác xanh lá cây.

Trong lúc đi Charlie để ý tiền sảnh hôm nay vắng vẻ hơn thường ngày. Và rồi nó nhận ra không hề có một bóng áo chùng tím nào cả. Đám học trò khoa Kịch biến đâu mất sạch.

Mãi cho đến giờ nghỉ giải lao thứ nhất chúng mới biết chuyện gì đang xảy ra. Ngoài sân chơi rộng bằng giá đằng sau học viện, bóng áo chùng tím giờ đã được trông thấy ở những đứa trẻ chạy nhảy quanh sân, tụ nhóm chuyện trò hoặc chơi đá banh ở góc đằng xa. Áo chùng Học viện Bloor được may bằng vải len dày, có mũ trùm ấm đặc biệt dễ chịu cho những sáng mùa đông lạnh lẽo. Olivia, cái mũ trùm tím đội khéo lên mái tóc quăn lộn rất hợp, chạy ào đến Charlie và Fidelio, với Emma dí theo sát nút.

Olivia vừa thở hổn hển vừa báo tin cho tụi nó. “Có một tai nạn. Kinh khủng. Ông bà Onymous đang đi xe đạp. Đàng ấy biết họ đi xe kiểu nào rồi. Bà Onymous ngồi đằng trước đạp xe, ông Onymous ngồi trên cái yên nhỏ đằng sau bà. Hờ, một kẻ lái mô tô bí hiểm tông vô họ và cả hai té xuống đất. Chiếc mô tô biến mất, nhưng một chiếc xe hơi, cố tránh họ, đụng trúng đằng sau xe buýt. Kính vỡ tứ tung, và tụi này phải xuống đi bộ tới trường.”

“Nhưng còn ông bà Onymous!” Charlie thốt lên.

“Hờ, bà Onymous đứng lên. Tớ trông thấy,” Olivia thổ hì hụi. “Bà hơi run, nhưng không sao cả, tớ nghĩ vậy. Nhưng tớ không chắc về ông. Ông vẫn nằm im như cục đá.”

Gabriel và Billy đã nhập bọn với chúng. Billy vặn vẹo hai tay vào nhau, kêu lên, “Thế còn con chuột của em thì sao? Ai sẽ cho nó ăn?”

Olivia nghiêm sắc mặt. “Chị chắc chắn con chuột của em dư sức tự lo liệu lấy. Ông bà Onymous tội nghiệp mới là những người chúng ta phải nghĩ đến. Chúng ta thậm chí còn không biết ông Onymous có còn sống hay không nữa kìa.”

Billy ngưỡng ngung nhìn tịt xuống bàn chân nó mà lẩm nhẩm, “Em xin lỗi. Em vừa trải qua một cuối tuần tồi tệ.” Lời than thở của Billy khiến lương tâm của Charlie bị cắn rứt. Đáng ra nó phải rủ Billy về nhà mình. Nó vừa định bảo Billy về kế hoạch cuối tuần tới thì tiếng tù và rúc vang khắp sân. Giờ nghỉ giải lao đã hết.

Nhóm tụi nó bắt đầu đi về phía cánh cửa vô trường, Fidelio nói, “Điều chúng ta phải tự hỏi là, ai đã tông ngã chiếc xe đạp của ông bà Onymous?”

“Và tại sao?” Emma thêm. “Bà Onymous đi xe đạp rất giỏi.”

Charlie định bảo Norton Cross, người gác cửa quán cà phê thú kiểng, có một chiếc mô tô. Nhưng ý nghĩ Norton có thể gây ra tai nạn đó thật phi lý.

Ngay khi Charlie sắp sửa bước chân vô lớp tiếng Pháp thì nó bị giật thột bạo qua bên. “Tao muốn có lời với mày,” Manfred Bloor cất tiếng.

“Nhưng em trễ giờ tiếng Phá...” Charlie bắt đầu.

“Không phải bây giờ,” Manfred cất ngang. “Hãy tới phòng Nhà Vua sớm năm phút trước giờ làm bài tập về nhà.”

“Vâng thưa ngài.” Charlie toài người thoát khỏi cú gấp đầu đón của Manfred và ù té vô phòng học tiếng Pháp. Cô Tessier mới bắt đầu bài học và Charlie lĩnh vô cái bàn cuối cùng, may mắn thoát được đôi mắt người Pháp tinh tường của cô.

Suốt ngày còn lại, tâm trí Charlie cứ chồn vờn về cuộc gặp gỡ sắp tới với Manfred. Con trai ông hiệu trưởng bây giờ là thầy giám sát tài phép. Hẳn từng là huynh trưởng hồi Charlie mới vào trường cách đây mười tám tháng. Một huynh trưởng hay dùng phép thôi miên để khỉnh bố bọn trẻ. Charlie từng là một trong những nạn nhân của hắn. Nhưng dần dần công lực của Manfred bị suy yếu cho tới khi Charlie cảm thấy hầu như an toàn khi nhìn vô cặp mắt đen như than đó. Tuy nhiên hôm nay nó nhận thấy một vẻ quái đản lóe trong mắt Manfred và nó bắt đầu lo ngay ngáy cho buổi tối phía trước.

“Sao vậy, Charlie? Em không muốn ăn bánh nhân cá à?” Fidelio hỏi.

Charlie lắc đầu. “Anh ăn đi. Em cảm thấy mắc ói.”

Chúng đang ngồi bên một trong những chiếc bàn dài bằng cả chiều dài sảnh ăn tối. Bữa tối ngon khỏi chê. Bánh gạo nở phồng và giòn rụm. Xung quanh Charlie nghe rào rào những tiếng “Ưm” “Chà,” “Aaaah!” đầy thỏa mãn sung sướng. Những chiếc đĩa vết sạch trơn và một hay hai đĩa trẻ lên lên liếm đĩa. Nhưng Charlie thấy chẳng muốn ăn. Ánh mắt nó liên tục đảo tới bàn giáo viên ở bục cuối phòng, nơi Manfred đang ngồi giữa thầy Paltry dạy sáo và cô Marlowe dạy kịch.

“Charlie! Charlie!” Phải định thần Charlie mới nhận ra Billy, ở phía bên kia nó, đang nói thầm với nó.

“Em vừa nói gì vậy?” Charlie hỏi.

Billy cố không động dậy môi, thì thào. “Mụ Tilpin vẫn còn ở đây.”

Fidelio nghe lỏm được tụi nó. “Em nói là mẹ của Joshua, mụ phù thủy á?”

“Suyt!” Billy van vỉ. “Em đã bị rắc rối rồi. Bọn chúng chửi em là dò la chúng.”

“Ai?” Charlie nói.

“Dorcas, Dagbert, chị em sinh đôi Branko và Joshua chứ còn ai. Chúng ở trong một căn phòng cũ, tối hù dưới tầng hầm. Sau đó Manfred đi vô.” Billy lăm lét nhìn ra bàn giáo viên. “Em nghĩ bọn họ liên kết làm gì đó, ý em là mụ Tulpin với Manfred.”

Charlie rên lên một tiếng. “Manfred muốn gặp một mình em sau bữa tối.”

“Để anh đi với em, nếu em muốn,” Fidelio đề nghị.

“Không được,” Charlie ủ dột. “Anh không được ban phép thuật. Em phải gặp hắn ở phòng Nhà Vua, mà anh thì không được phép lại gần đó.”

Fidelio nhăn nhó. “Xời. Hắn không thể ăn thịt em được đâu, Charlie.”

“Có lẽ không. Nhưng em có cảm giác hắn sẽ thôi miên em.”

Cổ trù hoãn cuộc gặp cũng chẳng hay ho gì. Charlie biết nó sẽ bị cấm túc nếu tới trễ. Sau bữa tối, nó thu lượm sách vở khỏi bàn học và lê bước tới phòng Nhà Vua. Những đứa trẻ được ban phép thuật khác sẽ tới ngay thôi, nó nghĩ, vì vậy Manfred không đủ thời gian để làm gì quá khó chịu.

Trong căn phòng hình tròn ở lầu ba có một bức chân dung Vua Đỏ treo giữa những kệ sách cổ xưa. Nét mặt Nhà Vua hầu như không phân biệt được trong bức tranh mờ, đầy những vết rạn ấy, nhưng chiếc vương miện bằng vàng lấp lánh phía trên mái tóc đen cùng tấm áo chùng nhung đỏ ngài khoác trên người lại trông như thật.

“Charlie Bone,” Manfred gần giọng khi Charlie vừa lách qua cánh cửa cao màu đen.

Manfred đang ở phía đối diện Charlie, phía bên kia cái bàn tròn. “Ngồi xuống Chalie!” hắn ra lệnh.

Charlie lại chỗ chiếc ghế gần nhất và ngồi xuống, đối mặt với Manfred. Thầy Giám sát Tài phép vẫn còn đứng, ngay lập tức Charlie cảm thấy mình bị thất thế.

“Tại sao tuần rồi mày không mời Billy Raven về nhà với mày?” Manfred hỏi.

Charlie ráng cố hiểu tại sao hắn lại hỏi một câu đơn giản như vậy. Có ẩn ý gì nằm đằng sau?

“Mày bỏ rơi Billy rồi à?” Manfred truy sát.

“Không.”

“Mày muốn mời Billy về nhà.” Manfred đặt hai tay lên bàn, cúi người về trước. “Vậy có gì trục trặc, hả?”

“Em... không có gì.” Charlie rối trí. “Chỉ tại em quên.”

“Mày quên?”

Quên rủ một người bạn về nhà là tội ác hay sao? Giờ thì Charlie nghi ngờ lắm rồi.

“Lần tới mày sẽ không quên nữa chứ, Charlie?” Mắt Manfred quắc lên. Hai con ngươi đen như than nhòa nhòa những vằn sáng.

Charlie cảm thấy đau căng thốn ở trán. Việc gì hắn phải làm thế? Nó tự hỏi. Hắn đâu cần phải thôi miên mình. Đẳng nào mình cũng rủ Billy về nhà mà. Tình thế bị ép buộc phải chống cự tia nhìn của Manfred khiến Charlie nổi giận. Chuyện này trước đã từng xảy ra và Charlie đã khám phá rằng mình có khả năng khóa chặn kẻ thôi miên này. Nó cần phải nhìn vượt qua ánh mắt đen thui đó và đi sâu vào tâm trí của Manfred Bloor.

Những hình ảnh bơi bơi trước mắt Charlie: một hiệp sĩ khoác áo chùng xanh lá cây, một tên quỷ lùn bằng đá, và cuối cùng, phía xa, xa xăm trên mặt biển xám nổi sóng dữ dội, một con thuyền buồm nhỏ xíu.

“Không!” Charlie thét hoảng. Cơn đau trong đầu nó tăng dần. Charlie nghĩ nó không thể chịu đựng lâu hơn được nữa. Chắc nó phải buông xuôi mất.

“Mày sẽ...” có những tiếng nói. “Mày sẽ...”

“Sẽ... gì?” Charlie lăm bầm. Nó cảm thấy đầu nó cúi tới trước. Và rồi một hình ảnh khác cắt xoẹt bóng tối trong đầu nó: một hiệp sĩ cưỡi ngựa trắng, dải lông chim đỏ phấp phới trên mũ giáp bạc, và một thanh gươm sáng tựa như những tia nắng mặt trời.

Hình hài đen ở phía bên kia bắt đầu chìm đi. Charlie nghe thấy một tiếng vọng vắng xa, rồi cánh cửa đôi tầng sau nó xích mở và nó bị bao quanh bởi những hình thù chuyển động, nói rì rầm. Charlie ngồi thẳng lên, dụi mắt.

“Em ổn chứ, Charlie?” Tancred hỏi, ngồi xuống chiếc ghế cạnh nó.

“Dạ,” Charlie nói đầy tự tin. “Em rất ổn.” Nó nhìn qua Manfred, hắn đã ngã xuôi xuống ghế. Đầu oặt tới trước như ngủ gật.

Dorcas và chị em sinh đôi bu quanh thầy Giám sát Tài phép. Joshua vỗ vai Manfred và hắn ngẩng đầu lên. Hắn búi chặt vô cạnh bàn, cổ đứng dậy. “Tiếp tục làm bài tập về nhà,” hắn nói. Giọng hắn gần và lú lú. Tránh ánh mắt của Charlie, Manfred loạng choạng ra khỏi phòng.

Dorcas, Joshua và chị em sinh đôi ngồi vô chỗ thường lệ của chúng, đối diện Charlie. Một thoáng sau, Emma, Lysander và Gabriel tới ngồi cạnh nhau, bên kia Tancred. Billy học tốc tuôn thẳng vô và trám cái chỗ trống bên phải Charlie. Thằng bé có vẻ hốt hải và nhón nhác hơn ngày thường. Sách vở cứ văng tóe ra khỏi tay nó, mắt kính trễ khỏi mũi, lật đặt đầy kính lại như cũ, ghế của nó nghiêng chênh lên và nó té nhào xuống sàn.

Charlie không nghi ngờ gì, chị em sinh đôi nhà Branko đang cà khía. Chúng thường hạnh hạ Billy bằng sức mạnh động năng của chúng. Thằng bé là nạn nhân dễ ợt. Joshua và Dorcas ré lên cười nhạo.

“Đáng khinh!” Lysander trừng mắt nhìn chị em sinh đôi. “Đó là cách tụi bay ra oai đấy hả? Tra tấn người không thể tự vệ? Dám thử lên tôi coi, Idith. Nào, Inez thử tốc ghế của tôi xem nào.”

Chị em sinh đôi cụp mắt xuống và mở tập ra. Những chiến binh châu Phi mà Lysander có thể gọi lên không phải là điều chúng muốn đối đầu.

Dagbert Endless tới trễ. Nó ngồi một mình, ở giữa nhóm. “Thầy Giám sát Tài phép đâu?” nó hỏi.

“Ngài ấy không khỏe, khi Charlie Bone ở riêng với ngài ấy,” Dorcas đáp.

“Thế à?” Dagbert nhìn Charlie với vẻ thích thú.

8. Chương 07

Tắm lưới nhiễm độc

Phòng ngủ chung dài hút, lạnh lẽo chỉ độc một ngọn đèn đã trở nên rất quen thuộc với Charlie... đến nỗi nó cảm thấy gần như ở nhà. Nhưng tối nay nó không sao ngủ được. Một bên nó, Fidelio lơ mơ trong giấc mơ, còn phía bên kia là Billy Raven trở mình, rên rĩ trong tấm trải giường nhàu nát.

“Billy, em thức à?” Charlie thì thầm.

Billy thôi trằn trọc mà ngồi dậy. “Em lo cho Rembrandt quá. Ai sẽ chăm sóc nó?”

“Em nghe Olivia nói rồi đó. Bà Onymous không bị thương. Bà sẽ trở lại quán cà phê Thú Kiểng ngay mà. Anh cá đấy.”

“Thế còn ông Onymous? Chắc ông ấy bị... bị...” giọng Billy trượt đi.

“Sáng mai tụi mình sẽ hỏi bà bếp trưởng. Thế nào bà ấy cũng biết chuyện.” Nó nhắm mắt lại nhưng sức nhớ bèn quay qua hỏi. “Cuối tuần tới em về nhà anh chơi nhé?”

“Dĩ nhiên,” Billy nói.

“Vậy là xong.”

Fidelio vừa chui ra khỏi giấc mơ âm nhạc và ngủ ngon lành. Mãi cuối cùng Billy cũng nằm im bất động, đáng ra Charlie phải thấy dễ ngủ. Nhưng một câu hỏi khác nảy ra trong đầu nó.

Hà cố chi Manfred lại quá sốt sắng muốn Billy tới nhà Charlie? Có gì liên quan đến bức tranh xứ Badlock không? Charlie nhớ ra mình chưa nói gì với Billy về bức tranh. Thấy Billy lo lắng cho con chuột quá mức nên việc đó đã vượt khỏi tâm trí Charlie.

Ánh sáng dịu dịu của con bướm trắng lập lòe phía trên Charlie, và nó quá vui sướng đã nhận ra con bướm đã theo mình tới trường. Nhìn Claerwen lộn vòng chao liệng trong đêm tối, nó bắt đầu buồn ngủ, nhưng đến khi nó vừa thiu thiu thì một giọng nói bật lên ong ong trong đầu nó, hình như muốn cảnh báo rằng: Đừng để Billy vô xứ Badlock.

Từ chiếc giường cuối ở chung dãy với Charlie, Dagbert Endless nhìn theo con bướm trắng nhảy múa trên trần. Nó thọc tay xuống gối lấy ra một con cá vàng nhỏ và năm con cua vàng bé xíu. Nắm chặt chúng trong tay, nó lẩm bẩm “Linh vật biển” và một nụ cười quét ngang mặt nó.

Thế rồi những bức tường trống trơn của phòng ngủ chung tắm đắm màu xanh lục và xanh lá cây, lộn gợn những ánh bạc. Khi những sắc thái tựa như nước dội xuống người Dagbert, nó nghĩ về mẹ. Những linh vật biển này mẹ nó đã cho nó một tháng trước khi chết. Bà ta đã tìm thấy rất nhiều vàng từ những con tàu đắm sâu thẳm thẳm dưới đáy đại dương, sâu đến nỗi người ta tuyên bố là chúng mất tích vĩnh viễn. Nhưng đối với một người như mẹ Dagbert, một nhân ngư, thì chúng không hề vĩnh viễn mất tích, và với bà ta biển là nhà - ở biển hết như ở trong lâu đài mà chồng bà ta xây tặng. Bà ta lấy vàng dưới đáy biển làm nhẫn, xuyên, dây chuyền. Nhưng năm con cua và con cá này là những bữa đặc biệt, sẽ truyền cho thằng con thiên tài của bà ta sức mạnh có thể thắng áp đảo cha nó. Còn một con nhím biển bằng vàng nữa, đang nằm đâu đó trong đồng đồ đạc của Tancred. Người Bảo Tổ đã tịch thu con nhím biển nhằm làm yếu uy lực của Dagbert.

Khi Dagbert năm tuổi, mẹ nó bị sa lưới đánh bắt và bị dè chết dưới hàng tấn cá, những sinh vật mà bà ta luôn coi là bạn.

Dagbert hé lộ dần những sinh vật biển khỏi những ngón tay nó. Sự thể mất con nhím biển khiến nó điên tiết. Vụ đánh cắp đó chỉ là một vết mờ trong đầu nó so với ký ức về mẹ. Nhưng nhìn con bướm đêm của Charlie Bone khiến nó chợt lóe lên một ý. Manfred muốn con bướm trắng đó, bởi vì, nếu không có con bướm, Charlie Bone sẽ không thể chu du. Nhưng nếu Dagbert bắt con bướm đó tức là Dagbert cũng sẽ tự giúp mình. Dagbert nghĩ, có thể Tancred sẽ phải trả bùa lại cho mình để đổi lấy con bướm của Charlie. Dorcas Loom sẽ làm cho mình một tấm lưới... con bé đó khéo tay. Chẳng bao lâu nữa cả bọn sẽ biết đứa nào hùng mạnh nhất.

Ngày hôm sau Charlie bắt được cơ hội nói với Billy về Hạt Đậu. Billy hay lang thang thơ thẩn tới khu đổ nát trong rừng. Thằng bé cảm thấy an toàn đằng sau những bức tường đồ đồ sộ, với bầu trời bao la trên đầu và cảm giác vô về rằng có lẽ Vua Đỏ và hoàng hậu đang ở gần đâu đây.

Charlie nhìn Billy hướng về phía cuối sân thì dợm bước đi theo. Nó thấy Billy ngồi trên một tảng đá giữa hai trong số năm cổng vòm dẫn sâu vô lâu đài. Thằng bé tóc trắng đang ngó chong chong một phiến đá khổng lồ bị nứt bể ở chính giữa và có đất mới viền quanh. Khi Charlie lại gần, Billy nói. “Đó là chỗ mộ Tilpin tìm thấy Gương Thần phải không?”

Charlie nhìn phiến đá. “Đúng rồi. Là nơi cái bóng đã chôn tấm gương.”

“Anh nghĩ mộ ta sẽ cố sử dụng nó lần nữa để đưa cái bóng trở lại à?”

“Ừ.” Charlie ngồi xuống bên cạnh Billy. “Có việc này em cần biết, Billy.”

“Hả?” Đôi mắt hồng ngọc của Billy mở to ra đoán. “Anh lại chu du vô trong tranh nữa chứ gì?”

“Sao em đoán được?”

“Nhìn anh là biết chứ sao. Lúc trước em không nhận ra vì em đang mãi nghĩ về Rembrandt. Em vẫn chưa thấy bà bếp trưởng.”

“Con chuột của em sẽ không sao đâu. Nay Billy, em cần phải viết tất cả mọi chuyện đã xảy ra hồi cuối tuần rồi, kéo anh không có dịp nói cho em biết trước ngày thứ Sáu.”

“Em muốn biết mà,” Billy nói.

Thế là Charlie kể cho Billy nghe tuốt tuột: từ khoảnh khắc nó nghe thấy tiếng gió thổi ra từ bức tranh, đến sự hiện diện của Hạt Đậu ở xứ Badlock. Billy rùng mình kêu hốt lên, nó kéo mũ trùm đầu, co rúm người lại, như cố ngăn chặn mình khỏi lời nói của Charlie nhưng vẫn ham muốn nghe thêm. Khi Charlie mô tả đến đoạn đào tẩu khỏi bức tranh nhờ sự trợ giúp của Claerwen, Billy thở phào nhẹ nhõm, “Vây là may rồi. Nhưng tốt hơn là anh không nên léo hánh đến gần bức tranh đó nữa, Charlie.”

“Không được. Anh không thể bỏ mặc Hạt Đậu. Nó bị kẹt lại vùng đất hải hùng đó mà không ai trong chúng mình biết cách...”

“Anh có thể thấy nó à?” Billy hỏi.

“Ừ. Kinh khủng lắm. Nó đang tru.”

“Có lẽ, em, à, liên lạc được với nó,” Billy đề nghị.

Charlie lưỡng lự. “Có thể sẽ nguy hiểm cho em đấy, Billy.”

Billy im lặng một lúc. Nó đứng đưa cặp giò và nhìn qua khung cửa vòm lớn tới những hình hài được nhìn thấy từ đằng xa, đang chạy quanh sân chơi. “Benjamin chắc là buồn khủng khiếp,” nó nói.

“Buồn chứ,” Charlie thừa nhận. “Anh nghĩ phải đến chừng nào anh cứu được con chó ra thì nó mới tha thứ cho anh.”

Billy lộ vẻ trầm ngâm. “Em vẫn được về nhà với anh chứ, Charlie? Cho dù em không nhìn vô bức tranh đó?”

“Đương nhiên.”

Khi hai đứa rời khỏi khu đồ nát, con bướm trắng bay ra khỏi túi áo Charlie và đậu trên vai nó.

“Tụi mình sẽ không sao đâu nếu có con bướm của anh đi cùng,” Billy cười toe.

Charlie không đáp. Claerwen đã cứu nó khỏi xứ Badlock, nhưng Claerwen đã không thể nào làm điều tương tự với Hạt Đậu.

Khi tiếng tù và rúc lên vang động sân chơi, hai thằng liền cầm đầu chạy trở về trường. Không đứa nào trông thấy Dagbert Endless thò đầu ra khỏi gốc cây gần lối vô lầu đài.

Giờ học kèn trumpet của Charlie luôn kết thúc sớm. Xê-nho Alvaro bây giờ phụ trách tất cả học trò ban Kèn đồng, và thường thành công mỹ mãn. Thầy trẻ tuổi, vui tính, với bộ ria mép thú vị và cái cười ánh trong đôi mắt hình quả hạnh. Theo quan điểm của thầy Alvaro, nếu Charlie chịu để tâm trí vào việc học hành thì có thể chơi kèn một cách khả dĩ. Nhưng thằng bé có mái tóc rối này không biết cách làm thế nào để tập trung.

Hôm nay Charlie vui mừng vì được thả ra sớm mười phút trước bữa trưa.

“Em nghĩ tuần này em có thể dành chút thời gian tập luyện được không?” Thầy Alvaro hỏi một cách hài lòng.

“Dạ, được, thưa thầy,” Charlie nói, đầu óc nó đang lẩn bấn xem làm sao có thể tìm được khoảnh khắc nói chuyện riêng với bà bếp trưởng.

“Gracias.” Thầy Alvaro nói với theo khi Charlie phóng như bay ngược hành lang.

Hóa ra tìm bà bếp trưởng không khó như Charlie tưởng. Bà đang ngồi trên một chiếc bàn trong căn-tin xanh da trời, uống trà với một người đàn ông tóc trắng phau, trông tầm thước: giáo sư Saltweather.

“Chúng ta đến sớm hơn giờ ăn trưa đấy nhỉ, Charlie Bone?” Giáo sư Saltweather nhận xét. “Sao trò không tiếp tục ở trong lớp học?”

“Xê-nho Alvaro cho con ra đó ạ. Tại con chưa tập luyện đủ,” Charlie thú nhận.

Giáo sư Saltweather thở dài. Là trưởng khoa Nhạc thầy cảm thấy mình phải chịu trách nhiệm cho sự thiếu tiến bộ của Charlie. Cha của Charlie là tay đàn organ chơi cho nhà thờ, một nghệ sĩ thiên tài, nhưng Charlie

đường như chẳng thừa hưởng chút gì từ tài năng của cha. Tuy nhiên giáo sư Saltweather đánh giá cao tài phép khác thường của Charlie và đôi khi cũng du di cho thằng bé này.

“Con muốn hỏi thăm bà bếp trưởng về ông Onimous,” Charlie nói.

“Ông Onimous,” gương mặt vốn hồng hào của bà bếp trưởng thoáng âu lo. “Ông ấy không khỏe lắm, Charlie à. Đang nằm trong bệnh viện. Bị choáng. Bà Onimous tội nghiệp luôn túc trực bên ông ấy.”

“Còn... còn lũ thú ạ?” Charlie hỏi.

“À, những con mèo lửa có thể tự lo cho mình,” bà bếp trưởng tự tin nói, “con hãy bảo với Billy rằng con chuột của nó an toàn. Nó đang ở chỗ bà Kettle.”

“Còn con trăn?” Charlie nói.

“Cũng ở cùng một nơi, Charlie. Tiệm Ấm.”

Giáo sư Saltweather đứng dậy, kéo ghế cặp vô bàn. “Tôi nghe nói quán cà phê Thú Kiểng đã bị đóng cửa.”

Bà bếp trưởng gật đầu. “Các bạn đáng thương của tôi. Hội đồng viên Loom phải chịu trách nhiệm.”

“Một việc đáng xấu hổ.” Giáo sư Saltweather sai bước ra cửa. “Phải làm gì về việc đó mới được,” thầy nói oang oang.

Giọng nói sang sảng của ông thầy dạy nhạc khiến Charlie nhen nhóm hi vọng. “Bà có nghĩ rằng giáo sư Saltweather làm sẽ được gì đó cho quán cà phê?” Nó hỏi bà bếp trưởng.

“Chắc chắn ông ấy sẽ cố. Nhưng ông sẽ phải chống lại những người rất quyền lực, ta không muốn ông ấy tự đặt mình vào nguy hiểm.” Bà bếp trưởng cầm hai ca đi tới quầy, Charlie đi theo cầm ấm trà và hai cái đĩa không. “Có những người nào đó trong thành phố này đang chờ để xóa sổ quán cà phê Thú Kiểng,” bà bếp trưởng tiếp. “Họ không thích đám trẻ tụ tập ở đó vào cuối tuần rồi âm mưu này kia.”

“Tụi con không âm mưu gì,” Charlie phẫn nộ.

“Không ư? Nghĩ mà coi, Charlie. Ồ, ta biết tất cả kế hoạch của các con đều có lí do chính đáng, nhưng bọn họ không thích thế.”

“Nhưng quán cà phê Thú Kiểng là một nơi rất hay, bà bếp trưởng à. Nơi đó vui lắm. Còn nơi nào khác cho lũ thú nuôi gặp nhau và thưởng thức đồ ăn ngon? Nơi đó không chỉ hữu ích cho tụi con mà còn có hàng trăm người rất yêu mến nó.”

“Con không cần phải nói với ta về một điều như vậy, Charlie.” Bà bếp trưởng mở vung nồi cá hầm đặt trên quầy và hít hơi. “Ta phải vô bếp đây, xem các cô phục vụ chuẩn bị bữa ăn tối đâu rồi.”

Charlie đứng bên quầy, kiên nhẫn chờ ai đó đến mức món hầm ra cho nó. Bọn học trò khác của khoa Nhạc bắt đầu kéo tới đúng lúc một cô phục vụ hiện ra, và một hàng dài hình thành lập tức đằng sau Charlie.

Khi đồ ăn của nó được mức xong, Charlie tới cái bàn ưa thích ở góc căn-tin. Không lâu sau đó có Gabriel tới nhập bọn, rồi cả Billy và Fidelio. Món hầm loãng cái đã hết bay, và chúng lại xếp hàng nhận bánh pudding. Fidelio nhận xét sao Dagbert Endless đâu không thấy.

“Chắc cuối tuần nó ăn quá nhiều cá rồi,” Gabriel bình luận.

Charlie chắc hẳn đã không phá ra cười ngặt nghẽo nếu như nó biết Dagbert đang mưu mô cái gì. Đúng vậy, nếu biết thì nó đã không cười được tí nào.

Không phải đến tận lúc hết giờ làm bài tập về nhà Charlie mới bắt đầu nhớ tới con bướm của nó. Con bướm thường biến đi đâu mất vài giờ, chắc là ngủ trong nếp gấp của một tấm rèm nào đó, hoặc nghỉ ngơi đằng sau một khung ảnh. Charlie không bao giờ biết. Nhưng buổi tối thể nào con bướm cũng bay ra đâu lên cánh tay hoặc trên vai Charlie một chút như để đảm bảo là nó vẫn luôn ở bên Charlie, sau đó lại bay đi.

Lần này sự vắng mặt của Claerwen khiến Charlie nhấp nhồm không yên. Khi rời phòng Nhà Vua nó hỏi Billy xem có nhìn thấy con bướm không.

“Em không thấy nó từ lúc nó đậu trên tay anh hồi sáng,” Billy trả lời.

Gabriel không thấy nó, rồi cả Emma cũng không.

“Nó sẽ trở lại mà.” Lysander trấn an. “Chắc chắn là nó đi kiếm nhện ở đâu đó ăn thôi.”

“Hoặc bị ăn bởi một con dơi,” Tancerd đùa tếu.

Lysander chọc vô sườn Tancerd một cái. “Im đi, Tanc. Charlie yêu con bướm đó lắm.”

Dagbert Endless nín thín thút đi qua bọn chúng. Charlie để ý thằng đó hơi nhếch mép cười. Liệu nó có nghe thấy tụi mình nói chuyện với nhau không?

Dagbert không đi thẳng lên phòng ngủ chung như những đứa khác. Nó lỉnh xuống cầu thang chính và băng qua tiền sảnh.

Giáo sư Saltweather chọn đúng thời điểm đó để rời phòng giáo viên. “Trò đi đâu đó, Dagbert Endless?” Thầy hỏi lớn.

“Tôi đi gặp thầy Giám sát Tài phép có chút việc,” Dagbert đáp tỉnh bơ.

“Thế thì nhanh lên,” giáo sư Saltweather nói. “Mười lăm phút nữa là Đèn Tắt.”

“Vâng, thưa thầy.” Dagbert chạy xuôi hành lang dẫn tới phòng học của nó. Tới cái bàn học cuối phòng và mở nắp bàn ra. Trong hộp bàn có cái gì trông tự như chiếc khăn tay mỏng màu trắng. Dorcas đã hoàn thành công việc rất tốt. Theo yêu cầu của Dagbert, con này đã vô phòng may trong giờ ăn trưa và may một tấm lưới tinh xảo. Tấm lưới đó được may bằng vải mút-xơ-lin gắn vô một que tre dài, do gã Weedon sốt sắng tìm giúp. Để bảo đảm cho tấm lưới hoạt động đúng như những gì Dagbert dự định, Dorcas đã tẩm vô miếng vải mút-xơ-lin nước cốt của một loại thảo mộc hiếm: hèm ử. Con nhỏ chưa bao giờ sử dụng loại thảo mộc này và đang háo hức thử xem nó có tác dụng như thế nào.

Phải nói là nó rất hiệu nghiệm. Con bướm ở bên trong lưới nằm im lìm đến độ cứ như đã chết rồi.

“Mày bắt được nó rồi à?” Dorcas ló qua khung cửa dòm vô.

“Đỡ ẹc,” Dagbert nói. “Tao lấy que tre ra rồi. Đến đây xem này.”

Dorcas ục ịch đến bàn của Dagbert. Thằng này nhấc tấm lưới mút-xơ-lin lên và trải vô lòng bàn tay. Bên trong lưới đôi cánh của con bướm trắng dựng lên rồi rơi xuống, chỉ một lần, như thể nó vừa trút hơi thở cuối cùng.

“Vây là nó chưa chết,” Dorcas nói, thất vọng phủ trùm cái mặt phèn phẹt của nó.

“Không lâu nữa đâu,” Dagbert bảo. Nó để tấm lưới xuống bàn và ra chỗ tủ đựng văn phòng phẩm. Thầy Carp, giáo viên dạy tiếng anh, để có một cái cốc pha lê dày ở kệ trên cùng để sử dụng riêng.

Dagbert mang cái cốc trở lại bàn nó và úp vàng lưới quanh miệng cốc. Con bướm trắng rơi xuống cốc.

“Đó,” Dagbert nói. “Giờ tao sẽ mang nó tới cho Manfred.”

“Mày phải bảo anh ấy là tao giúp mày nghe chưa?” Dorcas dặn. “Phải nói rõ là tao làm ra cái lưới, tẩm thuốc độc các thứ này kia.”

“Dĩ nhiên tao sẽ nói, Dorc. Mày giỏi đấy, mày có biết không?”

“Biết chứ.” Một nụ cười làm lộ cặp lúm đồng tiền trên má con nhỏ.

Dagbert đẩy cái cốc lại bằng tấm vải mút-xơ-lin rồi cầm nó đi ra cửa. Dorcas chạy xộc lên trước mở cửa cho Dagbert, thằng này lướt qua miệng lăm lăm “cảm ơn” rồi đi tiếp trên hàng lang. Dorcas lại chạy vượt tớn lên trước và mở cánh cửa nhỏ cổ xưa dẫn vô chái phía tây.

“Mày sẽ nói với anh ấy chứ?” Dorcas van nài.

“Tao đã bảo là tao sẽ nói rồi mà,” Dagbert đáp, bước tọt vô hành lang tối đằng sau cánh cửa. “Khôn hồn thì đi ngủ đi, Dorc, không bà giám thị tới bắt mày bây giờ.”

“Và Manfred sẽ nói về tao với cô Fairy Tilpin chứ nhỉ?” Dorcas vẫn tiếp. “Cô ấy sẽ hài lòng lắm cho mà xem.”

“Đúng!” Dagbert nện cho cánh cửa một cú đá hậu, cánh cửa đóng rầm vô mặt Dorcas.

Bọn học trò hiếm khi nào tới Cánh Tây. Đó là nơi ở của gia đình Bloor, mà họ thì không thích giáo viên hay học trò xâm phạm nơi này. Ở cuối hành lang có thể thấy một ngọn đèn tù mù trong căn phòng ở tầng trệt của Tháp Nhạc. Dagbert lần mò đi về phía có đèn sáng ấy. Những bức tường hai bên bốc ra mùi ẩm mốc của gạch cũ và rong rêu mọc đầy trong các kẽ đá phiến.

Ở quãng giữa hành lang có một kệ sách dựng trong một hốc nhỏ. Giữ chặt cái cốc vô người bằng bàn tay trái, Dagbert dùng tay phải đẩy hai quyển sách ra khỏi một ngăn kệ. Nó gõ vô mảng gỗ trơn láng sau hai quyển sách.

“Ai đó?” Một giọng cất lên.

“Dagbert, thưa ngài. Tôi có thứ cho ngài.”

“Ồ, cái gì,” Manfred nói với giọng chán nản.

“Một con bướm.”

“Con bướm?” Manfred có vẻ quan tâm. “Mày vô đi.”

Kệ sách mở vung về phía sau, để lộ một thư phòng nhỏ. Manfred Bloor đang ngồi sau một cái bàn viết, trên bàn lỉnh kỉnh chai lọ màu xanh lá cây, hũ bằng đất nung, hộp thiếc gỉ và những thếp giấy vàng ngà được xếp thành từng nhóm.

“Ta hy vọng là con bướm đó, Dagbert Endless,” Manfred vẫy Dagbert lại gần. “Ta bận cực kỳ, như trò thấy đó.”

“Đúng chính xác là con bướm đó, thưa ngài.” Dagbert xoay cái cốc trong cả hai bàn tay và đặt nó úp ngược xuống trước mặt Manfred. Giờ thì không thể phân biệt được đôi cánh của con bướm với miếng vải mút-xơ-lin màu trắng lót bên dưới.

Manfred ghé mắt dòm qua bàn thủy tinh dày. “Mi chắc không?”

“Nhìn đôi cánh bạc kia chưa? Tôi biết nó là con bướm của Charlie. Tôi đã bắt được nó ở Hành lang Chân dung. Mặc dù nó khôn dễ sợ, chui vô đầu trên một chùm hoa loa kèn trắng. Tưởng là không bị nhìn thấy.” Dagbert cười khịt khịt mũi. “Cái người trong bức chân dung đó trông thật tức cười.”

Manfred thấy cho nó một cái nhìn băng giá. “Người trong bức chân dung đó là bà tăng-tăng-tăng tổ Donatella của ta, một phụ nữ can trường. Bà đã vô tình bị điện giật chết trong khi đang làm thí nghiệm.”

“Xin lỗi,” Dagbert nói.

“Có ai giúp mày làm vụ này không?” Manfred gõ gõ cái cốc.

“Không, thưa ngài.” Dagbert cảm thấy đôi mắt đen của Manfred đang khoan xoáy vô mình, và nó phải dựa vô bàn để giữ thăng bằng. “Chỉ có... Dorcas. Cô ấy đã làm tấm lưới độc đó.”

“Con bé đó là một tài năng phi thường,” Manfred nói với vẻ mãn nguyện. “Mày có thể đi được rồi, Dagbert.” Hắn đứng lên và chỉ ra cửa.

“Còn về con bướm,” Dagbert nói. “Tôi biết ngài muốn nó để Charlie Bone không thể chu du an toàn, nhưng tôi không phải chỉ bắt nó vì việc đó.”

“Không ư?” Manfred nhìn con bướm bị nhốt.

“Không. Tôi muốn mặc cả bằng con bướm ấy. Tancred Torson đã ăn cắp con nhím biển của tôi, và không có nó thì tôi không thể... không thể...”

“Đim chết người?” Manfred móm.

“Không hẳn.” Dagbert nhả mặt. “Tôi chỉ không là tôi nếu không có đủ tất cả linh vật biển của mình.”

“Ồ, ta có thể đối phó với Tancred Torsson. Đừng lo, ta sẽ trả con bướm lại sau khi ta đã nghiên cứu nó một chút. Nhưng hãy bảo đảm là Charlie Bone không bao giờ có nó nữa.” Hắn phẩy một bàn tay vô Dagbert. “Giờ đi đi. Mày sẽ lấy lại được bùa của mày mà, đừng sợ.”

Charlie đang đứng trong phòng tắm, cảm thấy buồn nôn. Nó tự hỏi hay có ai đã chuốc thuốc độc mình. Nó bám vô thành bồn tắm trong khi căn phòng quay quay quanh nó. Đầu tiên là một chiều sau đó là ngược lại.

“Em ổn chứ, Charlie?”

Một giọng nói xuyên qua bức màn u u đầu Charlie. Nó xây xẩm quay đầu lại và thấy Fidelio đang đứng cạnh cửa phòng tắm.

“Cảm thấy khó chịu lắm,” Charlie nói. Nó lao đảo qua cửa và Fidelio dìu nó vô giường.

Đúng lúc Dagbert Endless vô đang đứng dòm sừng Charlie. “Không khỏe à?” Nó hỏi.

Charlie ngoảnh đi tránh đôi mắt sừng sốt màu nước biển của Dagbert. Nó cảm thấy sức mạnh rời bỏ mình. Người nó lả đi đến nỗi hầu như không nhấc nổi cánh tay. Những hình thù lơ mơ chuyển động trong làn sương che phủ thị giác của nó và nó nghe tiếng Fidelio gọi, “Bà giám thị, Charlie bị bệnh.”

Cái cụm từ “bà giám thị” dội bum bum vô tai nó, tựa như âm thanh mơ hồ sâu dưới nước. “Cố lên được không, Charlie? Không gì mà một giấc ngủ đêm ngon lành không chữa khỏi.”

Đèn phụt tắt. Charlie nằm trong bóng tối trong khi những hình ảnh quen thuộc lộn tung nhào trong đầu nó: một hiệp sĩ áo chùng xanh lá cây, một con quỷ lùn bằng đá, một mặt biển xám dấy sóng. Nhưng hoàn toàn vắng bóng hiệp sĩ đội mũ giáp bạc cầm chùy lông chim đỏ lấp lánh. Và tất cả những gì còn lại của chiếc thuyền là chóp cột buồm đang chìm dần xuống mặt biển dữ tợn. Sau đó Charlie trông thấy Clearwen nằm trong một cái vòm thủy tinh ánh bạc đã phai khỏi đôi cánh trắng của nó. Bằng tất cả sức lực còn lại, Charlie nhồm chống cùi chỏ lên và thét “CLAERWEN!”.

Nguyên cả đám con trai đang ngủ trong phòng ngủ chung đã thức dậy ráo rọi. Những đứa nào chưa ngủ thì bắt đầu hét lên om tời.

“Câm mồm!” “Nó mắc chứng gì đó?” “Nó mất trí rồi!” Một trong những thằng học sinh lớp Một rên rầm, “Anh ấy bị sao vậy?” Đứa nào đó òa khóc.

“Bình tĩnh mọi người,” Fidelio trấn an. “Charlie chỉ bị ác mộng thôi. Ai chả có lúc vậy. Em không sao chứ, Charlie?”

Charlie ngồi dậy. Tiếng ù ù trong đầu nó đã hết. Con chóng mặt cũng đã qua. Nó cảm thấy trở về trạng thái như cũ. “Em ổn rồi, cảm ơn. Em thấy khỏe, rất khỏe.”

Manfred Bloor đã cất dọn hết cái hộp thiếc đựng ốc sên sấy khô của ông tăng-tăng-tăng tổ của hắn, những lọ đựng dầu dương và nước mắt khỉ, những hũ táo biển và cà độc, những thép giấy vàng chở đầy những nét chữ bay bướm cầu kỳ. Manfred đã hy vọng chúng sẽ hữu ích trong việc hàn gắn vết nứt của Gương Thần Amoret, nhưng chẳng thấy có dòng chữ nào của bà Bertram Bloor viết về việc sửa chữa gương. Hắn quan tâm đến việc phát minh sáng chế hơn là phục hồi và làm mới lại.

Manfred khóa cửa chiếc tủ bằng gỗ sồi chạm trổ do những tổ tiên hắn để lại và thấy chìa khóa vô túi áo. Trở lại bàn viết, hắn bắt đầu nghiên cứu con bướm trong cái cốc thủy tinh. “Tao bắt được mày rồi, con bướm, đưa phép, hay bắt kể mày là cái giống gì.”

Con bướm có vẻ đang nhặt nhào đi. Đôi cánh bạc đã mất ánh ngời, cái đầu nó hơi nhàu.

“Chết,” Manfred tuyên bố. “Nhưng bọn tao vẫn có thể sử dụng mày.”

Một âm thanh xáo động từ cái cốc bật ra. Một tiếng tách rất nhỏ. Manfred ngồi xuống. Híp mắt lại, hắn quét khắp cái cốc tìm một vết nứt hay vết nứt nhỏ. Hắn vừa định nhìn gần hơn thì một tiếng rắc đinh tai vang lên, cái cốc bể toang. Hàng chục mảnh vỡ sáng lóa bay vút ra cửa sổ. Thủy tinh dày đâm xuyên qua tấm kính và cái cốc rơi thành một cơn mưa thủy tinh trút xuống mảnh sân gạch bên ngoài tòa nhà.

Miếng vải mút-xơ-lin màu trắng nằm trống trơn trên bàn viết của Manfred. Con bướm đã thoát rồi.

9. Chương 08

Cơn gió độc địa

“Weedon! Weedon!”

Charlie nghe thấy tiếng thét trong mảnh sân gạch bên dưới phòng ngủ chung. Nhảy phốc khỏi giường, nó phóng ra cửa sổ. Ở đó đã có năm sáu thằng bu lấy khung kính.

“Đó là thầy Giám Sát Tài Phép”, một thằng năm nhất phẫn khích la to.

“Xem đây thủy tinh kia,” một thằng khác quan sát.

“Ai đó ném gạch trúng cửa sổ,” Bragger Braine, đứa năm hai tiếp lời.

“Đồ ngu,” Dagbert phọt miệng. “Thủy tinh từ bên trong chứ không phải từ bên ngoài, nếu có gạch ném xảy ra.”

“Mày nghĩ mày thông minh thế à?” Rupe Small, nô lệ cúc cung của Bragger hần học nói.

Một đồng thủy tinh vỡ lấp loáng dưới sàn. Manfred đang chậm rãi đi vòng quanh, sục mũi giày về đồng thủy tinh, ngồi xổm xuống dùng một cây bút chì chọc chọc vô. “Weedon!” Hần réo gào. “Lại đây mau!”

Ông hiệu trưởng, giáo sư Bloor, mở cánh cửa sổ phía trên thư phòng của Manfred và hỏi, “Cái quái quỷ gì thế, hở?”

“Coi đây!” Manfred gào lên, bật đứng dậy. “Coi cái này này!” Hần lại quăng tay chỉ vào đồng thủy tinh vỡ.

“Sao lại có chuyện đó xảy ra?” Cha của hần chất vấn.

Charlie thấy Manfred ngần ngừ. Cái quái gì xảy ra tai nạn này thì hiện tại sẽ là bí mật của Manfred. “Làm sao tôi biết?” Hần quát, giọng hần bị kích động lên tới nốt cuồng loạn.

“Ta cho rằng đó là một trong những thí nghiệm của anh,” giáo sư Bloor nói.

“KHÔNG phải!” Manfred rít rống. “Weedon đâu rồi?”

“Hần đang lau dọn phòng của ta. Chứ còn ở đâu nữa?” Giáo sư Bloor thành linh phát hiện những gương mặt lộ nhố trong khung cửa sổ phòng ngủ chung, bèn gầm vang, “Đi ngủ hết đi! Không ta sẽ cấm túc cả đám.”

Tức thì một trận chen chúc cuống cuồng tránh xa khỏi cửa sổ. Mười hai thằng bé lao về giường của chúng và kéo chăn lên tịt mít đầu. Chúng chờ bà giám thị dùng dùng xông vô, nhưng tối nay mụ ta đang có những việc khác chiếm lĩnh đầu óc.

Clearwen nằm úp trong những chiếc lá úa vàng giữa hai viên sỏi đồng màu. Nó thu mình nhỏ hết cỡ trong khi gã Weedon hốt mảnh thủy tinh xung quanh. Gã ụt ịt rên rĩ trong họng khi cúi xuống quét những mảnh vụn vô cái đồ hốt rác.

“Đổ tất cả vô đây, Weedon.” Manfred chìa ra một cái túi nylon trong suốt.

“Ngài định làm gì với nó?” Gã Weedon hỏi. “Dùng chúng để thực hiện nghệ thuật sắp đặt à?”

“Không phải việc của lão,” Manfred nạt, cả hần cũng đang tỉ mỉ quét nước. “Và nhớ cho ta biết lão có thấy gì bất thường không.”

“Kiểu khác thường gì?”

“Ồ, lão thừa biết,” Manfred nóng nảy. “Bất cứ cái gì không phải thủy tinh: có lẽ một con ruồi, hay một con bướm.”

“A!” Gã khụt khịt. “Giờ thì tôi hiểu rồi.”

Gã gác cổng tiếp tục gác thêm nửa giờ nữa, nhưng nhiệt độ đang tụt xuống nhanh lẹ và chẳng bao lâu sau cả mảnh sân rải sỏi đã bắt đầu lóng lánh sương giá.

“Không hay rồi, ngài Manfred,” gã Weedon lầu bầu. “Tôi không thể phân biệt được thủy tinh với sương. Tôi chịu thua.” Gã đổ nhúm rác cuối cùng vô bao nylon rồi đi qua cánh cửa vô Thập Phía Tây.

Manfred đứng thẳng lên, xoa xoa cái lưng. Chắc hẳn vẫn còn đau do vết thương mà những con báo đã tặng hẳn. Nhưng hẳn chưa hề tính đến chuyện bỏ cuộc. Hẳn không chịu tin con bướm đã trốn thoát khỏi hẳn hoàn toàn. Không hòn nào thoát khỏi con mắt hung dữ của hẳn.

Clearwen chờ. Trông cô nàng như một vật chết: một vân lá, một vân cỏ. Mãi đến khi Manfred từ bỏ cuộc tìm kiếm, cô nàng bò ra khỏi chỗ nấp và di chuyển về phía bức tường nhà nguyện. Ở đó cô nàng nằm trong vũng sáng từ cửa sổ kính màu hắt xuống. Cô nàng biết mình phải tới được Charlie trước khi thành bé lại cố chu du lần nữa, nhưng lộ trình tới phòng ngủ chung vừa dốc vừa nguy hiểm đối với con sâu bướm tí nị mà cô nàng vừa biến thành. Để trốn được Manfred, Clearwen đã phải thay đổi hình dạng lần nữa. Phải mất ít thời gian thì cô nàng mới trở lại là con bướm trắng như cũ.

Chiều thứ Sáu, khi lũ trẻ đi thu xếp đồ đạc để ra về, Clearwen vẫn biệt tăm.

Trước đó Charlie đã tận dụng từng phút rảnh rỗi để lùng tìm con bướm của mình nhưng chẳng thấy tăm tích nó đâu. Và rồi lúc nó với Billy đang xếp hàng đằng sau cánh cửa đôi đồ sộ bằng gỗ sồi, chờ gã Weedon mở cửa, Tancred phóng bay tới từ phía sau Charlie, thì thào, “Charlie, Dagbert nói nó đã bắt được con bướm của em.”

“Cái gì!” Buông cái giỏ rớt xuống sàn, Charlie quay phắt lại và tìm dấu dắc hàng con nít đằng sau mình.

“Nó không có ở đây,” Tancred bảo. “Nó đang học thêm với thầy Giám sát Tài Phép.”

“Em không quan tâm nó ở đâu,” Charlie nói lớn.

“Suyt! Em bị cấm túc bây giờ.” Tancred cảnh báo. “Chờ đến khi tụi mình ra ngoài đã.”

Gã Weedon đã xuất hiện. Thở hồng hộc và cảm râm, gã tháo những cái then sắt to kèn ra và lách cách tra chiếc chìa quá khổ vô ổ khóa. Cuối cùng cánh cửa mở toang và gã gác cổng quạu quọ đứng qua bên trong khi bọn trẻ tuôn qua người gã ra ngoài trời tự do.

Ba chiếc xe buýt đang đợi sẵn trên quảng trường. Charlie đứng chờ ở bậc thang trong khi bọn khoa Nhạc leo vô chiếc xe buýt xanh da trời đằng trước nó. Khi Tancred hiện ra, Charlie chụp lấy cánh tay anh.

“Thế, con bướm của em ở đâu?”

“Anh đã bảo em rồi,” Tancred lảng tẩm áo chùng xanh lá cây ra xa vai. “Dagbert nói nó bắt được con bướm. Nó đòi trao đổi con bướm với con nhím biển của nó.”

“Ý anh nói gì?” Charlie kêu to.

Sải bước về chiếc xe buýt xanh lá cây, Tancred nói, “Ý anh nói rằng nó sẽ đổi con bướm của em lấy con nhím biển bằng vàng của nó mà anh đã thu giữ vào cái đêm nó cố ý dìm chết em.”

“Vậy chừng nào anh định đổi nó? Charlie nhùng nhằng bám sát gót Tancred ra tới tận chỗ chiếc buýt xanh lá cây.

“Thì thế đó, Charlie. Anh không nghĩ mình chịu để nó có lại con nhím biển. Không có con nhím thì nó không quá nguy hiểm.” Tancred bắt đầu leo lên xe buýt.

“Anh phải đổi,” Charlie nhảy lên bậc thang cuối của xe buýt.

“Em trể xe buýt bây giờ,” Tancred nhắc nó. “Xuống mau đi, Charlie. Xe này đi hướng khác.”

“Mặc kệ.”

“Tụi mình sẽ tìm ra cách khác để lấy lại con bướm của em,” Tancred nói khi đi về phía cuối xe buýt.

“Xuống đi, cậu xanh da trời kia,” bác tài xế ra lệnh, “không tôi bảo ông gác trường điệu cổ cậu xuống bây giờ.”

Charlie nhảy xuống khi chiếc xe buýt xanh lá cây rình rập ra khỏi quảng trường. Xe buýt của nó cũng đã bắt đầu chuyển bánh và nó chỉ vừa kịp nhảy lên. Cả Gabriel và Fidelio cùng kéo nó vô, thả nó nằm phì phò ở giữa lối đi, trong khi bác tài xé than thở rằng lũ trẻ chẳng hiểu được ai sinh ra và nuôi lớn chúng.

Gabriel gác giỏ xách của Charlie lên ngăn để hành lý, trong khi Charlie đứng dậy và ngồi phịch vô ghế bên cạnh Fidelio.

“Có chuyện gì thế?” Gương mặt lo lắng của Billy ngó vòng qua lưng ghế của Charlie.

“Để anh nói em biết sau,” Charlie nói, chìm nghiêng xuống. Nó quay qua Fidelio thì thầm, “Dagbert bắt được con bướm của em, nhưng nó đòi đổi lấy món đồ mà Tancred đã lấy của nó.”

Fidelio nhìn sững Charlie. “Anh ước gì có nơi nào đó cho đám tụ tập mình gặp gỡ. Anh phải diễn tập với dàn nhạc Trẻ suốt cuối tuần, nhưng anh sẽ rảnh vào tối Chủ nhật. Giờ em định làm gì khi quán cà phê Thú Kiểng bị đóng cửa?”

Từ hàng ghế phía sau chúng, Gabriel nói, “Làm cho quán cà phê mở cửa lại. Tôi sẽ đi gặp ông Onymous.”

“Nhưng ông ấy...” Charlie bắt đầu.

“Chưa chết,” Gabriel nghiêm nghị.

Chiếc xe buýt chạy ngoằn ngoèo khắp thành phố trong khi lũ trẻ nhảy xuống tại những trạm gần nhà chúng và biến mất vào trời tối. Đèn đường đã bật, nhưng ánh sáng không thể vươn tới những ngõ hẻm quanh co, tối mù, nơi tiếp giáp đường Đồi Cao.

Gabriel sống trên đường Đồi Cao, một con đường dốc đá nhìn xuống thành phố. Anh là người đầu tiên xuống trạm ở chân đồi, nhưng hôm nay anh đợi đến khi xe tới quãng đường hẹp dẫn vô quán cà phê Thú Kiểng mới xuống.

“Mẹ tôi đang ở đó,” anh bảo. “Mẹ tôi bảo sẽ không để bà Onymous một mình sau tất cả những chuyện xảy ra.”

Charlie nhìn Gabriel quẹo vô hẻm Éch và co giò chạy. Trong tất cả bọn chúng, Gabriel là người gần gũi với gia đình Onymous nhất. Mẹ anh làm phục vụ trong quán, và gia đình chuột kiểng đông đúc của anh luôn là khách được chào đón ở đây.

Charlie và Billy rời xa buýt ở đầu đường Filbert và đi bộ về nhà số 9. Khi chúng gần về đến nhà, Charlie thấy Benjamin đứng ở bậc cấp trên cùng nhà số 12. Benjamin đang nhòm tròng tròng nhà của Charlie bên kia đường. Vừa nhác trông thấy Charlie, thằng này chui tọt vô nhà và đóng sầm cửa trước lại.

Charlie thở dài. “Nó sẽ không nói chuyện với anh nữa cho tới khi nó gặp lại Hạt Đậu.”

“Có lẽ em sẽ nhìn một chút vô bức tranh,” Billy nói.

“Quên đi, Billy. Nếu em bị bắt vô xứ Badlock, anh sẽ không bao giờ cứu em ra được đâu. Nếu không có Clearwen.” Bất thần Charlie nghĩ đến người khổng lồ. Không có Clearwen, có thể nó sẽ không bao giờ gặp lại tổ tiên của mình.

Hai thằng bé bước vô hành lang và hướng thẳng tới nhà bếp. Ngoại Maisie đang nấu món gì đó thơm lừng đến nỗi miệng chúng túa nước.

Rủi thay, ngoại Maisie không phải là người duy nhất ở trong bếp. Nội Bone đang ngồi trong chiếc ghế bập bênh của mẹ bên cạnh bếp lò.

“Aaa!” Bộ mặt cấm cản của nội Bone vỡ phụn ra một nụ cười. “Billy Raven, cuối cùng cũng tới. Ta đã tự hỏi khi nào thì mi sẽ lại tới thăm bọn ta đây.”

“Chào, bà Bone,” Billy lồm lét nói.

“Treo mũ áo trong hành lang á, lũ nhóc.” Nội Bone chỉ ra cửa. “Và đem giỏ sách lên lầu. Bọn ta không thích đem đồ ngoài đường vô nhà bếp ầm cúng của bọn ta phải không Maisie?”

“Tôi chẳng phiền gì,” ngoại Maisie nói, bắc một cái nồi lớn ra khỏi bếp lò.

Nội Bone mắng bà “Thì tùy đấy” rồi xua hai thằng bé đi.

“Ngoại Maisie, Hạt Đậu có...” Charlie bắt đầu.

“Theo bà biết thì, không có gì ra khỏi tầng hầm cả,” ngoại Maisie nói. “Chắc bà kia có thể nói cho con biết bà ta có thấy gì không.”

“Lũ nhóc áo chùng.” Nội Bone quát.

Billy trở ra hành lang và Charlie theo sau, cố không vượt ra lời gì đó thô lỗ. Treo áo chùng xanh da trời lên mắc để mũ xong, hai thằng bé vù lên lầu thấy giỏ xách vô phòng Charlie rồi chạy ù xuống bếp.

“Dọn bàn, Charlie,” nội Bone ra lệnh, bập bênh chiếc ghế tới lui. Hình như mụ đang phấn khích về cái gì đó.

Charlie vâng lời sắp bàn ra cho năm người ăn.

“Bốn thôi,” bà nội nó hầm hè. “Ông cậu Paton của mày không có ở nhà, ơn trời. Ăn dưới ánh nến khiến tao phát ớn.”

Charlie cắt bớt một con dao và một cái nĩa đi, tất cả cùng ngồi xuống trong khi ngoại Maisie mang thịt cừu hầm lên bàn, và bắt đầu múc ra. Món này tất nhiên là mê ly, cứ Charlie hy vọng rồi, nhưng bữa ăn bị ô nhiễm bởi sự có mặt lù lù của nội Bone – bởi tiếng húp xì xụp mụ phát ra, bởi tiếng mụ ợ hơi và cái kiểu mụ hay đảo mắt nhìn đĩa của mọi người.

Bữa ăn sắp xong thì Charlie nghe thấy một chiếc xe lớn lái tới tấp vô lẽ đường bên ngoài nhà. Qua kẽ hở của những tấm rèm nó thấy một chiếc xe thùng màu trắng vừa đậu ngay trước cửa sổ nhà bếp. Nó ngạc nhiên khi Ông cậu Paton nhảy ra, đóng vội cửa xe lại và chạy vô nhà, chiếc mũ phớt đen sụp xuống che mặt. Charlie thầm mong cho mọi sự êm thấm và nhìn đèn đường. Không có gì nổ tung.

“Phù!” Charlie mừng húp ngay lúc cửa trước mở cái ình.

“Có ai làm ơn tắt đèn đi,” Ông cậu Paton gọi từ ngoài hành lang.

Ngoại Maisie buộc phải thấp nền lên trong khi Charlie phóng ra tắt đèn.

“Mi đã ở đâu mất mặt suốt cả tuần hả?” Nội Bone hoành hợe khi Ông cậu Paton bước vô.

Quăng cục lơ vào câu hỏi của mụ, Ông cậu Paton chép miệng “Có món gì thơm quá.”

Ông đặt chiếc cặp táp sờn rách bên cạnh cửa và kéo một chiếc ghế tới bàn.

“Tao vừa hỏi mi đó,” nội Bone nói.

“Thì bà hỏi, Grizelda.” Ông cậu Paton xoa hai tay vào nhau khi ngoại Maisie đặt một đĩa thịt cừu bốc khói trước mặt ông. “Tôi không thấy lí do để trả lời câu hỏi của bà. Tôi làm gì là việc của tôi.” Ông quay qua Charlie. “Con chó chưa xuất hiện phải không, Charlie?”

Charlie lắc đầu. “Hạt Đậu vẫn bị kẹt.”

“Nhưng có lẽ con có thể nói chuyện với nó,” Billy nói.

Ông cậu Paton nhú mày. “Không được, Billy.” Ông bắt đầu xới món cừu trong đĩa của mình.

“Nhưng có thể...” Billy nôn nóng nhòai người về trước.

“Không,” Ông cậu Paton dứt khoát. “Chúng ta sẽ tìm cách khác. Mặc dù ta thú thực rằng trong nghiên cứu của mình ta chưa bao giờ nghe nhắc đến việc chó bị kẹt trong tranh.”

“Nghiên cứu! Nghiên cứu!” Bà chị của ông găm gừ, rời bàn. “Thò mũi vô chuyện người khác thì có. Mi nghĩ điều đó sẽ đưa mi tới đâu?”

“Về cá nhân tôi thì không tới đâu cả, bà chị à. Tuy nhiên những gì tôi khám phá ra lại có ích cho khối người khác.” Ông cậu Paton liếc nhìn Billy Raven.

Charlie nhìn theo bà nội nó hằm hằm đi ra cửa. Ở đó mù chần chừ, bàn tay phải suýt giơ lên bật công tắc đèn. Nó có thể thấy mù hết sức ham muốn bật cái bóng đèn treo phía trên bàn lên. Nếu mù mà bật thì Ông cậu Paton sẽ bị dội mưa thủy tinh và đĩa đồ ăn của ông sẽ đầy mảnh vụn. Nhưng mù chỉ lẩn chần rồi, với một cái nhún vai nhẩn nhục, mù rời khỏi phòng.

“Chính xác thì là ông nghiên cứu gì thế ạ, ông Yewbeam?” Billy hỏi.

“À, nghiên cứu của ta,” Ông cậu Paton mỉm cười, hình như với chính mình thì đúng hơn. “Ta đang viết về lịch sử dòng họ nhà ta, Billy à. Gia đình YewBeam. Nhưng việc đào xới và khoan xoáy quá khứ lại dẫn ta đi sâu vô cuộc đời của nhiều người khác. Không thành phố nào trên đất nước này giống như thành phố này, con biết đấy. Trước hết, nó được xây dựng bởi một thầy pháp, hơn nữa, và một vị vua. Nhưng thầy pháp, những người tốt và kẻ xấu giờ đây nằm lẫn trong từng tấc đất của nơi này. Giống như một lớp vữa quặng ăn liền vô đất trồng, đá và đất sét, đá vôi và đất mùn bên dưới bước chân chúng ta.”

Ngoại Maisie khẽ thốt lên “Chặc!” rồi lắc đầu bảo “Có cần thiết phải mua một chiếc xe moóc to như thế không, Paton?”

“Tổ tiên của chúng tôi ở rải rác khắp đất nước,” Ông cậu Paton đáp. “Tôi phải đi tới những nghĩa trang, thư viện, nhà riêng, văn phòng hội đồng, đại loại thế. Khi đêm xuống, tôi thường nhận ra mình ở xa nhà. Chắc chắn tôi không thể vô khách sạn được, với tất cả đèn đóm sáng trưng như thế. Tôi chỉ còn lựa chọn duy nhất là ngủ trên băng ghế công viên.”

“Và bị bóp cổ từ phía sau,” Billy nói.

“Bóp cổ, đúng. Chính xác, Billy.” Ông cậu Paton múc muỗng cuối cùng, tuyên bố đó là món hầm ngon nhất mình từng ăn, và ngồi ngửa lưng ra sau thở một cái thật khoan khoái.

“Ông đã tìm ra cái gì thú vị chưa ạ, ông YewBeam?” Billy hỏi tiếp.

Ông cậu Paton nhìn Billy một thoáng, như thể đang quyết định xem có nên bộc lộ với thằng bé hay không. Cuối cùng ông đáp, “Có chứ, Billy. Có thật sự. Nhưng hiện tại những manh mối vẫn còn mù mờ. Để tới lúc ta tháo gỡ được những chi tiết rồi rắm, rồi thì...” Ông ngừng lại, “rồi thì sau đó, cuộc sống của nhiều người sẽ đột ngột thay đổi... đầy kịch tính.”

Charlie có ấn tượng là những lời nói của Ông cậu Paton rất có ý nghĩa với Billy, đúng là riêng với Billy, đến nỗi cuộc đời thằng bé có thể thay đổi hoàn toàn. Phải chăng Ông cậu Patton đã phát hiện điều gì đó về cha mẹ thằng bé?

Ông cậu Paton không nói gì thêm về nghiên cứu của mình nữa. Thay đổi đề tài, ông hỏi ngoại Maisie có gì xảy ra với bức tranh trong khi ông đi vắng không.

“Ông không nghĩ tôi nhìn vô tầng hầm đấy chứ?” Bà bắt bẻ. “Sau những gì xảy ra với con chó tội nghiệp. Vả lại bà chị của ông khóa tịt cửa rồi.”

“Tôi chỉ tự hỏi, bà biết đấy, xem bà có nghe thấy tiếng sữa hay tiếng tru... gì đó không.” Ông cậu Paton nói.

“Không.” Ngoại Maisie thu dọn đĩa và đem ra bồn rửa. “Nhưng tôi hay thấy Benjamin Brown cứ nhìn đau đầu qua bên đây như thể trái tim nó tan vỡ.”

“Con phải làm gì đây?” Charlie kêu lên, ụp hai tay che mặt. “Con sẽ cố cứu Hạt Đậu, cho dù không có Clearwen.”

“Con bị mất con bướm à?” Ông cậu Paton lo lắng.

“Con biết nó ở đâu? Nhưng con chưa thể lấy nó lại được.”

“Sao chưa?” Ông cậu của nó nói.

“Quá phức tạp để giải thích.”

Ông cậu Paton chấp nhận câu trả lời này một cách miễn cưỡng. “Chừng nào chưa tìm thấy con bướm thì đừng nhìn vô tầng hầm. Đó là mệnh lệnh.” Ông đứng lên và đẩy ghế vô bàn. Chúc mọi người ngủ ngon, ông cấp cấp tấp vô vách, lấy một cây nến từ trên tủ đựng ly chén và đi lên phòng riêng.

Khi ngoại Maisie nghe thấy tiếng cửa phòng Ông cậu Paton đóng lại, bà bật đèn bếp và giơ một chiếc khăn lau bát đĩa lên, “Nào các cậu bé. Ai sẽ lau đây?”

Billy xí lau bát đĩa, còn Charlie cất chúng đi. Ngoại Masie là người rửa chảo nồi sạch nhất.

Nửa giờ sau, khi Charlie và Billy đang leo lên cầu thang, một cơn gió lạnh quét qua hành lang. Lớp áo khoác trên mắc đu đưa trong cơn gió, hai bức tranh trên tường xệch qua bên, tấm thảm chùi chân đặt ở cửa bị nhấc lên một đầu, và chiếc mũ phớt của Ông cậu Paton vọt lên trần nhà, lật ngửa ra rồi rơi phịch xuống đất.

“Cái gì đó?” Billy bám chặt lấy thanh vịn cầu thang.

“Không biết.” Charlie tới nhặt chiếc mũ của ông cậu lên. Nó không hề nghe thấy tiếng gió ngoài đường, không có tiếng cửa lạch cạch, không có cây cối xào xạc. Nó ngó xuống hành lang dẫn tới tầng hầm. Nó có thể đoán cơn gió độc từ đâu thổi tới nhưng quyết định không nói cho Billy biết.

Hay là cái bóng đã chạm tới chúng, ở ngay tại đây?

10. Chương 09

Trận tàn phá ở tiệm ẩm

Đường Piminy chạy ngay phía sau tiệm sách Ingledew. Những tòa nhà khung gỗ xô nghiêng, trông nguy hiểm như muốn đổ xuống lòng đường đến nơi; những cánh cửa lung lay được đánh dấu bằng những mũi tên và mái ngói nhấp nhô tựa những gợn sóng; tuy nhiên, trận đại hỏa hoạn thế kỷ mười tám đã không bao giờ chạm tới được những ngôi nhà cổ xưa này. Theo cô Ingledew đó là bởi vì vào thời đó hầu hết mọi ngôi nhà trên con đường này đều do một thầy pháp loại này hay loại kia làm chủ.

Ấy thế mà, đường Piminy lại là nhà của bà Kettle, dù ở bà không có chút xíu gì độc ác cả. Nhìn bà có lẽ thấy lạ thường, chứ không có gì đe dọa, đáng sợ. Bà đã cho Charlie cái ẩm do chính ông tăng tổ nhiều đời của bà, ngài Feromel, rèn cách đây năm trăm năm. Trong ẩm chứa một chất lỏng màu đen không bao giờ bị đổ ra ngoài. Chất lỏng vĩnh cửu đó thường lạnh nhưng Kettle đã cảnh báo Charlie rằng hễ khi nào sờ thấy cái ẩm nóng lên thì có thể nó sẽ gặp nguy hiểm.

Vào tối thứ sáu, Charlie không ngạc nhiên khi thấy cái ẩm nóng ran đến nỗi nó không thể chạm vô được. Sáng hôm sau ngay khi tỉnh dậy nó lại sờ cái ẩm lần nữa. Có hơi nguội đi nhưng vẫn còn nóng.

Billy cũng biết về cái ẩm của Feromel. “Nó nóng à?” Thăng bé hỏi.

“Không quá nóng.” Charlie đẩy cái ẩm xuống dưới gầm giường.

“Ăn sáng xong tụi mình tới nhà bà Kettle lấy Rembrandt được không?” Billy quăng giỏ khỏi giường và đeo mắt kính vô.

“Hừm. Ước gì anh liên lạc được với Tancred,” Charlie nói.

Cả Charlie lẫn Billy đều không có điện thoại di động. Trường không cho phép chúng mang theo, còn nội Bone thì tẩy chay loại điện thoại này. Charlie không thích ý nghĩ nói chuyện với Tancred từ điện thoại ngoài hành lang, với khả năng rất có thể bị nội Bone nghe lỏm.

Chiếc xe thùng màu trắng đã đi khỏi khi hai thằng bé xuống lầu ăn sáng.

“Trước lúc bình minh mà ông cậu của con đã ra đi rồi,” ngoại Maisie nói, đặt một lát thịt xông khói lớn lên từng đĩa cho bọn chúng. “Ông ấy lần theo dấu vết một cái gì đó... có trời biết là cái gì.”

Sau khi xơi thêm một lát thịt xông khói nữa cùng với vài lát bánh mì quét mật ong, Charlie và Billy lên đường tới Tiệm Ẩm.

“Lúc nào con cũng có thể mang con chuột của con về đây,” ngoại Maisie nói khi bà tiễn bọn chúng ở cửa trước. “Bà ta không bao giờ biết đâu,” bà nói thêm, nháy mắt lên cầu thang nơi nội Bone đang súc miệng buổi sáng.

“Cám ơn bà Jones.” Billy chạy theo sau Charlie.

Charlie xấp ngựa đi khỏi nhà số 9 càng nhanh càng tốt. Nó không muốn giáp mặt Benjamin lần nào nữa trước khi nó cứu được Hạt Đậu ra.

Ngay khi vừa rẽ vô đường Pimny, cảm giác sờ sợ mà Charlie hay cảm thấy ở đây hôm nay dường như mạnh hơn. Nó hay tưởng tượng có ai đó đang nhìn mình từ một cửa sổ tối hù nào đó bên dưới mái hiên.

Tiệm Ấm nằm quá khỏi tiệm cá bí hiểm, nơi mà chẳng bán cá bao giờ.

Nhưng trước khi tới tiệm cá thì chúng phải đi qua Tiệm Tượng Đá. Trong số những ngôi nhà trên đường Piminy thì cái tiệm này rùng rợn nhất. Nổi lên giữa bóng tối đen đặc bằng đá đang vung dùi cui hoặc vung rìu. Có cả những người lính đá, ngựa đá và chó cũng bằng đá. Những gã hiệp sĩ mà có lần tấn công bọn trẻ không còn ở đây nữa – gã bị Hiệp sĩ Đỏ chém đứt đôi và bây giờ đang cùng với con ngựa đá của gã nằm bẹp dưới đáy sông.

“Đi tiếp đi,” Billy kéo giật áo jacket của Charlie. “Em ghét nơi đó.”

Mũi Charlie dí suýt chạm vô khung cửa sổ. Trong lòng nó đang thắc thỏm sợ gặp ai đó thì quả nhiên nó gặp người thật. Eric Shellhorn, thằng con riêng của chồng bà cô Venetia. Charlie có thể nhận ra mặt nó đang lấp ló từ đằng sau một bức tượng đá cao, mặc áo thụng – hình như là tượng một giáo sĩ Druid-1.

“Anh biết ngay là nó ở trong đó mà,” Charlie lầm bầm.

Billy giật ống tay áo Charlie. “Đi đi, Charlie. Một bức tượng trong đó lại bắt đầu động đậy bây giờ.”

“Anh không nghĩ Eric sẽ làm điều đó giữa ban ngày ban mặt.”

“Nó làm chứ sao không. Đi nào. Em muốn gặp Rembrandt.”

Ngay trước khi lùi khỏi cửa sổ, Charlie đã kịp nhìn thấy Eric chạy vụt ra đằng sau tiệm. “Nó định giở trò gì tiếp theo đây, anh thắc mắc?”

Billy đã ù té chạy tiếp trên đường và Charlie liền chạy theo, nhưng nó thấy mình cứ lẩn bấn bên ngoài tiệm cá. Cánh cửa nơi quái đản này luôn đóng và im ỉm, tuy nhiên mùi tanh nồng lại phả ra từ trong nhà, như thể mỗi viên gạch được làm từ một con cá thu hay cá tuyết.

Đây là nhà của Dagbert Endless – nếu ta có thể gọi đó là nhà. Cửa sổ phía trên tấm biển vừa đen vừa cau bần. Nhưng tấm rèm mơn xơ chỉ, và tất cả những gì được nhìn thấy bên trong cửa sổ ấy là một cái quây trống trơn trong căn phòng tường lát gạch men trắng nứt nẻ, sàn nhà lát đá phiến rêu mốc. Charlie nhăn mũi và bước đi tiếp. Đến lúc nó tới Tiệm Ấm thì Billy đã vô bên trong tiệm và đang len lỏi qua từng ẩm trưng bày trên những cái bệ và trên bàn kê khắp phòng.

Charlie đóng cửa tiệm lại, cánh cửa rít ken kết trên những bản lề gỉ sét; nó theo Billy đi qua một khung cửa hình vòm vô một căn phòng khác cũng chất đầy ẩm. Nhưng ở đây có bốn chiếc ghế quây quanh một cái bàn còn để trống, nơi khách hàng có thể ngồi chiêm ngưỡng ẩm cổ đủ loại. Trên bếp lò phía sau bàn có một chiếc ẩm đồng đang huýt sáo vui vẻ.

“Ta biết ngày hôm nay ta sẽ gặp mấy cưng mà.” Bà chủ tiệm nhắc cái ẩm đang kêu vang xuống và rót nước sôi vô bình trà lớn màu nâu.

“Bởi vì con chuột của cháu ạ,” Billy nói, mắt dán vào đĩa bánh quy nhân bà Kettle vừa để lên bàn.

“Ừ, đúng là con chuột của cưng, cưng à.” Bà Kettle là một phụ nữ cuộn cuộn cơ bắp, tóc trắng màu đồng quần cao trên đỉnh đầu. Bà mặc áo bảo hộ liền quần màu xanh đậm, đi ủng da lấm chấm vết dầu, bởi vì trên hết bà là một thợ rèn – bán ẩm chỉ là một thú vui và là bình phong che giấu nghề nghiệp bí mật của bà.

“Thế nó đâu rồi ạ?” Billy dáo dác nhìn quanh, hy vọng một con chuột đen xò ra chạy về phía mình.

“Đoán coi!” Bà Kettle nói.

“Cháu không đoán được,” Billy nôn nóng. “Có quá nhiều nơi cho nó trốn quá.”

Bà thợt rên bước từ chỗ này qua chỗ nọ, tới đâu gõ gõ những chiếc ấm tới đó. Bà ngập ngừng, lại đi tiếp, dừng chân và trầm ngâm, xoa cằm. “Hay là ta đã làm mất nó rồi.”

“Kh... ô... ng!” Billy thét lên.

Nắp của cái ấm sắt khổng lồ hơi nhấc lên một chút rồi nảy xuống nền nhà nghe một tiếng choang thật lớn. Họ chờ đợi, nhưng không có con chuột đen ló ra. Thay vào đó là cái đầu của một con trăn màu xanh da trời. Nó ngúc ngoắc qua này rồi ngo ngoe qua bên kia, những sợi lông chim xanh da trời tuyệt đẹp trên đầu nó phất phơ như những dải băng rôn lựa trong gió.

“Ồ, cháu quên mất là con trăn ở đây.” Billy đi về phía cái đầu khà khật.

“Nó là một anh chàng tốt tính. Ta liên lạc được với nó đằng hoàng. Ta gọi nó là Solomon, nó khôn ơi là khôn.”

Vừa trông thấy Billy, con trăn xanh da trời liền trườn ra khỏi ấm, bò dưới đất và bắt đầu quấn quanh chân Billy. Nhưng Billy nâng con vật lên và nhẹ nhàng quàng vô vai mình trong khi vừa ngâm nga vừa nói rì rít với nó. Con trăn đáp lại bằng âm thanh liếp chớp, nhẹ như tiếng kêu của một con chim nhỏ.

“Tốt lắm,” Billy nói khi con trăn đã an vị. “Nó sẽ không làm cháu vô hình đâu.”

“Diệu kỳ là cũng có thể làm được như thế, Billy,” bà Kettle tấm tắc. “Solomon rất năng động trước khi nó chuẩn bị đi nghỉ trưa. Nhện, ruồi, bọ hung, kể cả chuột nó đều quấn vô thân người dài xanh da trời của nó và làm bọn chúng biến mất ngay tại chỗ.”

Charlie cảm thấy cái gì đó động đậy trên bàn chân mình. Ngay trước mắt, nó thấy sợi dây giày bắt đầu biến mất. “Billy, anh nghĩ anh đã thấy Rembrandt rồi. Nó đang ăn dây giày của anh.” Charlie giơ chân lên và đá nó về phía Billy.

Có một tiếng chít thật lớn vang lên đồng thời mái tóc trắng của Billy thành linh úp chụp xuống mặt. Billy giơ cả hai tay lên chụp rồi bùm vô lòng bàn tay thứ gì giống hệt như không khí. Nhưng Billy có thể cảm thấy những sợi ria, lông và một cái đuôi dài ồm tong.

“Solomon làm Rembrandt vậy đó,” Billy nói, lộ vẻ sung sướng vì tìm thấy con chuột nhưng lại lo cho tình trạng vô hình của chú chàng.

“Ta nghĩ cũng sẽ dần xếp được hết mà. Con trăn đó có thể làm bất kỳ điều gì vì cũng,” bà Kettle bảo.

Billy đặt con chuột vô hình xuống sàn và bắt đầu rúc rích với con trăn trên vai. Nhưng Rembrandt rõ ràng là thích thú với sự vô hình này. Charlie cảm thấy con chuột chạy qua bàn chân mình, rồi lại thấy một cái bàn lắc lư, một cái ấm rơi bộp xuống sàn. Tiếp theo là tiếng chân tí nị chạy nhí nhóay và tiếng chít khoái chí bươn qua cửa vòm, ra tiệm phía ngoài. Bà Kettle thụp gối xuống và bắt đầu bò quanh các bụi trưng bày ấm; hai thằng bé bắt chước làm theo bà, rồi con trăn cũng nhập cuộc kiếm tìm – trườn ngang qua sàn với vẻ rất kịch trên cái mặt đóng vẩy của nó. Bà Kettle bỗng phá ra cười. Charlie không nín được cười, rồi thì ngay cả Billy cũng nhận thấy khía cạnh khôi hài của sự việc, nó lăn ra sàn mà cười nôn ruột.

Không ai để ý cửa tiệm mở ra chỉ một tí, không đủ rộng để cửa kít lên. Cũng không ai nghe thấy tiếng bước chân lướt nhẹ trên sàn nhà, và không ai thấy Eric Shellhorn lên qua cửa vòm, vù tới cánh cửa kim loại dẫn vô xưởng rèn của bà Kettle.

Tất cả sự việc đó diễn ra trong vòng chưa tới một phút, sau đó con trăn xanh da trời cuộn chặt thân mình nó thành nùi. Một tiếng chít chói tai và một con chuột đen nhảy phóc ra từ cái nùi Solomon bóng loáng, chạy tới với Billy.

“Cảm ơn, Solomon.” Billy nhặt con chuột đang run rẩy lên, vuốt ve và nhét nó vô túi áo.

“Một tách trà ngon nhé, mấy cưng,” bà Kettly nói, đứng dậy. “Có lẽ thêm một hay hai cái bánh quy nhân nữa.”

Hai thằng bé theo bà trở lại chiếc bàn, có Solomon trườn dưới sàn nhà bên cạnh. Khi Billy ngồi xuống, con trần xanh da trời ngổn ngang lên và bắt đầu lúc lắc thân mình. Charlie cảm nhận được hình như nó đang lo lắng, thậm chí sợ hãi. Nó cứ ngóc nhìn lên Billy mà rít rú.

Billy trả lời con trần bằng một tiếng ậm ừ khe ròi thông báo cho mọi người, “Solomon nói có ai đó đã đi vô tiệm.”

“Ồ, không có ai ngoài chúng ta,” bà Kettle nói. “Con rắn của cưng có nói là ai không?”

“Con đã hỏi, nhưng nó không biết.”

Charlie nhìn con trần trườn trở vào ổ của nó bên trong cái ấm tổ chẳng. Charlie cảm thấy bất an. Con trần đó không có lý do gì để nó nói xạo. Nó thông thái và dịu dàng, không phải là kẻ hay đùa. Chẳng hiểu cái gì xui khiến Charlie hỏi. “Bà có một bức tượng quý lùn bằng đá ở đây phải không?”

“Đúng rồi, Charlie,” bà Kettle xác nhận. “Nó bị xích vào lò rèn của ta kể từ khi nó tấn công hai cha con bé gái tội nghiệp. Tên quý lùn đó đã có lần tự gây tội ác khi Eric làm cho nó sống dậy.”

Đó cũng chính là bức tượng quý lùn đã từng dựng bên ngoài cửa nhà bà cô Venetia của Charlie. Vào một ngày Charlie không bao giờ quên, bức tượng đã tấn công chồng mới của bà cô Venetia và con gái ông, Miranda. Người đàn ông đáng thương ấy đã bị bỏ bùa để chịu lấy bà ta, nhưng đến khi hiểu ra sự tình ông đã đưa con gái trốn thoát khỏi thành phố. Eric vẫn ở lại với mẹ ghẻ. Bà cô Venetia có một tài phép rất khó chịu: mụ ta có thể đầu độc nạn nhân bằng cách tẩm thuốc độc vô quần áo của họ. Nhưng mụ mơ đến việc sử dụng tài phép của Eric để phục vụ cho tham vọng quyền lực của mụ.

“Cháu nghĩ mình đã gặp nó rồi,” Charlie nói thủng thẳng, “Khi nó là một gã quý lùn thật. Tên là Ngón Cái Dị.”

“Gặp rồi ư, Charlie? Quý lùn?” Bà Kettle ngừng khuấy trà và xoáy đôi mắt màu hổ phách nhìn Charlie. “Ý cưng là gặp trong những chuyến chu du của cưng?”

“Dạ phải,” Charlie đáp, rồi kể lại cuộc phiêu lưu vô xứ Badlock của nó.

Bà Kettle chìm đắm trong suy tưởng. Chỉ một lần bà nhấc tách trà lên, rất chậm và húp soạt một ngụm trà đang nguội đi nhanh chóng. Khi Charlie kể xong, bà chỉ còn biết lắc đầu một hồi như hồn xiêu phách lạc.

Trong bầu không khí im lặng khác thường, Charlie cảm thấy hơi lạnh tràn vô tiệm. Và rồi, không biết nó tưởng tượng hay là những cái ám sáng choang kia đột ngột mất đi độ sáng?

“Cái bóng đang rập tâm trở lại,” bà Kettle nói tự như đang độc thoại. “Hãy khóa chặt cửa tầng hầm nhà cưng lại, Charlie, rồi vứt chìa khóa đi trước khi bức tranh đó bắt cứng lần nữa.”

“Nhưng còn Hạt Đậu!” Billy phản đối.

“Cưng sẽ quên nó, Billy, nếu cưng khôn ngoan,” bà Kettle nói.

Chắc chắn bà ấy biết tội mình không thể quên được Hạt Đậu, Charlie nghĩ. Nhưng trông bà Kettle rất nghiêm trang, trông đầy lo âu vì rắc rối bí mật nào đó, đến nỗi nó phải thừa nhận lời cảnh báo của bà là cực kỳ nghiêm chỉnh.

“Tiệm Tượng Đá lại bị chiếm lĩnh rồi,” cuối cùng bà Kettle nói. “Nhiều năm nó bỏ không, với tượng khắc dở ở trong sân, tượng hoàn chỉnh trong tiệm thì đầy mạng nhện. Nhưng cách đây hai ngày ta nghe có tiếng búa đập. Chát! Chát! Chát! Tiếng kim loại đục đá. Ta bèn rời lò rèn để đi ra ngõ hẻm đằng sau dãy tiệm trên đường này. Ta nhìn vô sân tiệm Tượng Đá và thấy hấn: một gã đàn ông hung tợn, ria mép vàng và đội mũ cao bồi. Melmott, hấn giới thiệu đó là tên hấn. Nhưng hấn chỉ nói với ta tất cả có thể thôi. Ta e rằng hấn là kẻ đầu tiên trong số nhiều.”

“Đầu tiên trong số nhiều cái gì ạ?” Charlie hỏi.

“Thầy pháp, cưng, nếu mong muốn dùng một từ mỹ miều hơn. Đã có thời phố này đầy ắp bọn họ, nhưng đến lúc ta được thừa kế nơi này từ ông cố của ta thì bọn họ tất cả đã đi rồi. Và giờ...” Bà Kettle thu dọn cái tách và đem ra bồn rửa bên cạnh bếp lò.

“Giờ thì sao ạ?” Billy thúc bách.

“Giờ những kẻ xấu đang trở lại. Không phải chỉ mình Eric thôi đâu, mà cả những đứa trẻ ở Học viện Bloor, thằng dim chết người, thằng nam châm, đứa chuốc độc, Manfred-kẻ-thôi-miên, và lại còn mụ phù thủy đó, mụ Tilpin, mẹ của thằng nam châm – phe bọn chúng đang mạnh lên, mấy cưng à. Những người như chúng ta phải đề phòng và canh chừng, bảo vệ lẫn nhau. Ta là người duy nhất còn sót lại trên phố này, hai cưng à. Người duy nhất có thể ngăn cản bọn chúng. Ta linh cảm mạnh mẽ là bọn chúng sắp sửa làm gì đó. Chưa biết là cái gì. Nhưng ta đang cảnh giác cao độ.”

“Bà Kettle, cho cháu xem bức tượng đá được không?” Charlie hỏi.

“Bây giờ ư, cưng muốn xem thật à?” Bà Kettle liếc nhìn cánh cửa kim loại, ngại ngùng cho Charlie vô lò rèn của mình.

“Cháu chỉ muốn chắc chắn Ngón Cái Dị vẫn còn ở đó thôi.” Mối lo âu của Charlie đang tăng dần.

Bà Kettle thở dài, chùi bàn tay ướt vô bộ đồ bảo hộ và mở cánh cửa sắt ra. Charlie bước vô lò rèn. Trông nó vẫn hệt như lần trước Charlie vô. Những bức tường gạch tro trụi, nền đá bắn bụi và đủ loại dụng cụ treo thông từ nhà xuống. Cái đe nằm ở giữ phòng, và ngọn lửa phì phụt được nghe thấy đằng sau một cánh cửa sắt nhỏ ở chân ống khói.

Trong góc tối có một bức tượng lùn bè bè. Một sợ xích chấp đôi tròn quanh vòng hông dày cui của hần, hai đầu sắt móc vô những cái khoen sắt lớn ở trên tường. Charlie nhìn trừng trừng vô bức tượng, mắt nó dần quen với bóng tối. Giờ nó có thể thấy cái mũi rộng bự thịt, cái miệng mỏng méo xệch và đôi mắt ti hí.

“Hài lòng chưa, Charlie?” bà Kettle gọi to.

“Dạ.” Charlie định bước trở ra thì bất chợt nó thấy vầng sáng lóe lên trong con mắt bên trái của bức tượng quỷ lùn. Một cái chớp mắt chẳng? Đỉnh người vì cái chớp mắt đó, lại thêm hoảng hốt về tính chất vừa sự việc, Charlie sờ soạng ra sau tìm cánh cửa.

Nhưng nó quá trễ. Một tiếng động xé tai và bức tượng bung thoát khỏi bức tường, bay chúi về phía Charlie. Nó né, kèm tiếng thét khiếp vía, còn Ngón Cái Dị lướt qua cánh cửa đang mở, vút ra phòng trưng bày ẩm.

Trong khi toàn thân run lên mất hồn, Charlie cố chạy theo bức tượng quỷ lùn. Nó thấy bức tượng tông thẳng vô bà Kettle. Bà thợ rèn không có cơ may né được. Ngón Cái Dị đâm trúng đầu bà, khiến bà học lên một tiếng và xuôi xuống sàn.

Chưa thỏa mãn với cú đòn này, bức tượng quỷ lùn bắt đầu phá tanh bành đồ đạc, xô những cái ấm đổ lộn nhào xuống nền nhà.

Billy nằm úp dưới sàn gầm bàn, hai tay ôm lấy đầu. “Không, không, không,” nó rên rỉ.

“Suyt!” Charlie thì thào, bò về phía Billy.

Một bầu im lặng hoàn toàn theo sau lời thì thầm của thằng bé, Charlie cảm nhận hình như tên quỷ lùn đang suy tính. Hần sẽ làm gì tiếp? Liệu hần có phát hiện ra bọn chúng? Liệu một tên quỷ lùn bằng đá có thể nghe hoặc ngửi? Giờ hần đang ở góc nào? Charlie nín thở.

Một tiếng choang! Báo hiệu tên quỷ lùn đang ở đâu. Hần đã đi qua khung cửa vòm ra tiệm ngoài, và giờ đang tiếp tục nghiền, bóp, bẻ và đập bẻ mọi cái ấm trên đường đi. Tiếng sắt và đồng, tiếng thép và men, thậm chí cả tiếng đất sét bẻ tạo thành một mớ âm thanh Charlie chưa từng bao giờ tưởng tượng ra. Nó tự hỏi bà thợ rèn bị thương có nghe thấy tiếng những cái ấm yêu quý của bà bị tàn phá kinh hoàng hay không – liệu trái tim tan vỡ của bà có hòa vô tiếng hủy hoại kinh thiên động địa này?

Khi đã tàn phá xong tất cả những gì trong tầm mắt, hần sẽ quay lại chỗ mình cho mà coi; hần sẽ lập tức cây dưới gầm bàn chỗ Billy đang núp, Charlie nghĩ. “Cơ hội duy nhất của bọn mình là bò vô lò rèn và khóa cửa ở yên trong đấy,” Charlie thì thào. “Nhưng tội mình phải đưa bà Kettle đi cùng. Lẹ lên, Billy! Tốt hơn phải đi ngay trong khi hần mải đập phá ngoài tiệm.”

Nhưng Billy không thể nhúc nhích. Nó vẫn nằm co chèm mẹp. Không một âm thanh phát ra từ nó.

“Billy!” Charlie nắm cánh tay nó lắc.

“Ừm,” Billy rên rỉ.

“Billy, tội mình phải...”

Charlie không thể kịp nói hết câu. Nổi bật lên trên tiếng đập phá của tên quỷ lùn, nó phân biệt được tiếng kẹt cửa rất to. Ai đó đang đi vào.

Một tiếng thịch mạnh, như thể tên quỷ lùn vừa đáp từ trên cao xuống. Và rồi im lặng.

11. Chương 10

Bùa mê

Tiếng ầm ầm kinh động do bức tượng quỷ lùn gây ra dội vang khắp con đường Piminy, từ đầu này tới tận đầu kia. Tuy nhiên không một cư dân nào hiện ra khỏi cửa nhà họ. Lẽ nào họ không tò mò? Tancred tự hỏi. Khi anh tiến gần hơn tới Tiệm Ấm thì tiếng ồn càng rõ. Anh nhìn qua cửa sổ và trông thấy một vật thô bạo màu xám đang tông ỳnh ỳnh vô những hàng những lớp ẩm. Tốc độ phá hoại chết chóc của sinh vật đó khiến Tancred nổi giận đùng đùng, không sao kiềm chế được. Anh xông vô tiệm và tên quỷ lùn quay phắt lại đối mặt với anh.

Từ khóe mắt Tancred thấy một chuyển động trong căn phòng bên kia cửa vòm, nhưng mắt anh vẫn dán chặt vô tên quỷ lùn. Một tiếng động rất điên dại phụt ra khỏi sinh vật suýt nữa quật ngã Tancred. Sẵn đà đang tức giận, anh triệu hồi gió vốn luôn chực chờ nơi những đầu ngón tay. Sấm rền vang trên mái nhà và một luồng chớp nhóa lên chiếu rõ từng đường nét xấu xí trên bộ mặt của tên quỷ lùn. Rồi gió thổi tới. Sức mạnh tài phép của Tancred khiến hần kinh ngạc. Đường như sức mạnh đó xuất phát từ sâu bên trong con người anh, chảy lan khắp thân thể anh, và dồn cuốn về phía sinh vật ác quỷ trước mặt anh. Cơn hận thù muốn trả miếng của tên quỷ lùn bốc lên, khốc liệt đến mức như sờ thấy được – khao khát hủy diệt của hần tăng cao, bởi vì hần biết rằng hần đang đụng độ một sức mạnh tương xứng.

Cơn bão của Tancred xoáy quanh tên quỷ lùn, đẩy ẩm bay hết về phía sau tiệm. Chưa thỏa lòng, cậu bé Thời Tiết nâng cấp bão của mình lên, cho tới khi tên quỷ lùn chỉ còn là vật duy nhất anh nhìn thấy giữa những lộn tọc mắc trong gió đang gào rú xung quanh mình. Và trong trạng thái bị ép dữ dội như thế, thân hình đá bắt đầu biến đổi. Bộ ngực như tấm phản của hần phoi ra màu kim loại xỉn, cái quần bạc màu rơm, gương mặt nhoe nhoẹt màu nâu đỏ bệnh hoạn, đôi mắt bọt bọt tia xám lạnh. Tancred gồng sức giữ cho ánh mắt mình chọc xoáy vô cái hình hài đang biến đổi gớm ghiếc kia, vô hình ảnh cái mũ giáp chụp trên cái đầu hói, và vô bàn tay có ngón cái quái dị đang lặn mò tìm con dao giắt trong thắt lưng.

Tancred thả vô gió những hạt mưa đá, và bàn tay tên quỷ lùn dừng khựng lại ngay tư thế hần vừa chồm tới. Vài giây trôi qua. Cậu bé và tên quỷ lùn cùng khóa chặt trong một trận đấu sức vô hình. Khi Tancred cảm thấy sức mạnh của tên quỷ lùn yếu đi, anh chớp cơ hội phóng một luồng năng lượng cứng như sắt khoan thẳng vô trái tim của hần.

Tên quỷ lùn bằng đá rung động, đôi mắt xám nháng lên và hần đổ ập xuống sàn. Trong vài giây, không một vật gì động đậy. Cơn bão dịu đi chỉ còn lại làn gió thoảng rồi một bầu thinh lặng bí hiểm vây kín lất Tiệm Ấm. Xem ra cả tiệm đang đau đớn sau trận náo động. Tancred cẩn thận tiến về phía tên quỷ lùn nằm sóng sượt. Đường như hần đã cạn hết sự sống và bọt hết màu sắc.

“Tancred!” Charlie ló qua cửa vòm. “Anh đã nó tống khứ nó đi rồi!”

“Em chắc không?” Tancred bước chập choạng trên thảm ẩm bết. Chợt anh trông thấy bà Kettle nằm lịm trong bóng tối. “Ôi không! Bà ấy chết rồi sao?”

“Không, không, em thấy tiếng bà thở,” Charlie nói gấp.

Khi Tancred đi qua khung cửa vòm, một tiếng động khiến anh quay lại. Charlie nhìn theo ánh mắt anh, thấy tên quỷ lùn bằng đá vụn đứng lên và bắn thẳng ra cửa sổ. Chỉ khi đó chúng mới nhận thấy thăng bé tí teo đang bò rón rén dọc theo mép tường.

“Ê!” Tancred quát.

Eric Shellhorn thấy cho anh một cái nhìn ngạo nghễ rồi hướng ra cửa chạy mất tiêu.

“Nó chuồn về Tiệm Đá cho coi,” Charlie nói.

“Tốt hơn tụi mình chờ người tới giúp rồi hẵng tới đó,” Tancred lầm bầm. Anh tới quỳ bên cạnh bà Kettle. “Để cháu gọi xe cứu thương.”

“Từ trước bà Kettle đã e sợ là có chuyện sẽ xảy ra cho bà,” Charlie nói. “Nghe vậy em nghĩ ngay đến bức tượng quỷ lùn nhưng Eric lên vô hồi nào em không hay biết.”

Tancred sở hữu không chỉ một chiếc điện thoại di động loại oách. Hôm nay anh vừa tậu một phiên bản đời mới nhất. Một “chú dế” bạc loáng chói với những bàn phím màu ngọc lam. Anh chỉ vừa mới bấm vài con số thì bàn tay anh bị chụp trong một vòng “kẹp sắt” và chiếc di động bị giật đi.

“KHÔNG!” Bà thợ rèn ra lệnh.

“Bà Kettle! Bà... bà...” Charlie lắp bắp, quỳ thụp xuống bên cạnh bà.

“Tĩnh rồi,” bà Kettle nói. “Vừa tĩnh xong.”

“Cháu xin lỗi. Dường như cháu đã gây ra cảnh tượng bữa bãi kinh khủng này.” Tancred nhìn đồng báy xáy xung quanh. “Cháu chỉ cố thổi cho cái vật xấu xí đó khỏi tồn tại trên đời mà thôi.”

“Cung đã cứu cả ngày hôm nay rồi đó, Tancred Torsson.” Bà Kettle vỗ bàn tay của anh. “Chứ không thì còn nát bét hơn nhiều.”

“Bà cần bác sĩ,” Tancred với tay lấy lại cái di động của mình. “Đi mà Kettle, đưa cho cháu gọi điện thoại.”

“Không.” Bà áp chiếc điện thoại vô ngực và ngồi lên.

“Tên quỷ lùn đó đã đánh bà một cú trời giáng ạ,” Charlie nhận xét, nhìn trân trân vô cái trán của bà.

Bà Kettle đầm nhẹ lên trán một cái. “Úi! Ta vẫn còn sống. Nhưng này, không xe cứu thương. Không cảnh sát.”

Bà Kettle nói vậy là đã rõ. Nhưng tiệm của bà đã bị phá tanh bành, cửa sổ gãy và khi bà lão đảo đứng lên, Charlie nhận thấy bà phải chống tay vô một cạnh bàn. Lẽ nào bọn chúng có thể để bà ở lại một mình trong tình trạng thế này.

“Để tụi cháu xếp ầm lại cho bà – không phải hết thấy chúng đều bẻ cả đầu ạ.” Charlie nhắc một cái ầm sát to đặt trở lên bệ của nó.

“Đừng lo, Charlie. Chẳng phải ta không có bạn bè đâu nhé. Họ sẽ tới ngay đấy, nếu ta không lầm.” Bà bấm bấm vài số trên chiếc điện thoại di động của Tancred xong rồi trả nó lại cho anh. “Cất đi, cậu bé bảo tổ, chúng ta sẽ không phải gọi cho bác sĩ và cảnh sát nữa. Kể từ lúc này trở đi.” Bà cúi người, rên hự một tiếng, ngó xuống gầm bàn. “Cung ra được rồi đó Billy Raven. Kết thúc rồi.”

Billy hí hoáy bò ra cùng với cái đầu của con chuột lấp ló nơi cổ áo. “Cháu muốn chắc chắn hần đã đi rồi.” Nó đứng lên, lôi chú chuột ra khỏi chiếc áo lạnh rồi vuốt ve cái đầu chú ta. “Rembrandt sợ hãi còn hơn cả cháu nữa. Anh đã đuổi cái đồ đá đó đi rồi phải không Tanc?”

“E là chưa đâu. Hần chỉ sống đi đâu đó thôi, Eric Shellhorn cũng chạy theo hần sát gót. Bọn chúng kết hợp lại đúng là một cặp hủy diệt.”

Bà Kettle cương quyết bảo tụi con trai cứ để mặc bà dọn dẹp Tiệm Ấm. “Các bạn ta sắp đến ngay đấy mà, nhưng ta muốn biết tên quỷ lùn đó đã chạy đi đâu. Đừng tự đưa mình vào nguy hiểm đó mấy cưng. Hãy bảo đảm Eric không ra tay nữa. Chỉ cần cho ta biết mấy cưng tìm hiểu được chuyện gì.”

“Tối nay cháu sẽ gọi cho bà, bà K.!” Tancred vẫy vẫy chiếc di động. “Số của bà là số mấy ạ?”

“Ta làm gì có mấy thứ lèo lẹt đó. Thôi, đi đi.” Bà Kettle lừa tụi nó ra ngoài và đóng cửa lại.

“Tiếp theo là tiệm cá,” Tancred thông báo khi cả bọn bước đi trên phố.

“Anh muốn tới đó làm gì?” Billy hỏi. “Em cần cho tụi mình ra khỏi con đường này lẹ lẹ lên.”

“Hồi nãy anh đang hướng tới tiệm cá thì nghe thấy tiếng ầm ầm trong tiệm của bà Kettle,” Tancred nói. “Anh đã quyết định trả con nhím biển cho Dagbert.”

“Để đổi lấy Clearwen? Cảm ơn anh, Tancred. Nhưng anh có chắc chưa?” Charlie hỏi. “Cái gì khiến anh đổi ý vậy?”

Tancred nhún vai. “Em cần con bướm của em mà, Charlie. Còn con nhím biển á, hừm, tụi mình sẽ phải tự dựa vào tài phép của tụi mình để thắng Dagbert.”

Khi chúng đi tới tiệm bán cá, Tancred cố gõ cửa. Nó khóa chặt, như thường lệ. Anh nhấn cái chuông gỉ sét, bọn chúng nghe một hồi chuông dài thê lương dội đi khắp bên trong ngôi nhà. Tancred nhấn chuông lần nữa. Tịt mít. Cái chuông hình như đã vừa réo lên tiếng kêu cuối cùng trong đời nó.

“Dagbert!” Charlie gọi với lên cửa sổ. “Mày có nhà không?”

Không thấy tiếng trả lời.

Chúng đợi thêm mười lăm phút nữa thì đi. Ngang qua tiệm bán đèn cây và tiệm bán khung tranh, và rồi chúng đứng bên ngoài Tiệm Tượng Đá.

Bản năng thúc giục Charlie tiếp tục chạy. Billy cũng chạy. Thành nhỏ chạy một lèo tới cuối đường thì đứng chờ, một tay giữ con chuột trong túi, tay kia bồn chồn quần vạy những lọn tóc.

“Em nghĩ sao?” Tancred nhìn vô cái tiệm tối thui.

“Anh hỏi em nghĩ sao là sao?” Charlie hỏi lại.

“Ý anh là tụi mình có vô không?”

“Anh giỡn chơi!” Charlie nhận ra mình đang bấn loạn. Nó cố bình tâm lại. “Em không nghĩ tụi mình vô lúc này là ý hay, Tancred. Nếu Eric ở trong ấy không chừng nó sẽ lại bài binh bố trận nữa đó.”

Tancred tránh xa cửa sổ ra. “Em nói đúng. Hừm tụi mình phải nghĩ kĩ vụ này.”

Nhưng chúng có thể đi tới đâu để suy nghĩ bây giờ? Nơi tụ tập thường lệ đã bị đóng cửa, nội Bone rình mò ở nhà số 9, còn nhà Tancred ở tít trên đồi cách xa nhiều dặm.

“Đầu óc anh trở ra rồi,” Tancred làu bàu. “Anh cảm thấy kỳ kỳ sau vụ đụng độ với tên quỷ lùn.”

“Xin lỗi, Tancred!” Charlie dấn bước tới bên cạnh Tancred khi anh đi trên đường. “Hôm nay anh đến đây bằng gì?”

“Mẹ của Gabriel. Bác ấy ghé qua nhà anh ở đường Đồi Cao. Bác ấy với Gabriel đi thăm bà Onymous.”

“Ế, vậy thì tụi mình đến quán cà phê Thú Kiểng đi,” Charlie đề nghị. “Dù nó có đóng cửa với khách, ông bà ấy cũng cho tụi mình vô. Tụi mình là bạn mà.”

Mười lăm phút sau chúng đứng ở hẻm Éch và dòm vô quán cà phê Thú Kiểng. Ghế chất đống hết lên bàn, một tấm trải màu trắng phủ kín quây và không có có ngọn đèn nào được thắp bên trong những chiếc đèn lồng vốn làm cho quán trở nên lung linh sống động và ấm cúng. Trông nó đóng cửa hoàn toàn. Kể cả những đuôi, ria, cánh, chân cẳng trang trí tấm biển phía trên cửa trông cũng không hoạt bát như trước. Thực tình toàn bộ nơi này dường như đã thụt lùi vô trong bức tường cổ xưa đằng sau quán.

“Bác Silk đậu xe ở góc đường nhưng anh biết thế nào bác ấy cũng sẽ tới đây,” Tancred nói.

Charlie rung chuông.

Một ngọn đèn lóe lên đằng sau quây cùng lúc với một cánh cửa mở ra. Bác Silk xuất hiện. Bác lần chân, rồi nhìn thấy bọn trẻ lố nhố bên ngoài cửa sổ thì liền mở cửa trước.

“Bà Onymous sao rồi ạ?” Charlie hỏi với giọng nghèn nghẹn.

“Vô đi thì biết!” Bác Silk trông vui vẻ một cách đáng ngạc nhiên. Đôi mắt xanh da trời lấp lánh và mái tóc nâu cột ra sau bằng một dải ruy-băng lễ hội.

Đám nhóc theo bác Silk đi quanh qua quầy, chui qua bức rèm bằng chuỗi hạt treo trước khung cửa vô một bếp ấm áp. Gabriel đang cắt bánh mì cho bà Onymous do cánh tay bà phải quàng dây trước ngực, và kia, đang ngồi trên ghế bành gần bếp lò là ông Onymous.

Charlie hầu như không tin nổi. Cảm giác được giải tỏa căng thẳng dội ào xuống nó đến nỗi nó không thốt nên lời. Hai thằng kia cũng ngậy người ra như phồng. Chúng cứ để mặc cho những nụ cười rộng nhất, hạnh phúc nhất, dài nhất chiếm lĩnh.

Một dải vải trắng thật to băng kín đầu ông Onymous, thêm một miếng băng nữa dán lên mũi, còn một bên mắt thì bầm đen, nhưng nụ cười rộng, lộ rõ hàm răng nhỏ nhọn của ông lại rạng rỡ hơn bao giờ hết.

Charlie chạy ulla tới bên người đàn ông nhỏ thó. “Ông ông... Onymous,” nó cà lăm.

Ông Onymous nắm bàn tay Charlie trong những ngón tay như có móng vuốt của mình. “Ồ, ồ, Charlie. Trông cháu kìa. Ta mạnh như mưa vậy nè.”

“Tụi con tưởng ông chết rồi chứ,” Billy buột mồm. “Làm sao ông khỏe lại được vậy, ông Onymous?”

“Làm sao á? Ta có những vị khách, Billy à.” Ông Onymous nghẹo đầu qua một bên, cười khà khà.

“Vị khách?” Billy chẳng khôn ra hơn. “Khách nào ạ?”

“Khách có lông!” Bà Onymous tuyên bố, bằng giọng ngụ ý rằng đáng lý Billy phải thừa biết loại khách nào đã chữa khỏi cho chồng bà mới đúng.

Ông Onymous bật cười ha ha và từ dưới gầm ghế ông ngồi toài ra ba con mèo lông rục rờ, trông như đang ngái ngủ.

“Những con mèo lửa!” Tancred reo lên, rơi phịch xuống chiếc ghế bên cạnh bà Onymous.

“Những con mèo lửa!” Charlie ngồi thụp xuống và bắt đầu vuốt ve ba con mèo sáng rực.

Billy chần chừ một chút rồi ngồi xuống phía bên kia bà Onymous. “Rembrandt vừa trải qua một chuyện kinh khủng,” nó bảo với bà. “Có lẽ nó không muốn chơi với những con mèo lửa.”

“Tại sao vậy, Billy, chúng không làm nó đau đâu,” bà trấn an thằng bé.

“Chắc vậy.” Billy nhẹ nhàng chạm vô túi áo và Rembrandt thở dài trong giấc ngủ.

Gabriel rót trà cho mọi người và trong khi bác Silk lấy những khay bánh nướng ra khỏi lò, ông Onymous kể tiếp câu chuyện về sự bình phục thần kỳ của mình.

“Ta đang nằm trong phòng bệnh viện, giữa đêm khuya, những bệnh nhân ngáy và rên rĩ xung quanh. Ta không quan tâm. Ta nghĩ ta tiêu rồi. Sắp tiêu. Tệ nhất là cảm giác có kẻ nào đó muốn ta đi đứt cho xong. Và rồi, giữa tiếng van vỉ, tiếng rên và hơi thở nặng nề, ta nghe thấy âm thanh này. Thịch, thịch, nhẹ như phấn tiên. Gần, gần hơn và rồi tiếng rừ... những tiếng từ nhẹ êm, ấm áp và đầy yêu thương. Ta bắt đầu nghĩ, thế là mình không tiêu đâu. Không đâu. Mà thật ra là mình vẫn còn nguyên vẹn ở đây. Hơn nữa, mình còn nhiều việc phải làm. Ngay khi ý nghĩ như thế len vô cái đầu đáng thương của ta, thì ta cảm thấy một trong những con mèo nhảy lên giường của ta, một con nữa, rồi con nữa. Sau đấy Dương Cừ cọ cái mặt màu đồng của nó sát vô mặt ta, kêu rừ rừ. Con Sư Tử lông cam dụi má vô cánh tay ta và rừ rừ, còn Nhân Mã thì nhằn ngón chân ta và gãi gãi bàn chân ta, nó cũng kêu rừ rừ.

“Ta phải công nhận là những tiếng rừ đó thấu đến tận tim ta, bọn nhóc à. Khi những con mèo lửa nghe thấy tiếng tim ta đập rộn ràng và thấy ta mở mắt ra hớn hở, chúng nhảy khỏi giường và bước đi khỏi, cũng êm ái và lặng lẽ như khi chúng đến. Không ai trông thấy chúng, không một sinh linh nào thấy chúng cả. Sáng hôm sau ta hỏi cô y tá trực đêm. ‘Mèo ư, thưa ông Onymous?’ cô ấy ngớ người ra. ‘Tôi chắc chắn là không có mèo trong bệnh viện. Tại ông đang mơ đó mà. Lúc này trông ông đã bình phục như có phép màu vậy.’” Ông Onymous mỉm cười với mọi người. “Các cháu nghĩ gì về việc đó?”

Charlie không ngạc nhiên tí nào. Trước kia nó đã từng thấy những con mèo lửa cứu sống người. Và chính mắt nó cũng đã thấy chúng suýt giết chết người.

“Ông Onimous, cháu nghĩ điều đó thật thần kỳ.” Tancred nói. “Nhưng chúng ta cần tìm ra thủ phạm đã gây ra tai nạn cho ông.”

“Và chúng ta cần phải đấu tranh cho quán mở cửa lại,” Gabriel nói một cách mạnh mẽ.

Không nhấc tay khỏi bộ lông cam của Sư Tử, Charlie nói, “Tụi cháu có điều này nói với ông nữa, ông Onimous.”

Tancred nói nhanh. “Có lẽ không phải hôm nay.”

Ông Onimous bực dọc bảo, “Nếu có gì ta cần biết thì ta phải biết ngay bây giờ. Nào Charlie, nói hết ra luôn đi.”

Bác Silk thúc dục mọi người ăn nhẹ trước đã. “Tôi đã làm rất nhiều nhé,” bác vừa nói vừa chuyền khay bánh cho mọi người. “Hầu hết là đồ dành cho thú. Tôi đã quên mất vụ việc đang xảy ra. Quên là quán đã đóng cửa. Nhưng bánh nào cũng ngon lắm, người đều ăn được cả.”

“Cái gì tốt nhất cho chuột ạ?” Billy hỏi.

Bác Silk chỉ loại bánh mảnh như que tằm màu hồng và Billy bốc một nắm.

Charlie ngồi xuống bàn và nhón lấy ba chiếc bánh quy không có vân sọc màu hồng. Tancred chọn một chiếc bánh nướng đẹp rắc đầy nhóc đậu phộng, để rồi được bác Silk bảo cho biết rằng bác đã làm nó đặc biệt dành cho mấy con ngựa lùn Shetland.

Tancred hí lên một tiếng và nói. “Bác có thấy móng guốc của cháu mọc ra chưa?”

Tất cả mọi người phá lên cười, nhưng khi tiếng cười dịu đi là một sự im lặng, kiểu im lặng ngụ ý phải được trám bằng một câu chuyện. Charlie bắt đầu kể về tên quỷ lùn trong Tiệm Ấm, về cuộc đẹp yên của Tancred, theo quan điểm của nó.

Gabriel và gia đình Onimous vẫn im re, chỉ có bác Silk là bức xúc đến nỗi không thể ngồi tại chỗ. Bác cạo những cái khay nướng bánh, rửa những cái tô trộn bột, cất bột đi rồi lại bắt đầu lau bàn. Bác phải dừng tay khi đến lượt Tancred kể. Bởi vì khi anh kể, gió bắt đầu thổi tốc lên: muống gỗ, bao giấy, đồ cắt bánh, đậu phộng, lúa mạch, quả lý chua và nhộng sấy khô, muối và tiêu, đường và những gia vị bay vù lên không, đụng nhau tá lả rồi rơi xuống. Chúng rớt xuống đầu, vai mọi người, phủ xuống bàn, ghế và những bề mặt khác. Vậy là công việc quét tước và lau dọn bỗng trở thành một hoạt động kéo dài vô tận.

Ngay khi câu chuyện của Tancred chấm dứt, ông Onimous phồng má lên bình luận, “Ồ, một trận chiến hết như trong sử thi. Đồ quái vật!”

“Tên hắc là Ngón Cái Dị,” Charlie khẽ nói. “Cháu đã gặp hắc.”

Rõ ràng một câu chuyện khác vừa được khơi mào, thành thử Charlie mô tả chuyến đi tới xứ Badlock của nó. “Và giờ thì Hạt Đậu bị kẹt lại mà cháu không thể trở lại cứu nó.”

“Đừng lại gần bức tranh đó, Charlie,” ông Onimous cảnh báo. “Cháu nói nó hút cháu vô đúng không? Ta không thích như thế tí nào.”

“Không thích tí nào,” bà vợ ông phụ họa. “Không thể dây dưa với nó được. Hãy khóa cửa tầng hầm lại và quảng chìa khóa đi.”

“Ông bà nói giống y như bà Kettle. Nhưng còn Hạt Đậu thì sao?” Billy nói với vẻ cáo buộc. “Con tưởng bà yêu thú vật chứ, bà Onimous.”

“Ta rất yêu chúng, Billy Raven. Rất yêu,” bà Onimous đứng thẳng hết chiều cao gần hai mét của mình. “Nhưng ta cũng yêu các con. Ta sẽ vỡ tim mất nếu con bị lôi vô xứ Badlock và không bao giờ trở về được.”

Mất một hồi Billy ngẩn người ra. “Vậy mà con không biết,” nó lầm bầm.

Sau khi thêm một vòng đồ ăn nữa, bác Silk đề nghị tất cả rời quán để ông bà Onymous nghỉ ngơi. Sáng mai bác sẽ đích thân phát động chiến dịch yêu cầu mở lại quán.

Gabriel là người cuối cùng bước ra ngoài. Khi đóng cửa quán sau lưng, anh trầm ngâm tự lự. “Giả sử người gác cửa quán cũng là người gây tai nạn cho ông bà Onymous thì sao?”

“Gabriel, mẹ sẽ không để con nói những điều như thế,” bác Silk nhăn mặt với con trai.

“Gabriel nói đúng ạ,” Tancred đánh bạo.

“Ông hội đồng Loom đóng cửa quán vì có nhiều lời phàn nàn,” bác Silk lập luận. “Ai trên đời này lại muốn hại hai người dễ mến đó?”

“Norton Cross thường đi xe mô tô,” Charlie nói.

Bước chân họ ngập ngừng rồi dừng hẳn. Họ vừa tới đường Đồi Cao. Tất cả quay lại nhìn Charlie.

“Đó chỉ là một ý nghĩ thôi ạ,” Charlie nói.

“Đừng quá lố vậy!” bác Silk quẹo phải và bắt đầu leo lên đường Đồi Cao. Bác gọi to, “Gabriel, Tancred, nhanh chân lên nếu các con muốn đi quá giang.”

“Tại sao mẹ anh bức mình vậy?” Charlie hỏi. “Mẹ anh thường bức bội mỗi khi sợ hãi,” Gabriel giải thích. “Thứ Hai gặp lại các cậu.” Anh nắm lấy cánh tay Tancred và hai anh cùng nhau chạy theo bác Silk.

Charlie và Billy quay trở về đường Filbert.

Lúc trời tối mà Ông cậu Paton vẫn chưa về nhà, ngoại Maisie bảo với bọn nhỏ chắc là ông ngủ trong chiếc xe moóc của ông cách xa đây hàng trăm dặm rồi. Bà pha trò, “Chắc trên cao nguyên. Giống như một chú chó với cục xương mỗi khi ông truy lùng theo dấu vết gì đó. Nhưng ít ra ba người chúng ta được ăn tối riêng với nhau. Nội Bone tới khuya lắm bà ta mới về.”

Trước khi đi ngủ Charlie kiểm tra cho chắc là cửa tầng hầm đã khóa. Nó cũng tới xem coi nội Bone có còn để chìa khóa trong cái hũ màu xanh da trời không. Có. Nhưng Charlie sẽ không quẳng chìa khóa đi. Nó cần phải trở lại xứ Badlock, bất kể hậu quả thể nào chẳng nữa.

Chừng nào có Clearwen đi cùng, mình sẽ thử lần nữa, Charlie tự nhủ. Nó không chỉ nghĩ đến con chó mà còn nghĩ đến lời hứa của nó với ngài Otus Yewbeam.

Hai thằng bé lăn quay ra ngủ, mệt lử sau những chiến cố trong ngày. Nhưng trước khi bình minh Billy đã tỉnh giấc. Nó nằm trong bóng tối, tin chắc mình đã nghe thấy một tiếng động trong nhà. Cái gì vậy? Tiếng cầu thang cọt két? Tiếng then cửa lách cách?

Billy ngồi dậy. Nó cảm thấy mình không sợ gì hết. Có gì đó trọng đại đã xảy ra. Cách đây vài tiếng bà Onymous đã bảo rằng bà yêu nó. Chưa bao giờ có ai nói với nó như thế cả. Không ai, kể cả bà dì mà nó đã sống chung khi ba má nó vừa qua đời. Đó là một cảm giác mới mẻ đến độ Billy không biết phải cảm nhận như thế nào. Và từ từ, cảm giác ấy dâng lên khắp người nó: một niềm hạnh phúc vô bờ.

Rồi thêm một tiếng động nữa. Lần này thì không chối cãi vào đâu được. Cho dù ở bất kỳ đâu Billy vẫn có thể nhận ra tiếng Hạt Đậu.

“Billy! Cứu! Billy! Cậu ở đâu?”

Không vặn đèn bên cạnh giường lên, Billy sờ soạng tìm mắt kính. Bóng đèn đường bên ngoài quăng một luồng sáng mỏng bên dưới tấm rèm. Billy lẳng lặng xuống giường đi tới cửa. Hạt Đậu tiếp tục gọi nó, nhưng đột nhiên thấy ngại mở cửa ra. Nó nhìn Charlie, đang ngủ ngon lành. Charlie có nghe thấy tiếng sữa không? Hay chỉ mình Billy mới hiểu được?

Bà Onymous nói đã yêu mình. Tại sao nó cảm thấy nếu nó đi qua cánh cửa này thì nó sẽ vứt món quà đó đi? Trong vài phút nó đứng đực tại chỗ, tay đặt lên nắm đấm cửa, sau đó tiếng con chó gọi thúc bách, tuyệt vọng đến nỗi Billy không thể làm ngơ.

Khi nó mò xuống cầu thang, một cơn gió lạnh quét quanh bàn chân nó. Nó xuống tới hành lang, chìa khóa tầng hầm ở trong cái hũ trên nóc tủ đựng ly chén. Billy biết chính xác là cái nào. Nó định rẽ vô bếp thì

nhận thấy cửa tầng hầm đang mở toang. Một dòng âm thanh rõ mồn một về phía nó: tiếng gió rít và tiếng tru trầm bổng.

“B...I...L...L...Y!”

Billy không còn lựa chọn nào khác. Nó phải đi tới nơi có tiếng gọi đó. Chó hay người? Bất kể là gì, tiếng gọi đó cũng kéo nó về phía tầng hầm, đi xuống những bậc thang cho tới khi bàn chân trần của nó bắt đầu ngả màu xanh tái trên sàn đá lạnh. Từ bức tranh, Hạt Đậu trao nháo nhìn ra nó. Tru và tru.

“Tao đến đây,” Billy nói.

Gió thét vô tai, cuốn nó quay tít mù và kéo nó về phía bức tranh, gần, gần nữa cho tới khi má của nó chạm tấm toan, những ngón tay và ngón chân nó đã ở trong xứ Badlock.

Chớp mắt sau, khi gió đã im, ai đó lẳng lặng đóng cửa tầng hầm và khóa lại.

12. Chương 11

Cụ Bittermouse

Tiếng sữa lay Charlie tỉnh giấc. Ban đầu nó chịu không biết tiếng đó phát ra từ đâu. Nó nhìn qua giường của Billy. Hình như trống trơn. Charlie nhồm dậy nhìn sát hơn. Đúng, rõ ràng Billy không có ở trên giường. Ráp các sự việc lại với nhau, cộng với tiếng chó sữa khiến Charlie đẩy lên niềm hy vọng. Billy đã tìm cách cứu được Hạt Đậu rồi chăng?

Charlie lật đặt xỏ chân vô đôi dép lê và chạy xuống tầng hầm. Cửa không mở. Lạ thật. Billy đã tự khóa nó trong đấy?

“Billy?” nó gọi. “Em có ở dưới đó không?”

Tiếng sữa căng dần. Tiếng móng vuốt lạch xạch trên những bậc thang gỗ cào cào cánh cửa tầng hầm.

“Hạt Đậu!” Charlie la lên. “Phải mày không hả? Mày ra được rồi.” Nó được trả lời bằng một tràng sữa vui sướng.

“Cái quỷ gì thế?” Có tiếng hỏi từ cầu thang.

Charlie ngược lên thấy nội Bone trong tấm áo ngủ màu tím và cái chụp tóc màu hồng.

“Hạt Đậu đã ra khỏi bức tranh.” Charlie không thể che giấu nỗi phấn khởi của mình. “Cháu không biết xảy ra thế nào, trừ phi Billy làm, nhưng cửa tầng hầm vẫn khóa cho nên...”

“Thế thì mở nó ra.” Nội Bone siết chặt sợi dây thắt lưng áo ngủ lại và bước xuống lầu. “Rồi đem con chó ra khỏi nhà tao ngay,” mụ đe nẹt. “Bây giờ là sáng Chủ nhật, nó sẽ dựng cả phố dậy mất.”

Charlie chạy vô nhà bếp. Một cái ghế đã được kéo sát tới bên tủ đựng ly chén. Quái lạ. Charlie chắc chắn mình đã đẩy ghế trở lại bàn sau khi cất chìa khóa vào hũ rồi cơ mà. Chắc chắn Billy đã lấy nó ra, mở cửa tầng hầm rồi tự nhốt mình trong đó. Nếu thế thì chìa khóa phải ở tầng hầm chứ không phải ở trong hũ. Charlie leo lên ghế và lấy cái hũ xuống. Chìa khóa vẫn còn trong đó.

Nghi nghi hoặc hoặc. Charlie lấy chìa khóa ra quây quay trở lại tầng hầm. Ngay khi nó mở cửa, Hạt Đậu bắn vọt ra, tổng ngả ngửa và phủ lên mặt nó một trận mưa những cái hôn ướt nhèm.

“Rồi! Rồi!” Charlie ôm ngang cổ con chó bự và ráng đứng lên. “Yến!” nó ra lệnh. “Ngồi xuống!”

Hạt Đậu là chú chó biết vâng lời. Bất chấp đang phấn khích quá chừng chú ta vẫn làm như được ra lệnh.

Charlie gọi xuống tầng hầm. “Billy! Billy! Em có dưới đó không?”

Không có tiếng đáp lại.

Charlie đi xuống để nhìn cho kỹ hơn. Bức tranh vẫn không suy chuyển, nhưng bây giờ, không còn tiếng gió rít thoát ra từ đó. Xứ Badlock dường như là hoang vắng và ảm đạm, một nơi trong tưởng tượng, không phải là nơi nào đó chỉ cách có một bước chân.

“Billy!” Charlie sục sạo mọi ngõ ngách của tầng hầm – bên dưới những tấm đệm cũ, đằng sau những cái tủ mỗi một, những cánh cửa và va li mục, những bao đựng rác. Không thấy dấu hiệu Billy. Nhưng, nếu như vậy thì, Billy đã đi đâu?

Điều trước hết là Benjamin phải nhận lại con chó của nó.

Trong khi Hạt Đậu kiên nhẫn chờ thì Charlie vọt lên cầu thang, xỏ vội bộ đồ rồi dắt con chó bụi qua đường tới nhà số 12.

Suốt cuộc đời mình, Charlie chưa bao giờ thấy ai mừng quỳnh mừng quáng như Benjamin khi nó vừa trông thấy Hạt Đậu. Tiếng cặp đôi nó hú hét đủ để đánh thức cả người chết, chứ đừng nói là mọi ngôi nhà trên đường Filbert. Tiếng rú rít và tiếng chó sủa sung sướng khiến cô và chú Brown lăn vội ra khỏi giường và ào xuống cầu thang.

Một bữa sáng xúc xích, đậu và bông cải xanh chóng vánh được dọn lên, và Hạt Đậu được thả cho một cục xương to bằng cả cái chân chú.

Charlie đói meo nhưng trước khi ăn hết nửa bữa sáng thì nó bất giác đứng lên. “Vấn đề là,” nó giải thích “Billy Raven biến mất, và cháu phải tìm nó.”

“Biến mất?” Cô và chú Brown đồng loạt đặt dao nĩa xuống. Tìm người mất tích đúng là chuyên ngành của họ. Không trường hợp người mất tích nào mà không giải quyết được.

“Nếu cháu không tìm thấy Billy thì cứ quay lại chỗ cô chú nhé,” cô Brown nói.

“Dạ. Cảm ơn cô Brown.” Charlie chạy trở về nhà số 9.

Ngoại Maisie đã dậy, và một bữa sáng khác đang đợi Charlie: xúc xích, đậu và nấm rơm.

“Xin lỗi, ngoại Maisie. Con không nghĩ mình có thể ăn nổi.” Charlie giải thích sự thể đã xảy ra.

“Ta nghĩ ta nghe thấy tiếng sủa,” ngoại Masie kêu lên. “Ồ, Charlie, thật là tin mừng.”

“Ngoại trừ Billy đã biến mất,” Charlie tiếp.

Mặt ngoại Masie xụ xuống. “Charlie, con có chắc không? Có khi nó ở đâu đó trong nhà. Hay là nó đã ra đường làm gì đó. Thử kiểm tra quần áo nó coi.”

Charlie chạy ù lên phòng ngủ. Quần áo Billy vẫn xếp ngay ngắn trên giường, chính xác chỗ thằng bé đã để chúng. Giày vẫn còn dưới gầm ghế, dép lê dưới gầm giường thằng bé. Vì vậy thằng bé không thể đi xa được, Charlie lẩm bẩm một mình. Và, một lần nữa, nó cố gạt đi ý nghĩ luôn nhoi nhói trong đầu nó kể từ khi nó xuống tìm dưới tầng hầm, rằng Billy đã ở xứ Badlock.

Không. Một cơn buồn nôn dần Charlie ngồi phịch xuống giường của nó. Nó sợ cho Billy còn hơn nó sợ cho chính mình nhiều. Billy có cơ may sống sót gì ở đó, với mái tóc trắng và thị lực kém cỏi? Đội quân của cái bóng sẽ vồ bắt thằng bé. Nhưng vì lý do gì mà tay bá tước đó muốn Billy và thả Hạt Đậu ra?

Trừ khi đó là kế hoạch của cái bóng ngay từ đầu? Hẳn biết Billy không bao giờ từ chối tiếng kêu cứu của một con chó. Charlie nhớ lại sự hăm dọa thái quá của Manfred muốn trở lại nhà số 9, nơi bức tranh xứ Badlock đang đợi, như một cái bẫy.

Charlie bỏ xuống lầu. “Nó đi rồi, ngoại Maisie. Con biết nó đi đâu. Nó đang ở trong bức tranh đó.”

“Bà không tin được, Charlie. Nếu nó đi rồi thì để bà gọi cảnh sát, việc này không thể có hai khả năng cùng xảy ra được.” Ngoại Masie vô hành lang và bắt đầu quay số.

Biết rằng có ngăn bà gọi điện cũng vô ích, Charlie chờ trong bếp. Nó lắng nghe giọng nói bức bách của ngoại Maisie báo rằng một đứa trẻ tên Billy Raven đã mất tích, tiếp nữa là tiếng bà giận dữ đáp lại lời đầu dây bên kia – họ vừa nói gì đó với bà. “Học viện Bloor. Cụ Ezekiel Bloor, hoặc có lẽ cả ông hiệu trưởng, giáo sư Bloor. Nhưng thằng bé mất tích ở đây, không phải ở đó.”

Một khoảng dừng trong khi ngoại Maisie thở dài nãy nê và dậm bàn chân. “Cảm ơn. Ông sẽ báo cho tôi biết chứ?... Thế thì tôi sẽ gọi lại. Chào.” Bà đập mạnh máy điện thoại và trở vô nhà bếp, với vẻ mặt nhăn nhó và đỏ bừng lên tức giận.

“Họ không thể tiến hành tìm kiếm cho đến khi họ có được sự ủy quyền của người giám hộ đứa trẻ. Bà nghĩ đó là giáo sư Bloor, Billy là trẻ mồ côi. Đồ dụ khí!”

Charlie không nói gì. Giờ thì nó chắc chắn Billy bị bắt vô bức tranh. Hèn chi nội Bone đã hể hả ra mặt khi thấy Billy về cùng Charlie. Rõ ràng mụ đã khóa cửa tầng hầm khi Billy “đi vô”.

Charlie ngồi bên cửa sổ nhà bếp, ngóng chờ ông cậu Paton về trong chiếc xe moóc màu trắng. Nó thấy Benjamin và Hạt Đậu đi ra công viên. Nó thấy cô Brown đi ra hộp thư – cô mặc váy và mang giày cao gót, để thay đổi diện mạo. Có báo cho cô Brown biết Billy vẫn còn mất tích cũng chẳng ích gì.

Ngoại Maisie đưa cho Charlie một cốc ca-cao nóng. “Ông cậu của con sẽ không về cho tới tuần sau. Đứng sâu bi thế, Charlie. Ta chắc chắn Billy sẽ trở lại.”

“Không đâu,” Charlie lầu bầu.

Nó phát hiện chìa khóa cửa tầng hầm vẫn còn trong túi quần của mình. Khi uống ca-cao xong nó đi xuống tầng hầm và nhìn trừng trừng vô bức tranh xứ Badlock. Nó dò dẫm từng xăng-ti-mét, tìm một lối vô. Nó không quan tâm nó bị bắt lần nữa hay không, miễn là nó tìm được Billy. Nhưng cái bóng không sử dụng Charlie Bone lúc này. Chính Billy mới là đứa hấn muốn.

“Tại sao lại bắt nó?” Charlie hét vô bức tranh. “Lão đã mặc cả cái gì rồi à? Billy đổi lấy sự tự do trở lại thế giới cho lão? Hừ, đừng hòng làm được, bá tước Harken. Bây giờ thì đừng hòng. Gương thần Amoret bề rồi, vì vậy không có đường trở lại cho lão đâu. Không bao giờ!”

Một cơn gió đẩy lùi Charlie vô bức tường đối diện.

“Lão đã nghe thấy tiếng tôi!” Nó thét lên.

Bụi, đá mặt xen lẫn dầm gỗ bay vèo vô mặt nó và nó vừa kịp che mắt lại. Lỗ mũi nó đầy bụi: thậm chí bụi còn lạo xạo giữa hai hàm răng nó. Nghẹt thở, nó hắt xì, Charlie bò qua sàn tầng hầm. Nó bò lên cầu thang và nhổ bụi cát ra khỏi miệng thì nhận ra một thân hình cao lớn lù lù trước mặt.

“Thằng ngu, mày hy vọng làm gì hả?” Nội Bone quát.

Charlie ngồi dậy ngược nhìn mụ trơ trơ. “Bà làm phải không? Bà đã mở cửa tầng hầm sau đó khóa cửa nhốt Billy lại. Tôi biết nó đang ở xứ Badlock và thế nào tôi cũng tìm cách cứu nó ra.”

“Đừng giỡn với cái bóng,” mụ quàu quàu.

Charlie nhìn bà nội bước tới cửa trước. Mụ diện bộ đồ Chủ nhật oách nhất: giày đen bóng, áo khoác long cừu Ba Tư và mũ nhung màu tím. Nhìn từ phía sau, đôi vai u gồ của mụ toát lên vẻ khinh miệt tốt độ.

Bữa trưa có bò rô-ti, kèm thêm bánh pudding Yorkshire, khoai tây nấu, rau mầm và nước sốt béo ngậy. Toàn món khoái khẩu của Charlie, nó cố ăn cho công bằng nhưng đồ ăn cứ tắc tị trong cổ họng nên nó đành đặt dao nĩa xuống. “Xin lỗi, ngoại Maisie, tại nó không chịu trôi xuống.”

“Bà đã nói con rồi, để bà gọi cảnh sát lần nữa. Chúng ta hãy xem họ có tiến triển gì không.”

Charlie chả trông chờ sẽ nhận được tin tốt lành, nhưng nó hoàn toàn không bắt ngờ trước những gì ngoại Maisie thông báo cho nó. Từ chỗ để điện thoại bà chạy trở vô và hét lên, “Họ tìm thấy nó rồi, Charlie!”

Charlie đứng bật dậy, cái nĩa đang cầm rớt cạch xuống sàn. “Tìm được nó rồi?” Charlie không tin nổi.

“Nó đã trở lại học viện Bloor, đó là lời cảnh sát nói. Họ đã gọi đến trường và giáo sư Bloor bảo rằng Billy đã trở về trường hồi sáng sớm nay. Nó cảm thấy nhớ nhà, ông hiệu trưởng đã nói như vậy.”

“Nhưng, ngoại Maisie, nó để lại quần áo, rồi cả dép lê. Nó không thể đi bộ gần ấy quãng đường trong bộ pyjama và bàn chân không.”

“Thế thì họ nói dối, Charlie à, bà không biết mình có thể làm gì với chuyện đó.” Ngoại Maisie ra bồn rửa chén. Bà mở vòi cho nước xả tung tóe vô chén đĩa và nổi dơ. “Bà ước gì ba mẹ con ở đây,” bà lầm bầm. “Ba của con hiểu những việc như thế này hơn bà nhiều.”

“Ba không có ở đây,” Charlie nói, rồi chua thêm. “Ba sẽ không bao giờ ở đây.”

Ngoại Maisie quay phắt ra đối mặt với Charlie. Bà không đổ trách nó vì những gì nó vừa thốt ra. Thay vào đó là vẻ thương cảm nhoáng qua gương mặt bà. “Xin lỗi, Charlie,” bà dịu dàng. “Những điều xảy ra cho con và bạn bè con nằm ngoài sức hiểu biết của bà. Bà không thể nào xử lý được với những việc đại loại như thế này.”

“Con tới tiệm sách đây,” Charlie rời nhà bếp. “Mấy đứa kia chắc cũng ở đó.”

“Đừng đi một mình, Charlie, làm ơn mà,” ngoại Maisie gọi. “Bà biết có gì đó không yên ổn trong thành phố này, cho dù bà không hiểu đó là gì. Bà tin là trên đời có bọn quỷ lùn biết bay và có những cái âm phép thuật... và bức tranh quỷ, con biết là bà tin thế. Nhưng đôi khi bà lo sốt vó.”

Charlie đã quyết. Nhưng, thật may làm sao nó không cần phải ra ngoài một mình. Chuông cửa reo và Charlie mở cửa, thì thấy ngay Benjamin và Hạt Đậu đang đứng đó.

“Qua nhà mình chơi không?” Benjamin rủ.

Khi Charlie giải thích nó đang định tới tiệm sách thì Benjamin đồng ý đi cùng.

Trên đường tới nhà cô Ingledew, Charlie kể hết sự tình cho Benjamin nghe. Hạt Đậu nhảy cẫng lên đằng trước, cứ như chú chàng đang cố thoát ra khỏi cái đuôi của chính mình vậy. Mắt chú ta vẫn còn vẻ hốt hoảng và hơi tí gì thì lại sợ thất kinh. Cọng rác bay, cánh cổng đung đưa, xe hơi rú còi đều khiến chú giật mình né qua bên cùng một tiếng ăng thật lớn.

“Mình không thể tin nổi là ông hiệu trưởng lại nói láo,” Benjamin thở hồng hộc khi chúng chạy cho kịp chú chó vàng.

“Thế mà vậy đấy. Mình biết Billy đang ở xứ Badlock. Điều mình không hiểu nổi là tại sao cái bóng lại muốn nó.”

Giờ chúng đã tới khu cổ xưa của thành phố, nơi Nhà Thờ Lớn sừng sững vượt hẳn lên những tiệm bán hàng và nhà cửa xung quanh. Hạt Đậu đã lùi lại đằng sau chúng vì lý do gì đó. Chốc chốc nó lại hộc lên một tiếng tru khản đục, sồn sác hít ngửi quanh một bậc cửa hay một cột đèn đường. Bất thành linh tiếng rên ư ử của con chó bỗng lên thành một tiếng ăng kinh hồn.

Charlie và Benjamin quay lại thấy một sinh vật khổng lồ và quái dị đang tiến tới. Cái vật đó hao hao một con chó, nhưng chân cẳng nó lại tựa như những ống cống bê tông và mình mẩy không có một cọng lông. Cái đầu đó là phiên bản phỉ báng của đầu chó săn, với cái mõm tẻ bè và đôi mắt đá vô hồn. Tuy nhiên “cái vật” đó có răng. Đúng vậy, thứ răng dài hơn và sắc hơn răng của bất kỳ giống chó nào trên đời.

Hạt Đậu gầm gừ với lòng dũng cảm không ngờ, chú chàng phóng tới trước; tai chú oạt ra sau, toàn thân hạ thấp, đuôi quệt hẳn xuống đất. Chú tuy sợ hãi nhưng vẫn quyết định bảo vệ hai thằng bé.

Benjamin bấu lấy cánh tay Charlie, chặt đến nỗi đau nhói. “Vật đó giết nó mất, Charlie.”

Charlie nghĩ nhanh. Chắc chắn Eric ở gần đâu đây. Chính Eric, không sai. Phải xử lý Eric, chứ không phải xử lý con chó săn. Charlie đảo mắt tìm tới những khung cửa và thấy một hình thù co ro núp sau một mái hiên hẹp.

“Ben, bảo Hạt Đậu tấn công thằng kia kìa,” Charlie hét. “Thấy chưa! Đó. Mau!”

Hai con chó sắp sửa xông vô sập lá cà. Chân con chó đá nện thình thình xuống mặt sỏi như một cỗ máy nặng nề, bước chậm chạp. Thịch! Thịch! Thịch! Và rồi nó rống lên một tiếng như ở dưới âm ty địa ngục, chặn Hạt Đậu giữa đường, nhưng chú ta không lui bước.

Benjamin đã thấy cái hình thù lom khom kia. “Hạt đậu!” nó hét. “Đó! Kia kìa! Cẩn nó!”

Hạt Đậu ngoái nhìn bối rối.

“Đó!” Benjamin chỉ. “Đó, Hạt Đậu. Bắt nó! Ngay.”

Hạt Đậu vọt lẹ đến nỗi con chó đá không kịp tung vút ra. Nhưng khi con chó của Benjamin lao về phía Eric Shellhorn, thằng bé này ngán lên một tràng ư ừ và con chó đá quay lại, xông tới chú chó vàng.

Bỗng một tiếng nổ long trời, làm bắn ra một đám mây bụi che đặc con phố. Mái hiên sụp lệch hẳn xuống, trơ lại mái ngói hẹp treo lơ lửng thành góc nguy hiểm. Cánh cửa trước biến mất, cả con chó đá cũng biến luôn. Giờ nó đã lọt vô trong ngôi nhà.

Hạt Đậu đi cà nhắc về phía Benjamin, một chân chú co lên. Không thấy dấu hiệu Eric đâu. Chắc chắn nó đã trốn trong làn bụi, chuồn lẹ về lại đường Piminy rồi.

“Giờ sao?” Charlie nói. “Tại sao Eric làm vậy? Nó muốn giết mình hay Hạt Đậu mới là cái nó đuổi theo?”

“Coi, chủ nhà kia,” Benjamin thì thầm.

Một cụ già vừa mới bước qua khung cửa gãy. Cụ trở mắt nhìn bọn trẻ với vẻ bàng hoàng. Người cụ gầy đét, những giải tóc trắng uốn khúc, đôi mắt sâu hoắm, và màu da giống như chưa bao giờ được thấy ánh mặt trời. Bộ com-lê đen cụ mặc lên nước thời gian bóng người, lò ra mảng cổ áo sơ mi màu óng ả.

“Tụi bay có thấy gì không?” Giọng nói phều phào của cụ hầu như không tới được tai chúng.

Nhận ra mình không thể thoát thác được, Charlie bước về phía ông cụ và nói, “Dạ thấy, thưa cụ.”

“Có một vật bằng đá to lớn đáng nguyên rửa trong hành lang nhà ta,” giọng cụ run lẩy bẩy, “vỡ nát vụn. Trông như một con chó đá.”

“Đúng thế ạ, thưa cụ, ít nhất nó đã là vậy,” Charlie nói, liếc vô hành lang nhà cụ già. Cái đầu con chó săn lìa khỏi thân – phần còn lại nằm dưới sàn, bị gạch vụn lấp đầy.

“Ta là một luật sư đã nghỉ hưu,” cụ già bảo Charlie. “Ta là ngài Hector Bittermouse. Chắc chắn cháu đã nghe tên ta.” Không chờ Charlie trả lời, cụ nói tiếp, “Coi đó! Ta nào có làm gì hại ai suốt sáu mươi năm nay, vậy tại sao lại có người phá ta thế này?” Cụ chỉ đồng vụn trong hành lang nhà mình. “Kẻ đó là ai vậy?”

Charlie bần búa tìm lời đáp. Nó không thể nói với cụ Bittermouse rằng một thằng bé sáu tuổi đã phá hủy cánh cửa nhà cụ. Một điều không ai tin nổi. “Đó là... là...” Charlie nhận thấy lúc này Benjamin và Hạt Đậu đã đến đứng ngay đằng sau mình. Benjamin cũng thấy không thể nào cung cấp được câu trả lời cho cụ Bittermouse.

“Không!” Cụ Bittermouse bắt thần kêu to. “Đó là kẻ trong bọn chúng, phải không?”

“Một trong ai?” Charlie hỏi.

“Một trong lũ người đường Piminy á. Đáng ra ta nên dọn đi từ vài năm trước kia, nhưng ta nghĩ bọn chúng đã đi hết cả rồi, chuyển nhà là một sự thay đổi nhiều khê.” Cụ già bắt đầu siết hai bàn tay lại với nhau. “Ồi trời, ời trời ơi. Ta phải làm gì đây?”

Cụ Bittermouse rõ ràng không thể kham nổi công việc đang bày ra trước mắt, vì vậy hai thằng bé giúp cụ thu dọn xà bần trên đường và dựng cánh cửa gãy lên. Bỗng nhiên Charlie nảy ra một sáng kiến. Norton Cross, người canh cửa lực lưỡng của quán cà phê Thú Kiểng, chắc chắn là đang tìm việc làm.

“Nếu cụ gửi một lá thư tới cho chú Norton Cross, quán cà phê Thú Kiểng ở Hẻm Éch, cháu nghĩ chú ấy có thể giúp cụ, cụ Bittermouse,” Charlie nói. “Chú ấy rất khỏe và không gì khiến chú ấy sợ cả.”

“Viết ra cho ta đi nào, cậu trẻ.” Cụ Bittermouse ngoắc chúng vô một phòng tối, nơi có một cái bàn viết bằng gỗ gụ chiếm hầu hết bề dài bức tường. Cụ già mở một cái nắp to xấp xỉ cái bàn và lấy ra cây bút với một tập giấy, trao cho Charlie. Charlie viết tên của Norton và địa chỉ quán cà phê Thú Kiểng.

“Tên cậu là gì, cậu trẻ?”

“Charlie Bone, thưa cụ.”

“Bone,” cụ già trầm tư. “Anh trai của ta biết một người tên Bone – Lyell Bone.”

“Đó là ba cháu.”

“Họ là chỗ bạn bè,” cụ Bittermouse tiếp. “Bạn thân thiết. Mối quan hệ của họ không chỉ đơn thuần là nghề nghiệp.”

Charlie không cách chi biết câu hỏi tiếp theo của nó sẽ mang lại những hậu quả xấu xa gì. Nó chỉ muốn biết tại sao và thế nào cha nó lại kết bạn với một người già cỡ đó. “Anh của cụ là ai, thưa cụ Bittermouse?” Charlie hỏi.

“Ông ấy cũng là luật sư như ta, đã từng là luật sư, phải nói thế. Mặc dù hiện nay ông ấy thỉnh thoảng cũng vẫn hành nghề chút ít, chỉ cho bạn bè đặc biệt thôi. Barnaby Bittermouse là tên ông ấy. Dù đã trên chính mười tuổi rồi nhưng trí nhớ của ông ấy còn sắc bén hơn trí nhớ của ta nhiều. Sống một mình trên đường Tigerfield. Số 10.”

Charlie sắp xếp tất cả bộ nhớ của nó. Làm sao nó có thể quên được cái tên ẩn tượng kiểu như Tigerfield và Bittermouse cơ chứ? Và làm sao nó có thể quên được con số 10?

13. Chương 12

Mẫu thư nhắn của Tancred

Charlie và Benjamin rời nhà cụ Bittermouse mà không gặp vợ ông. Bà ấy chắc bị điếc nặng lắm mới không nghe thấy tiếng mái hiên nhà mình rơi xuống, Charlie nghĩ. Mà cũng không ai khác nghe thấy. Hoặc giả họ có nghe thấy nhưng đều đã tránh xa. Con đường vắng tanh. Chắc là hầu hết mọi người đang quay quần quanh lò sưởi hoặc trước màn hình tivi trong buổi chiều Chủ nhật giá lạnh.

Tiệm sách Ingledew không xa nhà của cụ Bittermouse. Liệu cô Ingledew có nghe thấy tiếng động đó?

Có, cô ấy có nghe thấy. “Charlie, Benjamin, thấy các con cô mừng quá,” cô Ingledew vỗ vạt khi ra mở cửa cho chúng. “Chắc các con đã tình cờ biết cái gì gây nên tiếng nổ kinh hoàng đó thì phải?”

“Đúng ạ.” Charlie đáp.

Olivia, tới giờ đang gói sách đằng sau quầy, thỉnh thoảng nhìn ra như người nộm trong hộp (hộp đồ chơi của trẻ em, khi mở nắp thì một người nộm bằng rơm sẽ bật ra), khiến Hạt Đậu giật mình nhảy búng lên không, kêu một tiếng ăng.

“Thế đó là cái gì vậy?” Olivia hỏi.

“Để tớ kể cho đằng ấy về vụ đụng độ trước nhé,” Charlie nói, “nhưng thật ra tớ đến kể xin lời khuyên của cô Ingledew. Có một việc khủng khiếp đã xảy ra với Billy Raven.”

Olivia vén tấm rèm sau quầy qua bên và thò đầu nói lớn, “Tin xấu, Em!”

“Ồi không!” Emma thốt lên bằng giọng thảm thiết rất hợp cảnh.

Tất cả kéo vô phòng sau nhập bọn với Emma, nơi cô Ingledew đốt lò sưởi reo tí tách. Đồng hạt để luộc gần vì lò nhắc Charlie đến Giáng sinh. Thậm chí còn có cả một hồ nước ép mâm xôi nóng hổi bên trong thanh chắn lò.

Ngồi gọn lỏn trong góc ghế sofa, với một nắm hạt để luộc nóng hổi trong tay và một ca nước mâm xôi đặt trên bàn cạnh đấy, Charlie kể lại chi tiết ngày cuối tuần kỳ lạ của nó. Có vài đoạn bị cắt ngang, dĩ nhiên, phần lớn vì Olivia, nhưng Benjamin và Hạt Đậu, nằm chung với nhau dưới tấm thảm trước lò sưởi, thì đã ngủ khò. Đến khi Charlie kể xong thì những người kia có vẻ mệt phờ, nhưng ít ra họ vẫn còn thức.

Charlie thất vọng trước phản ứng của cô Ingledew. “Ông cậu của con sẽ biết phải làm gì,” cô nói. Về mặt cô là một bức tranh lo lắng.

“Nhưng ông không có ở đây,” Charlie nói, bóc hạt để cuối cùng trong tay nó.

“Charlie, chứ ông ấy đang ở đâu? Ông ấy đã đi đâu? Suốt cả tuần qua ông ấy đi vắng hết, Chúng ta sẽ làm gì nếu không có ông ấy?” Cô Ingledew dường như đã hoán đổi vai trò cho chúng. Giờ chính cô lại đang hỏi lời khuyên của Charlie.

“Con đã hy vọng là cô biết,” Charlie đáp.

“Ồ!” cô Ingledew, đang ngồi bên bàn viết, thắc thỏm gỡ một trang trên tờ lịch của mình, hết cầm cây bút lên lại đặt nó xuống. Lẽ nào cô ấy đang nhớ Ông cậu Paton?

Chen vô ngồi bên cạnh Charlie, Olivia nhíu mày lại, tập trung suy nghĩ. Emma ở đầu bên kia ghế sofa nhìn chong chong vào ngọn lửa, tựa cằm vô hai bàn tay. Bất thành hình Olivia phì ra một hơi rõ kêu và thét om. “Nghĩ ra rồi. Tụi mình sẽ đi gặp ông hiệu trưởng. Có lẽ Billy đã trở về trường thật, nhưng nếu nó không ở đó thì tụi mình sẽ hỏi giáo sư Bloor xem nó ở đâu. Ông ta sẽ phải nói cho tụi mình biết.”

“Ông ta không nói thật đâu,” Emma ỉu xiu. “Ông ta có thể tỉnh bơ báo là đã gửi Billy đi đâu đó rồi, đại loại vậy.”

Cô Ingledew đứng dậy và bắt đầu bước tới bước lui. “Những chuyện ở trên đường Piminy khiến cô không an tâm. Tội nghiệp bà Kettle. Cô phải đi thăm bà ấy một chuyến mới được. Và cả cụ Bittermouse nữa! Sinh vật đó đã suýt giết cụ. Phải làm gì đó về cái thằng Eric này thôi.”

Benjamin đã tỉnh giấc. Vừa dụi mắt vừa ngáp, nó lẩm nhẩm rằng Hạt Đậu không bao giờ làm đau ai cả, vậy hà cớ gì mà một con chó đã được xua tới để giết nó?

“Có lẽ không phải vậy đâu.” Olivia hồ hởi nói. “Cô có biết con nghĩ gì không?”

“Nói coi, Olivia.” Cô Ingledew lại ngồi xuống và lộ vẻ lưu tâm vô cùng.

“Con nghĩ con chó đá đó chú ý muốn làm đổ cửa nhà cụ Bittermouse,” Olivia nói đắc thắng. “Hạt Đậu chỉ tình cờ đi ngang qua đó. Nhớ không Charlie? Đẳng ấy nói cụ Bittermouse bảo ta không làm hại ai suốt sáu mươi năm nay. Vậy có nghĩ là cụ ấy đã làm hại ai đó một lần rồi, và cuối cùng người đó trở lại trả thù cụ.”

Không ai tranh luận. Ý kiến đó quá hợp lý. Ngoại trừ, như cô Ingledew chỉ ra, cái người sai khiến Eric làm cái trò đồi bại đó chắc hẳn bây giờ cũng già khụ rồi, nếu cụ Bittermouse từng làm hại họ cách đây đã lâu.

“Có thể đó là một mối thù truyền kiếp,” Benjamin đề xuất ý kiến,

“Đúng, đúng, Benjamin, cô nghĩ cháu đúng đấy.” Cô Ingledew lại ngồi xuống. “Có những hậu duệ trở lại để san bằng tỉ số xưa, tiếp tục mối thù bắt đầu từ nhiều thế kỷ trước.” Cô nhíu mày. “Nhưng tại sao? Ai đã triệu hồi bọn họ?”

“Cái bóng,” Charlie nói.

Olivia lắc đầu. “Không thể là cái bóng được. Tại sao đẳng ấy cứ nhắc đến lão thế, Charlie? Cái bóng đã bị trục xuất rồi. Hẳn biến mất rồi. Nếu mà chưa biến thì chắc hẳn người ta đã thấy hẳn trên đường phố, gây chuyện phiền toái, hoặc lộ diện ở Học viện Bloor. Trời đất quỷ thần ơi, hẳn là thầy bùa cho nên sau những chuyện đã xảy ra với hẳn thì thể nào hẳn cũng sẽ quậy phá, gây nên tình trạng hỗn loạn.”

“Chúng ta hy vọng đừng ai sửa được tấm gương,” Emma nói.

Cô Ingledew chột rùng mình, như thể cô đang cố phui đi cái gì đó khó chịu. “Cô phải trở lại làm việc đây. Còn bao nhiêu việc phải làm để chuẩn bị cho tiệm sách ngày mai mở cửa. Các con cứ ở bao lâu tùy thích nhé. Và nhớ ăn hết hạt dẻ trong khi chúng còn ấm.”

Khi cô Ingledew đi ra ngoài, không đứa nào nói gì một lúc, và rồi Olivia lên tiếng, “Ngày mai tụi mình đi gặp giáo sư Bloor, nhé Charlie?”

Nó không thích cái ý kiến này chút nào – nó biết Billy đang ở xứ Badlock, nhưng Olivia đã dồn nó vô góc tường. “Để tớ đi một mình cho nếu đẳng ấy không phiền. Billy đang ở với mình thì mất tích nên đó là trách nhiệm của mình,” nó bảo.

“Ừ. Nhưng nếu đẳng ấy muốn đây đi cùng thì cứ cho đây biết,” Olivia bóc một hạt dẻ khác. “Đây nghĩ tới nay đây sẽ nhuộm tóc màu xanh lá cây.”

“Tốt,” Charlie nói, ước gì tìm được từ nào hay hơn.

Quá nhiều chuyện xảy ra vào cuối tuần đến nỗi không thể trách cứ Charlie đã bỏ sót một chi tiết rất quan trọng. Chính Benjamin đã nêu ra trong khi hai thằng đi về nhà.

“Rembrandt có ở cùng với Billy khi thằng bé biến mất không?” Benjamin hỏi.

Charlie dừng sững lại giữa đường. “Mình không biết,” nó nói chậm rãi. “Con chuột đó đã không có ở trong phòng mình. Tối nay mình vẫn chưa thấy nó.”

“Ồm, nếu bỏ tìm thấy con chuột trong tầng hầm thì có nghĩa là Billy chắc chắn đã ở đó, đúng không?” Benjamin coi bộ hài lòng với chính mình.

“Đúng thế, Ben.” Charlie cảm thấy hơi lạc quan hơn. Ít nhất cũng có gì đó nó có thể làm để chứng minh Billy đã đi vô tầng hầm.

“Thế thì chúc may mắn, Charlie!” Benjamin chạy hết tốc lực về nhà số 12, với Hạt Đậu lao chồm chồm bên cạnh.

Khi Benjamin về tới cửa nhà, con chó vàng ngoái cổ lại nhìn Charlie như muốn nói “Thà để cậu tìm con chuột hơn là tớ.”

Rembrandt không có ở trong tầng hầm. Charlie lật từng cái đệm, cái bao, cái hộp, những tấm chăn bị bỏ nhậy ăn, những cái gối và va li lên. Nó thậm chí còn cố bắt mình dòm ra đằng sau bức tranh ác hiểm vẫn đang dựng vô tường.

“Charlie, con đang làm gì đó?” Ngoại Maisie hỏi khê từ hành lang.

“Con đang tìm Rembrandt,” Charlie hét lên, không màng có ai nghe thấy.

“Rembrandt? Billy không mang nó đi sao?”

“Mang chứ,” Charlie nổi cáu nói xẵng khi nó leo lên cầu thang tầng hầm. “Chỉ có bà mới nghĩ nó mang con chuột tới Học viện Bloor, còn con thì nghĩ nó mang chuột vô xứ Badlock rồi.”

Ngoại Maisie rầu rầu, “Bà ước gì ông cậu con trở về.”

Nhưng ông cậu Paton không về. Đến sáng hôm sau vẫn không thấy tấm hơi chiếc xe moóc trắng đậu bên ngoài nhà, cũng không ai trả lời khi Charlie gõ cửa phòng ông.

Tuy nhiên, có một tấm bưu thiếp.

“Xem này! Xem này!” Ngoại Maisie reo lên, chạy vô nhà bếp. “Ba với mẹ con viết đó. Bà mừng là nó tới kịp trước lúc con đi học.”

Charlie nhìn bức hình ở mặt trước bưu thiếp. Một cảm giác ớn lạnh chạy dọc sống lưng. Nó cầm tấm bưu thiếp lên và nhìn trân trân vô đó.

“Charlie, có chuyện gì vậy? Lật qua bên kia đọc coi.”

Nhưng Charlie không thể dời mắt khỏi hình ảnh đằng trước bưu thiếp: một con thuyền buồm nhỏ đang cưỡi những đợt sóng vô tận trên mặt biển xám. Đó là con thuyền Charlie đã thấy trong những cơn ác mộng, trong khoảng khắc nó cố thoát khỏi ánh mắt thôi miên của Manfred và bắt được những ý nghĩ ẩn đằng sau đôi mắt đen ác độc đó.

Không chịu nổi trạng thái lơ lửng như vậy, ngoại Maisie giằng lấy tấm bưu thiếp và đọc:

“Ba mẹ vui ơ là vui, Charlie à, cho nên ba mẹ quyết định ở lại lâu hơn thời gian dự tính. Để tới lá thư gửi cho ngoại Maisie ba mẹ sẽ giải thích rõ hơn. Ba mẹ sẽ gửi tấm bưu thiếp này cho thuyền trưởng của một chiếc du thuyền đi ngang qua đây. Ông ấy sẽ lên bờ trước ba mẹ nhiều.

Ba mẹ nghĩ về con hằng ngày. Tình yêu của ba và mẹ xxx.”

“Ồ, có gì đâu mà tệ, Charlie. Chúng ta sẽ xoay sở được mà, phải không? Đừng chầu bậu thế chứ.”

“Nó là con thuyền,” cổ họng Charlie khô khốc vì lo lắng.

“Thì sao?” ngoại Maisie lật tấm bưu thiếp lại. “Một con thuyền đẹp đấy chứ. Bà nghĩ chắc là có người lái thuyền cho ba mẹ của con. Họ không đi một mình đâu.”

“Nó sẽ bị chìm,” Charlie nói như kết tội.

“Bà chả bao giờ nghe cái thứ tầm phào đó nhé. Có khi bọn họ không ở trên con thuyền này.” Ngoại Maisie chọc ngón tay vô bức hình. “Đó chỉ là tranh ảnh thôi, Charlie. Con làm sao vậy? Người ta có thể nghĩ con dần dỗi ba mẹ vì họ dành thời gian đi riêng với nhau đó.”

Charlie cảm thấy quá đau khổ nên không đáp lại. Nó bước ra khỏi nhà bếp, đi lấy giỏ xách và rời khỏi nhà mà không chào tạm biệt bà.

Tin tức về “cuối tuần tai hại”, như cách Olivia gọi, đã truyền đến tất cả những ai quan tâm trong Học viện Bloor trước giờ nghỉ giải lao đầu tiên. Rồi thay, nó cũng đến tai cả những người không quan tâm. Mặc dù Joshua, Dorcas, Dagbert, và hai chị em sinh đôi chắc chắn có quan tâm, nhưng chỉ đến cái mức mà chúng khiến cho Charlie cảm thấy bức bối bằng những cái nhếch mép cười khẩy và những lời bình phẩm cay độc.

Mọi sự trở thành cao trào vào lúc chúng đang bước hàng hàng lớp lớp trong Hành lang Chân dung để đi ăn trưa. Joshua đến bên Charlie và cà khịa thì thào, “Thằng bạn mày đâu rồi, cái con chuột trắng á, Charlie? Nó được một con chuột mẹ hiền lành nhận nuôi rồi sao?”

Charlie đẩy Joshua ra sau, gầm gừ, “Câm mồm, đồ ngu!”

Joshua có đôi cằm nhũn tựa như bột. Nó có thể mất thăng bằng vì một cú hẩy nhẹ nhất. Cú xô nhẹ hều của Charlie khiến nó bay vèo vô bức chân dung của người phụ nữ trông như đang bất bình. Đúng chính xác người phụ nữ mà lần trước Dagbert đã vô tình lãng mạ.

Lần này bà tăng tăng tổ của Manfred, Donatella da Vinci, rơi tòm khỏi bức tường. Một tiếng thét đau đớn rú lên khi bức chân dung đáp xuống tấm thân nằm sóng xoài của Joshua Tilpin.

“Chuyện gì thế hả?”

Lũ trẻ im thít rẽ ra những làn sóng khi thầy Giám sát Tài Phép hùng hổ bước xuôi hành lang. Khi thấy bức chân dung tổ tiên mình vất ngang lưng Joshua Tilpin, miệng Manfred há hốc lên khiếp vía. Hắn phọt ra một tiếng rú quái gở và rồi, dừng dừng quay phắt lại, rống vang, “Ai làm cái này?” Rõ ràng hắn lưu tâm tới bức chân dung hơn là tới thằng bé đang bị đè bên dưới.

“Charlie Bone đó, thưa ngài.” Dorcas Loom cố nở nụ cười ton hót, nhưng cố gắng đó quá sức con bé.

“Mày thấy có gì đáng cười hả, Dorcas Loom?” Manfred quát.

“Không ạ.” Dorcas đáp, vụt tắt nụ cười.

“Đứa nào giúp ta!” Manfred nhắc một đầu bức chân dung lên.

Bragger Braine bước tới và nhắc nốt đầu kia. Loáng sau bà Donatella đã trở về vị trí cũ nhưng, kính hãi hơn cả kính hãi, đó là xuất hiện một cái lỗ nhỏ ở phía trên lông mày bên phải của bà ta. Cái lỗi này đã không được nhận ra trong khi bà ta đề lên Joshua, chắc hẳn là do đường nhúu mày dài trên vầng trán quyết không tha thứ cho bất kỳ điều gì của bà ta.

Tiếng thở hốc nhất tề vang lên. Charlie nhìn trúng ngay con mắt của bà Donatella. Mụ đang nguyên rủa nó bằng những ngôn từ khó chịu nhất. Nó hy vọng, một cách vô vọng, rằng nó từng thấy chính nó ở trong thế kỷ của mụ.

Manfred chuyển thoát từ trắng bột sang đỏ nhừ rồi lại trở về trắng bột, tất cả chỉ trong vòng chưa đầy ba mươi giây, Charlie không dám động đậy. Nó muốn nhắm mắt lại, nhưng cố ép mình phải mở to mắt ra trong khi chờ hắn định đoạt số phận.

Thầy Giám sát Tài Phép phọt ra một tiếng rú vút cao lên dần, kết thúc bằng một tràng gừ ngân dài. Trong đúng một hơi thở, hắn rống một lèo, “Charlie Bone đi lên phòng hiệu trưởng ngay phút này và báo cho ngài biết mày đã làm gì!”

“Vâng, thưa ngài.” Charlie mừng rỡ với cơ hội thoát khỏi những lời nguyên của mẹ Donatella, nhưng nó thích gặp ông hiệu trưởng trong những tình huống khác hơn thế này. Nó bắt đầu đi ngược lại hành lang, một việc vô cùng khó khăn bởi lũ trẻ đang lũ lượt trên đường đi tới căn-tin ăn trưa.

Fidelio chen chúc tìm đến bên Charlie, thì thào. “Chúc may mắn.” Anh ấn một mẫu giấy vô bàn tay Charlie. “Tancred...”

Ai đó đẩy Fidelio qua bên và Charlie không nghe được nốt câu anh bạn nói gì. Nó dứt vội mẫu giấy vô túi áo trong khi Fidelio bị cuốn trôi xa.

“Mình sẽ hỏi ông ta về Billy”. Charlie nhủ thầm khi bước tới cánh cửa dẫn vô chái phía Tây. Lúc Charlie mở cánh cửa thì một con sâu bướm nhỏ xíu màu trắng, núp trong một kẽ gỗ mục, rớt xuống đậu trên vai nó. Từ từ con sâu bướm bò xuống vạt sau tấm áo chùng xanh da trời. Đến lúc Charlie tới được thư phòng của giáo sư Bloor, con sâu bướm đã núp thụt trong ống tay áo sơ mi của nó.

Trước khi gõ cửa, Charlie liếc nhìn khắp hành lang trải thảm dày. Không có một không gian trống nào giữa những hàng cánh cửa ở hai bên. Từng xăng-ti-mét đều chất kín những kệ sách, những hộp kính trưng đầu lâu và những vật dụng cổ xưa, những rương hòm thẳng đứng bọc da, những cái tủ chạm trổ, đồng hồ quả lắc dựng đứng, những tấm gương lồng khung mạ vàng và những tượng sáp phục sức kỳ lạ.

Như thế tất cả những thứ đó còn chưa đủ, trần nhà treo đầy các loài chim nhồi bông, thảo mộc khô và những đồ chơi máy, tất cả lơ phờ du đưa trong cơn gió lùa từ cầu thang đằng xa. Những âm thanh cọt kẹt, loạt soạt cực nhẹ của chúng thì đua với nhịp điệu tích tắc của những chiếc đồng hồ đứng dưới sàn.

Charlie thắc mắc không biết có gì trong các căn phòng kia. Nó quyết định rằng thà không biết còn hơn. Cố gồng cứng vai, nó hít một hơi thật sâu và gõ cửa phòng giáo sư Bloor.

“Ta ra đây,” một giọng cấm cản.

Đó không phải là điều Charlie mong chờ. Nó lại gõ tiếp.

“Lạy trời, cái gì gấp dữ vậy? Bộ súp sẽ nguội nếu ta trễ một phút sao?”

Thu hết can đảm, Charlie nói to. “Em là Charlie Bone, thưa ngài.”

“Cái chết tiệt gì thế?” Những sải chân vội vã được nghe thấy tiến ra cửa. Khoảnh khắc sau cửa bung ra và giáo sư Bloor gườm gườm nhìn Charlie rồi hạch hỏi, “Thế này nghĩa là sao? Ta không tiếp kẻ ti tiện giờ này. Đây là giờ ăn trưa.”

“Em biết, thưa ngài.” Charlie nuốt đi cục ngưng đã sang tới cuống họng. “Nhưng thầy Giám sát Tài phép bảo em tới.”

“Cái thổ tả, tại sao?”

Charlie giơ ống tay áo lên quạt mũi và khịt.

“Dẹp sứt với sứt đi!” giáo sư Bloor rống gầm.

“Xin lỗi, thưa ngài. Em tới đây là vì em đã xô ngã Joshua Tilpin, và không hiểu làm sao đó mà, nó tong phải bức chân dung và... và... và ...” Charlie thấy việc mô tả cái lỗ trên trán bà Donatella thật khó khăn.

“VÀ SAO?” Giáo sư Bloor quát tướng lên.

“Và bà Donatella Bloor, nhũ danh da Vinci, em tin thế, hiện giờ có một cái lỗ,” Charlie đặt một ngón tay lên lông mày bên phải của nó, “ngay chỗ này.”

Trong một lúc có lẽ rất là lâu giáo sư Bloor không nói gì. Chỉ nhìn trừng trừng vô Charlie, đôi môi xám biến mất bên dưới bộ ria mép tia cầu kỳ. Cuối cùng, bằng giọng đe dọa đục sâu, ông ta gầm, “Đồ ngu, một đứa trẻ đáng ghê tởm, gớm ghiếc, không thể chịu nổi. Ta biết mà, rồi sẽ đến nước này.”

Charlie định hỏi giáo sư Bloor “nước này” có nghĩa là gì, nhưng bỗng dung có gã Weedon ló ra từ một cánh cửa ở tuốt đầu kia hành lang.

“Bữa trưa của ngài đã dọn xong, thưa ngài hiệu trưởng,” gã gác cửa thông báo, bằng giọng cứ như một bữa tiệc linh đình đã sẵn sàng.

Giáo sư Bloor ậm ừ, “Chút nữa đi. Weedon, đem thang này vô Phòng Xám.”

Charlie không bao giờ biết nó lấy đầu can đảm mà phun ra những điều tiếp theo. Trong tình thế là gã Weedon lao huyếch huyếch về phía mình, nó biết mình không có nhiều thời gian cho nên nó gấp gấp tuôn ra bằng hết.

“Giáo sư Bloor, Billy Raven đã không trở lại đây vào ngày thứ Bảy, đúng không? Em biết là nó không về đây, vậy tại sao ngài lại nói với cảnh sát là nó đã về? Ý em là nếu nó không ở đây, thì nó ở...”

Charlie chứng kiến bộ mặt giáo sư Bloor trải qua một quá trình biến sắc quái chiêu. Mới đầu là kinh ngạc như thể ông ta không thể tin Charlie dám cả gan hỏi một câu như vậy, và rồi nét mặt đó đánh lại thành cái mặt nạ lạnh băng, hiểm ác. “Đem nó đi khuất mắt ta,” ông ta quát gã Weedon.

Vừa lúc gã Weedon tóm lấy cổ áo Charlie và giật kéo nó muốn nghẹt thở xuôi hành lang.

“Tôi biết nó không có ở đây,” Charlie lắp bắp thở phà phò. “Tôi biết... tôi biết...”

Gã Weedon đột ngột mở một cánh cửa và đẩy Charlie vô trong. Rồi có một tiếng tách rất lớn. Charlie không cần phải thử lay xem cửa có khóa không. Nó thấy mình ở trong một căn phòng lạnh toát, màu xám. Không có gì bên trong. Không một thứ gì. Ván lót sàn thô nhám và không được lau chùi, tường chỉ là đá xám tẻ nhạt. Không có lò sưởi hay bất kỳ cái gì đại loại. Ở cuối phòng có một ô cửa sổ tròn nhỏ để lộ ra một mảng trời màu chì. Charlie không cách chi với tới cửa sổ ấy. Nó quá cao và không có bậc gì để đứng lên. Nhưng Charlie không dễ mất nhuệ khí. Nó kéo mũ trùm lên đầu, quần chặt áo chùng vô người, ngồi trong góc, thu đầu gối lên, chuẩn bị tư thế cho tình huống rõ ràng là một cuộc chờ đợi lâu.

Ở vị trí như vậy, một chuyển động nhẹ nhất tại bất cứ phần nào của căn phòng cũng gây chú ý cho Charlie, cho nên khi con sâu bướm xuất hiện dưới sàn, nó lập tức trông thấy ngay. Nó quan sát sinh vật xiu xiu bò qua sàn và bắt đầu bò lên bức tường đá. Khi bò lên tới mức cao hơn đầu Charlie vài phân, con vật bắt đầu vặn mình quẹo lại, nhả ra một sợi tơ óng ánh. Con sâu bướm quay vòng tròn, lên rồi xuống, sợi tơ bao quanh thân nó thành một cái kén lỏng lách.

Trong khi nhìn con sâu bướm chuyển động như vậy, Charlie sức nhớ ra mẫu thư nhắn Fidelio đã dúm cho mình. Charlie lôi viên giấy nhàu nhĩ khỏi túi và mở ra. Mẫu thư viết:

Tối nay em sẽ có lại con bướm của em, Charlie. Anh sẽ gặp Dagbert ở phòng điêu khắc trước bữa tối. Tancred

“Anh là một ngôi sao, Tanc!” Charlie lệ làng nhét mẫu giấy trở vô túi của nó. Bỗng nhiên, không hiểu vì lý do gì mà nó chợt cảm thấy một cơn đau vật, đau nhói nhói.

Nó đã làm gì sai với Tancred chẳng? Nó nhìn trần trần vô cái kén tơ đang bóng sáng dần lên theo từng phút, cho tới khi bức tường xám tẩm đẫm trong ánh sáng dễ chịu. Cùng với ánh sáng bừng lên đột ngột, cái kén bực tung và một con bướm trắng bay vụt ra giữa một trận mưa sao.

“Claerwen!” Charlie nín thở.

Con bướm trắng đậu trên đầu gối nó và xò đôi cánh vẫn còn ướt ra. Nhưng ngay cả khi đôi cánh trắng bắt đầu khô và sáng rực rỡ hơn bao giờ hết, Charlie vẫn đang nghĩ về anh bạn của mình.

Nếu Claerwen ở đây, vậy thì cái bầy gì đang rình rập Tancred khi anh ấy xuống phòng điêu khắc, nơi Dagbert kẻ-dìm-chết người đang đợi anh?

14. Chương 13

Một vụ dìm chết người

“Hãy trốn đi!” Charlie thì thào.

Con bướm trắng hóa phép đôi cánh của mình nhạt dần cho tới khi tiếp với màu u ám của đá trên tường, sau đó cô nàng bò vào túi áo chùng của Charlie.

Khi con bướm trắng đã trốn an toàn, Charlie bắt đầu đập cửa. “Hãy!” Nó gào om sòm. “Chờng nào ngài đưa em ra? Em xin lỗi, được chưa? Em đã không cố ý làm hư bức chân dung”.

Nó được trả lời bằng những tiếng ngân báo hiệu giờ rưỡi của năm chiếc đồng hồ đúng. Charlie nhìn đồng hồ đeo tay của nó. Ba giờ rưỡi. Có lẽ họ sẽ thả nó ra vào giờ uống trà.

Nhưng tận lúc bốn giờ vẫn không ai đến. Hay năm giờ. Lúc năm giờ rưỡi, đói và khát, Charlie lại bắt đầu động cửa lần nữa. Nó phải gặp Tancred trước khi anh ấy đem trả con nhím biển bằng vàng. Ai biết Dagbert có thể làm gì một khi nó đã lại có đủ tất cả bùa linh của nó?

Lúc sáu giờ hai mươi, khản giọng vì la hét và mệt lả vì kiệt sức, Charlie xuội lơ xuống sàn và lăn khèo ra ngủ. Nó không hề hay biết có một trận chiến sắp xảy ra.

Vào mùa đông, quãng thời gian giữa lúc tan học với bữa tối được xem là giờ tự do đối với bọn học trò Học viện Bloor. Có đứa phải diễn tập, dĩ nhiên, nhưng Tancred và Dagbert, không phải là những tài năng âm nhạc hay kịch cợt, cho nên năm giờ rưỡi có vẻ là thời điểm tốt cho chúng hẹn gặp nhau.

Chỉ có Fidelio và Lysander được biết về kế hoạch của Tancred nhưng Fidelio bận tập với dàn nhạc giao hưởng của trường, còn Lysander đang chơi bóng bàn trong nhà thi đấu.

Chỉ có thể tới được phòng điêu khắc bằng cách mở cái cửa sập ở phòng vẽ và đi xuống một cầu thang xoáy tròn ốc bằng thép. Vào cuối ngày, cửa sập đó luôn đóng lại.

Emma ngạc nhiên thấy Dagbert Endless nâng cửa sập lên vào lúc năm giờ rưỡi. Cô bé trước giờ chưa hề thấy Dagbert bén mảng tới phòng vẽ. Nơi đây chứa cả một rừng giá vẽ, thành thử Dagbert không nhận ra Emma đang vẽ đằng sau một tấm toan ở góc xa. Tancred cũng không trông thấy cô bé. Emma để ý thấy anh đi xuống phòng điêu khắc chỉ sau Dagbert một phút.

Mọi việc liên quan đến Tancred đều khiến Emma lưu tâm, và khi thấy anh đi theo Dagbert xuống căn phòng có một vòi nước cũ, rỉ rả không ngừng vô một cái máng đá to bằng cả cái bồn tắm, thì cô bé lập tức cảnh giác.

Vài phút Emma tiếp tục dặm thêm màu cho bầy chim trong bức vẽ của mình, nhưng cô bé không sao tập trung được, cô quyết định phải tìm hiểu xem có chuyện gì xảy ra trong căn phòng bên dưới. Nhưng nếu Tancred thấy mình ngó vô, coi chừng anh ấy lại bảo mình là con nhỏ rình mò, một đứa tọc mạch hoặc tệ hơn, một con gián điệp.

Có một cách khác để làm điều ấy. Emma có thể dùng tài phép của mình – một điều cô bé rất hiếm khi thực hiện. Trong khi bọn trẻ khác sử dụng tài phép của chúng hằng ngày, Emma thích sử dụng nó trong các trường hợp cần kíp hơn. Đây có là trường hợp khẩn cấp? Chắc chắn rồi, cô bé nghĩ, trong đầu hình dung cái vòi nước chảy và cái máng tựa như nấm mồ.

Thả cọ vẽ xuống, Emma bước khỏi giá, cởi áo chùng ra và nhắm mắt lại. Cô bé nghĩ về một con chim, rất nhỏ, như là chim hồng tước – một con chim lông đốm nâu đậu trong bóng tối ở một bậc thang sắt chạm trổ có lẽ sẽ không bao giờ bị nhận ra.

Trong khi Emma tưởng tượng mình là chim, cô bé bắt đầu teo rút lại, rút nhỏ hơn, nhỏ hơn, nhỏ hơn nữa, cho tới khi thành một con chim hồng tước đủ lông cánh. Cánh tay cô bé biến thành đôi cánh đốm nâu và chân cô bé trở thành đôi cẳng đen, nhỏ như cọng tăm bên dưới lớp lông tơ phủ kín than, sau đó là đến cái đầu có cặp mắt đen sáng quắc và cái mỏ vàng sắc nhọn.

Con chim nâu nhảy qua ô cửa sập xuống cầu thang trên cùng.

Những tấm vải trắng phủ trùm những bức tượng không ra hình thù đứng trong phòng điêu khắc tựa hồ như những bóng ma. Tancred đứng dựa lưng vô một khúc gỗ đang chạm dở - hình một con quái vật sư tử đầu chim. Dagbert ngồi trên mép cái máng đá. Đằng sau nó, vòi nước cũ vẫn chảy. Cái máng xem ra đã đầy một nửa.

“Tao thích điêu khắc”, Dagbert nói. “Cái đó là của mày à?”

“Của Lysanderr”, Tancred đáp. “Quái vật sư tử đầu chim. Mày có mang con bướm không?”

“Mày có mang con nhím biển của tao?”

“Dĩ nhiên. Con bướm đâu?”

Dagbert cười. “Đây”. Nó lòi ra một hũ thủy tinh nhỏ từ trong túi áo. Dưới đáy hũ có gì trắng trắng đang nằm. Tancred không thể thấy nó là cái gì. Anh phải bước lại gần hơn.

“Đưa con nhím biển đây!” Dagbert đòi hỏi.

Tancred dòm kỹ cái hũ. Trông giống như con bướm trắng của Charlie đang nằm dưới đáy hũ. Anh đâu thể biết Dorcas Loom đã làm một bản sao tuyệt vời? Con này thậm chí còn vẽ thêm cái chớp cánh bạc sáng lấp lánh.

Tancred thò tay vô trong áo chùng và lấy ra con nhím biển. Khoảnh khắc Dagbert tóm lấy linh vật thì Tancred giằng cái hũ. Giờ cả hai thằng đã có thứ mà chúng muốn, cuộc gặp đáng ra phải kết thúc nhưng Tancred ngờ vực nhìn cái vật bất động nằm ở đáy hũ.

“Mày lừa tao!” Tancred vượt thét lên, khiến căn phòng nổi gió ào ào, cuốn những tấm vải phủ các bức tượng. “Đây không phải là con bướm trắng của Charlie!”

Những tấm vải trắng bay phần phật trong bầu không khí xoáy trào, những dụng cụ đục đẽo, chổi, chậu và bình quay tít dưới sàn, và Emma nép vô bậc thang khi cơn gió quét qua lông của cô bé.

Sức mạnh của luồng gió thúc vô giữa mặt Dagbert. Nó nhắm mắt lại. Rồi một tay đưa lên chụp nắm chặt mái tóc rong rêu của nó như muốn giật dứt khỏi đầu, nó rú hết cỡ, “Tao mạnh hơn mày, Tancred Torsson!”

Thế là cái vòi nước đang chảy gần trên tường liền xoay tít, nước xối xả tuôn ra thành một dòng chảy xiết. Chỉ trong vòng một giây mà cái máng đá đã đầy và tràn ồ ạt xuống sàn nhà, hình thành một suối nước nổi bong bóng chảy lênh láng. Lão đảo chống lại dòng nước, Tancred trượt chân té ập vô cái máng đá.

Emma nghe thấy tiếng đầu của Tancred đập bốp vào cạnh chiếc máng. Anh nằm bất tỉnh, mặt vấp dưới dòng nước. Gió vụt tắt. Nhảy tới trước, Emma thấy Dagbert đứng phía trên Tancred, thét loạn:

“Mày đừng hòng bao giờ lấy được con nhím biển của tao lần nữa. Không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ.”

Emma kìm nén tiếng kêu cứ chực bật ra khỏi cổ họng. Nếu muốn giúp Tancred, cô bé phải còn sống và phải núp kỹ.

Cầm chặt con nhím biển trong tay, Dagbert lao lên cầu thang. Nó không kịp nhận ra con chim tí tẹo như một chiếc lá khô đậu ở góc bậc thang trên cùng.

Một tiếng ầm rung động, cửa sập đóng lại và Emma nghe thấy tiếng bước chân của Dagbert lịch thịch phía trên. Không có thời gian để thắc mắc cửa sập có khóa không. Emma bay xuống chỗ Tancred. Đậu trên đầu anh, cô bé bắt đầu mổ rứt mái tóc vàng, nhưng Người bảo tố không nhúc nhích. Mình phải lật anh ấy lên, Emma nhận ra, để mũi và miệng của anh không chìm dưới nước. Đối với một con chim tí hon thì việc đó là bất khả thi. Cô bé phải thay đổi dạng.

“Nhanh! Nhanh! Nhanh!” Emma tự thúc giục bản thân khi lông chim tan đi và thân thể cô bé phồng lớn dần. Cuối cùng, khi trở về lại là người, Emma lật Tancred lên, luồn cánh tay xuống dưới lưng anh và kéo anh dậy.

Tancred bật ra một tràng ho sặc sụa và ngồi dậy. “Ồi, đầu tôi” anh rên rầm. Em, chuyện gì xảy ra thế? Em đang làm gì ở đây?”

“Dagbert” là tất cả những gì cô bé nói, trước khi lao lên những bậc thang.

Đúng như cô bé đã lo sợ - cửa sập bị khóa. Kêu cứu là vô hiệu - sẽ không ai nghe thấy tiếng kêu. Toàn trường lúc này đang ở trong sảnh ăn tối. Emma lao xuống cầu thang và chạy tới cái máng đá. Thò tay xuống nước, khoảng tay tìm cái vòi và cố dậm nó trở vô tường, nơi nước vẫn ục ra từ một ống nước mở.

Không thể nào gắn nó lại được. Hết lần này đến lần khác cái vòi cứ bung ra. Cái máng đá tràn trề và bây giờ trong phòng đã ngập ít nhất mười lăm xăng-ti-mét. Chẳng bao lâu nữa sẽ là một mét, hai mét rồi ba mét. Đây không phải là luồng nước bình thường. Đó là dòng xoáy, do Dagbert và bộ bùa linh giờ đã hoàn chỉnh với con nhím biển của nó gây ra. Nước đang thấm qua khe cửa tràn qua căn phòng kế bên, nơi bọn năm nhất học vẽ.

Mọi căn phòng dưới tầng hầm đều không có cửa sổ. Chỉ có vài bóng đèn halogen gắn trên trần nhà và hai lỗ thông hơi nhỏ xíu dẫn khí thoát ra ngoài. Emma kéo một cái ghế tới bức tường, leo lên và giật tấm lưới chắn của một trong những lỗ thông hơi. Nó rút tóe xuống nước một cái tôm thật lớn, và Emma nhìn vô cái ống đen ngòm, nơi không khí trong lành xoáy vô từ khoảng không phía trên cao. Mình phải ra đó, Emma nghĩ, không còn cách nào khác.

Tancred đã lại nhắm mắt vô. Emma chạy tới lay vai anh. Tancred tuột qua một bên và rơi oạch xuống nước. Lôi anh thẳng dậy, Emma thét, “Tancred, anh phải ngồi lên, anh phải ngồi. Em phải đi tìm trợ giúp, nhưng nếu anh rơi xuống nước và em không có ở đây...”

Tancred mở mắt ra, lằm bằm, “Ừ, Em. Chân... anh... ở... dưới... nước”.

“Đúng nhưng anh phải giữ cho đầu nhô lên. Anh có bước đi được không?”

“Chắc được”. Giọng anh thều thào chỉ nhỉnh hơn tiếng ếch ộp một chút.

Emma giúp anh lảo đảo lết tới chiếc ghế bên dưới lỗ thông hơi. Nước lùa tấp vô cẳng chân hai người trong dòng chảy dữ dội. Tancred rơi phịch xuống ghế và bám chặt hai bên thành ghế, nhưng rõ ràng anh khó mà ngồi thẳng lên được. Emma nhìn quanh phòng. Con sư tử đầu chim quá nặng để di chuyển, cô bé quyết định, nhưng có hai con cạp nhựa xem ra có thể tận dụng cho mục đích của cô bé.

Emma đẩy hai con cạp tới chắn hai bên Tancred. Đầu của chúng cao hơn cùi chỏ Tancred một tẹo. “Ai làm cái này vậy?” cô bé hỏi trong khi vội vã bắt đầu biến hình trở lại.

“Anh làm.” Tancred mỉm cười uể oải. “Con cạp của anh.” Tựa cánh tay vô những cái đầu cạp rộng bự, có vẽ hình trang trí, anh nhìn xuống con chim nhỏ lướt trên mặt nước lên gần tới đầu gối. “Chúng sẽ giữ cho anh an toàn, Em.”

Có thật thế không? Lỡ chúng không giữ được Tancred thì sao? Emma nghĩ khi bay qua lỗ thông hơi. Phía trên cô bé là bóng tối hoàn toàn. Không dễ, cho dù với một con chim nhỏ, để bay lên trong tình trạng gần như mù để lọt qua một ống dẫn hẹp. Thỉnh thoảng đầu cánh chim quệt vô thành ống, đẩy cô bé tuột lại sau và khiến đầu cô quay cuồng. Nhưng cuối cùng, cô cũng tới được khúc quẹo của ống dẫn và tìm thấy một chỗ có thể đứng được. Phía trước Emma là một đốm sáng li ti chỉ lối ra. Cô bé nhảy ra tới cuối ống. Giờ cô cần phải quyết định nhanh. Cả trường có lẽ đang ở trong sảnh ăn dưới lòng đất. Không ai nghe thấy tiếng Emma nếu cô gõ vô những cánh cửa bằng gỗ sồi. Còn nếu cô rung chuông thì ai sẽ mở cửa? Weedon, gã sai vặt chứ ai, một con người không có lấy mẫu thông cảm nào với những đứa trẻ được ban phép thuật.

Chỉ có một nơi duy nhất để tới - chỉ một người duy nhất đủ mạnh để yêu cầu được vô Học viện Bloor cứu Tancred. Emma bay về hướng đường Đồi Cao, một ngọn đồi ở xa với rừng thông dày đặc bao quanh.

Ngôi nhà sầm tọa lạc tại một trảng trống trong rừng, khách tới thăm nơi này rất thưa, bởi trời quanh đó luôn có bão tố. Sấm nổi ù ù trên ngọn cây và gió bắc không ngớt chồm theo mưa đá, dù là vào mùa hè.

Bọn chim nhỏ luôn bị biến thành đồ chơi vô dụng mỗi khi lén phéng lại gần ngôi nhà của gia đình Torsson. Bị quăng quật trong mây và điếc ráy bởi sấm, chúng chỉ còn cách nhắm mắt mà hy vọng mình vẫn còn ở trên không.

Nhưng hy vọng thôi không đủ cho Emma. Trên thế giới này không có con chim nào quyết đoán như cô bé. Mình sẽ tới tận nơi để gặp cha của Tancred và bác ấy sẽ cứu Tancred.

Khi Emma tới ngôi nhà bí hiểm có ba mái nhà nhọn lên thì gió tăng tốc từng cơn. Cô bé hầu như không thở nổi khi luồng gió như nắm đấm sắt siết chặt quanh mình. Thét lên một tiếng sợ hãi câm lặng, cô bé chịu thua gió và để mặc nó ném mình tới Ngôi Nhà Sấm.

Con chim nhỏ bầm dập xù lông và xoắn đôi càng nhỏ như cây kim. “Nhanh! Nhanh lên!” cô bé thét, và trước khi biến đổi hoàn chỉnh, cô bé đã bắt đầu đập rầm rập nắm đấm vừa mới tiêu hết lớp lông vũ vô của Ngôi Nhà Sấm.

Khi cánh cửa mở ra, thật khó biết ai sẽ sợ hơn ai - một cô bé nửa người nửa chim trên bậc thềm hay người đàn ông cao hơn hai mét, tóc vàng nhạt có bộ râu quai nón nhiễm điện.

Trước kia hai bác cháu đã từng gặp nhau một lần và Emma biết ông Torsson là người tốt bụng bên dưới vẻ xù xì. “Cháu là Emma,” cô bé nói. “Cháu xin lỗi vì cháu vẫn chưa là cháu được.” Rồi vươn lên hết cỡ chiều cao đã trụi hết lông của mình. “A, là cháu rồi.”

“Emma Tolly?” Ông Torsson nói như sấm.

“Dạ,” Emma thét thì với tiếng sấm nổ và không dừng lại thở một hơi nào nữa, cô bé báo tin ngay. Mỗi từ cô thét ra mỗi kích thêm cơn giận của ông sấm và trước khi kịp kể xong thì bàn tay cô bị chụp lấy bởi những ngón tay dài lạnh băng.

“Chúng ta sẽ cười bão.” Ông Torsson gầm vang, nhắc bổng Emma lên khỏi mặt đất.

Sau này Emma không bao giờ tìm được lời để mô tả cuộc hành trình trên không của mình. Cô bé bay nhưng không phải là bay như chim. Cơn bão nâng cô bé lên, ẵm gọn cô bé trong cánh tay ông và đẩy cô bé lướt băng băng qua bầu trời. Cơn bão có mái tóc vàng nhạt, có những luồng chớp phát ra từ râu quai nón. Bên dưới ông, bộ móng guốc của một con ngựa vô hình xé mây mài phi.

Chưa tới hai phút. Họ đáp xuống mảnh sân gạch của Học viện Bloor, và trước khi Emma kịp hoàn hồn ông Torsson đã đứng lững lững trên những bậc thềm bằng đá bị xói mòn. Một luồng gió phụt ra từ nắm đấm bằng giá của ông thổi cánh cổng mở bung, những cái chốt sắt dài lẫn lông lốc xuống nền đá phiến.

“Con trai ta đâu rồi?” Ông bão gầm vang, sải bước vô tiền sảnh.

“Lối này.” Emma kêu, chạy về hướng cầu thang.

Tiếng gõ cổ thụ rên xiết khổ sở khi ông Torsson bước đi trên cầu thang. Những thanh vịn rung rinh và lớp thảm thổ dài khi bị mưa đá vun thành đồng dày.

“Lối này! Lối này!” Emma gọi, chạy trên hành lang dẫn tới phòng vẽ.

Lúc này tiếng người láo nháo đã nghe được thấy trong hành lang. “Ai đó? Gì vậy?”

Rừng giá vẽ lật nhào xuống nền nhà khi ông Torsson lao phăng phăng qua phòng vẽ. Ông tiến tới cửa sập và Emma chỉ cái then cửa bị khóa. Cô bé có thể nghe thấy tiếng nước ục ục bên dưới. Giờ không biết nó đã nâng cao cỡ nào rồi?

Hầu như trong nháy mắt, ông bão giật tung cánh cửa sập và tuôn xuống cầu thang xoáy ốc. Emma theo sau, thấy mình hết hồn khi nước bây giờ đã dâng tới đôi mắt con cọp. Tancred đâu không thấy.

“Đừng chạm vô nước!” Ông Torsson ra lệnh khi ông lội xuống.

Những luồng điện nổ sáng mặt nước và căn phòng ngập lụt những nhোáng chớp trắng xanh. Ông cầm cúi xuống và một tiếng tóe nước dễ sợ, nhắc con trai lên khỏi mặt nước. Mặt Tancred xám ngoét.

“KHÔNG!” Nước mắt trào ra ràn rụa gương mặt, Emma hấp tấp lùi trở lên phòng vẽ. Những bước chân sấm rền và tiếng nước nhỏ tong tống từ quần áo Tancred theo cô bé đi lên những bậc thang và qua rừng giá vẽ đổ rạp.

Rắc! Rắc! Rắc! Đôi ủng ướt đầm của ông Torsson đập thành những cái hõm chèm nhẹ xuống lớp ván lót sàn khi họ hối hả đi qua những hành lang tối đèn, cho tới khi họ ra chiếu nghỉ phía trên tiền sảnh.

Giáo sư Bloor đứng dưới nhìn lên. Đằng sau ông ta là một vài giáo viên cũng vừa tụ tập. Họ nhìn chăm chăm lên ông Torsson, miệng há hốc, như con cá chết ngáp.

“Người phải đền mạng!” Ông Torsson sấm rền, nâng thẳng con trai ông đang bồng lên.

Một dòng nước màu xanh da trời kêu rín rít tràn xuống cầu thang bóng lộn và chảy lênh láng dưới sàn đá phiến. Lo sợ bị điện giật, đám đông hoảng hốt lùi lại. Nhưng lão Ezekiel, trong chiếc xe lăn bánh cao su của lão, lăn tới chân cầu thang xấp nước và khọt khẹt. “Tại sao bọn ta phải trả giá? Rõ ràng con trai người đã gây rối, chắc đã để vòi nước chảy và trượt xuống nước”.

“LÁO!” Ông sấm rền.

Mưa đá to cỡ bằng quả cam trút rào rào xuống đám giáo viên đang chết trân. Phần lớn ù té chạy, la oé oé như con nít vô hành lang gần nhất, một số, gồm giáo sư Saltweather, giơ tay lên bảo vệ đầu và chờ xem chuyện gì xảy ra tiếp.

Họ không cần chờ lâu. Phút sau, một lần chớp chạy dích dắc vòng quanh bức tường ốp ván. Những lưỡi lửa bắt đầu liếm những tấm biển gỗ phía trên cửa các phòng để áo khoác và rồi tắt cả đèn dóm phụt tắt. Khi ông Torsson bước rầm rầm xuống cầu thang, toàn bộ tòa nhà rung chuyển. Nghe thấy rõ tiếng ầm, ầm của những bức tranh rơi bứt khỏi tường, của đồ đạc lộn tung nhào và những cái tủ mở bung, nôn ụa các thứ chúng đựng bên trong lên bất cứ cái gì, bất cứ ai choán đường chúng.

Dưới sảnh ăn tối, bọn trẻ ôm chặt lấy đĩa của chúng trong khi dao nĩa bay tứ tung.

“Đừng để bị dao nĩa xiên qua người” Cô Marlowe, giáo viên kịch từ trong bóng tối kêu gọi đầy kịch tính. “Chỉ là sấm thôi. Bình tĩnh.”

“Giống bão táp thì đúng hơn.” Bragger Braine nói.

“Đúng là bão táp.” Rupe Small vuốt đuôi.

Có ro trên chiếu nghỉ, Emma thấy dáng người tầm thước của ông Torsson băng qua tiền sảnh. Trong ánh sáng loá loá nguy hiểm từ những tia lửa khắp phòng, cô bé nhận ra bóng dáng của giáo sư Bloor và lão Ezekiel, trong xe lăn, đang rút lui.

Với một tiếng sấm cuối cùng choáng óc, ông Torsson bước qua cánh cổng chính và đi xuống mảnh sân gạch. Emma ước gì được đi theo ông, nhưng không dám nhúc nhích. Cô bé ở nguyên tại chỗ trong khi các giáo viên sượt qua, thấp sáng những bó đuốc và sắp xếp đồ đạc về chỗ cũ. Sau đó cô bé đi lên phòng ngủ chung và nôn nóng chờ Olivia về để kể cho nó nghe câu chuyện vỡ tim, không thể tin nổi này.

Charlie ngồi thu lu trong góc Phòng Xám. Nó đoán sấm chớp nhoang nhoáng này chắc chắn có liên quan gì đó tới Tancred. Nhưng chuyện gì xảy ra? Nó ao ước muốn biết.

Khi cơn bão qua đi, một sự im lặng sâu thẳm ập xuống hành lang bên ngoài. Cứ như thể những chiếc đồng hồ đứng và những đồ chơi máy đã nín thở cùng lúc. Một phút sau chúng bắt đầu hoạt động lại, thậm chí nhanh hơn và to hơn trước.

Charlie nhìn đồng hồ đeo tay. Chín giờ. Họ quên khuấy sự tồn tại của nó rồi chẳng? Họ cố ý bỏ đói nó? Nó lạnh và đói đến nỗi không ngủ được.

Lúc chín rưỡi thì cánh cửa mở. Charlie nhồm hẫng dậy. Một luồng sáng mạnh đập vô mặt nó, khiến nó giơ tay lên che mắt.

“Tôi đi được chưa?” Charlie hỏi. “Và... và tôi có gì ăn không?”

“Ồ, ừ, Charlie Bone, mày đi đi!” Đó là giọng nói thăm sâu của gã Weedon. “Mày bị đuổi học?”

“Đuổi học?” Charlie vọt miệng.

“Tao sẽ đưa mày về nhà, về đó mà hơ cái gót chân lạnh của mày.”

“Nhưng...”

“Không nhưng nhị gì hết. Theo tao.”

Charlie không có lựa chọn nào. Nó bị điệu xuống tiền sảnh, nơi này có mùi khét nồng nặc.

“Cháu nghĩ bão làm bể hết bóng đèn,” Charlie nói.

Không có tiếng đáp.

“Để cháu đi lấy giỏ xách đã, có được không?” Charlie hỏi.

“Không giỏ xách. Không vớ vẩn.” Gã Weedon cầu nhàu khi lão mở khóa cánh cổng chính.

“Then cài gãy rồi.” Charlie quan sát. “Ở đây cũng bị bão à?”

“Im mồm!”

Charlie đi theo cái dằng to phành qua sân và vô quảng trường. Đèn đường phố vẫn tỏa ra những tia sáng rực và Charlie thấy một chiếc xe màu đen đậu bên ngoài những bậc thang của trường.

“Vô đi.” Gã Weedon ra lệnh.

Charlie vâng lời. Nó hơi sờ sợ và hoang mang. Việc này chưa từng bao giờ xảy ra. Tại sao nó không bị cấm túc, hoặc bị những hình phạt khác.

Gã Weedon quàng thân vô chỗ ngồi của tài xế và khởi động máy.

“Tại sao lại có sự việc này?” Charlie hét “Chuyện gì đã xảy ra vậy? Ông nói cho tôi biết được không, ông Weedon?”

“Tao chỉ có thể nói với mày một điều, Charlie Bone.” Một nụ cười xoẹt qua gương mặt gã “Thằng bạn mày, thằng thời tiết ý, bị chết đuối hồi tối nay rồi.”

15. Chương 14

Charlie bị đuổi học

Tôi không tin ông. Những lời nói đó cứ chực chờ nơi đầu lưỡi của Charlie nhưng không sao vượt ra được. Một cảm giác chết lạnh, lờ mờ chế ngự nó khiến nó biết điều đó phải là thật. Dagbert kẻ-dìm-chết-người đã thắng. Và Tancred đã thua.

Charlie giữ vẻ mặt mình trong chiếc mặt nạ cứng đờ. Nó sẽ không để cái gã bên cạnh nó thấy nước trào ra khỏi mắt nó. Nhưng gã Weedon thậm chí chả bao giờ liếc Charlie lấy một lần. Gã gác cổng đang ngoảnh chông chọc con đường phía trước. Những hạt mưa cỡ viên sỏi bắt đầu chém mặt kính cửa sổ và tiếng sấm ngắt quãng rền vang trên bầu trời thành phố.

“Hắn nghĩ hắn là ai kia chứ?” Gã Weedon gầm gừ. “Thằng cha sấm”.

Ông sấm! Vậy là cha của Tancred đã biết chuyện gì xảy ra. Ông có cố gắng cứu được con trai mình không? Nó không muốn bắt chuyện với gã Weedon nhưng tự dưng nó thấy mình hỏi: “Ông Torsson đã tới trường à?”

“Hứ!” Gã Weedon quạu quọ. “Có trời biết tại sao lão biết mà có mặt ở đó ngay tức khắc. Suýt thì thiêu rụi nơi ấy.”

“Nhưng bác ấy có cứu được Tancred không?”

“Không.” Gã Weedon dùng cái giọng ác hiểm, ngu muội của gã. “Hắn chả cứu nổi thằng ranh con hắn.”

Charlie nghiêng chặt răng lại. Không còn câu nào để hỏi nữa.

“Chẳng mấy chốc bọn mày sẽ không còn sót lại mống nào nữa, phải không Charlie Bone? Nhóc Billy cũng tiêu tùng rồi này.” Gã Weedon khạc một cái. “Mày cũng phải chịu thua và dùng tài phép của mày vô cái gì đó hữu ích đi. Hãy giúp ngài Ezekiel một tay.”

Không bao giờ, Charlie nghĩ.

“Tao hi vọng mày chưa quên mẹ mày với bố mày đang một mình long nhong trên biển cả mệnh mông.” Gã Weedon đổi giọng. Nghe phả ra cái vẻ khoái trá chết người.

Charlie không cần phải trả lời. Xe đã trở tới bên ngoài nhà số 9 đường Filbert.

“Ra,” gã Weedon đuổi.

Ngay khi Charlie leo ra khỏi xe, gã Weedon nhào qua đóng sầm cửa hành khách lại. Chiếc xe phóng bay đi, dội lên người Charlie một đúm bùn.

Charlie tưởng tượng ngoại Maisie sẽ ra mở cửa. Nó bắt đầu chuẩn bị một lời giải thích việc nó đột ngột trở về nhà. Nhưng nó không cần phải mất công vậy. Bởi vì nội Bone đứng sù sụ ở khung cửa khi cửa mở. Mụ rõ ràng là đang đợi Charlie.

“Họ đã báo cho tao biết hết mọi chuyện rồi,” nội Bone gần giọng khi Charlie bước vô hành lang. “Lên lầu.”

“Cho cháu...?”

“Không gì hết. Đó là cái mày đáng nhận. Không gì cả.”

“Nhưng cháu đói bụng.” Charlie ôm chặt lấy bụng. “Cháu chưa ăn gì kể từ...”

“Mày không nghe tao nói à?” Bà nội nó cao giọng. “Lên lầu.”

Gương mặt hốt hải của ngoại Maisie lộ ra khỏi cửa nhà bếp. “Cái gì vậy?” Bà hỏi. “Charlie? Sao con ụt nhẹp vậy con? Có chuyện gì thế?”

“Không phải việc của bà,” nội Bone sấn sổ.

Điên tiết vì cái giọng của mụ ta, ngoại Maisie hiên ngang bước ra hành lang. “Charlie ụt mềm chắc chắn là việc của tôi. Vào bếp đi con.”

“Con chưa ăn gì kể từ bữa sáng,” Charlie nói với giọng tuyệt vọng. “Con đói meo, ngoại Maisie.”

“Nó bị trường đuổi học,” nội Bone lải nhải. “Nó phải bị phạt vì thói cư xử vô nhân đạo.”

“Chắc chắn bà không ghen tị với nó một cái sandwich chứ, Grizelda.” Ngoại Maisie sờ sẫm cái áo chùng ướt mẹp của Charlie. “Cởi ra mau đi con. Kẻo con chết vì viêm phổi và đói nếu người ta đòi làm theo ý họ.” Bà thấy một cái nhìn căm hờn vô nội Bone và giặt tấm áo chùng ướt của Charlie ra.

“Một cái sandwich,” nội Bone lừng khừng. “Sau đó đi ngủ.” Mụ lên lầu và đóng sầm cửa lại.

Ngoại Maisie kéo Charlie tới bếp lò và ấn nó ngồi xuống cái ghế bập bênh của nội Bone. “Nói cho bà nghe hết coi, Charlie. Chuyện gì đã xảy ra?” Bà tới tủ lạnh và lôi ra một đồng đồ ăn. “Con sẽ có một cái sandwich bự trong thời gian nhanh nhất bà có thể xoay được. Nào kể đi, cưng. Kể tất.”

Thái độ ân cần của bà là quá nhiều đối với Charlie. Một tiếng nấc vọt lên khỏi lồng ngực nó, đe dọa làm nó ngạt thở. “Ngoại Maisie,” nó thét lên. “Tancred chết rồi.”

“Cái gì?” Ngoại Maisie sững sờ nhìn nó.

Nước mắt mà Charlie đã kìm nén đến giờ tuôn đầm đìa trên mặt nó và rơi lã chã xuống bàn tay đang cố chùi đi một cách vô ích của nó.

“Charlie! Charlie, nói bà nghe chuyện gì xảy ra!” Ngoại Maisie nài, dùng chiếc khăn mùi xoa của bà chấm mặt cho Charlie.

“Con không biết, ngoại Maisie. Con không biết. Con đã bị nhốt.” Và Charlie kể cho ngoại Maisie tất cả chuyện đã xảy ra cho tới khoảnh khắc Claerwen hiện ra khỏi cái kén bóng nhầy của cô nàng. “Khi đó con hiểu ngay ra rằng Tancred đã bị lừa.” Charlie thở dài thảm thiết và lau mắt. “Nhưng con không bao giờ nghĩ Dagbert sẽ... sẽ dìm chết anh ấy thật!”

“Vây là đã đến nước này.” Ngoại Maisie đặt một đĩa sandwich tú hụ lên đùi Charlie. “Bà mừng vì con bị đuổi học, Charlie. Bà không nghĩ con nên trở lại cái nơi khủng khiếp đó nữa.”

“Nhưng con phải đi, ngoại Maisie. Giờ chỉ còn ba tội con thôi. À, bốn chứ, nếu tính cả Olivia. Họ cần con ở đó.”

“Không, họ không cần con. Ba mẹ con mới cần con. Bà cần con. Nơi đó kết thúc đối với con rồi.” Ngoại Maisie kéo một cái ghế ra ngồi đối diện Charlie, để nhìn nó ăn.

Có cổ giải thích cũng vô ích, Charlie nhận thấy vậy. Nó hầu như không giải thích được cho chính nó, về cái nhu cầu thuộc về bản năng là phải ở bên các bạn khác Gabriel, Emma, Olivia và Lysander. Bởi vì chỉ khi bọn chúng đoàn kết thì mới có thể ngăn chặn cái bóng trở lại và... Và sao nữa? Charlie thậm chí còn không dám nghĩ tới điều đó.

“Claerwen!” Nó bỗng tá hỏa. “Nó ở trong áo chùng của con.”

Ngoại Maisie chụp lấy cái đĩa lặn khỏi đùi Charlie. Con bướm trắng đã leo ra khỏi túi nó và bây giờ đang đậu trên chòm của cái mũ tròn, phát ra một tia sáng xiên ngang hành lang. Con bướm trắng lập tức bay đậu lên cánh tay Charlie và Charlie mang nó vô nhà bếp.

Ngoại Maisie nhìn Charlie ngồi lại vô cái ghế bập bênh và trao lại cho nó đĩa đồ ăn. “Đừng nghĩ đến chuyện lại đi chu du nữa đấy,” bà nói, mắt nhìn con bướm trắng. “Nội Bone đã lấy chìa khóa tầng hầm rồi. Cho nên, Charlie à, con không thể đi vô tranh, cho dù con có hay không có con bướm.”

“Sao?” Charlie liếc ngang qua ngoại Maisie. “Billy đang ở xứ Badlock, ngoại Maisie. Nó không có ở trường.”

“Con nói gì cũng vậy thôi, Charlie.” Ngoại Maisie khoanh hai tay trước ngực. “Bây giờ con ăn hết bánh rồi đi ngủ đi, kéo bà kia lại xuống bảo ta thu gói đồ đạc hay gì gì đó.”

Charlie không muốn chuyện đó xảy ra. Nếu ngoại Maisie đi, nhà số 9 sẽ chẳng còn là ngôi nhà nữa. Vì vậy nó tống vội món bánh sandwich hấp dẫn cho xong và ngoan ngoãn đi lên phòng của nó.

Trong một tiếng rền thảm thiết lần cuối cùng, sấm lặn tan đi, và cơn bão xé trời chỉ còn là mưa phùn li ti. Những cư dân thành phố bị quấy nhiễu sửa lại gối, nhắm mắt vào và rồi ngủ thiếp đi. Nhưng trong số họ nếu có ai nhìn lên khu Đồi Cao, chắc hẳn họ sẽ thấy ba quãng sáng rừng rực màu đỏ, màu cam và màu vàng phi vun vút lên đồi về phía Ngôi Nhà Sấm.

Khi chuông Nhà Thờ Lớn điểm hai tiếng, Charlie vẫn còn thức chong chong. Làm sao nó có thể ngủ nổi sau một ngày tang thương như thế này? Nó thò tay xuống gầm giường chạm vô cái ấm sắt. Lòng đĩnh ninh là cái ấm sẽ nóng ran nhưng cái vật đó chỉ hơi âm ẩm thôi.

Claerwen hình như đã ngủ. Cô nàng nằm gập cánh ở cuối giường của Charlie. Cách đây vài tiếng đồng hồ hẳn là quãng thời gian Charlie hoảng sợ nhất trong đời nó. Nhưng ở đây, trong phòng riêng của nó, nguy hiểm dường như đã lùi xa. Thành phố im phẳng phắc, không một tiếng động ngoài cái âm thanh khá gần: tiếng lộp cộp, theo nhịp điệu.

Charlie đi ra cửa sổ và nhìn ra ngoài. Phải đó là một con ngựa hoang phi trên đường? Hay là nó nhầm. Nhưng khi một con ngựa trắng đi vô khoảng ánh sáng từ ngọn đèn đường hắt xuống thì Charlie trông thấy người cưỡi – nó thấy chùm lông chim màu đỏ giương cao trong gió tựa như vòng hoa điểm trên chiếc mũ giáp màu bạc. Và nó còn thấy cái bao kiếm nạm châu báu bên hông hiệp sĩ, và lưới gươm của Vua Đỏ.

Charlie nhìn hiệp sĩ đỏ và con ngựa của ngài đi thong thả trên đường. Nó nhìn cho tới khi họ biến khỏi tầm mắt, xong rồi nó lên giường nằm và lặn ra ngủ say sưa.

16. Chương 15

Bức tranh biến mất

Học viện Bloor bàng hoàng. Chắc chắn đã có chuyện xảy ra với Tancred Torsson. Nhưng rất ít người biết chính xác đó là chuyện gì. Đám trẻ hậu duệ của Vua Đỏ biết nhưng chúng không tiết lộ.

Có một trận bão. Phòng Điều Khắc bị ngập lụt, trường mất điện tối thui hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Những tấm biển treo trên các phòng để áo khoác bị cháy sém, mùi khét lẹt vương vãi khắp tiền sảnh.

Những lời đồn đại ùn ứ lên đến mức bội thực. Có đứa nói Tancred đã bị chết đuối. Bọn trẻ đều tránh xa Dagbert Endless. Giáo viên vẫn thực hiện bổn phận của mình, nhưng hầu hết bị phân tâm. Thầy thì quên bài giảng, cô thì quên sách và thỉnh thoảng còn có giáo viên vô lộn lạo.

Lysander Sage lâm vào nguy cơ nổ tung thành bạo lực. Tâm trí anh hỗn loạn, đầy ắp những ý nghĩ trả thù cho người bạn vừa mất vong mạng của mình. Xúc cảm như vậy chỉ chục triệu tập những tổ tiên tâm linh của anh, thành thử Lysander đi tới đâu tiếng trống đi theo anh tới đó. Giáo sư Bloor biết rằng tốt hơn đừng dấn động tới anh người châu Phi này bởi vì điều đó chỉ tổ làm cho tình hình xấu đi mà thôi.

Chỉ có mẹ Tilpin, trong những căn phòng tầng hầm lộn lộn của mẹ, là đe dọa “sẽ làm gì đó” với Lysander Sage. Dưới chân thì nước lấp xấp và trên đầu thì tiếng trống rậm rịch, mẹ kêu rên với Manfred rằng mẹ sắp phát điên lên rồi. “Khi đó thì anh định liệu thế nào?” Mẹ gục gặc.

Manfred bảo mẹ cứ chịu khó chờ thời cơ.

Giáo sư Salweather càng ngày càng dành nhiều thời gian tới căn-tin xanh da trời. Thầy thường xuyên bị bắt gặp đi cùng bà bếp trưởng. Trông cung cách thì xem ra họ đang bàn luận với nhau về điều gì đó đến bơ phờ cả người.

Hai ngày sau trận bão sấm, Gabriel và Fidelio đến căn-tin xanh da trời sớm năm phút. Đúng như chúng hy vọng, bà bếp trưởng và giáo sư Saltweather đang ngồi bên một cái bàn ở góc phòng. Họ mãi mê chuyện trò và không nhận ra hai thằng bé đi vô căn-tin. Bà bếp trưởng quay lưng về phía bọn chúng. Fidelio khẽ ho lên một tiếng khi cậu tiến đến cái bàn trong góc. Cậu không muốn làm bà bếp trưởng giật mình hoảng sợ.

Giáo sư Saltweather ngước lên và nói “Các trò muốn gì thế? Các trò sớm năm phút.”

“Chúng con muốn hỏi thầy một chút ạ,” Gabriel nhìn ngoái qua vai để bảo đảm không ai đi theo chúng.

Bà bếp trưởng vội xoay mặt lại rồi mỉm cười thở phào. “Ta mừng thì ra là hai con.”

“Tụi con biết chuyện xảy ra với Tancred rồi,” Fidelio nghiêm trang. “Emma đã kể cho tụi con nghe. Điều đó tồi tệ đủ để...”

“Đó là điều tồi tệ nhất từng xảy ra.” Gabriel gạt lọn tóc rủ xuống cho nó khỏi che mắt. “Và con vẫn không thể nào tin nổi. Vô số tin đồn tràn lan. Nhưng điều tụi con không thể nghĩ ra được là...”

“Đã có chuyện gì xảy ra với Charlie ạ, thưa thầy?” Fidelio háp tấp nói. “Thứ Hai nó đã ở đây, sau đó nó bị đưa lên gặp hiệu trưởng rồi kể từ đó tụi con không còn gặp nó nữa.”

“Cậu ta bị đuổi học rồi,” giáo sư Saltweather nở một nụ cười gượng. “Vì tội đã làm hỏng một bức tranh quý. Nhưng cậu ta sẽ đi học lại vào tuần tới.”

“Đừng lo các con. Dagbert chưa làm hại gì nó đâu.” Bà bếp trưởng bất thần chớp lấy cánh tay Gabriel. “Có lẽ ta phải hỏi con điều này. Con có biết chuyện gì xảy ra với Billy Raven bé bỏng của ta không?”

Gabriel nhìn Fidelio rồi mới nói. “Dạ biết. Emma cũng đã nói với tụi con. Charlie nghĩ Billy đang ở xứ Badlock.”

“Cái gì?” Bà bếp trưởng đứng bật dậy và nhìn xoáy vô Gabriel. “Không thể là thật được. Billy đâu phải là người chu du vô tranh. Với lại làm sao Charlie biết là như vậy?”

“Có một bức tranh ở trong tầng hầm nhà Charlie,” Gabriel giải thích cho bà. “Bà cô của nó đã để bức tranh vô đây. Đó là bức tranh xứ Badlock, Charlie nói, cái bóng sống ở đó. Billy đã đi xuống tầng hầm... và không bao giờ Tancred trở lên.”

Bà bếp trưởng và giáo sư Saltweather lộ vẻ choáng váng, Fidelio vội thêm, “Giáo sư Bloor bảo rằng Billy đã trở lại đây, nhưng tụi con chưa nhìn thấy nó.”

“Ta cũng chưa thấy.” Bà bếp trưởng bị hụt hơi đến nỗi gần như không ai nghe được tiếng bà nói gì. “Ta cũng không thấy.”

“Chúng ta sẽ làm gì ạ, thưa thầy?” Gabriel hỏi giáo sư Saltweather.

Ông thầy dạy nhạc đứng lên, nói, “Hãy luôn thông báo đầy đủ tin tức cho ta. Đó là tất cả những gì ta yêu cầu. Hãy cho ta biết tất cả những gì mà các trò nghĩ rằng ta nên biết, và ta sẽ làm hết sức mình để tìm hiểu xem chúng ta đang lâm vào hoàn cảnh như thế nào.”

Giáo sư Saltweather đi như duyệt binh ra khỏi căn-tin, đúng vừa lúc đám đông học trò khoa Nhạc ủa vô. Chúng bắt đầu xếp hàng bên cạnh quầy và bà bếp trưởng quầy quả đi vô bếp.

Fidelio và Gabriel ra nối vào cuối hàng. Hai thằng chẳng đứa nào muốn đứng ngay sau Dagbert Endless. Fidelio lùi dần cho tới khi nó tạo ra một khoảng trống cách Dagbert gần chục bước.

“Gì vậy?” Dagbert quay lại và thấy cho Fidelio một trong những tia nhìn lạnh băng của nó. “Tao đã làm gì?”

“Mày tự biết,” Fidelio hiên ngang thu ngắn khoảng cách lại.

Dagbert nhún vai và nhích lên.

Không đứa nào muốn ngồi ăn chung với Dagbert. Nhưng thằng này cũng không màng. Nó mang đĩa mì ống ra góc xa và cắm cúi xúc ăn. Từ đầu tới cuối bữa nó không ngẩng lên lần nào. Mới ăn xong món đầu tiên nó đã học tốc ra khỏi căn-tin, mặc dù vẫn còn món bánh pudding tẩm mật. Dagbert đã bị thầy Giám sát Tài phép triệu hồi. Nhưng nó không muốn ai biết điều đó. Dù biết mình sẽ bị trể, nhưng nó chẳng thấy lý do gì mà phải đi ngay khi chưa có chút mì ống bỏ bụng để duy trì sức lực.

Manfred ở trong thư phòng của hắn, đang ăn, khi Dagbert gõ cửa.

“Mày đến trễ,” Manfred buộc tội. “Vô đi, Dagbert.”

“Xin lỗi, thưa ngài.” Dagbert ấn cái nút gỗ và cánh cửa bung vô trong.

“Ta bảo mi đến trước bữa trưa mà,” Manfred nói, không ngó lên khỏi cái đĩa đồ ăn.

“Đáng ra tôi đã lỡ món mì ống.” Dagbert ngó miếng bánh pudding trên đĩa của Manfred. “Dù sao tôi cũng đi mà không kịp ăn bánh pudding.”

“Đừng nghĩ mày có thể ăn bánh của ta.” Manfred ném cho Dagbert một cái nhìn độc địa. “Đi mà không ăn trưa là một phần hình phạt dành cho mày.”

“Hình phạt?” Dagbert coi bộ bị xúc phạm tột cùng. “Tôi đã làm gì?”

“Mày ngu như bò.” Manfred dứt miếng bánh cuối cùng vô miệng và chiêu bằng một ly nước.

Dagbert chờ, trong lòng bốc khói, nhưng không đủ tự tin để bộc lộ ra.

“Trận lụt,” Manfred cuối cùng nói. “Mày không nên đi quá xa như vậy. Fairy Tilpin rất giận dữ. Nước ngập khắp phòng của bà ta. Giờ thì bà ta đòi chỗ ở.”

Đôi mắt băng giá của Dagbert đảo khắp phòng của Manfred. “Đây là một tòa nhà lớn. Tôi chắc chắn ngài có thể xếp cho bà ta một phòng ở chái phía Tây.”

“Không đủ phòng tắm. Ta và cha ta không thích chung đụng.”

“Bà ta chỉ cần một bồn tắm và một...”

“Dẹp lải nhải về phòng tắm đi.” Manfred động mạnh nắm đấm xuống bàn. “Tao thất vọng về mày, Dagbert. Tao tưởng mày hiểu biết chứ. Tao e là mày sẽ bị cấm túc. Ông hiệu trưởng đã ra lệnh như vậy rồi. Không được về nhà vào thứ Bảy.”

Dagbert mỉm cười. Nó đã chán ngấy cái ngôi nhà tạm của nó ở tiệm cá, nơi một bà vú già nấu cho nó những món nhạt toẹt, giặt đồ cho nó, ngáy âm ỉ trên giường và không bao giờ nói chuyện với nó.

“Thôi đi, không được cười,” Manfred gắt. “Mày đã dìm chết người. Đáng ra mày không được làm thế. Mày chỉ được trông chờ là hù dọa cho chúng sợ thôi. Cái quỷ gì ám mày hả?”

Dagbert cụp ánh mắt cho nó trượt xuống chân mình. Dù không sợ Manfred, nhưng nó biết thầy Giám sát Tài phép vẫn có thể thôi miên nó nếu hấn muốn. “Tôi không thể kìm được. Tôi nghĩ tôi đang cố chứng minh tôi mạnh hơn cha tôi.”

“Hừ, lời nguyện gia đình,” Manfred hướng mày lên. “Thế mày cũng tin à?”

Dagbert dời đổi chân. “Tôi phải tin. Nó đã được ghi trong kỷ yếu phương Bắc, mà họ thì không bao giờ nói dối. Khi con trai đầu lòng của Chúa tể Grimwald được mười ba tuổi, nó sẽ đạt tới sức mạnh đầy đủ và khi ấy thì nó hoặc cha nó sẽ phải chết. Trong tám trăm năm lời tiên tri đó đã không bao giờ sai. Mẹ tôi đã cho tôi những linh vật biển để giúp tôi vượt qua được cha tôi.” Dagbert ngẩng đầu lên và mắt nó nhoe tia cuồng nộ.

“Nhưng Tancred Torsson đã chọc tức tôi, nó quấy rầy tôi, đã ăn cắp một linh vật biển của tôi. Nó... nó... phải bị tiêu diệt.”

Thầy Giám sát Tài phép lắng nghe Dagbert và nở ra một nụ cười làm ẻo lả những đường nét trên gương mặt cần cỗi của hấn. “Mày không nên làm thế. Mày sẽ phải sửa chữa thiệt hại cho Fairy Tilpin.”

Dagbert nhún vai. “Tôi sẽ lau dọn phòng cho bà ta; dọn đồ của bà ta lên lầu nếu ngài muốn.”

“Hay đấy. Ta khẳng định bọn ta sẽ tìm ra một chỗ trên gác mái. Xem ra mẹ này thích bóng tối.” Manfred lại mỉm cười, lần này với chính mình. “Mày đi được rồi.” Hấn phẩy tay.

“Cảm ơn, ngài.” Dagbert bước ra cửa thì quay lại Manfred, nói thêm. “Tôi luôn cố làm những gì ngài muốn... luôn luôn.”

“Tao biết. Sẽ chẳng bao lâu nữa đầu mày sẽ được viện tới để thực thi nhiệm vụ khó khăn nhất cuộc đời mày. Cho tới lúc đó, mày phải để mắt trông chừng Charlie Bone.”

“Thằng chu du vô tranh?” Dagbert xì ra vẻ khinh bỉ. “Nó thì làm được gì?”

“Đừng đánh giá thấp nó.” Một vẻ căm hờn xoẹt qua mặt Manfred. “Có máu của thầy pháp xứ Wales chạy trong huyết quản của Charlie Bone. Và có gì đó mách bảo tao rằng nó đã phục hồi lại được đũa phép của nó rồi.”

Charlie bị cầm tù trong nhà gần một tuần. Nó ao ước được nói chuyện với bạn bè và lo pháp phòng cho đồng bài vở bị mất ở trường. Làm sao nó theo kịp học trình khi trở lại học viện Bloor? Thế nào nó cũng phải học đêm học ngày cho coi nếu không muốn bị cấm túc.

Vào sáng thứ Sáu, nội Bone bưng một chồng sách vô phòng Charlie. Đính kèm từng quyển sách là những lời dặn dò dài lê thê của các giáo viên từng môn.

“Mày phải làm xong tất cả trước thứ Hai,” mẹ nói, thả ình chồng sách xuống bàn Charlie.

Charlie nhìn những mẩu thư nhắn đó mà thở dài. Đủ cả, từ thầy Carp dạy tiếng Anh tới thầy Pope dạy lịch sử; từ cô Tessier dạy tiếng Pháp đến cô Fortescue dạy sinh vật. “Cái này nhiều hơn con thường hay làm trong một tuần nhiều. Sao con làm cho hết nổi!”

“Phải hết,” nội Bone thẳng thừng và dậm bước đi ra.

Charlie ngồi xuống bàn và bắt đầu bằng môn lịch sử. Có biết bao ngày tháng phải ghi nhớ. Nó cần sự trợ giúp thôi.

“Claerwen!” Charlie khẽ gọi.

Con bướm trắng bay xuống khỏi màn gió và đậu trên cổ tay Charlie.

“Helpu fi,” Charlie nói, dùng tiếng xứ Wales mà con bướm trắng thích hơn. “Giúp tớ với.”

Claerwen bò nhẹ từ cánh tay Charlie lên đậu trên vai nó, ngay phía dưới tai phải. Charlie đọc những ngày tháng năm một lần, hai lần, ba lần, rồi nhắm mắt lại, và để cho sự hiện diện dịu dàng của Claerwen thấm vô óc. Mở mắt ra, nó lấy tay che tập lại chỉ chừa còn mỗi câu hỏi. Nó thấy mình nhớ rõ từng mốc ngày tháng lịch sử.

“Cảm ơn, Claerwen.” Charlie đóng tập lại, mỉm cười. Không phải đây là lần đầu tiên nó thắc mắc về tổ tiên người xứ Wales của nó, thầy pháp đã làm nên cây đũa phép bằng gỗ tần bì, một cây đũa phép khôn ngoan đến mức có thể biến đổi hình thể và sống sót qua mọi ác tâm muốn hủy hoại nó.

Cánh cửa trước đóng sầm lại và Charlie ngó ra cửa sổ. Nội Bone đang bước hùng hổ trên đường Filbert. Mụ đội cái mũ đi mua hàng và kéo cái giỏ đen to có bánh xe.

“Tớ nghĩ đã đến lúc hai tụi mình đi tìm Billy,” Charlie nói với con bướm trắng.

Ngoại Maisie ở trong bếp với cái tivi vặn âm lượng hết cỡ. Thật khó mà thuyết phục được bà cho phép nó thử giải cứu Billy, dù chỉ một lần nữa. Dù sao Charlie cũng phải làm bà phân tâm để còn lấy chìa khóa tầng hầm. Nhưng rồi tìm nó chìm ngấm khi nhớ ra nội Bone đã cất chìa khóa đi rồi. Nó vừa định mở cửa nhà bếp thì Claerwen bắt giắc rời khỏi cánh tay nó và bay xuôi hành lang về phía tầng hầm.

“Gi đó?” Charlie đi theo con bướm trắng.

Tầng hầm xem ra đang mở, he hé. Có lẽ đó là một lời mời mọc cho Charlie đi vô bức tranh một lần nữa để rồi sẽ bị kẹt ở đó mãi mãi. Hoặc nội Bone biết cái bóng sẽ khóa chặt mọi cố gắng nào muốn tìm kiếm Billy, thành ra việc khóa tầng hầm là một sự cẩn thận không cần thiết?

Charlie đứng ở đầu cầu thang tầng hầm, phân vân. Nó đi xuống một bậc, hai bậc, rồi ba bậc và ngó xuống không gian tối om của căn phòng sặc mùi mốc. Hình như có gì đó đã thay đổi. Nó đi xuống thêm ba bậc nữa cho tới khi thấy rõ toàn bộ tầng hầm.

Bức tranh đã mất tiêu.

“Không!” Charlie chạy lên cầu thang và chạy dọc theo hành lang, kêu thất thanh. “Ngoại Maisie, nó đi rồi. Nó đã đi đâu vậy, ngoại?”

Charlie đâm bổ vô nhà bếp, nơi ngoại Maisie đang ngồi trong cái ghế bành yêu thích, đắm mình vào một bộ phim suốt mướt.

“Cái gì đi?” Bà lầm bầm, vội lau nước mắt do coi phim.

“Bức tranh!” Charlie hét. “Bức tranh trong tầng hầm í! Nó đâu rồi, ngoại Maisie?”

“Làm sao bà biết?” Bà nói, vẫn dán mắt vô màn hình.

“Nhưng con không thể vô được xứ Badlock!” Charlie thét.

“Theo ý bà thì,” ngoại Maisie thở dài, “như thế là tốt nhất.”

17. Chương 16

Cung điện của cái bóng

Cuộc hành trình của Billy vô xứ Badlock thật chớp nhoáng. Mới phút trước nó còn đưa tay sờ hình vẽ Hạt Đậu thì phút sau cái gì đã chớp lấy cánh tay nó, kéo nó về phía trước, băng qua tiếng chó ông ổng, chui vô một màn sương mù cuộn cuộn xung quanh tựa như là mưa khói. Lướt, lướt qua một khu rừng toàn cây màu bạc và những hồ nước loang loáng. Có đoạn nó bay bổng lên và có lúc nó lại trôi là đà trên một con đường mềm như lụa bên dưới bàn chân trần của nó.

Và bây giờ, nó ở đây, đứng trước một cánh cửa cao như cột đèn, một cánh cửa sắt trời ra toàn đỉnh tán nhọn, nhỏ nhuộm. Những đầu đỉnh phủ dọc theo chiều dài, viền hết chiều ngang phần đỉnh và phần đáy của cánh cửa. Không có tay nắm, cũng chả có ổ khóa, điều này khiến nó suy đoán rằng cánh cửa được vận hành bằng một thiết bị nhiệt tinh vi hoặc bằng phép thuật.

Ngay khi Billy nhận ra mình chưa chết, thậm chí không đau gì hết, và có thể thở dễ dàng như trước khi bị bức tranh bắt cóc, thì nó liền quên phăng nỗi sợ hãi mà để cho trí tò mò xâm chiếm. Nó lùi lại để nhìn cho

rõ hơn tòa nhà ăn hút vô sương mù ở hai bên cánh cửa sắt. Trông giống như một pháo đài nhưng lại có những bức tường hình như bằng đá hoa cương, trơn sáng bóng – loại đá hoa cương đen nhòen một lớp dầu trên bề mặt do không khí ẩm. Ở lưng chừng các bức tường có nhiều khoen sắt đóng hằn vô đá hoa cương. Chắc chừng hai mươi cái khoen, và trong mỗi khoen đều có một ngọn đuốc đốt bằng dầu hắc đang cháy.

Xứ Badlock không hề giống như Charlie đã mô tả. Có gió, đúng vậy, Billy có thể nghe thấy tiếng rít u u đằng xa, nhưng gió không thổi tới chỗ nó đang đứng đây. Mái tóc trắng mượt của nó vẫn không bị rối bung, mặt và hai bàn tay nó ấm lên nhờ những ngọn lửa phía trên.

Billy quay lại và nhận thấy nếu lùi thêm một bước nữa là nó sẽ té chết tươi, bởi vì nó đang đứng sát mé một vách đá dựng đứng. Bên dưới nó là một đồng bằng mênh mông trải ngút ra tận đường chân trời, và đằng đó có những ngọn tháp kỳ lạ hẹp tí chĩa lên trời. Hai bên đồng bằng, những ngọn núi xám tro trụi nhô bất tận vô những đám mây màu tím trôi lượn cuộn muôn hướng, cả phía trên đỉnh núi lẫn dưới mặt đất hoang vu.

Một giọng nói trơn tuột như vải xa tanh, “Xong rồi, Billy Raven!”

Billy quay phắt lại, kêu hốc lên. Cánh cửa sắt đã mở ra không một tiếng động từ hồi nào và đứng đó là gã đàn ông mà trước kia Billy đã trông thấy một lần, nhưng từ đó diện mạo của hắn đã khắc sâu trong ký ức nó.

Tên thầy bùa Harken, cái bóng, chỉ cao trung bình nhưng ở y toát lên một ấn tượng là y cao hơn nhiều. Với bộ tóc đốm vàng bóng rục mọc bắt đầu từ trán và đôi mắt mới nâu đỏ thoát cái lại xanh màu ô-liu đậm. Gò má của y nhô cao, đua tranh với cái mũi cong vồng ngạo nghễ. Y mặc toàn nhung xanh ngọc lục bảo.

Miệng Billy há hốc ra, cổ ngậm lại mà không xong.

“Vào đi.” Tên thầy bùa đứng lùi lại và làm điệu bộ cúi chào mai mỉa. “Chào mừng đến cung điện của ta.”

Billy đứng đông cứng tại chỗ. Phía bên kia lão bá tước, nó có thể thấy một hành lang dài trải thảm lông thú. Đèn bắc rưng rục từ những bức tường đá hoa cương đen và, tề tắp trên hết thảy, đối với Billy, trần nhà treo tòn teng những cái đầu của bao nhiêu loài thú, những đôi mắt thủy tinh của chúng vẫn còn nguyên nổi kinh hoàng về khoảnh khắc bị bắt giữ.

“Cái gì làm mày ảo não thế, nhóc? Vào đi.” Bá tước Harken chộp lấy tay Billy và kéo nó vô trong. Cánh cửa sắt im lặng đóng lại đằng sau nó.

“Theo ta,” bá tước ra lệnh.

Billy không có lựa chọn nào khác. Cố bước nhẹ hết sức lên những tảng da gấu, da cạp vẫn còn lông mềm mại, nó theo chủ nhà đi xuôi hành lang dài đậm mùi chết chóc đó, mắt hơi nhắm lại để khỏi phải trông thấy những cái đầu thú tít ở trên cao mà nó buộc phải đi bên dưới. Đúng lúc ấy thì Rembrandt lên tiếng.

“Billy, tụi mình đang ở đâu đấy, chuyện gì xảy ra?” Con chuột lít chít.

Bá tước Harken quay phắt lại. “Cái gì đó?”

Billy đã quên khuấy là Rembrandt đang ngủ sâu trong túi áo pyjama của nó. Không hề nghĩ ngợi, nó nói liền: “Con chuột của tôi, thưa ngài.”

“Đó là cái gì?” Bá tước Harken chắt vấn.

“Tôi đã nói ngài rồi, con chuột của tôi,” Billy lặp lại.

“ĐÓ LÀ CÁI GÌ?” Bá tước rống gầm lên.

Billy chột vớ lẽ rằng bá tước không hiểu chuột là gì, hoặc sao đó mà quên rồi. Nó nhẹ nhàng lôi Rembrandt ra khỏi túi áo và chìa con chuột ra.

“Úi.” Rembrandt chít. “Đây là tin xấu, Billy.”

“Ta đã quên mất,” bá tước gừ gừ. “Bọn ta không có chuột ở đây. Lính của ta đã ăn hết sạch bách không còn con nào, cách đây lâu, lâu, lâu lắm rồi. Đưa nó cho ta.”

“Không.” Billy ôm chặt Rembrandt vô ngực. “Tôi không thể. Tôi không thể sống mà không có Rembrandt. Tôi không đưa!”

Bá tước có vẻ ngạc nhiên. “Mày có tinh thần đấy, nhóc. Tốt, mày cứ giữ cái con có tên kỳ quặc đó, nếu nó chế ngự mày. Nó vừa mới nói xong. Đừng có chối. Tao biết mày hiểu ngôn ngữ của nó. Nó đã nói gì vậy?”

Billy ngẫm nghĩ câu hỏi đó có phải là hỏi bẫy hay không. Không chừng lão bá tước này có thể nói được tiếng thú vật. Billy quyết định nói dối một phen. “Nó bảo chúng tôi đang ở một nơi tốt, thưa ngài.”

Bá tước dòm Billy vẻ nghi hoặc. “Nó nói thế à? Hừ. Ta phải tin mày... chỉ lúc này thôi.” Hắn quay đầu bước tiếp, đôi giày mũi nhọn cong vút của y khê rít trên lớp lông thú. Và Billy theo sau, cảm thấy tội lỗi vì tấm thảm kiểu vậy rất ấm và thoải mái cho những ngón chân trần của nó.

Phải mất khá nhiều thời gian mới đi hết hành lang, nhưng rồi cuối cùng, khi họ đến đó thì một cánh cửa sắt khác mở về sau êm ru, để lộ ra một căn phòng rộng ngút ngát. Treo lơ lửng từ trên mái bằng những sợi xích sắt là ba vòng tròn, cái này lồng vào khoảng giữa của cái kia chừng ba tấc hay cỡ đó, cái nhỏ nhất ở trên cùng, cái to nhất ở dưới cùng. Ít nhất năm mươi ngọn nến được xếp bên trong mỗi vòng tròn, và hợp lại, tất cả cùng cháy rực lên một quang lửa trắng dữ dội. Billy choáng sốc trước chòm nến thần diệu này đến nỗi phải mất mấy giây nó mới nhận ra ba dáng người đang ngồi trước một lò sưởi khổng lồ ở một đầu căn phòng.

“Gia đình ta!” Bá tước tuyên bố. Y kéo Billy tới trước “Còn đây là nó!”

“Chú nhóc!” Một bé gái reo lên, nhảy xổ ra khỏi một đồng gối nệm. “Cụ đã mang nó tới.” Như thể Billy là một món đồ không bằng.

Cô bé bám bố về phía Billy, qua một biển chắn, mền. Đó là một bé gái nhỏ nhắn gương mặt ngời ngời, tóc đen, quần búp và mắt nâu tròn. Cô bé mặc váy dài màu vàng, kết hoa vàng óng, và nụ cười mở của cô bé lập tức khiến Billy yên lòng. Tuy nhiên khi trông thấy Rembrandt, cô bé khựng lại tức thì, chỉ con chuột, thét om. “Đó là cái gì?”

“Chuột đó, đứa trẻ,” bá tước bảo cô bé, “từ vùng đất của bà mi. Nó sẽ không làm hại mi. Thằng nhóc khổng chế được nó trong tài phép của mình.” Y quay qua Billy. “Matilda là cháu gái ta. Còn kia,” y chỉ lò sưởi, “mi sẽ gặp cháu trai của ta Edgar, và vợ ta Lilith.”

Billy gạt đầu không thốt lên lời. Cái thằng trong bộ áo jacket xanh lá cây đậm và quần ống túm đó không nhìn lên khỏi quyển sách đang đặt trên đùi.

Tuy nhiên, người phụ nữ quay qua nhìn Billy trừng trừng từ chiếc ghế lớn mà bà ta đang dựa người – đầu bà ta tựa vô thành ghế gỗ dày. Khi Billy chạm phải ánh nhìn từ đôi mắt đen của bà ta, một cơn ớn lạnh chạy khắp người nó, Rembrandt thì thào, “Sai lầm rồi.”

“Nó phát ra âm thanh,” Matilda kêu lên. “Con chuột của ngài.”

“Tôi không phải là ngài,” Billy lẳng lặng nói. “Tôi chỉ là Billy.”

Đến lúc này cái thằng kia mới ngược mắt lên. Nó lớn hơn em gái nó ít nhất bốn tuổi và không có nét nào giống cô bé. Tóc vàng tĩa gọn, mắt xanh lá cây đến giết mình.

Matilda lại gần Billy, vẫn nhìn con Rembrandt một cách lo âu, nhưng Billy hấp tấp nhét con chuột trở vô túi áo nó, và động thái này mang nụ cười trở lại trên gương mặt cô bé. “Tôi thích cái mặt nạ của ngài, thưa ngài, nhưng nó bằng thủy tinh và tôi có thể nhìn thấy xuyên qua nó.” Cô bé chạm vô mắt kính của Billy. “Có lẽ nó là một vật của tương lai.”

“Ê... đúng,” Billy nói.

“Ồi, mắt ngài màu quả dâu,” cô bé tiếp. “Phép màu làm sao. Cả váy của ngài nữa rất hay. Nhưng ngài không có giày.”

“Tôi không có thời gian xỏ giày vô,” Billy nói, liếc nhìn bá tước.

“Cụ của tôi bảo với chúng tôi là sẽ mang một thằng nhóc từ tương lai về cho chúng tôi vui giải trí.” Matilda khẽ kéo Billy về phía lò sưởi đá hoa cương khổng lồ. “Và cụ bảo rằng bốn phận của chúng tôi là chăm sóc ngài. Không đúng sao, chúa tể của cháu?”

“Hãy bảo đảm nó sẵn sàng ăn tối.” Bá tước quẳng những lời này vào Matilda khi y bước trở lại cánh cửa sắt – cái cửa cung cúc mở ra cho y đi qua và đóng lại phía sau y.

Billy đứng đờ đẫn trước lò sưởi reo vang. Phía bên phải nó, Edgar đã trở về với quyển sách; bên trái, bà Lilith vẫn tiếp tục nhìn chăm chú vào nó. Billy cảm thấy khó chịu kinh khủng. Ánh mắt bà ta hẳn học đến nỗi mọi cố gắng chuyện trò đều rỉ ra hết khỏi Billy. May thay Matilda là một người nói luôn mồm.

“Tôi sẽ đưa ngài vô phòng để chúng tôi chuẩn bị cho ngài,” cô bé huyền thuyên. “Tôi nghĩ ngài sẽ thích, Billy. Có quần áo mới cho ngài rồi... kể cả giày. Và ngài sẽ có một đây tớ riêng, dĩ nhiên, để...”

“Tôi nghĩ tôi nên trở về ngay bây giờ,” Billy nói.

Matilda có vẻ sững sốt. “Về đâu?”

“Về nhà tôi.” Billy thấy mình run bắn. “Tôi không thuộc về nơi này. Tôi muốn đi. Tại sao tôi không thể về nhà?” Nó quay qua gương mặt lạnh đá của bà Lilith. “Tại sao tôi ở đây?”

“Mi không có nhà,” người phụ nữ nói.

Trong một thoáng Billy sốc đến nỗi á khẩu, mãi rồi nó mới nói, “Tôi có. Có. Tôi sống với Charlie Bone.”

“Đó là dối trá,” bà ta nói. “Bọn chúng chứa mi vì tội nghiệp. Nhưng chúng không muốn mi.”

Nghe những lời này, một khối đá lạnh căm ngấm vào người Billy. Nó hầu như không cảm thấy Matilda nắm tay nó, cứ mù quáng đi theo cô bé về phía cánh cửa mà đã tự động mở toang trước khi chúng tới nơi.

Matilda dẫn Billy đi vài bước trong hành lang rải lông thú thì quẹo và leo lên một cái cầu thang đá hoa cương chật hẹp. Đi lên hết cầu thang thì tới một hành lang dài, chỉ có một ngọn đèn bắc cháy ở đầu cuối. Matilda bước về phía ngọn đèn và dừng lại trước một cánh cửa cài một cái then bị oành. Cô bé nâng cái then lên và Billy theo cô bé vô một căn phòng mà được cho là phòng riêng của nó... nhưng trong bao lâu? Nó không dám nghĩ tới.

Không đến nỗi tệ. Một ngọn lửa cháy trong vĩ sắt và những bức tường đá hoa cương màu xanh lá cây nhạt. Chiếc giường loại bốn cọc cao ngất, treo màn màu ngà voi. Có một tấm thảm lông thú, dĩ nhiên, một cái ghế và một cái rương lớn bằng gỗ sồi. Một bộ quần để sẵn trên giường: áo jacket nhung xanh da trời, với những đường viền vàng óng ở cổ áo và cổ tay, và một cái quần dài màu xanh da trời và vàng kim. Giày được đặt dưới chân giường. Đó là một đôi giày mũi nhọn, dài, trang trí vàng.

“Thầy bùa nói chúng tôi rất may mắn.” Matilda nhấc cái áo jacket xanh da trời lên. “Ở những vùng đất khác người ta toàn mặc đồ bằng vải thô; con trai mang vớ len xù xì và mặc loại áo chen gây ngứa ngáy. Đây là xứ Badlock, chúng tôi đã phát triển rất tiến bộ.”

“Thật à?” Billy bước về phía lò sưởi và hơ hai bàn tay trước lưới lửa. Cơn ớn lạnh vừa dội xuống người nó vẫn không dịch chuyển được. Nó không có nhà ở nơi này.

Matilda nhảy phóc lên giường ngồi, đung đưa bàn chân. “Ngài có thể vui vẻ ở đây không, Billy? Đôi khi tôi rất cô đơn. Edgar không bao giờ là bạn, vì vậy tôi không có ai làm bạn.” Cô bé ngừng lời. “Và tôi sợ thầy bùa và vợ của cụ ấy.”

Cô này nói như thể học không hề có họ hàng đây mơ gì vậy, Billy nghĩ. Nhưng lẽ nào thầy bùa và vợ lão không phải là cụ kỵ của cô ta?”

“Mẹ của bạn đâu?” Billy hỏi.

“Mẹ tôi? Bà chết rồi, vì yếu tim. Cha tôi cũng đã chết. Ông là một hiệp sĩ dũng cảm. Tên ông là Gervaise de Roussillon, ông đã chết trong một trận đấu gian lận.” Matilda thấp giọng. “Bà vú già của tôi bảo là thầy bùa nhúng tay vào vụ giết cha tôi. Nhưng tôi không thể chắc chắn.” Cô bé nháo nhác liếc quanh phòng.

“Cái gì thế?” Billy hỏi. “Bạn sợ gì à?”

“Ngài sẽ thấy ngay thôi,” cô bé đáp. “Tôi có thể nghe tiếng những bước chân.”

Và Billy cũng nghe thấy, một phút sau, một then cửa trên những bức tường đá hoa cương bắt đầu di chuyển, giống như con sâu bọ trong bùn đen, một làn mây mỏng xuất hiện như thể đá hoa cương đang bốc hơi, và xuyên qua làn mây là Edgar đang bước tới.

“Đáng ra anh có thể dùng cửa,” Matilda trách.

“Ta không chọn thế,” thằng anh của cô bé quặc lại. “Người được đòi hỏi đi ăn tối, nhanh.” Nó thấy một cái nhìn khinh miệt vào Billy. “Sao người không ăn mặc chỉnh tề?”

Billy bắt lực nhìn Matilda.

“Ngài ấy chưa có thời gian,” cô bé nói, nhảy xuống giường. “Ta sẽ...”

“Để đó,” Edgar cướp lời. “Đây tớ sẽ làm.” Không thêm lời nào nữa, Edgar lê giết lùi và, bằng một cái vặn vai vụng về và một cú vung léo khẻo của bàn chân phải, thằng này để cho bức tường nuốt chửng lấy thân người.

Matilda cười toét với Billy. “May quá, Edgar không quan tâm chăm chút tài phép của anh ta. Tôi luôn nghe thấy tiếng anh ta đi tới. Sự thoát đi và sự hiện ra của anh ta rất thô thiển và lụm chụm. Hãy nghe đi, ngay cả bây giờ ngài cũng nghe thấy tiếng anh ta.”

Đúng vậy Billy có thể nghe thấy tiếng những bước chân đang rút lui khỏi hành lang.

Matilda băng qua căn phòng, mở cửa ra và nói to. “Bây giờ ngài vào đi. Tôi sẽ gặp ngài ở tại gian nhà ăn,” cô bé bảo Billy.

Nó chỉ vừa ở lại một mình chừng một giây thì một thân hình lùn chề bệ đâm bổ vô phòng và hăng hái cởi đồ ngủ ra cho nó.

“KHÔNG!” Billy kêu thất thanh.

Sinh vật nhỏ đó ngóc lên nhìn nó, kinh hãi. Billy không biết đó là phái nam hay phái nữ. Một cái mũ len chùm kín mít đầu nó, còn thân hình thì chành bành và ục ịch đến nỗi thật khó mà biết cái eo nó nằm ở chỗ nào, hoặc cái cẳng nó bắt đầu từ đâu.

“Mi có thể chờ ở bên ngoài,” Billy nói.

Sinh vật đó ngạc nhiên vô cùng, nó lết ra và nhẹ nhàng đóng cửa lại.

Billy cởi pyjama và thay bộ đồ nhung xanh da trời. Tiếp đến là mang giày. Cái này thật đáng lo. Chúng chẳng vừa vặn gì hết và đôi mũi giày dài phất ra âm thanh bép bép theo mỗi bước chân nó đi. Giống hệt như nó đang mang dép lê. Billy cảm thấy mình ngổ gì đâu, nhưng nếu để chân đất còn ngổ ngẫn hơn nhiều, nó nhận ra vậy. Nó ngạc nhiên quá đỗi, cả áo hay quần đều không hề có túi gì ráo trọi. Nó không thể để Rembrandt lại. Con chuột sẽ ăn gì?

“Xin... xin lỗi,” Billy gọi, không biết phải xưng hô với sinh vật ở bên ngoài như thế nào. “Ngài có thể vô đây.”

Cái vật đó mở cửa ra một tí và hí mắt dòm vô. Đôi mắt có màu nâu xám của vỏ cây nhưng trong đó ánh lên vẻ hiền lành.

“Vui lòng giúp tôi được không?” Billy nói. “Tôi cần một... một cái túi, hay một cái bao.. hay... hay gì đó.”

Sinh vật xộc vô và đứng trước Billy. “Dorgo,” nó nói bằng giọng nam. “Dorgo, tên tôi tớ. Ngài muốn túi để làm gì?”

Dorgo chưa nhận ra con chuột đang ngồi tự rửa ráy trên giường của Billy.

“Cho nó,” Billy chỉ Rembrandt.

Dorgo thét lên một tiếng đinh tai và ôm chặt lấy eo Billy. “Cái? Cái? Cái gì?” Anh ta hét ồm tỏi.

“Nó chỉ là một con chuột,” Billy nói.

“Hắn là cái gì đó?” Rembrandt chít lên, trố mắt dòm Dorgo đang run lập cập.

“Một người,” Billy thì thào. Nó nhẹ nhàng gỡ Dorgo bật vĩa ra, và nói, “Nó không làm anh đau đầu, nhưng tôi cần đặt nó vào cái gì đó để tôi có thể mang nó theo cùng.”

Dorgo gật đầu. Không dời mắt khỏi nền nhà, anh ta bước tới cái rương gỗ sồi và mở nắp ra. Xong, anh ta nhào tới khoảng bên trong rương như một con thỏ đào hang, hất văng giày, quần áo bay ra tứ lung tung. Sau vài giây, anh ta bới tới đáy rương và cầm lên một dải thắt lưng bằng da thuộc bên trên có một cái túi nhỏ viền vàng đính liền vô. Anh ta trao sợi dây lưng cho Billy, mắt vẫn dán chặt xuống sàn.

“Tuyệt hảo. Cảm ơn,” Billy nói, đeo dây nịt vô eo. Nó tóm lấy Rembrandt và nhét vô cái túi.

“Giờ là gì?” Rembrandt la í ớ.

“Thức ăn,” Billy chít lại. “Tớ hi vọng.”

Dorgo đã nhắm tịt mắt lại. Billy chạm vai anh ta. “Tôi tin là người ở đây ăn chuột,” nó bảo anh ta. “Cho nên đừng nói với ai về nó nhé.”

“Không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ,” Dorgo nói một hơi. Anh ta mở mắt, chạy bay đến cái rương, bốc đồ đạc thấy trở vô và đóng nắp lại. “Làm ơn, theo sau. Chủ nhân ăn bây giờ,” anh ta nói theo cái kiểu hay đảo ngược từ của mình.

Được gọi là chủ nhân còn hơn cả măn nguyện nữa. Điều này khiến Billy lập tức cảm thấy mình cao lớn hơn và tự tin hơn. “Dẫn đường,” nó nói, hơi khoa trương hơn nó dự định.

“Ồi trời ơi!” Một lời bình phẩm nghệt ứ phát ra từ cái túi màu vàng.

Dorgo co rúm người và chạy cuống cuống ra khỏi phòng. Anh ta dẫn Billy xuống cầu thang đá hoa cương, dọc theo hành lang đầu và lông thú vô một căn phòng đáng kinh ngạc nhất Billy từng thấy. Mặc dù nó được gọi là căn phòng nhưng xem ra không chính xác. Mà đó là một hội trường rộng mênh mông lát đá hoa cương đen, với mái trần cao hình vòm lấp lánh những vì sao. Trên các bức tường treo đầy vũ khí và những đồ vật quý: thương, gương sáng loáng, khiến được trang trí những sinh vật trong thần thoại, da cọp, mặt nạ vẽ, một bánh xe vàng, sừng bằng ngà voi, gương lồng khung mạ vàng, thảm thêu, biển thêu trên châu, kim cương và ngọc lục bảo, cùng những thứ Billy chưa từng thấy bao giờ nhưng nó chắc chắn chúng chỉ được sử dụng trong chiến tranh. Nó đứng ở bên trong khung cửa với cái miệng há hốc.

Bá tước Harken đang ngồi ở đầu đằng xa một cái bàn lát kính, dài ít nhất phải sáu thước. “Ngồi xuống, Billy Raven,” y nói đồng đặc, giọng vang dội lên trần nhà lấp lánh, làm tăng độ sáng của những ngôi sao vàng.

Bà Lilith ngồi ở đầu bàn quay lưng ra cửa, Edgar và Matilda ngồi đối diện nhau, chỗ khoảng giữa bàn. Billy nhẹ cả người khi thấy một cái đĩa trống được đặt bên cạnh đĩa của Matilda. Khi nó tiến về phía cô bé, Dorgo đi theo, kéo ghế của Billy ra và đẩy ghế vô cho nó ngồi xuống. Matilda nhướn với Billy một nụ cười trấn an.

Billy nhận thấy tất cả mọi người đều có một phiên bản Dorgo đứng ở sau lưng. Ngoài ra còn có những đầy tớ khác đứng rải rác ở xung quanh phòng. Mỗi đầy tớ bưng một cái khay màu vàng óng. Hầu như mọi thứ ở trên bàn đều được làm bằng vàng: giá cắm nến, đĩa, tô, tách, dao, và muỗng. Tất cả loe lóe, sáng choang, đến nỗi Billy phải tháo mắt kính ra và dụi mắt.

“Mi có bao giờ ăn bữa tối xì bùa chưa, Billy Raven?” Bá tước gầm rồn rảng từ cuối bàn.

Billy lắc đầu.

“Thế thì mi sắp ăn rồi,” bá tước nói. “Mi ước ăn gì?”

“Ềm, mì ống, làm ơn,” Billy nói.

“Mì ống,” bá tước nói với tên đầy tớ cao lớn, ăn mặc oai vệ hơn những đầy tớ khác.

Một sự im lặng rơi xuống trong khi anh đầy tớ cao nhìn trơ trơ vô cái đĩa trống. Rồi anh ta tăng hắng và ngẩng đầu lên, hát ngâm nga. “Không biết.”

“Không biết! Không biết! Không biết!” Những đầy tớ kia nhắc lại.

Billy lúng túng.

“Món khác,” bá tước ra lệnh.

Billy cố nghĩ tới cái gì mà tất cả mọi người, thuộc mọi thời đại, phải ăn. “Bánh mì,” nó nói.

“Bánh mì,” bá tước gầm vang.

Cái khay của anh đầy tớ cao lập tức đầy ắp những ổ bánh mì đen. Dorgo tóm lấy đĩa của Billy, chạy như bay về phía ông cầm khay bánh mì, trút tất cả lên đĩa của Billy và chạy trở lại chỗ nó.

“Nữ bá tước?” Lần này giọng bá tước giăng kín hội trường. Cần phải nói to như thế mới vọng tới được chỗ bà vợ.

Bà Lilith tuân ra một danh mục những cái tên lạ hoắc. Bá tước nhắc lại, và khay của anh đầy tớ cao đầy ắp những loại quả trông kỳ lạ - hay đó là rau? Đầy tớ của bà Lilith vù đi nhận chúng và đem về cho bà chủ.

Edgar chọn hạt kê, nhộng, bắp cải và pho mát, trông thấy ghê ghê. Matilda chọn súp cá hành bốc mùi thơm phức, còn bá tước chọn thực đơn giống như của bà vợ.

Billy cảm thấy ngượng ngập vì đĩa mình toàn bánh mì đen. Nó không biết phải ăn như thế nào.

“Bữa tối?” Rembrandt chít đầy hi vọng.

Trước khi tiếng chít của Rembrandt trở nên quá ồn, Billy chộp lấy một ổ bánh. Dùng tay xé bánh ra, nó ráng xoay xở bỏ vô cái túi trên đùi nó một mẩu vừa ăn.

Khi Rembrandt chít lên cảm ơn, Matilda cười khúc khích, Edgar trừng mắt nhìn em gái và nói: “Thằng nhóc đem thức ăn cho một sinh vật. Đó là lỗ mãng và phung phí.”

Bá tước Harken phẩy tay thô bạo. “Không vấn đề, Edgar. Nó là khách của chúng ta.”

Edgar cau có lùa một miếng đồ ăn vô miệng. Nhưng từ đầu bàn bên kia, nữ bá tước vẫn tiếp tục nhìn Billy trừng trừng, thậm chí kể cả trong khi bà ta đang nhai những món không thể đọc được là món gì. Trông bà ta cứ như không có tim, Billy ước gì mình ở cách xa hàng ngàn dặm, trở về ngôi nhà của Charlie Bone, cho dù ở đó nó không được chào đón.

Món thứ hai khả quan hơn món thứ nhất nhiều. Matilda khuyên Billy chọn lê ướp rượu. Chúng ngon tuyệt, đúng như cô bé hứa hẹn.

Sau bữa ăn Dorgo dẫn Billy trở lại phòng riêng của nó. Anh đầy tớ nhỏ lật khăn trải giường ra, để lại bộ đồ ngủ, thấp cho Billy một ngọn nến đặt trong một cái đĩa kim loại để trên nóc rương. Billy thay bộ pyjama của nó và lên giường. Nó nhìn ngọn nến cháy thấp dần, thấp dần và tự hỏi mình có bao giờ ngủ được hay không. Nó mệt thừ nhưng đầu óc nó không ngừng lang thang tới những căn phòng sáng lấp lánh bên dưới. Charlie sẽ tới đón mình, nó nghĩ, bởi vì Charlie có thể chu du vô tranh.

Bên ngoài, tiếng gió rên rĩ băng qua cánh đồng. Và rồi át trên tiếng gió, vọng đến tiếng những bước chân nặng nề, kéo lê dưới nền đất. Kèm theo tiếng chân là tiếng loảng xoảng hỗn loạn của những sợi xích sắt.

Billy bật dậy khỏi giường và ló đầu ra hành lang. Dorgo đang ngồi ngoài cửa. Đầu anh ta đổ về trước, nhưng không hề ngủ.

“Gì thế chủ nhân, thưa?” Dorgo hỏi.

“Tôi nghe thấy gì đó? Những bước chân.”

“Người khổng lồ đó, chủ nhân, thưa.”

“Người khổng lồ?”

“Họ mang ông ta vào hầm ngục. Ông ấy xấu. Phải bị phạt.”

“Ông ta đã làm gì?”

Dorgo thở dài. “Ông ta đã giấu một thằng nhóc từ tương lai, giống như ngài.”

Charlie, Billy nghĩ. Tổ tiên của Charlie là một người khổng lồ.

“Ngủ đi, chủ nhân.” Dorgo nói.

Billy bước lùi trở vô phòng và đóng cửa lại.

18. Chương 17 - Phần 1

Kể gián điệp

Sáng thứ bảy. Charlie ngồi trong phòng nó, cảm thấy nhấp nha nhấp nhồm không yên. Đầu óc nó cứ lan man về Tancred. Làm sao mà một người tài phép hùng mạnh nhường ấy lại bị đánh bại ? Charlie không thể thuyết phục bản thân tin nổi rằng mình sẽ không bao giờ gặp lại gương mặt hân hoan với mái tóc vàng nhuộm điện của Tancred, cũng không bao giờ còn thấy lại tấm áo chùng xanh lá cây lỏng phồng bởi tâm trạng hay thay đổi thất thường gây ra gió và mưa của anh. Rồi nó lại liên miên nghĩ tới Billy.

Phải chi có thể tìm thấy bức tranh Badlock, Charlie chắc chắn con bướm trắng có thể giúp nó vô lại thế giới tăm tối ác nghiệt kia lần nữa. Nó không biết tìm Billy như thế nào nếu nó đi vô được xứ Badlock. Nó nghĩ một khi tới đó, rồi nó sẽ khám phá ra phải làm gì.

Charlie tự hỏi nội Bone có giấu bức tranh trong phòng mù hay không. Không có vẻ như thế, nhưng vẫn có thể lắm chứ. Nếu mù cất ở đó thì chắc chắn mù phải khóa cửa phòng. Nhưng mà...

Không phiêu lưu mạo hiểm sẽ không đạt được cái gì, Charlie tự nhủ khi nó rời phòng riêng.

Charlie hầu như không thể tin nổi vận may của mình. Cánh cửa phòng bà nội không khóa. Charlie lên vô. Một căn phòng bữa bãi hỗn độn kinh khủng, lại xông xộc mùi nước hoa cũ. Quần áo tràn ứ ra mọi ngăn kéo tủ. Những đôi tất đen treo thông lòng trên cọc giường, một cái mũ úp chụp lên gối và đồ lót vương vãi lẫn trong chăn mềm. Bàn trang điểm đầy những lọ chai linh kính và cái gương đầy chuối hạt và dây chuyền.

Tìm ở đâu đây? Bức tranh lớn thế, không dễ gì giấu được. Charlie ngó xuống gầm giường. Nó đếm được mười đôi giày, nhưng không có bức tranh. Nó nhìn vô tú đứng: lại thêm giày nữa, rồi váy kiểu xưa, hai chiếc áo khoác lông sục nức mùi băng phiến, và thêm nhiều váy đến nỗi Charlie không đếm xuể. Nó định đóng cửa lại thì cái gì đó đập vô mắt nó : cái xác tay ưa thích thứ hai của nội Bone nằm bên trên một đôi giày ống da lộn.

Charlie lôi cái xác ra ánh sáng. Nó được làm từ da chấp độn, bên trong nhét đầy khăn quàng cổ, bao tay và khăn mùi xoa. Ngoài ra còn có một lọ thuốc, một thỏi son và một tấm thiệp mời màu trắng đề ngày tháng năm trước ngày hôm nay ở trên đầu. In bên dưới là những dòng chữ :

Họp mặt những cảm tình viên vì sự nghiệp của chúng ta.

Nhà Nguyễn Cũ, đường Piminy

Thứ Bảy, 8 giờ tối.

T.T

Nhớ mang theo thiệp mời.

“T.T” Charlie lẩm bẩm. T chắc là Tilpin, và chẳng lẽ không ai từng có lần nói rằng tên của mù Tilpin là Titania? Nó lập tức ghi nhớ nội dung thiệp mời, đặt trở lại chỗ cũ và cất cái xác tay trở lại tủ đứng.

Chạy ù về phòng mình, Charlie viết ra giấy những gì nó ghi nhớ, chính xác theo thứ tự mà nó đã xem. “Kịch cỡ chừng bằng tám bưu ảnh” nó lẩm bẩm “và được in kiểu như một tờ báo”. Nó nhận ra nó sẽ không bao giờ có thể tham dự được cuộc họp mặt đó. Nó cần một đồng minh. Một người lớn. Không đứa trẻ nào có khả năng đi vô cuộc họp như thế.

Charlie biết đích xác phải nhờ cậy ai. Nó quyết định chờ cho tới khi Benjamin đi học về. Cô và chú Brown sẽ bận làm việc cho tới khi đó. Vả lại nó còn phải làm thêm bài tập về nhà nữa.

Vào lúc 4 giờ đúng, Charlie ngó qua cửa sổ phòng nó và thấy Benjamin đi thong dong trên đường với cái ba lô lủng lẳng trên vai. Charlie mở tung cánh cửa sổ ra và vẫy lia lịa. Benjamin nhìn lên và vẫy lại. Thằng này chỉ Charlie rồi chỉ tới ngôi nhà số 12. Charlie gật đầu và giơ một ngón cái lên.

Hai phút sau, Charlie bước xuống lầu và mặc áo khoác lấy xuống khỏi giá mắc áo trong hành lang. “Con tới nhà Ben đây” nó la ó om sòm.

“Không được,” một giọng từ nhà bếp vọt ra. Nội Bone thò đầu qua khung cửa. “Mày không được đi đâu đến chừng nào làm xong bài tập về nhà.”

“Cháu làm xong hết rồi” Charlie nói.

Nội Bone nguýt nó bằng đôi mắt híp ríp. “Tao nghĩ mày gian trá.”

“Cháu làm sao gian trá được? Tất cả toàn là bài học thuộc lòng thôi. Bà có thể kiểm tra nếu bà muốn.”

Mắt bà nội nó nhú lại thành một đường kẻ tí xiu. Mũi mũi ta chu lên thành một cái búp nhăn nhóm. Mũi ta không muốn kiểm tra Charlie bởi vì lúc này chương trình ưa thích của mũi, Vấn đề sức khỏe, sắp phát trên đài phát thanh.

“VẬY cháu đi chứ?” Charlie cố nặn ra một nụ cười.

Cái búp nhóm nhỏ nơi miệng bà nội nó xẹp đi và mũi nói. “Cá hồi cho bữa tối.”

“Tuyệt!” Charlie ra cửa. Cá hồi là món nó ghét nhất trong thực đơn và nội Bone biết vậy. Mũi mua nó dùng để đặc biệt trừng phạt Charlie. Nhưng Charlie có những việc quan trọng hơn chuyện đó để mà lo lắng.

Benjamin với Hạt Đậu chào đón nó vô cùng nồng hậu và, may mắn không kém, cô chú Brown đã về nhà sau một chuyến thám thính mẫn nguyện. Rạng rỡ với thành công, họ đang mở một bữa tiệc trà có sâm banh để ăn mừng trong nhà bếp.

Trong khi thỉnh thoảng nhai bánh snack khoái khẩu, Charlie kể cho gia đình Brown nghe tất tậT mọi chuyện đã xảy ra ở học viện Bloor trước khi nó bị đuổi. Nó ráng giữ cho giọng nói điềm đạm trong khi họ thốt lên choáng váng và bước tới bước lui, bởi vì nó biết nếu ngừng kể thì nước mắt nó sẽ trào ra mắt và trước khi điều đó xảy ra nó muốn kể tới lý do thật sự cho chuyến qua chơi này của mình: bức tranh biến mất và buổi gặp mặt tại đường Piminy.

“Đồ sát nhân!” Chú Brown hét khi Charlie kể xong câu chuyện bàng hoàng của nó. “Chúng ta không thể để việc này trôi tuột đi.”

“Cô muốn tới đó ngay bây giờ để xem lời bào chữa đáng hổ thẹn của ông hiệu trưởng,” vợ chú nói.

Charlie lắc đầu. “Họ nói đó chỉ là một tai nạn. Không ai chứng minh được Tancred bị cố ý dìm chết.”

Cô Brown vỗ bàn tay chồng. “Charlie nói đúng. Cảnh sát không bao giờ tin thẳng bé Dagbert Endless có... có phép dìm chết người”.

Charlie vội lôi tờ giấy nguệch ngoạc ra từ trong túi áo và trải nó ra bàn. “Đây là thông điệp cháu tìm thấy ở trong xác tay của nội Bone. Cháu nghĩ nếu chúng ta bắt chước làm giống thật, thì ai đó có thể cầm nó để đi họp mặt và để xem có âm mưu gì đang diễn ra”.

Cô chú Brown nghiên cứu tờ giấy.

“Cảm tình viên?” Chú Brown lăm lăm, gãi gãi mảng râu lởm chởm chú đã để mọc trên cằm cho công vụ điều tra vừa rồi. “Cảm tình viên cho cái gì?”

“Sự nghiệp.” Benjamin nói. “Ba thấy đó. Tất cả những kẻ xấu đều sẽ đến đó.”

“À.” Chú Brown gãi mảng râu dữ hơn. “Và cháu nghĩ chúng ta phải do thám cái gì đó về những kế hoạch tương lai của bọn chúng, phải không Charlie? Cứ dẫn tới một bước nữa đi, đúng như phải thế.”

“Đó chỉ là một phần.” Charlie nói. “Còn sự thật thì, cháu nghĩ cô chú có thể tìm ra họ để bức tranh ở đâu.”

“À, đúng rồi. Chú có thể mang theo băng ghi âm. Lấy chứng cứ về vụ chìm chết người. chú có một dụng cụ tí hon tuyệt vời, gắn vô gọng kính.”

Có điểm gì đó về thiết bị này khiến Charlie lo lắng. Những người ở đường Piminy có tài phép theo rất nhiều kiểu mà nó tưởng tượng cũng không thể ra nổi. Biết đâu trong số họ có những kẻ tiên tri, hoặc ai đó có năng lực thám tử siêu nhiên. Charlie giải thích điều này cho gia đình Brown, cô chú miễn cưỡng đồng ý rằng để thiết bị ở nhà thì sẽ an toàn hơn.

“Rõ ràng là chú không thể đi được,” chú Brown nói. “Chú sẽ bị nhận ra ngay là kẻ phi cảm tình.”

“Em cũng không nghĩ là anh nên đi,” vợ của chú nói. “Cho dù cải trang anh vẫn sẽ bị những người như thế phát hiện. Do chiều cao và cái cách di chuyển của anh”.

Sau một cuộc bàn luận chớp nhoáng, chú Brown thua, cô Brown lên lầu và mười lăm phút sau thì trở xuống, trông không còn chút gì là cô Brown nữa. Cao thêm một tấc, không phải bằng giày cao gót mà bằng đôi giày độn bên trong rất tài tình. Mái tóc vàng của cô được nhét kín trong mái tóc giả màu xám xuềnh xoàng, gương mặt phủ một lớp phấn hồng thật dày, khiến cho cô mang vẻ nóng nảy và cáu kỉnh. Lông mày cô đen và dày, ngực cô to dềnh dàng và môi cô kẻ bớt đi chỉ còn là những đường chỉ xám xám.

Trong một lúc Charlie định ninh đó là một mục độc ác nào đó vừa xông vô nhà, khi nhận ra đó là ai, nó với Benjamin đồng loạt vỗ tay. Sự biến đổi diện mạo của cô Brown quả thần kỳ.

“Trish, em vượt quá mình rồi đó,” chú Brown chúc mừng cô. “Em thậm chí còn lừa được cả con chó.”

Chẳng là Hạt Đậu đã xổ ra từ trong phòng và giờ vẫn còn đang sửa ngậy xỉ trong hành lang. Nó phải hít ngửi mãi vô bàn tay cô Brown mới chịu bị thuyết phục rằng cái người lạ hoắc này không ai khác hơn là mẹ của Benjamin.

Quyết định chung cuộc là chú Brown và cô Brown (là chính cô) sẽ lái xe đi ra một đại lộ vắng vẻ, không xa đường Piminy. Chú Brown sẽ lái xe vòng vòng một lúc, sau đó sẽ trở lại đúng đại lộ vắng đó và chờ cô Brown rời cuộc họp.

“Em sẽ tẩy trang trên xe,” cô Brown nói, trông cô có vẻ kích động, “và chúng mình sẽ đi xe trở về đường Filbert, hết như một cặp vợ chồng vừa đi xem phim về.”

“Có lẽ Ben sẽ ngủ ở nhà cháu.” Charlie đề nghị.

“Tuyệt,” chú Brown nói. “Chúng ta sẽ để Hạt Đậu trông nhà.”

Hạt Đậu vênh tai lên, nhưng không có vẻ từ chối.

Chú Brown in ra một tấm thiệp mới đúng chính xác tấm thiệp mà Charlie đã mô tả, và vào lúc năm giờ rưỡi, Charlie và Benjamin chúc cô Brown may mắn rồi bước về nhà số 9.

Vào những ngày cuối tuần, Charlie thường được giao cho một chiếc chìa khóa để có thể vô nhà mà không làm phiền bà nội, bà ngoại nó. Ngoại Maisie đang ở một mình trong bếp khi thấy hai thằng bé bước vô. Bà vui mừng thấy Benjamin và lại càng vui hơn khi biết nó ở lại ngủ đêm.

Nội Bone thì không vậy. Vài phút sau khi hai thằng vừa về, mục hùng hổ đi vô và hạch hỏi tại sao lại có một túi ngủ chình ình giữa nhà bếp, giăng bấy té người ta.

“Ben sẽ ngủ đêm ở đây.” Charlie bảo mục.

“Hả? Nó? Ai nói?” Nội Bone hỏi.

“Nó không gây phiền hà gì đâu, Grizelda,” ngoại Maisie nói.

“Cũng có thể,” nội Bone đá cái túi ngủ của Benjamin. “Nhưng ta muốn được hỏi ý kiến. Điều ta không thích là loại cha mẹ vô trách nhiệm thấy con cái tùy tiện cho những hàng xóm phải chịu đựng lâu dài.”

Benjamin nhăn mặt và ngoại Maisie đáp. “Nói thật, Grizelda! Bà ăn bánh quy đi.”

Phớt lờ đi, nội Bone hỏi. “Lần này lý do biện hộ là gì?”

Thực hiện một nỗ lực siêu nhân nhằm giữ bình tĩnh, Charlie nói “Xin lỗi, bà nội, tại cha mẹ Ben được tặng vé xem phim rất hay, chỉ cách đây nửa giờ, và Ben không thể đi vì đó là phim dành cho người trên mười sáu tuổi, thành ra cháu nghĩ nó có thể ngủ ở đây tối nay.”

Nội Bone lườm Charlie mất mấy giây trước khi phán, “Cá hồi cho cả hai tụi mày,” rồi trôi tuột đi.

Ngoại Maise khê khàng. “Các con không cần phải ăn cá hồi. Nội Bone không ở đây. Tối này bà ta ra ngoài. Bà sẽ đem cá cho con mèo nhà bên.”

Charlie và Benjamin vừa lên lầu thì chiếc xe của bà cô Eustacia hụ còi rít rú lao tới đường Filbert. Lén dòm hí qua bậc cửa sổ, bọn con trai thấy nội Bone, tím rím từ đầu tới chân, leo vô ngồi trên ghế hành khách. Băng ghế sau của xe hình như đã đầy người, và khi chiếc xe lao phập, phập khỏi lề và rít rú trên đường lằn nữa, chúng thấy một gương mặt nhỏ tẻo tẹo, xanh xao từ cửa sổ sau xe ngó trên trên ra.

“Bảo đảm họ sẽ mang Eric đi họp mặt.” Charlie nói.

“Tội nghiệp.” Benjamin chép miệng.

Sau bữa tối cực ngon với trứng bác và đậu, thêm một giờ coi tivi, mấy thằng bé trở lên phòng của Charlie, đúng lúc để quan sát cô và chú Brown rời ngôi nhà số 12. Cô Brown vẫy tay vui vẻ với chúng khi cô leo lên xe. Chú Brown tươi cười với hai thằng nhỏ trên khung cửa sổ rồi lái đi, chuyên nghiệp hơn bà cô Eustacia nhiều.

“Mình hy vọng mẹ sẽ ổn.” Benjamin lo lắng.

“Dĩ nhiên sẽ ổn mà.” Charlie trấn an. “Mẹ của bồ là thám tử tài ba nhất nước đó”.

Đúng vậy thật.

19. Chương 17 - Phần 2

Chú Brown chọn đại lộ Argos, nơi những ngôi nhà và vườn tược ẩn sau những hàng rào thường xuyên cao ngoài đường không trông thấy được. Chú đậu bên cạnh một gốc cây tiêu huyền thật to và nhìn ra đường bằng đôi mắt tinh tường mà chỉ những thám tử lão luyện nhất mới sở hữu được. Đồng thời cô Brown gấp rút hoàn tất việc hóa trang, đội tóc giả lên rồi thay tấm áo khoác mùa đông hàng ngày của cô để mặc vào chiếc áo khoác lông thú hơi bốc mùi và bị mối ăn. Một cái túi nhựa đựng miếng giẻ tẩy chloroform (một loại chất gây mê) được nhét vô túi áo, túi kia cô cất một cái kéo cực sắc và một lọ muối gừng. Loại muối hóa chất này nhằm giúp cô hồi tỉnh khỏi bất kỳ cú ngất nào có thể chế ngự cô sau quá nhiều kích động.

Nữ thám tử dừng cảm dứt chân vô đôi giày đặc biệt, hôn chồng một cái và nhảy ra khỏi xe.

“Trông em thế nào?” Cô Brown chu miệng qua kính chắn gió nói với chú Brown.

Chú Brown giơ ngón cái lên. Tần ngần nhìn vợ khuất dần, chú lái xe rất chậm rãi đằng sau cô trong khi cô đi xuôi đại lộ. Khi cô đi đến khúc rẽ vô đường Piminy thì một toán ba người từ bên lề đường xô ra, che khuất tầm nhìn thấy chồng của cô Brown. Chú Brown lo lắng. Ba kẻ đi đằng sau vợ chú đều to như hộ pháp, bước đi chệch choạc, rải những bước thấp bước cao.

Chú Brown dừng xe ở đầu đường Piminy. Chú không dám lái đi xa hơn nữa, vì sợ lôi kéo sự chú ý và làm nảy sinh những cơn tò mò. “Chúc may mắn, Trish dừng cảm,” chú thì thầm.

Những nhóm người khác lúc này cũng bắt đầu xuất hiện từ những ngôi nhà trên đường Piminy. Họ lính ra từ sau những gốc cây, đi lướt qua cổng, ra khỏi những cửa nhà: im lặng, những hình hài nhập nhoạng, kín mít trong áo lông thú và mũ trùm đầu, tất cả đều di chuyển về hướng Nhà Nguyện Cổ.

Cô Brown nhận thức rõ những người lạ mặt đang đi cùng mình trên đường Piminy. Mất một thoáng cô hốt hoảng, nhưng rồi lại nghiêm khắc tự nhủ rằng, cho dù diện mạo thật của mình có bị phát hiện chăng nữa thì cũng không ai dám làm hại mình, như đã làm hại Tancred đáng thương và Billy bé bỏng.

Mọi người bây giờ đang đi qua cổng vòm thấp được tờ mờ của nhà nguyện. Cô Brown hòa vô đám đông và chìa thiệp mời ra. Nó được nhận bởi một người đàn ông cao to có hình những con voi in trên áo khoác.

Cô Brown tin chắc mình đã trông thấy người đàn ông này ở đâu đó rồi, nhưng cô chịu, không thể xác định được. Gã héch mắt nhìn cô một cái thật quái đản còn cô thì lệ làng đi tiếp. Lựa một chỗ ở mép ngoài hành lang ghế cuối cùng, cô ngồi xuống, thở phì phà phì phò. Ngồi cạnh cô là một bà lão có mái tóc đỏ rũ thẳng xuống và đôi má cao hóp tọp, bôi phấn quá lố. Nhìn bà lão này phải tới chín mươi tuổi cũng nên.

Cảm tình viên là những người kín tiếng khác thường. Họ lẳng lặng vô chỗ ngồi, không hó hé một lời, chỉ chào nhau bằng những tiếng ậm ừ và lẩm bầm khe khẽ.

Nhà Nguyễn Cổ không còn được sử dụng làm nơi thờ phụng từ lâu. Nó đứng u muội, bị bỏ hoang chơ vơ đã lâu đến nỗi cô Brown không thể nhớ nổi. Những cửa sổ đã bị đóng ván bít bùng và bàn thờ đã bị dỡ đi. Tại nơi đặt bàn thờ lúc này là những tấm rèm nhung màu xanh lá cây treo trên một cây sào dài bằng đồng. Khu vực dành riêng cho đức cha hành lễ và ca đoàn giờ trở thành sân khấu.

Hai hàng rào chắn bằng gỗ mà có thời ngăn cách bàn thờ với chỗ giáo dân ngồi giờ vẫn còn đó và hôm nay chúng được đánh bóng lộn. Dây leo màu xanh lá đậm xoắn xuýt dọc theo những thanh rào và thả rơi thành những lọn dài chấm hai bên cầu thang dẫn lên sân khấu, rủ xuống cả nền nhà lát đá phiến nứt nẻ, cập kênh. Ở bậc thang trên cùng, hơi chệch qua bên, đặt một bức phù điêu bằng đá. Đó là một vật gồm guốc với đôi mắt lồi phình ra, đôi tai dài vĩnh nhon lên và một cái miệng không răng. Cô Brown cố không nhìn vào nó.

Khi mọi chỗ ngồi đã đầy cả, gã đàn ông mặc áo in hình voi đóng cửa lại. Một khoảng im lặng trước những bước chân được nghe thấy, lọc cọc bên hông sảnh đường. Một phụ nữ xuất hiện ở phía trước. Mụ leo năm bậc thang lên sân khấu và quay mặt về phía khán thính giả.

Cô Brown nhìn người phụ nữ mà tuổi tác chỉ còn nước đoán già đoán non mà thôi. Mụ ta có thể ở bất kỳ tuổi nào giữa bốn mươi và tám mươi. Những lọn tóc xám xơ xác thông xuống vai, trên đầu mụ đội một vòng dây leo. Có những mảng thâm quầng dưới mắt mụ, cái mũi tím tái màu hoa cà và gương mặt hốc hác xám như tro. Mụ khoác áo chùng đen bóng ra ngoài tấm váy dài, nhoe sảng theo mỗi chuyển động của mụ.

“Chào mừng!” Người phụ nữ áo chùng đen bóng cất tiếng. “Thật hài lòng biết nhường bao khi thấy có nhiều người đáp lại lời kêu gọi của ta thế này. Để ta giới thiệu với những người chưa biết ta, ta là Titania Tilpin. Như các người, ta là con cháu trực hệ của Cái Bóng xứ Badlock, thầy bùa Harken.”

Một rì rầm ủng hộ lan gợn qua khắp cử tọa. Cô Brown phụ họa “À.”

“Như các người biết.” Titania tiếp tục. “Cái bóng đã xoay sở trở lại được, trong một thời gian rất ngắn, vào năm ngoái. Ngài đáng ra đã ở lại với chúng ta nếu không có sự phá bĩnh của một thằng oắt con cứng đầu là Charlie Bone. Charlie và lão già là ông cậu trời ơi của nó đã khám phá ra một bùa chú mà đẩy tổ tiên kính yêu của ta trở lại xứ Badlock, và bây giờ ngài không thể trở lại thế giới của chúng ta được nữa, bởi vì tấm Gương Thần trợ giúp sự hiện hữu của ngài đã bị bể, cũng bởi cái thằng Charlie Bone kia.”

Một làn sóng hoảng sợ bộc phát trong đài sảnh và một lần nữa, cô Brown cũng hòa theo bằng một tiếng bất bình “Hừ!”. Lần này cô cảm thấy mụ già bên cạnh quay sang và nhìn mặt về phía mình. Cô Brown hy vọng mình đã không làm gì quá trớn.

“Đừng đánh mất trái tim, các bạn hữu.” Titania véo von. “Ta chỉ muốn chỉ cho các người thấy một vật”. Mụ bước tới bên hông sân khấu chỗ có một bức tranh dựng đứng vô tường. Chộp lấy bức tranh, Titania lôi nó ra giữa sân khấu. Những tòa tháp đen ngòm và những ngọn núi trơ trọi của xứ Badlock nhất loạt kéo theo một tiếng thổ hốc thán phục từ đám đông. Cô Brown vẫn im lặng.

Một âm thanh quái gở, gợi trí tò mò từ bức tranh vọng ra. Cô Brown hầu như không tin vào tai mình. Đó là tiếng gió. Nhiều người ngồi hàng trước thật sự giữ chặt lấy mũ khi một cơn gió nhẹ rít qua sân khấu.

“Hãy nhìn xứ Badlock đây!” Titania kiêu hãnh nói. “Đích thân cái bóng đã vẽ bức tranh này, và nó chứa một sức mạnh vô ngần. Nó có thể hút vô bên trong những vật thể sống”. Trước khi ai đó kịp thổ hốc lên lần nữa, mụ giơ tay lên ra hiệu im lặng. “Và, các người phải tin rằng, có một thằng bé ở trong đó”, mụ vỗ vỗ bức tranh, “ngay lúc này. Một thằng bé mà cái bóng muốn giữ giùm một số bạn bè của ngài. Để đổi lại, những người bạn đó đồng ý giúp ta thực hiện sứ mệnh của mình, sứ mệnh của chúng ta,” mụ khoát tay khắp lượt cử tọa, “là sửa chữa Gương Thần Amoret, để cái bóng có thể trở lại dẫn đường chỉ lối và bảo vệ chúng ta, để tổng khừ kẻ thù của chúng ta và để thống trị mảnh đất này đúng như cái cách nó cần phải được thống trị.”

Một tràng pháo tay bùng nổ. Vài giọng cốc cần chỏi lên “Hiểu, hiểu!”. Cô Brown liếc nhìn lảng giềng ngồi cạnh mình và vỗ tay một cách lịch sự. Mụ già tóc đỏ xem ra không để ý đến cô. Mụ ta đang nhìn hau háu lên sân khấu, nơi Titania Tilpin đã có một phụ nữ cao, tóc đen, mặc áo khoác đỏ rừng rực lên đứng bên. Cái bà này dặt trên tay một thằng bé tẻo tẹo, trông vêu vào mặt áo jacket xanh da trời. Cô Brown nhận ra ngay lập tức đó là bà cô của Charlie, bà Venetia Shellhorn.

Bà cô Venetia phát biểu trước khán giả rằng mụ đến đây nhân danh dòng họ Bloor, những người đã đồng ý hỗ trợ Titania thực hiện sứ mạng đưa cái bóng trở lại. “Và bây giờ ta muốn giới thiệu báu vật nho nhỏ của ta,” mụ vừa nói vừa đẩy Eric ra trước sân khấu. “Đây là Eric, con trai chồng của ta. Nó có tài phép độc nhất vô nhị. Tài phép của nó đã được đưa vào sử dụng nhờ ông Melnett, thợ khắc đá, người mà cha của ông đã bị hủy diệt bởi tay luật sư Bittermouse”. Mụ dừng lời trong khi một tiếng gầm gừ ở hàng nhất dậy lên thành tràng chữ rủa điên cuồng. “Tên Bittermouse đã bị trừng phạt thích đáng và đến nơi đến chốn rồi, phải không?” Mụ mỉm cười với đám người gầm gừ và tiếp, “Nếu các người ở đây có mối thù gia đình cần báo, hoặc có mối ân oán chưa giải quyết xong, Eric và ông Melnett sẽ hợp thành một đội hoàn hảo, và họ sẽ sẵn lòng giúp đỡ các người. Bù lại chúng tôi sẽ chào đón sự hỗ trợ sửa chữa Gương Thần của các người. Ta biết trong số các người ở đây có đủ các thầy pháp,” đôi mắt đen của mụ rải đều khắp đám đông trước mặt “những phù thủy, những người phao tin đồn, những người chuốc độc, những kẻ biến hình và những kẻ chặn đứng tim.”

Một vài thành viên trong số khán giả (chắc là vừa được nhắc tới) nhúc nhích trong ghế của họ, bật ho hoặc khịt mũi.

“Có lẽ tài phép của các người đã ngủ yên quá lâu,” bà cô Venetia khuấy động. “Có lẽ các người sợ sử dụng nó trong thời đại ngày nay. Nhưng hãy xem Eric có thể làm gì cho các người”. Mụ tóm lấy thằng bé và giật ngược nó trở lại đứng trước mặt mụ. “Eric... tượng đá.”

Tất cả mọi con mắt đổ dồn về sinh vật đá dị hợm dựng ở đằng trước sân khấu. Eric ngó bức tượng. Gương mặt choắt của nó nhăn nhúm lại và một tiếng hự khan đục vuột ra khỏi lồng ngực nó. Bức tượng tự động nhấc những cái cẳng gầy bằng đá lên, ngả ngón bước xuống những bậc thang và dừng lại ở bậc cuối cùng.

Lần này tiếng vỗ tay hình như hơi bị kìm nén lại. Không bao giờ nên ấn vô đầu thằng bé về tài phép được tung hô quá mức ấn tượng của nó.

Bà cô Venetia mỉm cười đầy lượng thứ. “Ta chắc chắn nhiều người trong các người có tài phép ghê gớm không kém. Nhưng nếu các người cần Eric, các người có thể liên hệ với ta tại số 13, Ngách Tối. Giờ...” mụ nói lời cuối cùng với một tiếng thở dài ngập tràn cảm xúc. “Titania sẽ đãi các người một điều đặc biệt hơn.”

Bà cô Venetia và Eric đứng dạt qua một bên để cho Titania Tilpin trôi ra giữa sân khấu. Có thể xét theo vẻ kích động lấp lánh trong mắt mụ mà nói thì, mụ đã dành màn trình diễn đặc biệt này cho phút chót. Mụ thết đãi khán giả một nụ cười rộng ngoác, buồn thay phô ra vài cái răng khuyết. Tiếp đến, từ những nếp gấp trong áo chùng của mình, mụ lôi ra một chiếc gương. Vung vẩy chiếc gương với điệu bộ gây chú ý, mụ thết vang. “Gương Thần Amoret.”

Đó là một món tạo tác đẹp đến hấp hồn. Cái khung khảm châu báu lóa lên hàng ngàn sắc màu, và tấm kính dù bị nứt, tỏa ra thứ ánh sáng chói lóa siêu phàm. Cầm cán gương bằng tay phải, Titania khê đặt tấm gương vô lòng bàn tay trái và soi chăm chăm vô trong đó. “Chúng ta không thể có bá tước ở bên chúng ta,” mụ nói bằng giọng đùng đục, “nhưng mà hồi bạn hữu,” mụ nhìn ra khán giả, “ta có thể tiếp cận ngài.”

Một sự im lặng sâu thẳm đậu xuống khán thính giả.

Ánh mắt Titania trở lại chiếc gương. “Hồi bá tước Harken,” mụ gọi với giọng bông bênh, “thần van xin ngài... hãy để mắt tới kẻ hậu sinh khiêm nhường của ngài.”

Như mọi người, cô Brown trốn mắt nhìn vô chiếc gương. Những gì cô thấy ở đó làm cô chơi với đến tận xương tủy. Một màn xương màu xanh lá cây ủa ra từ chiếc gương. Khi phụt lên cao nó phình ra thành một đám mây dày, bốc mùi quỷ ám. Titania vung vẩy chiếc gương vài lần cho tới khi đám mây tách hẳn ra. Mụ mỉm cười với cái màn gương rồi quay mặt nó ra cho khán thính giả thấy, đầu và hai vai của một người đàn ông bắt đầu hình thành trong gương – hẳn ta mặc áo khoác màu xanh lá cây và mái tóc màu nâu xám tiếp xúc với khung gương bằng vàng. Mặt hần phô bày vẻ kiêu căng và tàn bạo đến mức cô Brown không thể

kìm nén được một tiếng kêu nhỏ. Cái bóng dường như đang nhìn thẳng vào cô, và cô chắc chắn lão có thể nhìn thấy cô.

Cô Brown bỗng cảm thấy muốn xỉu. Cô rút tay vô túi áo và rút ra gói chloroform. Suýt nữa tự gây mê mình, cô tỉnh linh nhận ra sai lầm chết người đó, vội đẩy gói chloroform vô và giật lọ muối ngửi ra để dưới mũi. Mụ già bên cạnh bất chợt chớp lấy cánh tay cô Brown và lọ muối ngửi rơi xuống nền nhà.

“GIÁN ĐIỆP!” Con mụ tóc đỏ la bai bai. “LỪA ĐẢO! THÍCH KHÁCH! KẼ THÙ!”

Cô Brown bật đứng lên khỏi ghế, lao ra cửa. Vài thân hình lực lưỡng đứng lên.

“Chặn nó.” Titania hét.

Gã đàn ông áo in voi túm lấy cánh tay cô Brown, ngay lúc cô giằng ra định tóm tay nắm cửa. Cô bèn chọc cái kéo vô đùi gã bằng một tay và ụp chloroform vô miệng gã bằng tay kia. Gã hộ pháp loạn choạng ú ớ và cô Brown liền mở tung cánh cửa.

Đến lúc này, thêm nhiều khán thính giả nữa đuổi theo cô sát gót. Cô Brown phóng ra khỏi nhà nguyện và chạy như bay trên đường. Dù đi đôi ủng độn cao nhưng cô vẫn chạy nhanh như thỏ. Bàn chân bay của cô đã cứu cô biết bao nhiêu lần khỏi những tình huống bí bách như thế này, nhưng quá trễ rồi, cô nhận ra mình đã chạy xa khỏi đại lộ Argos chứ không phải chạy về hướng đó. Mất phương hướng, nhưng vì đường Piminy quẹo cua đột ngột ở khoảng giữa và cô Brown nhận thấy rằng nếu dẫn tới trước một cách mau lẹ, cô có thể rẽ vô khúc quanh đó trước khi bọn người truy đuổi kịp thấy cô núp sau một bức tường hay một hàng rào.

Nhưng, ối trời đất, làm gì có tường hay hàng rào. Ngoài vài mái hiên hẹp xít, hầu hết cửa nhà đều mở thẳng ra vỉa hè. Cô Brown có thể nghe rõ mồn một tiếng la hét đằng sau. Tiếng la càng ác liệt hơn. Những tiếng la thét cuồng nộ, khát máu và chủ nhân của những tiếng la đó sắp tóm được cô.

Bất thành linh, trước khi đủ thời gian để thở một hơi, cô Brown bị tóm chặt ngang eo và bị lôi tuột vô một ngôi nhà tối. Cô hét kinh hoàng.

Cánh cửa đóng sầm lại và một giọng phụ nữ khê bảo, “Lẹ lên cưng. Ta cứu cô, chứ không giết cô.”

20. Chương 18

Chu du cùng với con trăn

Benjamin tỉnh dậy quá sớm. Nó có thể nghe thấy tiếng Hạt Đậu sữa om. Có gì đó trục trặc rồi. Trời vẫn còn tối mù và Charlie đang ngủ say. Benjamin mò mẫm quần áo và mặc vô thật lẹ. Nó vừa định mở cửa thì Charlie thức giấc.

“Ben, bồ đó hả?” Charlie ngái ngủ.

“Mình về nhà đây,” Benjamin thì thầm. “Hạt Đậu đang sữa. Mình muốn xem coi mẹ mình có ổn không.”

Bỗng nhiên tỉnh như sáo, Charlie nhảy tót khỏi giường và bật đèn lên. “Đừng đi mà không có mình, Ben. Mình muốn biết chuyện gì đã xảy ra.”

Khi Charlie mặc đồ xong xuôi, hai thằng bé rón rén xuống lầu, rời khỏi nhà. Đường Filbert vắng tanh và lặng ngắt. Hạt Đậu đã ngừng sữa, nhưng có một ngọn đèn sáng trong hành lang nhà số 12.

Giữa lúc quá tất bật và hồi hộp vào buổi tối hôm trước nên Benjamin đã quên mang theo chìa khóa cửa nhà. Nó nhấn chuông và Hạt Đậu lại sữa nặng lên. Thoáng sau, chú Brown mở cửa ra nhưng vẫn còn để sợi dây xích giằng ngang. Chú nhìn qua khe hở chừng mười xăng-ti-mét và hỏi “Ai đó?” bằng giọng đồng dục, thách thức.

“Tụi con đây, ba.” Benjamin ghé sát mặt vô khe hở “Cho tụi con vô, đi.”

“Tụi con là ai?” Ba nó hỏi.

“Charlie và con. Tụi con muốn biết coi mẹ có ổn không.”

“Là cháu đây chú Brown.” Charlie kiễng chân lên và nhìn qua đầu Benjamin.

“À. Thấy rồi.” Chú Brown tháo sợi dây xích ra và mở cửa. “Nhanh lên. Vô đi. Coi chừng chúng theo dõi ba mẹ đó.”

“Ai ạ?” Charlie hỏi, khi nó theo Benjamin và chú Brown vô nhà bếp.

“Bọn chúng,” chú Brown đáp. “Chú chẳng thể nói thêm gì hơn thế.”

Cô Brown đang ngồi bên bàn ăn. Cô đã mặc váy thường nhật và áo lạnh của mình nhưng chưa tẩy trang kỹ lắm. Trán cô vẫn còn những đường kẻ màu xám giả làm nếp nhăn, với một bên má hồng và một bên má trắng. “Mới có 5 giờ mà,” cô vừa nói vừa ngáp. “Các con làm gì ở đây?”

“Hạt Đậu đánh thức con dậy,” Benjamin nói. “Với lại tụi con muốn biết có chuyện gì xảy ra với mẹ.”

Ấm nước sôi và chú Brown rót ra bình trà, chú nói, “Đó là một câu chuyện dài lắm, các con. Mẹ con đã bị rượt đuổi ngoài đường, Ben à. Mẹ phải ở gần hết nửa đêm tại nhà một bà thợ rèn tên là bà Kettle.”

“Bà Kettle?” Charlie kêu lên. “Bà ấy là bạn đó ạ.”

“Đúng thế, Charlie,” cô Brown nói. “Chắc chắn cô đã không thể còn ở đây nếu không có bà ấy.”

Chú Brown trao cho tất cả mỗi người một tách trà và trong khi nhấp trà cô Brown bắt đầu kể về cuộc phiêu lưu dựng tóc gáy của mình. Rốt cuộc Charlie đã biết bức tranh ở đâu, và như thế nào; trong bộ đồ bảo hộ và chiếc mũ vải của bà Kettle, cuối cùng cô Brown mới thoát khỏi lũ người độc ác để tới được chỗ chồng mình - chú đang đợi chờ cô trở lại với vẻ đau đớn và lo lắng tột cùng.

“Mẹ không biết bọn người đó là ai,” cô Brown nói, uống nốt tách trà của mình, “nhưng mẹ chắc chắn bọn chúng là đám người cực kỳ ác độc và hung mãnh. Bà Kettle tin rằng bọn chúng đã ém lực lượng ở đường Piminy nhiều năm rồi. Đang chờ thời cơ, chờ ai đó như mụ Tilpin đến xúi giục bọn chúng hành động.”

“Chắc chắn bây giờ bọn họ bị xúi giục rồi,” chú Brown nói.

“Vây là bức tranh ở trong Nhà Nguyễn Cổ,” Charlie tự lự.

“Charlie, cháu không thể tới đó đâu đấy,” cô Brown tuyên bố, “nó không an toàn đâu.”

“Nhưng cháu phải tới đó,” Charlie tranh luận. “Cháu phải cứu Billy khỏi bức tranh.”

Cô Brown gơ tay lên và nhìn chồng.

“Chúng ta sẽ nghĩ một cách khác, Charlie,” chú Brown nói. “Chúng ta sẽ bàn thật kỹ để tìm ra một giải pháp cho cháu. Chúng ta luôn luôn tìm ra giải pháp nếu chúng ta chú tâm vào việc gì đó, phải không Trish?”

“Dĩ nhiên rồi.” Cô Brown cười với Charlie. “Điều tốt nhất cháu làm bây giờ, là trở về nhà và ngủ thêm đi. Rồi sau đó cháu sang đây cũng được, khi cô chú đã có thời gian suy nghĩ kỹ hơn.” Cô nhắm mắt lại và ngáp một cái thật dài.

Charlie hiểu ý cô. “Dạ.” Nó đứng lên và Benjamin tiễn nó ra cửa trước.

“Đừng làm gì mà không có mình đấy nhé, Charlie?” Benjamin nài nỉ.

“Ừ, nếu mình có thể được,” Charlie nói.

Nhà số 9 vẫn tối om. Charlie lỉnh vô và nhón chân lên phòng nó. Nó nằm xuống giường, vẫn còn mặc đồ, biết rằng cho tới đêm hôm sau mình cũng sẽ không tài nào ngủ lại được. Nó đã quyết định: Phải đi vô bức tranh trước khi bức tranh lại bị dời chỗ lần nữa. Nhưng làm sao nó đi tới đường Piminy mà tránh được những cảm tình viên hung hãn đang rình nó? Và đó chỉ là vấn đề nhỏ nhất trong những vấn đề mà rất có thể nó sẽ gặp phải. Nhà Nguyễn Cổ sẽ bị khóa, bảo đảm là thế, thậm chí Charlie có xoay xở đi vô được đằng cửa sổ, thì chắc gì nó sẽ lại đi vô được bức tranh.

“Nhưng tớ biết tớ có thể,” Charlie thì thào vô bóng tối, “bởi vì bò sẽ giúp tớ, Claerwen à.”

Một đốm sáng di chuyển trên không phía trên đầu Charlie và đập xuống cánh tay nó. Claerwen chỉ đơn thuần đáp lời gọi tên cô nàng, hay ý cô nàng bảo với Charlie là cô nàng sẽ giúp được?

“Tớ có một ý này,” Charlie nói với con bướm trắng. Nó tuột khỏi giường, bật đèn lên và viết một bức thư nhắn cho ngoại Maisie. Mẫu thư ghi:

Con và Benjamin tới tiệm sách

Tạm biệt, ngoại Maisie

Thương yêu ngoại,

Charlie.

Charlie không thích nói dối ngoại Maisie, nhưng bà sẽ lo lắng nếu bà nghĩ nó đi một mình. Nó chỉ hy vọng Benjamin sẽ không tìm nó sau bữa sáng.

Charlie để mẫu thư nhắn trên bàn bếp, nơi ngoại Maisie chắc chắn sẽ nhìn thấy. Bà luôn dậy trước nội Bone.

Bình minh lờ lờ hiện ra. Một tia sáng mong manh trên đường chân trời nhưng đường phố vẫn tối, không khí lạnh căm căm. Charlie bắt đầu chạy. Trước khi tới tiệm sách nó phải đi qua mí cuối của đường Piminy và nó ớn đoạn đó lắm. Đi gần tới chỗ quẹo vào ngõ Nhà Thờ Lớn bỗng nhiên nó có cảm giác như ai đó đang đi theo mình. Nó dừng chân và quay lại, rất chậm. Thì ra: Dương Cừu, Sư Tử và Nhân Mã, những cái chân chắc mập của chúng nẩy trên sỏi, đầu chúng ngẩng cao và đuôi dựng đứng, lông rục rờ nổi bật trong ánh trời tờ mờ sáng.

“Ồ chào, những con mèo lửa!” Charlie khẽ gọi. “Cảm ơn vì hộ tống mình nhé.” Nó đường hoàng đi qua khúc cua đường Piminy và dần bước tới tiệm sách.

Chuông nhà thờ gõ bảy tiếng đúng lúc Charlie tấp vô quảng trường. Đến 9 giờ cô Ingledew mới mở tiệm. Charlie tự dừng thấy mình ngớ ngẩn. Nhưng khi ngó vô tiệm sách tối mù mù, nó chắc chắn nghe thấy có tiếng người. Nó nhấn chuông.

Những con mèo lửa bước nhẹ tênh qua quảng trường và ngoái nhìn lại Charlie từ xa. Cô Ingledew mặc áo ngủ màu đỏ từ nhà trong đi ra tiệm và đứng sau quầy. Cô ngó lom lom Charlie qua cửa sổ, không nhận ra nó.

“Là con đây, Charlie,” nó gọi.

Cô Ingledew xoẹt ra cửa cái và mở khóa. “Con làm cái quái quỷ gì ở đây vào giờ này thế hả?” Cô hỏi, không tử tế cho lắm.

Những con mèo lửa, hài lòng rằng Charlie đã an toàn, nên đi lo công việc của chúng.

Charlie bước xuống những bậc thang vô trong tiệm. “Con phải cần một lúc mới giải thích hết được.”

“Con nên vô ăn sáng một chút đi đã.” Cô Ingledew dẫn nó đi qua phòng khách và vô nhà bếp nhỏ ở nhà sau. Charlie ngạc nhiên thấy Olivia và Emma đang ăn trứng luộc. Hay đúng hơn, Olivia đang ăn. Emma chưa hề đụng vô phần trứng của nó.

“Chào! Mấy bồ đang ăn sáng cho một ngày thứ Bảy nha,” Charlie nhận xét.

“Còn đằng ấy thì cuộc bộ cho một ngày thứ Bảy,” Olivia đáp lại.

Emma ngẩng gương mặt buồn so lên nói, “Mình không thể ngủ được, và điều đó khiến cho mọi người cũng không ngủ được luôn. Bồ ăn trứng nhe, Charlie?”

Charlie động lòng vì vẻ mặt sầu bi của Emma đến nỗi nó không biết nói gì. “Không... ờ, có... ừ, chỉ bánh mì nướng,” nó lảm nhảm.

“Đừng choáng thế Charlie,” Olivia tru tréo. “Đằng ấy sẽ cảm thấy như thế nào nếu người mà đằng ấy thật sự quan tâm... ừm, rằng đằng ấy không bao giờ gặp lại người đó nữa?”

“Tớ sẽ buồn khủng khiếp,” nó nói, kéo ghế ngồi giữa bọn con gái. “Buồn khủng khiếp,” nó thêm. “Chính vì vậy mà mình ở đây.”

“Về Billy phải không?” Emma tuy sâu thẳm trong lòng nhưng con bé vẫn nhận ra những bất hạnh của người khác.

“Đúng ra là,” Charlie lựa lời, “là Billy vẫn có một cơ hội.”

“Nhưng Tancred thì không,” Emma rầu rĩ.

“Mình không có ý đó.” Charlie chồm người né qua bên khi cô Ingledew đặt một giá bánh mì nướng lên bàn. Nó bất chợt nhận ra mình không thể kể về cuộc họp của những cảm tình viên. Nếu cô Ingledew mà nghe về cuộc đào thoát trong đường tơ kẽ tóc của cô Brown khỏi đường Piminy thì chắc chắn cô sẽ ngăn Charlie khỏi cố gắng đột nhập Nhà Nguyễn Cổ.

“Chứ đằng ấy có ý gì?” Olivia hỏi, quắc mắt với Charlie.

“Đừng nhìn tớ như thế,” Charlie than vãn. “Chắc chắn mấy bồ nghĩ tất cả do lỗi tại mình mà Tancred... chết đuối. Nhưng tớ đã không biết anh ấy sẽ đi gặp Darbert trong Phòng Điều Khắc. Tớ bị nhốt. Tớ không thể làm gì được cho chuyện đó.”

“Tụi này không đổ lỗi cho bồ, Charlie,” Emma nhỏ nhẹ. “Bồ định cứu Billy một lần nữa phải không?”

Charlie ngần ngừ. Nó không thể nhắc tới Nhà Nguyễn Cổ khi cô Ingledew cứ lượn lờ đằng sau. “Không phải vì mình đã tìm thấy Claerwen,” nó nói.

“Tìm thấy cô nàng rồi à? Sao đằng ấy không nói?” Olivia nạt nộ.

“Mình quên.” Charlie thọc tay vô túi và cảm thấy những cái chân mỏng mảnh của con bướm trắng chạm vô đầu ngón tay mình. “Đây này.” Nó lôi cô nàng ra và đặt lên hũ mứt cam, ở đó đôi cánh bạc của cô nàng bắt ánh đèn trên trần nhà.

Cuối cùng cả hai đứa con gái cũng toét miệng cười. “Hààà!” Chúng thở ra.

“Nó đẹp quá,” cô Ingledew nói, ngồi xuống đối diện Charlie. Cô vuốt mái tóc dài màu hạt dẻ của mình ra sau và hỏi: “Ông cậu của con đã về chưa, Charlie?”

“Chưa. Nhà con không biết ông đang ở đâu.” Charlie nhún vai. “Ngoại Maisie cố gọi di động cho ông, nhưng không bao giờ có hồi đáp. Bọn con nghĩ ông ở cách đây hàng trăm dặm, ở đó không có sóng. Thật sự, con ước gì ông cậu về.”

“Cô cũng mong vậy.” Cô Ingledew nhìn sững con bướm trắng như mê đi mất một phút, và rồi cô đứng lên và đỏ mặt nói. “Cô phải thay đồ đây. Cô còn phải làm việc nữa.”

Ngay khi dì nó rời khỏi phòng, Emma thì thào. “Tớ nghĩ dì nhớ ông cậu của bồ hơn là tớ tưởng.”

“Chính xác,” Olivia đồng tình. “Tại sao họ không lấy nhau đi?”

Charlie không biết trả lời vụ này thế nào. “Mình nghĩ mình đi đây,” nó nói. “Mình đi đằng cửa sau được chứ.”

“Sao bồ muốn đi lối đó?” Emma hỏi.

“Tại sao đằng ấy tới đây sớm thế này? Để làm gì?” Olivia nói. “Chỉ để khoe tụi này con bướm thôi sao?”

“Mình đi tới Nhà Nguyễn Cổ ở đường Piminy,” Charlie hạ thấp giọng. “Mình muốn đi cửa sau để không ai trông thấy mình. Bức tranh ở đó.”

Olivia nhướn cặp mắt lên. “Đây cũng nghĩ việc đó phải làm bây giờ là đúng.”

Hai đứa con gái đi theo nó ra cửa sau ở cuối nhà bếp.

“Bồ có thể khóa cửa lại sau khi tớ đi qua,” Charlie nói, bước ra cái sân nhỏ ở nhà sau của tiệm sách.

“Bồ sẽ không trở lại bằng đường này à?” Emma hỏi.

“Ừm. Không biết. Mình sẽ gõ cửa nếu mình về.” Charlie len lỏi đi qua những thùng rỗng dùng để đựng sách tới cánh cổng ăn vô tường. Cánh cổng gỉ sét do ít sử dụng rít lên âm ỉ khi Charlie mở ra và đóng lại.

Giờ nó đã lọt vô con hẻm hẹp chạy giữa sân sau của đường Piminy và ngõ Nhà Thờ Lớn. Bọn con gái nghe thấy tiếng nó đi trên lối sỏi nhấp nhô một hồi lâu sau khi buổi sáng tối trời nuốt chửng lấy nó.

Emma thầm thì. “Mình không thích thể này tí nào, Liv. Trời chưa sáng mà mấy người sống ở đường Piminy thì...”

“Nguy hiểm,” Olivia nói lời. “Mình nghĩ tại mình phải liên lạc với những người khác.”

“Ai? Fidelio thì đi biểu diễn ở đâu đó. Gabriel đang chạy khắp thành phố để thu thập đơn kiến nghị. Còn Tancred...” Emma thở dài. “... không thể, và Lysander... A, Lysander!”

“Chính xác,” Olivia tán thành.

“Đúng, dĩ nhiên, Lysander.” Emma theo Olivia trở lại nhà bếp, cảm thấy bớt lo phần nào.

Charlie đang băng qua mảnh sân gạch đằng sau Tiệm Ấm thì có ánh lửa xanh thành linh nháng lên thấp sáng cửa sổ lò rèn. Bà Kettle rõ ràng đã bắt đầu làm việc sớm. Thật yên lòng khi biết bà ở gần bên. Charlie tự hỏi tại sao nó không nghĩ tới bà Kettle từ trước. Nó đi tới cửa sổ lò rèn và ngo vô.

Bà thợ rèn, trong bộ đồ bảo hộ và đeo kính bảo vệ mắt, hình như đang rèn một cái quai ấm lớn. Khi thấy Charlie bà sững sốt, liền đặt que hàn xuống và đi ra cửa sau.

“Cùng làm cái trò chết tiệt gì ở đây, Charlie Bone?” Bà hỏi, tháo kính bảo hộ ra.

Charlie len lén nhìn ra sau vai và thì thào. “Cháu đang trên đường tới Nhà Nguyễn Cổ.”

“Ta có thể đoán được lý do,” bà Kettle nói. “Cô Brown đã kể hết cho ta nghe rồi. Vô đây một phút đã, Charlie.”

Charlie bước vô lò rèn ấm áp. Chính tại nơi này bà Kettle đã rèn thanh gươm bất khả chiến bại mà hiện nay Hiệp sĩ Đỏ đeo bên mình. Có những thanh gươm khác treo trên các bức tường, Charlie nhìn chúng với vẻ hể hả - những dụng cụ lớn đó, không nghi ngờ gì, có thể gây ra những sự tổn thất đáng kể.

Bà Kettle gom mấy món đồ lặt vặt của mình lại và cất tất cả vô cái túi đựng đồ nghề bằng vải bạt. “Lúc này cưng đã nghĩ đến cách thức đi vô nhà nguyện đó như thế nào chưa, Charlie?”

“Cháu có nghĩ, nhưng không có được kết luận rõ ràng,” Charlie thú nhận.

“Ồi không. Bộ cưng định sẽ đợi cho đến lúc tới đó để rồi bị bắt, bảo đảm là trong khi cưng đang đứng suy nghĩ à. Ồ ồ, cưng cần cái này ngay từ lúc ban đầu.” Bà giơ ra một cái kim trông to phát ón.

Charlie ấn tượng quá chừng. Bà Kettle không những không cố gắng khuyên can nó đừng vô nhà nguyện mà bà còn giúp nó nữa. Nó không thể không toét ra cười.

“Đây là một việc nghiêm trọng, Charlie,” Bà Kettle cảnh báo nó. “Chúng ta phải rất, rất cẩn thận.”

“Dạ thưa bà Kettle.”

“Còn nữa. Cứ chờ đây.” Bà đi qua cánh cửa nặng nề vô tiệm và một thoáng sau thì trở lại, mang theo một cái giỏ có dây nắp. “Solomon. Cưng sẽ cần nó,” bà nói.

“Con trần?” Charlie lùi lại một bước. “Sao vậy ạ?”

“Chứ cưng nghĩ tại sao nào? Vô hình sẽ là một thuận lợi vô cùng lớn lao ở một nơi như xứ Badlock, có đúng không?”

“Dĩ nhiên,” Charlie đồng ý. “Đúng ạ. Nhưng cháu không thể nói chuyện với Solomon. Chỉ có Billy mới nói được.”

“Hãy sử dụng con bướm của cưng. Chúng hiểu nhau mà. Cả hai đều cổ xưa, cả hai đều biết Vua Đỏ.”

Bà Kettle tỏ rõ sự can đảm và cương quyết, Charlie thấy mình đón nhận cái giở mà không nói một lời nào nữa. Họ rời nơi an toàn của lò rèn và thận trọng đi qua con hẻm. Những ngôi nhà hai bên in bóng lên bầu trời lúc này đã sáng hơn. Màu xám xám dội xuống con hẻm rải sỏi ra tới tận cột đèn đơn côi đằng kia. Đó đây một khoảng sáng được trông thấy trong một ô cửa sổ - cư dân của ngõ Nhà Thờ Lớn đang thức giấc, nhưng nếu dân chúng của đường Piminy có tỉnh dậy thì họ cũng không tỏ ra một dấu hiệu gì.

“Tối rồi, cưng.” Bà Kettle thì thầm.

Hai người tới một bức tường dây leo chằng chịt, nơi có cánh cửa gỗ mở một nửa ra con hẻm.

“Ồi may phước - chúng thậm chí không buồn đóng cửa lại,” bà thợ rèn nhận xét bằng giọng thật thấp. “Ta không cần phải dùng cái kim này nữa. Vô đi, Charlie.”

Họ vô nhà và đi chừng vài mét thì bị một bức tường chặn lối vô khoảng sau nhà nguyện. Charlie không thể thấy cánh cửa nào. Cao phía trên nó, một cửa sổ hình vòm bị đóng kín bằng những tấm ván dày. Nó tự hỏi làm sao mà đi tiếp được.”

“Đi vòng bên hông,” bà Kettle giật ống tay áo Charlie và nó đi theo bà quanh ra bên hông một toàn nhà.

Bước khễ trên lối đi rải sỏi, họ tới mộ cánh cửa sơn màu xanh lá cây tươi rói. Một ổ khóa to sụ treo bên dưới tay nắm cửa.

“Cái này dễ hơn ta tưởng,” bà Kettle nói. Quỳ xuống bên cạnh cái cửa, bà lấy từ trong túi đồ nghề ra một vòng kim loại có mấy cái ngàm sắt mỏng. Tra một ngàm sắt vô ổ khóa, bà vặn nó một lần, hai lần, ba lần. Một màn bụi xanh da trời phun tóe ra, một tiếng tách nhỏ và ổ khóa bung mở.

“Giờ đến cái tiếp theo.” Bà Kettle vỗ cái lỗ khóa bên cạnh tay nắm cửa. Cái này đòi hỏi phải dùng cái ngàm hơi to hơn. Bà thợ rèn xoay nó hai lần trong lỗ khóa. Lần này bụi bay ra có màu hồng và tiếng cách mở rền to hơn. Bà Kettle đứng lên và xoay nắm đấm. Cánh cửa mở vô trong và Charlie thấy mình đang đứng trên lối vô một sân khấu phủ chi chít dây leo.

“Đó!” Bà Kettle chỉ một tấm bạt lớn dựa vô bức tường ở góc xa của sân khấu.

Charlie thấy mình không sao nhúc nhích được.

“Đi đi, Charlie,” bà giục. “Cưng không có nhiều thời gian đâu. Trời sắp sáng rồi.”

“Cháu không thể,” nó lắp bắp khản đặc. “Có gì ở trong đó. Có gì đó chặn cháu lại.”

“Kẻ ác đó,” bà Kettle nói điềm nhiên. “Những kẻ ác độc như thế thường có khuynh hướng tung ý nghĩ của chúng đi khắp nơi, để những người như chúng ta không thể thở được không khí mà chúng ta đã hít thở rồi. Nhưng cưng có thể làm được Charlie. Cưng có đũa phép của ngài Mathonwy. Nó sẽ đưa cưng vượt qua.”

Con bướm đã bay ra khỏi túi áo Charlie và đang bay xà quần trên đầu nó, như thể cô nàng biết rằng đã đến lúc cần đến sự trợ giúp của cô nàng.

Charlie bước chậm rãi qua sân khấu. Nó đặt cái giỏ xuống và quay bức tranh lại cho đối mặt với mình. Một lần nữa nó cảm thấy cơn chóng mặt vì nhìn vô một thế giới kinh khủng vậy.

“Con trần, Charlie!” Bà Kettle khễ nhắc. Thân hình to lớn gần choán hết cánh cửa của bà khiến Charlie lập tức can đảm dâng trào và nó mở cái giỏ. Con trần xanh da trời trườn ra và ngúc ngoắc cái đầu có lông chim trên không.

“Claerwen, nói con trần tớ muốn vô hình,” Charlie bảo. “Anweledig,” nó thêm, nhớ ra là nên dùng tiếng xứ Wales. “Và tốt hơn bỏ hầy bảo chính nó cũng vô hình luôn. Con trần anweledig.”

Con bướm đậu lên túm lông của con trần. Một cảnh tượng kỳ khôi. Cô nàng đang nói với anh chàng bằng ngôn ngữ phép thuật của mình chẳng? Xem ra nó có tác dụng, bởi vì con trần nhìn Charlie ra chiều dò hỏi rồi cúi đầu xuống và bắt đầu cuốn quanh bàn chân Charlie. Từ từ, bàn chân Charlie, trong đôi giày thể thao màu xám, bắt đầu biến mất.

“Tạm biệt, bà Kettle!” Charlie gọi.

“Chúc may mắn, Charlie,” bà đáp, bằng giọng nói dường như đã trôi xa.

Một cảm giác quái dị, nhìn thấy chính mình biến mất, nhưng không phải là không dễ chịu. Cú quẩn của con trăn mát mát và chắc, và Charlie nghĩ về nó giống như một vòng ôm thân tình. Khi cảm thấy mình đã hoàn toàn biến mất, nó nhìn trừng trừng vô bức tranh, chờ cho gió rền rú như lần trước.

Không có gì xảy ra. Không một tiếng thì thảo. Không một hơi thở. Charlie không được muốn ở xứ Badlock. Liệu cái bóng có nhận ra nó, Charlie, đang đứng mấp mé ngay mí thời đại của hắn?

“Claerwen, đưa tội mình vô,” Charlie thì thầm. Rồi lại dùng tiếng xứ Wales. “Dwi isie mynd mewn.”

Con bướm trắng bay xẹt ngang qua bức tranh. Cô nàng bay qua những toà tháp và những ngọn núi, qua những tảng đá và những bụi rậm, qua những đồng bằng sỏi đá. Cô nàng bay qua bầu trời thấp tè và đôi cánh quạt nhanh đến nỗi Charlie không còn nhìn thấy hình hài của cô nàng nữa - tất cả những gì nó thấy chỉ là một quầng sáng bạc, và nó phải dụi mắt trước ánh sáng rực chói đó. Nó có thể cảm thấy con trăn, nặng nề trên vai, và có gì đó trơn trượt bên dưới bàn chân.

Khi mở mắt ra nó đang chu du vùn vụt qua một khu rừng cây cối trĩu trĩu, những cành cây phủ đầy tuyết đông cứng. Và rồi, gió chướng nổi lên.

21. Chương 19

Con cộc không có tim

Mãi đến đêm Billy mới nghe thấy tiếng người khổng lồ. Nó đã hỏi Dorgo nhưng anh đầy tớ chỉ lắc đầu, nói về hồi tiếc, “Người khổng lồ bị giam rất lâu. Ông ta ở đây bị phạt. Nhưng ông ấy không làm ồn.” Người đàn ông nhỏ thổ đặt hai bàn tay lên cái mũ len, nơi Billy đoán là chỗ hai cái tai của anh và thêm, “Tôi không nghe thấy.”

Billy hỏi Matilda về người khổng lồ. Cô bé có vẻ lúng túng, “Ta có nghe nói đến người khổng lồ, nhưng ông ấy sống trong một tòa tháp trên đồng bằng. Ông ấy không phải là người khổng lồ thật sự, chỉ là một người rất cao lớn.”

“Dorgo biết rằng ông ấy đã bị mang tới cung điện này,” Billy nói. “Bạn không thể nghe thấy tiếng ông ấy à, Matilda? Giọng ông ấy rất yếu và buồn phiền.”

“Không.” Matilda nhìn trân trân Billy một hồi. “Có lẽ ngài có thể nghe thấy tiếng ông ta là vì ông ta từ thế giới của ngài, hay có lẽ...” cô bé nhíu mày suy nghĩ, “có lẽ đó là nhờ tài phép của ngài, Billy. Nếu ngài có thể nghe thấy tiếng ông ấy và hiểu được giọng nói của những sinh vật nhỏ xíu thì ngài cũng nghe được những lời không thể đến được với những người như ta.”

“Bạn nghĩ thầy bùa có nghe được ông ấy không?” Billy hỏi.

“Không nghĩ ngờ gì,” cô bé nói.

Họ đang ở trong phòng của Billy, chơi với những món đồ chơi mà thầy bùa đã thiết kế riêng cho chúng: những hiệp sĩ thu nhỏ với những con ngựa thu nhỏ biết di chuyển khi nhấn nút, đặt trong một cái hộp gỗ nhỏ. Lũ ngựa mang đồ bịt móng nhỏ tị bằng bạc gắn vô bộ guốc màu ngà voi, và tiếng vó ngựa lộc cộc trên sàn gỗ luôn luôn khiến Matilda cười phá lên.

Hai đứa trẻ bây giờ đi đâu cũng có nhau. Billy chưa bao giờ thích ai như thích Matilda, có lẽ, ngoài Charlie. Nhưng Charlie vẫn chưa đến cứu nó. Matilda vừa hiền vừa tốt bụng. Khi cô bé lắng nghe những câu chuyện của Billy về học viện Bloor cô bé luôn nhíu mày lo âu, và cuối câu chuyện thì luôn bảo, “Ngài không có nhà trong tương lai Billy. Bây giờ nơi đây luôn luôn là nhà của ngài.”

Và chắc hẳn Billy sẽ đồng ý như vậy. Chỉ đến khi nghe thấy giọng nói trầm bổng của người khổng lồ vang đi khắp tòa nhà tối tăm thì Billy mới thoảng nghĩ ngờ. Nó không thuộc về nơi này, trong cung điện lạc thời này, với những đồ chơi bị yểm bùa và đồ ăn phù phép của thầy bùa này.

Đến đêm thứ tư, giọng của người khổng lồ khản thiết đến độ Billy bật ra khỏi giường và kiễng chân đi ra cửa. Nó nhìn ra hành lang. Dorgo hình như đã ngủ gật. Anh ta ngáy ầm ỉ. Để cửa mở hé, Billy lén đi ngang qua thân hình lùn chùn và chạy ra cầu thang. Không có gì khuấy động - tiếng của người khổng lồ là âm thanh duy nhất. Billy nhón bước xuống cầu thang. Khi tới chân cầu thang nó ráng chú tâm lắng nghe, cố đoán xem cái tiếng ấy vọng ra từ đâu. Và giờ, từng lời của người khổng lồ vang đến tai nó rõ mồn một. “Amoret! Amoret!” Ngài đang gọi tên vợ của ngài.

Có gì đó khiến Billy quay phắt lại. Đuốc đã tắt trong hành lang rải lông thú. Nhưng trong ánh sáng lạnh lẽo của những vì sao giả, quay tít trên trần nhà, nó có thể nhận ra những cái đầu góm ghiếc với những con mắt sáng quắc. Một ánh chớp bất thần nháng lên, Billy giật mình khiếp vía.

Thầy bùa đứng ở cuối hành lang đằng kia. Hắn ăn bận diêm dúa và chói lói đến nỗi mắt Billy gần như không chịu nổi khi nhìn tới. Hắn mặc áo chùng thêu bạc, thêm chiếc áo thụng xanh lá cây dài, kết kim cương. Lại thêm một cái mũ rực rỡ ngự trên mái đầu tóc vàng kim, và trên đầu cây đũa phép bằng ngà voi của hắn là một ngôi sao thủy tinh chiếu loá loá.

Billy cố ngoảnh mắt khỏi hình nhân chói lóa đó, nhưng nó không thể tránh được ánh nhìn của đôi mắt xanh lá cây đậm ấy. Chúng buộc Billy phải bước tới trước, đi trên thảm lông thú, tiến gần hơn, gần hơn đến chỗ lão thầy bùa.

Không một lời, lão thầy bùa đột nhiên rẽ vô một khung cửa mở rộng, Billy đi theo, nhưng thân hình chói lói đó đã biến mất, và Billy thấy mình đứng chơ vơ trong một khu rừng. “Ồ trong cung điện ư?” Billy tự hỏi. “Một khu rừng ở trong cung điện?” Nó theo một lối mòn len lỏi qua những hàng cây với những loại cành lá khác thường, nảy bần bật như cao su, sau đó nó ở trong một khoảng trống ngập ánh trắng. Nếu mặt trăng đang tỏa xuống chiếu sáng nó là giả thì mặt trăng đó được làm giả cực kỳ nghệ thuật, bởi vì Billy có thể thấy những thung lũng và khe núi hệt như ở trên mặt trăng mà nó thấy từ những cửa sổ trong thế giới thực.

Một con gấu bước vô khoảng trống: một con gấu đen, đi trên bốn chân. “Một con gấu ư?” Billy lầm thầm. “Nhưng xứ Badlock không có thú vật kia mà.” Và rồi sượt qua người nó, gần đến nỗi nó cảm thấy hơi thở nóng hổi của con vật. Trắng trổng đột ngột tràn ngập âm thanh, và ngược nhìn lên vòm cây, Billy thấy khỉ chuyền cành, chim chóc sặc sỡ bay qua kẽ lá và một con rắn lấp lánh cuộn tròn quanh các thân cây.

Một đàn nai đứng đĩnh đi vô trắng trổng. Chúng bắt đầu gặm cỏ sát ngay chỗ con gấu đang ngồi lả lơi liếm chân tay. Con cọp ngồi chồm chồm ngay bên cạnh Billy. Rất chậm rãi nó chìa tay ra chạm vô cái đầu vằn sọc. Con cọp bắt đầu rên rừ rừ. Đó là một âm thanh ấm lòng, gợi nhắc Billy đến ba con mèo lửa. Nó nói chuyện với con cọp, dùng ngôn ngữ mà nó hy vọng là con vật sẽ hiểu. Con cọp không đáp lại. Mà tiếp tục rừ rừ, nhưng tiếng rừ của nó không mang ý nghĩ gì hết.

Billy cố nói chuyện với con gấu, nhưng con vật này cũng không đáp lại. Nó nói chuyện với bầy khỉ, với đàn nai, với con rắn, thậm chí với cả chim chóc. Nhưng bọn chúng không hiểu nó. Nó đã mất tài phép rồi chăng? Lão thầy bùa đã tước mất phép của nó?

“Chúng không có tim đâu,” một giọng nói. “Chúng không bao giờ nói chuyện với cậu đâu.” Rembrandt ló ra khỏi túi áo Billy. “Tớ thừa nhận là lão đã làm một việc khỉ chè,” con chuột nói, “nhưng rõ ràng chúng chỉ là những thứ do bùa chú tạo ra.”

“Thật không?” Billy thắc mắc liệu lão thầy bùa có trông thấy nó hay không. “Nhưng người chúng rất ấm và con cọp còn rừ rừ nữa mà, có lũ chim thì đẹp hết ý luôn.”

“Đừng thất vọng,” Rembrandt nói. “Ít ra là chúng không ăn thịt cậu.”

Billy đi sâu vô trắng trổng. Một con đười ươi lặc lè bươn ra khỏi bụi rậm, gãi lột sột rồi lại rục rịch lùi trở vô bụi. Billy nhìn theo nó và trông thấy một con voi đang đi qua những hàng cây đằng xa.

“Tớ luôn mong thấy một con voi,” Billy nín thở.

“Nó không phải thật đâu. Tội mình đi ngủ đi,” Rembrandt bảo.

Billy ngáp. Nó cảm thấy mệt rã rời. Nhưng khi quay đầu để rời khỏi khu rừng, nó không thể tìm thấy lối mòn đã dẫn nó vô trắng trổng bị ếm bùa này ở đâu. Khi nó ngó trở trở vô bụi rậm, một mảng cây bụi bất

đầu lay động như thể một con gù to lớn đang đi xuyên qua nơi đó. Bất thành linh, cái đầu của Dorgo thò ra giữa biển lá.

“Bị lạc chủ nhân,” anh đầy tớ nhỏ bé nói. “Giường lồi này.”

Phóng bay về phía Dorgo, Billy thấy con đường vẫn còn ở đó, dưới những bụi cây lá rậm rạp đàn hồi. Giờ nó mệt đến độ tất cả những gì nó nghĩ tới chỉ là chiếc giường êm ái và ấm áp của nó.

Khi họ leo lên cầu thang đá hoa cương, giọng nói của người khổng lồ bị hòa lẫn vào trong tiếng bước chân lộp cộp của chúng, và đến khi Billy lăn ra ngủ, nó đã quên tất tần tật về giọng nói ấy.

Sáng hôm sau Billy chẳng còn nghĩ được về cái gì ngoài khu rừng đầy bọn thú bị yểm bùa. Nó muốn Matilda đi xem chúng, và hy vọng đừng có một bùa chú nào khác khiến cho chúng biến mất. Nó không cần phải lo lắng thế.

Matilda thích thú mê mẩn. Cô bé nhảy múa giữa đám thú, vuốt những cái đầu chúng và lắng nghe chúng liếp chớp, liú ríu và rừ rừ. “Ngài ấy tinh thông biết chừng nào,” cô bé hét vang trời. “Ồ, Billy, thầy bùa chưa bao giờ làm cái này cho ta, hay cho Edgar cả. Anh của ta sẽ ghen tị với ngài cho mà xem. Hãy chờ đến lúc anh ấy trông thấy khu rừng này.”

“Có lẽ nó không có ý dành riêng cho tôi đâu. Có lẽ nó là dành cho tất cả chúng ta.”

“Không. Không. Thầy bùa muốn đặc biệt làm vui lòng ngài. Ngài ấy muốn giữ ngài ở lại đây.”

Cách đây hai ngày thì điều này hẳn là sẽ làm Billy lo lắng. Nhưng bây giờ điều đó lại khiến nó vui. Mặc dầu nó ước gì bà Lilith và Edgar đừng nhìn nó hẳn học như thế. “Tại sao anh của bạn lại ghen tị với tôi?”

Matilda đỏ bừng mặt lên. “Có lần ta nói rằng ta thích mái tóc trắng và đôi mắt màu trái dâu của ngài, và thầy bùa khen là ta có gu tuyệt vời. Edgar nghe vậy thì liền cúi gằm mặt đi.”

Lại thêm một điều khiến Billy sững sốt nữa - được thán phục vì màu mắt bạch tạng của nó. Nó cười toe toét sung sướng.

Edgar khước từ không tới khoảnh rừng bị yểm bùa. Trong bữa tối thẳng này kêu ca là thú vật rất “bẩn thỉu và nguy hiểm.”

“Lũ thú này không như vậy, Edgar à,” lão thầy bùa nói. “Chúng rất đặc biệt. Cậu thích chúng như thế nào, Billy?”

Billy trả lời là nó rất, rất thích. Bà Lilith quăng cho nó một cái nhìn thương hại còn Edgar thì nhăn mặt.

Matilda đã mách nước cho Billy nên ăn loại thức ăn nào, cho nên bây giờ nó rất hay hào hứng mong đợi đến giờ ăn. Vào lúc cuối của một bữa ăn nọ, Billy phát hiện một việc khiến nó rối trí. Nền đất trên bàn đang cháy thấp dần, và khi tất cả mọi người đứng lên rời phòng, thì những cái bóng dài của họ đổ lên tường. Lão thầy bùa đang rửa tay trong cái chậu do một anh đầy tớ bưng. Cái bóng ngất ngưỡng của anh đầy tớ được nhìn thấy rõ ràng trên bức hoành phi đằng sau lão thầy bùa, nhưng chỗ đáng ra là cái bóng của lão thầy bùa thì lại không có gì hết. Không có cái bóng nào động đậy những ngón tay và lau tay, trong khi bóng của cái thau nước, thậm chí bóng của những giọt nước đều có thể được nhìn thấy trên lớp màu sắc lộng lẫy của bức hoành phi.

Đó cũng là một phần bùa phép của lão, Billy tự nói với mình.

Hàng ngày Billy và Matilda chơi trong khu rừng đó và Billy lắng nghe tiếng hót giả của những con chim sắc sảo, nó thích thú vuốt ve con cộp biết rừ rừ nhưng không có tim, và nó xem lũ khỉ đu trên cây không tên. Đến đêm nó ngủ ngon lành và không bao giờ nghe thấy tiếng của người khổng lồ. Nhưng Rembrandt, hay ngồi cạnh gác ở chân giường Billy, vẫn nghe thấy tiếng người khổng lồ gọi, “Amoret! Amoret!”

Rembrandt biết Billy bị trúng một loại bùa mê thuốc lú: một loại bùa mạnh và được yểm tinh vi. Nó cố nhắc nhở Billy về một thế giới khác, nơi chúng thuộc về. Nhưng Billy không nghe. “Bây giờ đây là nhà của chúng ta,” nó nói với con chuột.

Một ngày nọ Matilda dẫn Billy đi thám hiểm. Trong khi mọi người tưởng chúng đang chơi ở bên lũ thú, cô bé dẫn nó đi qua một hành lang lạ, xuống một dãy cầu thang và đi vô những căn phòng đầy ắp các loại

nhạc cụ, những trang phục lộng lẫy, và những đồ đạc xa hoa của phương Đông. Thỉnh thoảng, Matilda nhìn vô những bức tường, nhìn lên trần nhà và thì thào: “Ta đã từng nghĩ rằng thầy bùa có thể thấy tất cả mọi việc, nhưng có những ngày ngài bị ma thuật xâm chiếm nên không khất khe. Hôm nay là một trong những ngày đó.”

Cuối cùng chúng đi tới một căn phòng đầy tranh. Có những cuộn vải nằm ở một đầu chiếc bàn dài; đầu kia xếp những cái hộp đựng bột màu. Cô vẽ đủ mọi kích cỡ lẫn hình dáng nằm rải rác theo từng bó dưới sàn, những bức tranh dựng vô tường. Hầu hết là tranh phong cảnh hoặc những thành phố hoành tráng với những mái vòm dát vàng và những tòa tháp nhọn, sau đó Billy thấy một thành phố mà nó nhận ra, khiến trái tim nó thất lại một nhịp.

“Đó là nơi mà từ đó tôi đến đây,” nó nói.

Matilda chập hai bàn tay lại với nhau. “Ta cũng đã nghĩ như vậy.” Cô bé nhìn quanh phòng và hạ thấp giọng. “Cụ kỵ của ta hay nó về nó lắm. Một ngày nọ ta đến đây và nghe thấy những tiếng người. Thầy bùa đang đứng sát vào bức tranh đó và lắng nghe. Có một giọng nữ trong phòng, nhưng ta không thấy ai cả, vì vậy ta nghĩ giọng của bà ta chắc chắn phải đến từ thành phố của ngài. Ta tin bà ta là con cháu của thầy bùa.” Matilda cười toét. “Bà ấy cũng là con cháu của ta. Nếu không của ta thì cũng của Edgar.”

Billy không thấy việc này có gì tức cười. “Tên mẹ ta là Tilpin, mẹ là một phù thủy,” nó nói.

“Ồi!” Nụ cười của Matilda vụt tắt. Cô bé ngồi xuống một băng ghế và kéo Billy ngồi xuống cạnh mình. “Để ta nói cho ngài nghe về thầy bùa. Ngài ấy đang cố tìm cách để đi đến thành phố của ngài - ngài ấy không giữ bí mật về việc đó. Có một tấm gương mà ngài ấy có thể cùng chu du. Ngài ấy giấu nó ở dưới lòng đất trong lâu đài của Vua Đỏ và bây giờ người phụ nữ đó đã tìm được nó, nhưng nó bị bể và bà ta không thể giúp ngài ấy hành trình vào tương lai.”

“Ông ta đã đi được nửa đường tới đó rồi. Ông ta là một cái bóng trong bức chân dung Vua Đỏ và bạn của tôi, Charlie, nói rằng lần trước ông ta đã đi vô thế giới của chúng tôi thông qua chính cái bóng của ông ta.”

“À, cái bóng!” Matilda hạ thấp giọng đến khi chỉ còn là tiếng lào xào. “Ngài ấy thông thái đến khôn cùng, cụ kỵ của ta í. Ngài ấy đã tự cắt khỏi cái bóng của mình và bây giờ cái bóng có thể tự chu du trong khi ngài ấy ở nhà, già đi. Cái bóng của ngài ấy sẽ sống mãi mãi, ngài ấy nói như vậy.”

Billy trở mắt nhìn cô bé. “Thầy bùa không có bóng. Đúng rồi, tôi đã để ý điều đó. Tôi tưởng đó là một phần bùa phép của ông ta.”

“Đúng vậy,” Matilda công nhận.

Chúng rời khỏi căn phòng tranh và bắt đầu mò mẫm trở lại sảnh ăn. Khi chúng đi qua cầu thang đá hoa cương, Billy dừng lại và ngược nhìn lên. Nó có thể nghe thấy tiếng bước chân đang đi xuống cầu thang. Nhưng không có ai ở đó. Những tiếng bước chân gần hơn.

“Cái gì đó?” Matilda hỏi.

“Tôi không...”

Trước khi Billy kịp nói hết câu thì một cái đầu rắn có túm lông chim xanh da trời hiện ra giữa không trung. Nó ngúc ngoắc về phía Billy, lôi tấm thân dài, có vẩy theo sau.

Matilda hét lớn và nhảy dạt ra.

“Xin lỗi,” một giọng nói.

“Charlie?” Billy sững sốt trước con rắn, đang nằm nhô lên khỏi cầu thang vài tấc.

“Đúng, anh đây,” Charlie nói. “Anh nhờ Solomon làm cho anh vô hình. Nó cũng vô hình luôn, nhưng anh nghĩ nó đã quá mừng rỡ khi trông thấy em nên quên phép đi mất. Để anh dẫn nó lại.”

Con rắn đu đưa nhẹ nhàng dưới sàn nhà nơi nó cuộn mình lại thành một đồng gọn ghẽ. “Chào Billy,” nó rít rú.

“Chào,” Billy đáp lại bằng giọng bối rối. “Rất vui mừng gặp ông, Solomon.” Nó cố tập trung ngó vô khoảng không phía trên con trần, nơi nó tưởng tượng là gương mặt của Charlie. “Em tưởng anh đến sớm hơn chút. Cái gì giữ anh lâu vậy, Charlie?”

“Em chả biết gì hết,” Charlie thở dài. “Anh đã cố, cố, cố hoài. Sau đó họ mang bức tranh đi. Một câu chuyện dài lắm, nhưng giờ anh ở đây rồi, em sẵn sàng chưa?”

Billy nhìn trao tráo vô khoảng không. “Em...”

Rembrandt thò đầu ra khỏi cái túi vàng của Billy và nhả nhận hỏi thăm sức khỏe của con trần.

“Tôi vẫn mạnh giỏi,” con trần rít đáp lại. “Còn bạn?”

“Tôi đáng ra khá hơn,” con chuột chút.

Billy áp hai tay lên bịt tai. “Tiếng lít rít ồn ào nhức đầu quá, tôi không thể suy nghĩ gì được.”

“Billy sẽ không trở lại với các ngài đâu,” Matilda lên tiếng, đến đứng bên Billy.

“Nó về được chứ,” Charlie nói, hơi sững sờ trước sự xuất hiện của một cô bé xinh đẹp trong trang phục vàng rực rỡ. “Mà, bạn là ai vậy?”

“Cô ấy là bạn của em, Charlie, cô ấy nói đúng đó. Em xin lỗi, nhưng em sẽ ở lại đây.” Billy bắt đầu bước xuôi hành lang trưng đầu và lông thú, với Matilda đi đằng sau vài bước.

“Em phải đi,” Charlie gọi.

Mathilda ngoái nhìn qua vai. “Suýt!” Cô bé đặt một ngón tay lên miệng. “Đi với chúng tôi. Ở đây không an toàn.”

Charlie chợt nhận ra những cái đầu thú treo trong hành lang. Nó chần chừ rồi bước theo bọn kia nhưng cảm thấy mình có rất ít lựa chọn. Nhắc con trần lên vai, nó đi theo hai dáng hình đang rút lui. Nó đuổi kịp chúng trong vài giây, tới một khu rừng đầy những loại cây lạ kỳ.

“Tại mình đang ở đâu?” Charlie thì thào.

“Chúng ta đang ở trong một khu rừng ở trong cung điện của thầy bùa,” Billy bảo nó. “Lão đã tạo ra cây cối và muông thú để dành riêng cho em đó.”

“Em hên quá ta.” Charlie đặt con trần xuống dưới chân nó. “Quái lạ, khi lần trước tới đây anh đến ở bên ngoài tòa tháp của một người khổng lồ.”

“Có lẽ ngài tự động bị hút về phía tổ tiên của ngài,” Matilda nói với giọng nghiêm trang.

“Cái gì?” Bất thành linh Charlie nhận ra cô bé này tinh khôn cực kỳ. Nó quay qua Billy. “Em không thể ở đây được, Billy. Em không thuộc về nơi này.”

“Em không thuộc về thành phố của anh,” Billy nói. “Em không có nhà ở đó. Ở đây rất tốt. Đồ ăn ngon và mọi thứ đều đẹp và,” nó nhìn Matilda, “em có một người bạn.”

“Nhưng anh lặn lội mãi mới đến được đây,” Charlie nói, choáng váng vì những lời của Billy. “Em thừa biết em có thể ở nhà anh bất kỳ lúc nào em muốn mà.”

Matilda cầm lấy tay Billy. “Tốt nhất ngài về nhà đi, Charlie Bone, và đem theo con rắn của ngài nữa, bởi vì...” cô bé nhìn lên cây. “Ồi trời! Anh ta đang đến.”

Thoáng sau, Edgar bước ra khỏi rừng cây. “Ta nghe có tiếng thét,” thằng đó nói.

Matilda buông tay Billy ra và chỉ vô con trần xanh da trời, “Thầy bùa đã làm một con rắn tuyệt vời, bọn ta tưởng nó là thật.”

Con trần ngoa nguẩy cái đầu và rít lên.

Edgar bước lùi lại. “Con ngu!” Nó rít giọng. “Rắn không có lông. Mày lại trễ bữa tối nữa rồi. Đi ngay.”

Charlie nhìn theo cả đám bọn chúng đi. Chúng thậm chí còn không quay về hướng nó. Con trăn không có động thái nào cố gắng đi theo Billy. Hình như nó biết chỗ của nó là ở lại với Charlie. Hay là do nó bị ảnh hưởng của Claerwen? Con rắn to đã tự cuốn mình lại thành một cuộn vô hình.

Claerwen đã ra khỏi túi áo của Charlie và giờ đang bay giữa những cành cây cao, như thể điều khiển khu rừng giả này. Charlie ngồi phệt xuống đất, đầu gục vô lòng bàn tay. Nó hoàn toàn không được chuẩn bị cho tình huống Billy từ chối. Nhưng Billy đã bị bỏ bùa, nó kết luận là vậy. Nhưng làm sao có thể phá bỏ bùa ấy, Charlie không biết.

“Giúp tớ, Claerwen,” Charlie nói. “Helpu fi.”

Cô nàng tới đậu lên cánh tay nó, mặc dù việc đó có tác dụng trấn an nó nhưng cô nàng không đưa ra câu trả lời nào.

Ở đằng xa, Charlie có thể thấy những con thú đi loanh quanh rừng cây. “Chúng không phải là thật thì phải?” Nó lăm bầm với Claerwen. Không con thú nào đến gần nó.

Mình sẽ chờ cho tới khi bọn họ đi ngủ, Charlie thầm nghĩ. Mình sẽ tìm tới nơi Billy ngủ và, có lẽ, nếu nó ngủ một mình, mình sẽ bắt nó đi theo mình.

Một mặt trăng giả bắt đầu tỏa sáng khu rừng. Charlie tự hỏi nó có thể biết khi nào là đêm xuống trong cung điện ánh sáng giả này không. Mình không muốn sống ở đây, nó nghĩ khi nằm dài xuống đất. Tựa đầu vô vòng quần trơn láng của con trăn và trước khi kịp hay biết, nó đã lăn ra ngủ.

Charlie giật mình tỉnh dậy. Một bé gái mặc váy xòe dài màu trắng đang đứng trong rừng cây. Cô bé cầm một ngọn nến cầm trong một cái đĩa kim loại.

“Ngài vẫn còn ở đó không, Charlie Bone?” Bé gái thì thào hỏi.

Charlie ngồi dậy. “Tôi ở đây. Billy đâu?”

“Ngài ấy không muốn rời khỏi phòng của ngài ấy. Tôi đến đây mang theo thông điệp.” Matilda đánh bạo lại gần Charlie. “Billy sẽ không trở lại với ngài đâu, Charlie. Tôi xin lỗi là ngài đã đi đường xa tới đây, qua bao nhiêu năm, và không quản ngại nguy hiểm, tôi chắc chắn thế. Nhưng ngài nên gặp một người trước khi ngài quay về.”

Charlie dụi mắt và đứng lên. “Ý bạn muốn nói đến tổ tiên của tôi, người khổng lồ. Có lẽ bạn nên cho tôi biết làm sao tôi có thể tới được tòa tháp của ngài ấy, bởi vì tôi biết nó ở xa đây hàng nhiều dặm.”

“Không phải nhiều dặm đâu, Charlie. Ngài ấy đang ở ngay tại đây.”

“Ở đây?” Charlie nhớ lại lời của Matilda. “Có phải ý bạn là tôi bị hút về phía tổ tiên mình?”

“Dĩ nhiên.” Cô bé nhướn với nó một nụ cười tinh thông.

“Ngài ấy ở đâu?”

“Trong hầm ngục. Tôi sẽ chỉ cho ngài lối vào, nhưng tôi không dám đi với ngài.” Cô bé nhìn ngọn nến. “Tôi có thể đưa cho ngài một ngọn nến, nhưng nó sẽ bị nhìn thấy mất.”

“Tôi không cần ánh sáng.”

“Thế thì đi với tôi.”

Charlie theo ngọn nến lung linh của Matilda đi qua hành lang vắng lặng. Chắc hẳn bây giờ đã khuya lác khuya lờ rồi, nó nghĩ, bởi vì những ngọn đèn bắc đã tắt và những vì sao giả cũng mất độ sáng. Nó nghĩ ngay cả lão thầy bùa cũng cần ngủ.

Những hành lang trở nên tối hơn. Những bức tường bây giờ toàn đá tảng và đá phiến, mặt đất rải đá cuội. Một giọng nói réo rất vang dội những hành lang và khi chúng rảo bước nhanh hơn, Charlie có thể nhận ra từ “Amoret!”

“Tổ tiên của tôi,” Charlie thì thầm.

“Giờ tôi có thể nghe thấy tiếng của người khổng lồ rồi. Mới đầu chỉ có Billy mới nghe thấy tiếng của ngài ấy thôi. Chúng ta đang tới gần hơn đó.”

Chúng đi tới một rào chắn gỉ sét hình bán nguyệt và giơ ngọn nến lên, Matilda nói, “Ở dưới đó!”

Charlie thấy một cầu thang lờ mờ, xoáy tròn ốc dẫn đi xuống màn đen.

“Tôi chúc ngài mạnh giỏi, Charlie Bone,” Matilda nói thầm.

“Cảm ơn.” Charlie hy vọng chúng sẽ gặp lại nhau. Cô bé là một bé gái xinh đẹp nhất nó từng thấy. Cô bé đó là ai? Cô bé có một vị trí nào trong gia phả rồi rầm những hậu duệ của Vua Đỏ không?

“Gấp gấp lên!” Matilda nhìn trần nhà nơi một vì sao bắt đầu nhấp nháy sáng lên. “Thầy bùa đang thức giấc.”

“Tạm biệt, Matilda!” Charlie chạm tay cô bé và Matilda nhìn vào chỗ tay Charlie chạm vô như nhìn một kỳ quan.

“Tạm biệt, Charlie Bone!”

Charlie thả một chân xuống bậc thang đầu tiên và bắt đầu đi xuống. Đó là cầu thang dốc nhất, đen tối nhất mà nó từng đi và nó mừng là có ánh sáng của Claerwen. Nó lo lắng tiếng chân thịch thịch của nó sẽ đánh thức bọn lính mà chắc chắn đang canh chừng ngục của người khổng lồ.

Ở đáy cầu thang một khúc cua gắt đẩy Charlie vô một không gian hẹp, nơi có một dáng người đang ngồi gục bên một chiếc bàn. Một đồng nền để trên bàn trong khi một ngọn nến cháy trong cái giá cầm nến bằng đồng. Nhưng chính nhờ ánh sáng của Claerwen mới chỉ cho Charlie xà lim có thanh chắn nặng nề bên kia tên lính canh và gương mặt hốc hác của người khổng lồ đang từ đó nhìn ra.

“Ai đó?” Ngài Otus hỏi khẽ.

Charlie nhìn cái thân hình đang ngủ. Một chùm chìa khóa đặt trên đùi hắn. Cái nào để mở xà lim? Charlie cần phải chọn thật nhanh. Nó kiễng chân lại gần tên lính đang ngủ khò. Và rồi nó trông thấy ngón cái to xụ, quái dị. Giật chùm chìa khóa, Charlie cố tra chiếc đầu tiên vô ổ khóa cửa xà lim. Cái này không vừa.

Người khổng lồ nhìn chùm chìa khóa bơi bơi trong không khí mà kinh ngạc. “Ai đó?” Ngài hỏi lại.

“Là con, Charlie, hậu duệ của ngài,” Charlie thì thầm. “Con tới để đưa ngài đi tìm vợ của ngài.”

“Amoret?” Người khổng lồ lắc đầu. “Mi nói dối. Bà ấy chết rồi.”

Tiếng lách cách trên ổ khóa sắt chắc hẳn đã đánh thức tên quỷ lùn, bởi vì, bắt giấc, hắn mở mắt ra và ngó trần trời chùm chìa khóa trên không. Xò tới, hắn thét. “Gì thế, người khổng lồ? Người định dùng phép thuật hả?”

Người khổng lồ lùi xa ra, vẫn lắc đầu, và Ngón Cái Dị giằng lấy chùm chìa khóa. Hắn nhìn chúng một cách nghi ngờ. Charlie nắm chặt lấy chúng, nhưng Ngón Cái Dị giơ nắm đấm bụi xự lên và thụi vô bụng Charlie. Charlie khụy xuống với một tiếng hự.

“Đúng là mày,” quỷ lùn nói. “Đồ vô lại. Mày sẽ không thắng nổi Ngón Cái Dị bằng sự vô hình đâu, tao nói cho mà biết.”

Cái gì xui khiến con trần ra tay hành động vào lúc đó, Charlie không bao giờ biết. Có lẽ Claerwen đã có lời vô tai nó, cho nên bất ngờ con trần khổng lồ hiện hình. Từ trên vai Charlie, nó quăng thân tới Ngón Cái Dị, rần rạt như âm nước sôi kêu. Tên quỷ lùn, trợn mắt muốn lòi ra khỏi đầu, giơ hai tay lên và chùm chìa khóa bay lên không.

Một âm thanh ghê hồn vọt ra từ Ngón Cái Dị và hắn chạy lên cầu thang, loạng chạng, rên rĩ khiếp vía.

Charlie lẹ làng chụp lấy chùm chìa khóa. Chiếc thứ hai tra vừa ổ khóa và cửa xà lim mở ra, kêu ken két.

“Chúng ta phải nhanh lên,” Charlie bảo người khổng lồ. “Không thì Ngón Cái Dị đem quân tiếp viện trở lại.”

“Là con, Charlie Bone,” người khổng lồ nói. “Ta biết giọng của con. Nhưng chúng ta sẽ làm gì? Làm sao ta thoát khỏi nơi này?”

“Trước hết, con trần sẽ làm cho ngài vô hình. Sau đó... sau đó chúng ta sẽ đi tìm vợ của ngài trước khi bà chết và ngài sẽ ở bên bà ấy.”

Con trần lần này không cần chỉ thị. Nó dường như biết, theo bản năng, phải làm gì. Ngài Otus thấy mình biến mất với cảm giác vừa thất kinh vừa hài lòng. Chỉ khi Charlie bắt đầu ra lệnh cho con bướm trắng thì Charlie mới nhận ra rằng chúng sẽ phải trở về theo cách mà chúng tới đây: qua bức tranh xứ Badlock.

Con trần tự quần quanh vai người khổng lồ và Charlie bấu chặt cánh tay của tổ tiên mình. Claerwen xòe đôi cánh bạc và bùng cháy phía trên đầu Charlie, cô nàng bắt đầu đưa họ đi xuyên thời gian.

22. Chương 20 - Phần 1

Lysander tới giải cứu

Như thường lệ, Charlie không hề nghĩ gì tới cuộc vật lộn tiến về phía trước. Chu du với một người khổng lồ vô hình không dễ như nó từng ao ước. Ngài Otus hẳn là rất dũng cảm, nhưng một cuộc hành trình đi gặp người vợ mà ngài tin là đã chết xem ra làm nhụt chí ngài. Nếu mà ngài biết mình sẽ bay qua chín trăm năm, thay vì hai mươi năm, thì chắc chắn ngài sẽ không đồng ý đi chút nào. Trong khi đi, ngài cứ luôn luôn hỏi chừng Charlie để cho chắc. Những cú nảy xóc cực kỳ khó chịu đối với người khổng lồ.

“Chúng ta tới chưa?” Ngài Otus hỏi. “Chân ta đang trôi vắt trên đầu ta này. Khổ thân ta, Charlie. Mang chúng ta xuống đất, mau.”

“Im lặng, ngài Otus,” Charlie đáp, như thể nó đang nói chuyện với một đứa trẻ.

“Chừng nào chúng ta sẽ tới? Chúng ta có quá trễ đến nỗi không gặp được Amoret?” Giọng của người khổng lồ run rẩy, vỡ ra khi một cú giật lộn phèo của thời gian xoáy họ đi xuống vùn vụt.

“Con nghĩ chúng ta tới rồi,” Charlie nói, khi chân nó cày vô mặt đất.

Khi người khổng lồ đáp xuống một giây sau, bằng một tiếng rầm đĩnh tai.

“Khổ thân ta!” Ngài Otus thét khi đôi chân vô hình của ngài xuyên thủng những tấm ván sàn.

Lập tức tiếng quát tháo liên hồi nổi lên sau cú đáp ấy rồi một giọng gào tướng. “Nó ở đây! Nó đây!”

“Đâu? Đâu?” Những giọng khác lao nhao.

Charlie thấy mình đứng trên sân khấu của Nhà Nguyên Cổ, trợn mắt dòm một đám đông sát khí đằng đằng. Nó mừng húm là mình vô hình. Mụ Tilpin dí bộ mặt của mụ sát ngay mặt nó. “Mày ở đó hả, thằng kia?” Mụ cố đục vô ngực Charlie, nhưng nó né qua kịp thời.

“Ta đang ở đâu?” Người khổng lồ gầm lên. “Chân ta tiêu rồi.”

“Chúng bị kẹt trong ván sàn,” Charlie thì thào. “Rút chúng ra đi, ngài Otus.”

Có tiếng lắc rắc, và dầm gỗ bay tung tóe khi ngài Otus nhấc bàn chân khổng lồ qua ván sàn. “ÁÁÁÁ!” Ngài thét.

“Có hai đứa!” Một mụ già đứng đầu đám đông chỉ Charlie. Những lọn tóc đỏ choe chóa của mụ trông kệt cớm hết sức khi ôm lấy một bộ mặt già cóc cáy như vậy. “Ta thấy chúng rồi kìa. Một tên là người khổng lồ.”

“Người khổng lồ?” Mụ Tilpin thét, lùi bắn lại.

“Dolores có thị giác thứ hai,” một tên bự phành phành nói bên trong cái mũ lên bó sát đầu màu đen, chỉ còn chừa khuôn mặt.

Đứng ngay đằng sau gã mũ trùm hở mặt đó, Charlie thoát chợt thấy người mà nó nhận ra, nhưng những biến cố vụt diễn ra quá nhanh khiến nó không thể nhớ ra tên của người đàn ông đó.

“Vợ ta ở đâu?” Người khổng lồ ai oán. “Amoret ở đâu?”

“Amoret?” Mụ Tilpin quay qua đám đông. “Hỡi chiến hữu, tên khổng lồ này là tù nhân của cái bóng.”

Đám đông tràn tới trước và bắt đầu leo lên sân khấu. Charlie tóm lấy bàn tay của người khổng lồ, kéo ngài tới tấm phông màu xanh lá cây ở cuối sân khấu.

“Đó! Đó!” Mụ Dolores thét, ngón tay đeo găng màu đen của mụ chỉ theo Charlie khi nó kéo người khổng lồ về phía cánh cửa ở bên hông sân khấu.

Đám đông áp sát. Tiếng nguyên rửa lỗ măng, gần giọng đồng đầy không gian khi hàng tá thân hình cao lớn bao quanh lấy Charlie và người khổng lồ.

“Có nhiều quái vật trong thế giới của con quá, Charlie nhóc,” người khổng lồ nói, “Nhưng chúng sẽ không bắt được chúng ta đâu.” Đoạn ngài giơ chân lên, đạp hai gã đàn ông ngã ngửa ra đất.

Những kẻ khác lùi dạt lại, trợn mắt kinh hoàng nhìn đôi vai của người khổng lồ, bởi vì con trần đã làm cho chính nó hiện hình. Nó quăng đầu về phía đám đông, cái miệng há ra để lộ những cái nanh chết chóc sáng bóng.

“Dolores, làm gì đi!” Mụ Tilpin thét lệnh.

Khi mụ già Dolores thò tay vô túi áo của mụ, Charlie nghe thấy có tiếng trống giục. Lớn dần lớn dần cho tới khi tiếng trống tràn ngập nhà nguyện. Đám đông nhón nhác nhìn quanh, cố xem coi tiếng trống xuất phát từ đâu. Nhưng không gì làm xao nhãng mụ Dolores. Giơ lên một cái giăng ná nhỏ bằng bạc lên, mụ bắn hòn đá thẳng vô trán người khổng lồ. Ngài rống lên đổ sập xuống đất.

“Ngài Otus, con xin lỗi. Con xin lỗi đã mang ngài về đây,” Charlie kêu lên, khụy xuống bên cạnh người khổng lồ. Con trần đau khổ quẩn quanh Charlie như thể để an ủi nó. Quá trễ, Charlie nhận ra con trần đang hiện hình. Nó đĩnh ninh chờ những ngón tay nhọn sắc của mụ Tilpin túm lấy cổ mình. Nhưng không thấy gì chạm đến nó.

Charlie ngược nhìn lên. Đám đông đang rút lui, đàn ông và đàn bà té dúi dụi vào nhau trong khi quỳnh quáng rời sân khấu. Ngay cả mụ Tilpin cũng đang lùi xuống những bậc thang. Mắt mụ dán chặt vô bức tường đằng sau Charlie, mặt mụ rúm lại sợ hãi. Theo ánh mắt mụ, Charlie nhìn ra đằng sau và thấy một hàng âm binh, khẩu nửa chừng trong một màn sương loá xoáy. Gương mặt họ không hiện ra, nhưng những cánh tay nâu của họ lại rất rõ. Mỗi bàn tay đều cầm một con dao dài, sáng loáng.

“Lysander!” Charlie mừng rỡ.

“Tất nhiên rồi!” Lysander sải bước đi qua cửa sân khấu. Anh khoát một tay thành hình vòng cung cao quá đầu và chỉ đám đông.

Những tổ tiên tâm linh của Lysander, vũ khí giương cao tiến tới mụ Tilpin và đồng bọn ác ôn của mụ. Nhiều kẻ trong bọn chúng đưa tay lên bịt tai vì tiếng trống quá âm. Chúng xô đẩy nhau và kêu la chen chúc ra cánh cửa mở thông ra đường Piminy. Và khi chúng lọt ra được, thì rõ hơn cả tiếng trống, tiếng chân chúng được nghe thấy chạy rầm rập trên con phố.

Người khổng lồ rên rĩ.

“Cái gì thế?” Lysander trở mắt nhìn xuống sàn sân khấu.

“Một người khổng lồ,” Charlie nói. “Ngài còn sống. Cảm ơn Lysander. Cảm ơn. Cảm ơn, anh đã cứu bọn em.”

“Một người khổng lồ,” Lysander lặp lại. “Anh lại tưởng là Billy.”

“Billy,” Charlie thở dài. “Nó không về đâu.”

Lysander nhìn Charlie không tin nổi và rồi, sau khi xem xét sàn sân khấu nơi có tiếng rên rỉ phát ra, anh nói, “Tốt hơn tụi mình đem người khổng lồ ra khỏi đây đã. Anh bảo đảm họ có thể nhìn thấy ngài, cho dù anh không thấy.” Anh vẫy những tổ tiên tâm linh của mình.

Những hình nhân tựa hồn ma cao to hạ dao xuống, giắt vô dây thắt lưng sáng bóng của họ. Charlie đứng dậy khi họ tiến về phía nó. Có bảy người cả thầy, những hình hài đen sậm thoát hiện ra rồi lại ẩn vào làn sương mù đường như đồng hành với họ. Họ cúi xuống và nâng người khổng lồ lên vai, dễ dàng như thể ngài là một cái bao tải không. Ít ra Charlie cũng đoán chắc được người khổng lồ ở đâu, nhờ vào tiếng rên của ngài vọng ra từ đâu đó phía trên đường.

Lysander dẫn đường qua cánh cửa và đi vòng ra đằng sau nhà nguyện. Charlie đi cuối cùng, với con trần vắt quanh cổ. Nó ngoái nhìn nhà nguyện một cái thật nhanh trước khi đóng cửa lại. Bức tranh xứ Badlock nằm ngửa ra sàn, phơi mặt lên trần nhà. Thưa biết cái đồ quý đó có thể gây nên tai họa gì, Charlie chỉ muốn phá hủy nó cho rồi. Nhưng chợt nó lại nhớ đến Billy.

Charlie đóng sầm cửa nhà nguyện lại và lao vù vô ngõ hẻm. Nó dường như không thể tin vô mắt mình. Chiếc xe moóc của Ông cậu Paton đang đậu trong một không gian mà không một chiếc xe moóc nào có thể đậu được. May thay, cánh cửa đôi của thùng xe kề ngay sát cạnh tường chỗ khung cửa nhà nguyện và các vị tổ tiên không khó khăn gì trong việc đặt người khổng lồ vô sàn xe. Khi công việc hoàn tất những hình hài cao lớn từ từ tan đi. Lysander cúi chào về hướng của họ và đóng cửa chiếc xe moóc lại.

“Ông cậu Paton, ông đến đây hồi nào vậy?” Charlie vụng về leo lên ngồi cạnh ông, ông né xa con trần rồi nổ máy.

“Cách đây một giờ,” Ông cậu Paton trả lời. “Con không cần nói cho ta biết con đã ở đâu.”

Lysander nhảy vô ngồi cạnh Charlie. “Chúng ta đi, ông Yewbeam!”

Họ phóng tới đầu con hẻm và rẽ vô một con đường mà sẽ đưa họ về đường Filbert.

“Billy bé bỏng có bị làm sao không?” Ông cậu Paton hỏi trong khi lái xe, có vẻ hơi nhanh, dọc theo đường Công Viên. “Nó gây ra tiếng động ghê dữ à.”

“Không phải Billy đâu,” Charlie nói.

“Không phải?” Ông cậu Paton liếc nhìn Charlie. “Chứ là ai?”

Charlie lưỡng lự và Lysander thông báo, “Thưa ông Yewbeam, ông có một người rất to lớn ở trong thùng xe của ông.

“CÁI GÌ?” Bàn chân của ông cậu Paton dằn mạnh bàn thắng và tất cả mọi người chúi nhủi về trước, hoảng hồn vía.

Một tiếng rên xóc óc từ sau xe vọng lên, và một giọng trầm bổng than van. “Ồi ối ối, cái máy quái đản này đang ăn thịt ta hay sao?”

“Người to lớn đó to lớn cỡ nào?” Ông cậu Paton hạ thấp giọng hỏi. “Phải chúng ta đang nói tới người khổng lồ không?”

“Ngài ấy không hẳn là người khổng lồ,” Charlie nói. “Chỉ cao chừng hai mét rưỡi hay ba mét thôi.”

Ông cậu Paton thở dài. “Cho phép ta hỏi tại sao ngài ấy lại ở đây được không?”

“Ngài từ xứ Badlock,” Charlie bảo với ông cậu nó. “Ngài là tổ tiên của con, và cả của ông nữa. Con phải cứu ngài ấy, Ông cậu Paton.”

“Dĩ nhiên là con phải vậy rồi,” Ông cậu Paton nói với vẻ mệt mỏi. “Và cho phép ta hỏi thêm nữa, con định sẽ làm gì với một người cao lớn cỡ đó, ở lại thời đại của mình những chín trăm năm?”

Charlie nhăn mặt. Nó không làm sao bắt mình trả lời với ông cậu rằng nó đã lên kế hoạch sẽ đưa ngài Otus tới Lâu Đài Gương. Nó biết việc đó nghe rất lỗ bịch.

Lysander chồm tới trước, lẳng lặng nói, “Người khổng lồ hiện thời vô hình, thưa ông Yewbeam.”

“Ồ tuyệt vời.” Ông cậu Paton liếc nhìn con trần xanh da trời. “Theo ta nghĩ thì việc đó sẽ dần xếp ổn thỏa tất tật mọi thứ thì phải?” Ông nhấn mạnh bàn chân vô bộ tăng tốc và họ phóng vút tới đường Filbert, thẳng lại đánh kết bên ngoài nhà số 9.

Charlie không biết phải làm gì tiếp theo. Ông cậu nó ngồi nguyên bên tay lái, gãi đầu và lộ vẻ căng thẳng.

“Để con gọi gia đình chú Brown.” Charlie chạy bay qua nhà số 12 và giải thích tình huống với gia đình nhà Brown.

Ông cậu Paton cuối cùng cũng nhồm dậy và ra đứng với Lysander, anh đã mở cửa thùng xe. Người khổng lồ đã im re.

Cô và chú Brown băng vèo qua đường, theo sau là Benjamin, Charlie và Hạt Đậu. Tất cả họ bu quanh đằng sau chiếc xe moóc, Hạt Đậu sửa nhặng sửa xị.

“Thú vị làm sao!” Chú Brown ngo ngo chiếc xe moóc, vô tình đặt tay trúng bàn chân của người khổng lồ. “Ú! Ngài ấy đấy.”

“Charlie, mở cửa trước nhanh lên,” Ông cậu Paton ra lệnh.

Charlie vọt lẹ lên những bậc cấp và mở cửa ra, gọi om xòm. “Chào bà nội bà ngoại, tụi con sắp mang một tấm thảm vô đây.” Khi nó ngo ngo lại thì thấy Lysander và Ông cậu Paton và gia đình cô Brown đang khiêng người khổng lồ, quán trong tấm thảm trải sàn xe, đang đi về hướng nhà.

Với rất nhiều tiếng hự và hộc, tấm thảm được khiêng lên những bậc cấp, lách vô hành lang, ở đó nó được đặt, hơi nhanh, ỳnh xuống sàn. Nghe một tiếng bịch và một giọng dưới nền nhà than thở, “Ôi chao ôi! Hãy kết thúc đi, ta van các người.”

Charlie cập rập đóng cửa trước lại và để cho con trần truồng vô trong tấm thảm quán người khổng lồ. Ngoại Maisie hiện ra nơi cửa bếp reo lên. “Con đây rồi, Charlie. Ta thấy ông cậu con đã tìm thấy con rồi. Ta thất mắc đã có chuyện quái quỷ gì xảy ra không biết.”

Charlie cười lỏn lỏn với bà. “Xin lỗi, ngoại Maisie. Để con khiêng cái này lên.”

“Tấm thảm gì mà rách nát thế này,” bà bảo, trước khi ai đó kịp ngăn trở thì bà đã đá cho nó một cú.

Một tiếng rên thống thiết phọt ra từ tấm thảm đẩy và lùì tọt vô trong bếp. “Có người ở trong đó,” bà kêu lên.

Tất cả theo bà vô bếp. Charlie đỡ bà ngồi xuống và Ông cậu Paton đặt ấm nước. Hạt Đậu chui xuống gầm bàn và tất cả mọi người vây quanh ngoại Maisie. Không ai biết chuyện gì để nói với bà, vì vậy Charlie ngồi xuống bên bà và bắt đầu kể từ đầu. Khi nó kể xong, ngoại Maisie thở hắt ra một hơi rõ sâu và nói, “Ôi, con nên làm gì đó về người đàn ông tội nghiệp này đi. Một phút nữa bà Bone sẽ về ăn trưa đó.”

Mọi người quyết định là Charlie nên nói chuyện với ngài Otus. Người khổng lồ có thể sẽ không hoảng sợ nếu có người mà ngài biết giải thích mọi việc với ngài.

“Sẽ thuận lợi hơn rất nhiều nếu người đàn ông này được nhìn thấy,” chú Brown nói.

“Không phải với bà chị của tôi sắp về,” Ông cậu Paton bảo chú.

Mãi cho tới lúc mở cửa ra thì họ mới nhận biết được rằng con trần xanh da trời đã tự quyết định lấy tất cả. Và, đang đứng kia là người khổng lồ, hữu hình đến từng sợi lông, từng sợi tóc, từng sợi râu. Con trần quần lả lơi quanh cổ ngài.

“Charlie,” ngài Otus thét vang. “Cái nơi này có cung cách gì thế hả?”

23. Chương 20 - Phần 2

Charlie nhẹ cả người khi thấy ngài Otus đứng lên, nhưng lại nhói lo lắng với vết bầm tím ở trán của ngài. “Chúng ta lên lầu chứ ạ, thưa ngài?” nó nói. “Con có điều muốn nói với ngài, và ở đây có lẽ chúng ta không an toàn đâu.”

Người khổng lồ ngó lom lom những bức hình lồng khung treo trên tường bên cạnh đầu của ngài, nhìn bóng đèn hành lang trong cái chụp thủy tinh ó bần của nó. “Ừ, phải, phải,” ngài lầm bầm. “Ồ đây rất lạ, Charlie.”

Và rồi thì Hạt Đậu xô ra khỏi nhà bếp, vẫy đuôi rối rít, người khổng lồ toét ra cười hài lòng. “Chúng ta lại gặp nhau, chó nhỉ,” ngài nói, cúi xuống vuốt Hạt Đậu. “Chó tốt. Tốt nhất trong tất cả chó.”

Hạt Đậu liếm bàn tay to oanh đỏ và sữa khoái chí.

Cô Brown thò đầu qua cửa và nói. “Cả nhà cô về đây, Charlie. Cô chắc chắn cháu phải thu xếp bọn đấy. Rất hân hạnh được gặp ngài, ngài Yewbeam.”

Người khổng lồ nghiêng đầu.

“Hân hạnh gặp ngài,” chú Brown nói, rồi bất giác, không hiểu chú nghĩ thế nào mà lại kiễng chân đi rón rén ra cửa. “Về thôi, Ben.”

Benjamin đứng ngay ra nhìn vẻ mặt mỉm cười của người khổng lồ. “Chào.”

“Chào,” người khổng lồ lặp lại.

“Cháu cũng nên về đây,” Lysander nói, chìa tay ra với người khổng lồ. “Vô cùng hân hạnh gặp ngài, thưa ngài.”

Ngài Otus trịnh trọng bắt tay Lysander, nói, “Cháu là một anh chàng hùng mạnh. Ta biết điều này. Ta cảm ơn cháu.”

Khi Lysander và gia đình Brown đã về cả, Charlie dẫn người khổng lồ lên lầu. Ông cậu Paton đề nghị phòng của ông an toàn hơn phòng của Charlie, vì nó tránh được sự rình rập của nội Bone.

Ngài Otus cúi đầu chui qua rầm đỡ cửa và thả người xuống chiếc giường phủ đầy giấy tờ với báo của Ông cậu Paton. Ngài Otus dường như không để ý, cũng không quan tâm đến tiếng cọt kẹt do cái giường phát ra như thể có tới năm sáu dây lò xo bị gãy.

“Con phạm sai lầm rồi, đúng không Charlie nhóc?” Người khổng lồ nói.

“Xin lỗi.” Charlie dọn một ít giấy và ngồi xuống kế bên ông tổ của mình.

“Ta sẽ không bao giờ gặp lại vợ ta ư?” người khổng lồ hỏi bằng giọng thê lương.

“Con hy vọng là có.” Charlie mỉm cười khích lệ. “Vấn đề là con buộc phải trở về đây trước đã, bởi vì bức tranh xứ Badlock ở đây và tài phép của con là: đi vô tranh ảnh.”

“Không có bức tranh nào của vợ ta cả,” ngài Otus nói.

“Không... nhưng mà... con nghĩ con đã gặp bà rồi.”

“Con...!” Nét mặt người khổng lồ dí sát vô nét mặt Charlie. Bàn tay to bè của ngài túm lấy vai nó. “Sao việc đó có thể được?”

“Lâu đài nơi bà ấy chết rơi xuống,” ngài Otus lầm bầm, hầu như với riêng mình. “Tuyệt do thầy pháp tạo ra, nhưng mà tuyệt đến quá trễ.”

“Quá trễ để cứu họ,” Charlie công nhận. “Nhưng đó là một bữa chú diệu kỳ phát huy tác dụng, bởi vì bây giờ những bức tường đó giống như thủy tinh, mà chúng cũng là gương. Có lẽ ngài chưa thấy tấm gương là gì.” Nó chỉ tấm gương trên bàn chải tóc của Ông cậu Paton, và người khổng lồ thấy hình bóng mình phản chiếu trong đó, mỉm cười nói. “À, gương đây!”

“Khi con đi tới lâu đài,” Charlie nói tiếp, “Có một bức tường chỉ cho con thấy một bức tranh thời gian, không phải bức tranh vẽ, mà nó giống như một ký ức, giống như những bức tường lưu giữ ký ức về những

con người đã sống ở đó. Con đã trông thấy một gia đình: ngài Amadis và vợ con của ngài cùng một phụ nữ rất đẹp, tóc đen...”

“Đúng, đúng...” ngài Otus thốt lên.

“Và họ gọi bà là Amoret.”

“Con trông thấy bà ấy... thật?”

“Bà đã nói chuyện với con.” Charlie nhìn xoáy vô vẻ mặt ngờ vực của người khổng lồ. “Con đã đi vô đó.”

“Con đi... vô đó?” Người khổng lồ ngẩng đầu lên ngó đăm đăm trần nhà. Rồi ngài nhìn quanh tới những kệ sách, những bức ảnh và tờ lịch. Ngài nhìn bản viết của Ông cậu Paton, với những hũ đựng bút mực và bút chì, xem ra ngài không hề ngạc nhiên về bất kỳ món nào trong những thứ đó. “VẬY là con có thể đưa ta đi?”

“Con nghĩ là con có thể, với sự trợ giúp của Claerwen. Rốt cuộc thì nó cũng là một cây đuă phép của thầy pháp. Thầy pháp đã dùng nó để gọi tuyết, con nghĩ vậy.”

Người khổng lồ đứng lên và những thanh lò xo giường nảy tung về lại chỗ cũ. “Khi nào chúng ta đi?” Ngài hỏi.

“Ừm... con chưa hỏi ông cậu của con. Việc đó tùy ông ấy tính ạ.”

Vừa lúc Ông cậu Paton mở cửa ra và nói, “Chúng ta có khách.”

Bà Kettle, cầm theo một cái giỏ to dùng, chen qua ông cậu bước vô phòng. Bà hơi giật mình khi thấy gương mặt của người khổng lồ ở xa tít bên trên mặt bà, và người khổng lồ bắt buộc phải ngồi xuống trở lại.

“Tôi vô cùng hạnh phúc được gặp ngài, thưa ngài Yewbeam.” Bà chìa tay ra. Người khổng lồ nắm lấy và hơi khom về phía trước, cúi đầu như thể thực hiện một động tác nhún chào nếu ngài đang đứng.

“Tên tôi là bà Kettle,” bà thợ rèn tiếp, “và tôi chăm sóc... à, cậu chàng đây rồi.” Bà ngó con trần xanh da trời, đã cuộn núi trên một đồng quần áo của Ông cậu Paton. “Đến đây, Solomon cưng, hãy về nhà thôi.”

“Một con rắn phi thường,” ngài Otus nhận xét khi bà Kettle cầm cái giỏ tiến tới con trần.

“Tôi không muốn nó rơi vào những bàn tay xấu,” bà Kettle nói, giúp con trần trườn vô cái giỏ. “Rồi.” Bà đẩy nắp giỏ lại và mỉm cười hết lượt với mọi người. “Chà, đây là một sự kiện có một không hai, và tôi hạnh phúc vô ngần khi được dự phần vào. Có tin tốt mà ta nghĩ là Lysander chưa nói cho cưng biết, Charlie nhỉ?”

Charlie nhún vai.

“Ồ, ta nghĩ đúng là chưa mà. Ta đã tưởng tượng ra ở đây bận rộn đến nỗi Lysander chưa báo tin được cho cưng.” Bà liếc nhìn người khổng lồ. “Thế này, Gabriel Silk đã thu thập được rất nhiều chữ ký cho bản kiến nghị mở lại quán cà phê Thú Kiểng, chắc chắn là gia đình Onymous sẽ thành công.”

Thay vì nở một nụ cười tươi rói với bà thì Charlie đột nhiên đứng dậy, vỗ tay vô trán, kêu lên, “Á, không. Cháu nhớ ra rồi.”

“Con nhớ ra cái gì?” Ông cậu Paton đi vô hắt trong phòng và đóng cửa lại.

Người khổng lồ lo lắng ngó Charlie chăm chú khi nó bước tới cửa sổ. “Norton Cross, người gác cửa của quán cà phê Thú Kiểng,” Charlie nói. “Con đã thấy hắn ở trong Nhà Nguyễn Cổ. Chắc chắn hắn là một trong những kẻ đi theo cái bóng. Có lẽ chính hắn là kẻ đã gây ra tai nạn cho gia đình Onymous.”

“Thế thì chúng ta sẽ bảo đảm không cho hắn quay trở lại đó nữa, cưng,” bà Kettle nói điềm tĩnh.

“Con không hiểu,” Charlie nắm chặt chùm tóc rối của nó. “Con đã bảo cụ Bittermouse liên lạc với Norton để hắn ta sửa cánh cửa nhà cho cụ ấy. Vậy là con đã đưa cụ ấy vô vòng nguy hiểm.”

“Cụ ta đã gặp nguy rồi, Charlie,” bà Kettle nói. “Nhưng chúng ta sẽ bảo đảm an toàn cho cụ ta. Đừng quá lo lắng kéo nổ tung cái đầu cưng ra. Cưng đã làm đủ phần của cưng rồi.” Bà mỉm cười với người khổng

lò, đang ngồi bất động, ánh mắt xa xăm. “Tôi không có ý khiếm nhã, thưa ngài Yewbeam, nhưng tôi chắc hẳn Charlie đang lập kế hoạch cho ngài.”

“Dạ phải,” Charlie lầm bầm.

“Thế kế hoạch là gì, cưng? Cưng cho ta biết bí mật được chứ?”

“Ừm...” Charlie bắt đầu.

Người khổng lồ nói. “Nó sẽ đưa ta đi gặp vợ ta.”

Bà Kettle không hề tỏ ý ngạc nhiên lấy một tẹo nào. “Tuyệt,” bà nói. “Tôi xin cáo từ đây và để cho mọi người tính toán lo liệu các thứ. Chúc may mắn, tất cả mọi người.” Bà lướt ra, đóng cửa lại rất khẽ đằng sau.

Rủi cái, Ông cậu Paton choáng sốc đến nỗi ông lão đảo tới một cái ghế và ngồi phịch xuống. “Ta có tin vào tai mình không đó, Charlie? Con đã nói với ngài Yewbeam đây rằng con sẽ đưa ngài đi gặp vợ của ngài à?”

“Xin lỗi con không kể trước,” Charlie nói.

“Nhưng...” Ông cậu Paton nhìn người khổng lồ và lắc đầu.

Charlie cảm thấy thoải mái và bất lực. Phải mất mấy giây nó mới nhận ra người khổng lồ đang nói. Giọng trầm sâu của ngài Otus Yewbeam len vô phòng khẽ đến nỗi mà Charlie và ông cậu nó tưởng như họ đang nghe giọng nói từ một thế giới khác.

“Ta biết những gì chờ đợi ta, ông à. Ta biết ngọn lửa đó rất hung tàn và ta biết rằng Amoret đã chết thảm. Ta biết điều này đã nhiều năm rồi. Ta đã nghĩ về nó mỗi ngày kể từ khi ta biết được thực chất của việc vợ ta qua đời - hàng ngày khi ta sống trong cái địa ngục ấy, bởi vì xứ Badlock là một địa ngục, các bạn của ta à. Và ta cảm ơn con, với lòng chân thành nhất, Charlie à, đã mang ta ra khỏi đó. Có lẽ ta không ước ao chết ở đó. Ta biết kết cục của ta sẽ thế nào nếu ta ở bên vợ của ta, nhưng một ngày, một giờ, một phút ở bên bà ấy, hay một thoáng thôi, cũng sẽ đủ để xóa sạch tất cả ký ức của những năm đắng cay đó. Cho nên ta năn nỉ ông, ông Paton, Ông cậu của Charlie, làm ơn giúp Charlie mang ta đến với vợ ta.”

Ông cậu Paton nãy giờ nhìn người khổng lồ như thể ngộ ra một khám phá gì đó vô cùng sững sốt. “Rất hân hạnh,” ông nói.

Bỗng một tiếng rầm rung chuyển từ bên dưới khi cửa trước mở tung, và một giọng la như bóp họng. “THẾ THÌ NÓ ĐỦ RỒI? Ta nghe bạn bè ta ở đường Piminy thông báo rằng rất có thể có một tên khổng lồ ở trong nhà của ta.”

“Nội Bone!” Charlie lí nhí.

“Nghe tiếng nói đã thấy xấu xa,” người khổng lồ nhận xét.

“Cực kỳ xấu xa,” Ông cậu Paton đồng ý. “Nhưng đừng để điều đó làm ngài lo lắng. Hãy ở đây với Charlie. Để tôi ra xử lý việc này.”

Ông cậu Paton rời phòng và gọi. “Chào buổi chiều, Grizelda. Bà lại cầu nhàu nữa à?”

“Tất nhiên.” Mụ ngó trừng trừng lên ông em, nét mặt xoắn lại những đường nét ác nghiệt. “Nó đâu rồi?”

“NÓ? NÓ?” Ông cậu Paton quát, đi xuống lầu. “Không có NÓ nào ở đây hết, trừ khi bà muốn hối tiếc không kịp.”

Nội Bone dậm chân. “Đừng cố tỏ ra khôn lỏi, Paton. Ta sẽ không cho nó ở trong nhà của ta.”

“Nhà của bà ư, Grizelda?” Ông cậu Paton hẩy vô ngực mụ. “Nhà của bà? Một nửa là của tôi, và tôi sẽ không để bà chõ mũi vô việc của tôi.”

“Đừng làm thế!” Nội Bone thấy mình bị xô lùi trở lại hành lang khi Ông cậu Paton cứ thọc, thọc mụ.

“Thôi ngay!” Mụ rống rít.

Họ đã tới tầng hầm và, trong nháy mắt, Ông cậu Paton mở cửa đẩy mụ vô. Mụ trượt xuống hai bậc thang đầu tiên, cố giữ thăng bằng, miệng thét “C-Ủ-U T-AA!”

Ông cậu Paton đóng sầm cửa lại. Khi không có sẵn chìa khóa, ông lẹ làng kéo cái tủ đựng ly chén bằng gỗ sồi thật nặng chèn trước cửa.

“Gi thế?” Ngoại Maisie hỏi, cảnh giác nhìn Ông cậu Paton.

“Tôi tạm thời phải nhốt bà chị của tôi lại,” Ông cậu Paton bảo bà. “Đừng lo, bà Maisie. Bà ta sẽ hết hơi sau một phút đấy mà. Chúng ta có một cuộc hành trình dài ở phía trước, cho nên tôi muốn bảo đảm chắc chắn Grizelda ở đó cho tới khi chúng tôi trở về.”

“Ông định đưa...?” Ngoại Maisie ngập ngừng, ngược nhìn lên lầu. “Đưa ngài Yewbeam kia đi?”

“Đúng thế. Chúng tôi sẽ đưa ông ấy đi nơi khác, an toàn hơn.”

“Vậy là tôi mừng lắm. Tôi cứ lo sốt vó về ngài ấy. Nhưng tôi tưởng Billy bé bỏng trở về chứ. Nó vẫn còn... ở đó à?”

“Vẫn còn, bà Maisie.” Ông cậu Paton nhăn mặt. “Mà tôi không biết phải cứu nó ra bằng cách nào.”

“Nhưng kiểu gì cũng phải đưa nó ra,” bà nghiêm sắc mặt.

Ánh sáng đang rời bầu trời. Chẳng mấy chốc đã sập tối. Ông cậu Paton quyết định ông sẽ phải đi dập tắt đèn đường nếu không thì người khổng lồ sẽ gây quá nhiều chú ý khi ngài rời khỏi nhà.

Người khổng lồ kiên nhẫn chờ trên giường của Ông cậu Paton. Ngài đã nín thính với một nụ cười bí hiểm thoáng nơi khóe miệng. Ngài đang nghĩ về quá khứ chẳng? Charlie tự hỏi. Hay là ngài đang tưởng tượng khi ngài gặp lại bà Amoret? Căn nhà im lìm. Nội Bone đã thôi la hét, đúng như Ông cậu tiên đoán.

Khi ngôi sao đầu tiên hiện ra, Ông cậu Paton đội cái mũ phớt mềm vô, bước xuống lầu và đi ra đường. Đặt bàn tay lên cột đèn, ông lẩm nhẩm, “Cứ để nó xảy ra, nhưng mà làm ơn thật êm vào.”

Một tiếng “bốp” nhỏ xíu, đèn đường phụt tắt và cái mũ phớt của Ông cậu Paton phủ đầy bụi bạc. “Cảm ơn nhiều,” ông nói, mặc dù không rõ ông cảm ơn ai hay cảm ơn cái gì. Ông lột mũ và phúi vụn thủy tinh xuống đường.

Nhìn từ cửa sổ, Charlie thấy ông cậu mở hai cánh cửa sau của chiếc xe moóc và trải tấm thảm vô chỗ cũ dưới sàn xe.

“Đến lúc đi rồi,” Charlie bảo người khổng lồ.

Ngài Otus đứng lên, duỗi cánh tay, gõ gõ khớp bàn tay lên trần nhà. Ngài cười và bảo, “Đây là ngôi nhà không bao giờ thích hợp với ta, Charlie Bone.”

“Vâng ạ. Người ta không làm nhà cho người khổng lồ nữa.”

“Họ đã bao giờ làm đâu,” ngài Otus bảo.

Bước chân nặng nề của người khổng lồ đặt thịch, thịch xuống mặt cầu thang khi ngài theo Charlie xuống lầu. Ngoại Maisie trao cho ngài một hộp đồ ăn và ngài nhận lấy với một cái cúi đầu cảm tạ.

“Chúc may mắn, ngài Yewbeam,” bà nói. “Tôi ước gì chúng ta có thể nói chuyện với nhau thêm một chút thời gian nữa.”

“Ta đồng ý, thưa quý bà,” ngài Otus nói, cấp hộp đồ ăn dưới cánh tay. “Bà rất rộng lòng.” Ngài cầm lấy tay bà và đặt một nụ hôn lên đó.

“Hào hiệp quá,” ngoại Maisie nói, đỏ mặt lên vui sướng.

“Nhanh lên,” Ông cậu Paton gọi.

Ngài Otus bước xuống bậc cấp và rồi đứng trên vỉa hè, tròn mắt nhìn xe cộ qua lại, nhìn đèn đường và những ngôi nhà sáng choang. Một chiếc máy bay vù ngang qua đầu, đuôi nó nhấp nháy đèn giữa những vì sao.

“Ồ,” người khổng lồ thở hắt. “Một thế giới mới với những điều kỳ thú làm sao. Ta ước gì ta biết nó nhiều hơn.”

Charlie đỡ lấy hộp đồ ăn và cất nó ở phía sau thùng xe. “Đến lúc đi rồi, ngài Otus,” nó nói khẽ. “Con e rằng chúng ta sẽ phải đi trong cỗ máy này lần nữa.”

“Ta không sợ đâu.” Người khổng lồ bước sải một bước rộng vô thùng xe và Charlie đóng các cánh cửa xe lại. Ông cậu Paton nổ máy và Charlie leo lên ngồi bên cạnh ông.

Ngoại Maisie đứng ở cửa vẫy tay chào như thể bà sẽ không bao giờ gặp lại họ lần nữa. Nhưng lòng tự tin của Charlie không hề lay chuyển cho tới khi họ lái xe ra khỏi thành phố, bước vào màn đêm. Bỗng dưng một giọng nói trong đầu nó bắt đầu nghi vấn, “Ngộ nhỡ mình thất bại? Nếu như thế thì sao?”

24. Chương 21 (hết)

Bà Amoret

Đường đi tới Lâu Đài Gương thật dài và thật khó tìm, nhưng sau chuyến hành trình lần cuối tới đó, Ông cậu Paton đã lập ra bản đồ của lộ trình. Con đường men theo dòng sông rồi thì, tại một ngã tư cách ngoại ô thành phố năm dặm, họ rẽ vô một con đường dọc theo bờ biển. Ngài Otus chưa bao giờ thấy lâu đài đó mặc dù ngài đã nghe nói về nó rất nhiều.

“Người ta nói đó là lâu đài đẹp diệu kỳ nhất thế giới,” giọng người khổng lồ khẽ rừ rừ từ thùng xe đằng sau. “Borlath, hoàng tử cả, ghen tị với Amadis tất cả mọi thứ, lại thêm cái bóng châm thêm lửa vào lòng ghen tị của hắn. Tất cả mọi thứ Borlath không thể có, hắn hủy hết.”

Một quãng dừng thật lâu sau, Charlie hỏi, “Ngài đã sống ở đâu ạ, ngài Otus?”

Người khổng lồ cười khà khà. “Ta sinh ra trong một ngôi nhà xây bằng cây thông đỏ còn sống nguyên. Cha ta dựng một cái lều ở giữa một khu rừng cổ. Nó cần những cây thông đỏ to rộng nhưng chỉ vài khúc gỗ đan qua giữa chúng là thành những bức tường vây kín nhà chúng ta. Phía trên chúng ta có một mái nhà che đầu, kết bằng những cành cây cao nhất. Chúng ta không bao giờ dựng tới lá hay trái của chúng bởi vì chúng rất độc, nhưng chúng có thể đuổi cho bọn sói tránh xa.”

“Yewbeam,” Charlie lầm bầm. “Thảo nào, và đó là khởi nguồn của cái họ này.”

“Đồng ý,” người khổng lồ nói.

“Ồ, thế mà tôi không bao giờ tìm ra được điều đó trong suốt bao năm nghiên cứu của mình,” Ông cậu Paton thốt lên, “Thú vị quá. Vậy vợ của ngài đã sống trong ngôi nhà thông đỏ đó?”

“Không,” ngài Otus hình như hơi phẫn nộ. “Ta đã xây cho bà Amoret một ngôi nhà xinh xắn bằng đá và gỗ thông, có tường tẩy trắng và sàn nhà lát đá phiến.”

“Dĩ nhiên.” Ông cậu Paton khẽ ho lên một tiếng biết lỗi.

Sau đấy thì tất cả họ rơi vào im lặng và Charlie lăn ra ngủ. Khi nó tỉnh giấc thì họ đang lái xe qua một thung lũng. Hai bên lối mòn, những ngọn núi vút cao, đen lù lù và thẳng đứng, chìm khuất vô làn mây dầm ánh trăng. Một chớp sáng màu trắng đập vào mắt Charlie và nó nhìn vô gương chiếu hậu. Tim nó hụt một nhịp, bởi vì đằng đó, phản chiếu trong gương là một con ngựa trắng. Ngồi trên lưng con ngựa trắng đang phi là một hiệp sĩ mặc giáp trụ.

“Họ đang ở đây,” Charlie thông báo. “Hoàng hậu và Hiệp sĩ Đỏ. Họ đi theo chúng ta.”

“Con chắc không?” Ông cậu Paton nhíu mày liếc nhìn gương. “À, đúng, Charlie, con nói đúng.”

“Hoàng hậu?” Ngài Otus hích người tới ô cửa sổ nhỏ ở một cánh cửa sau, chiếc xe moóc rung lắc và chao đi. “Ta không thấy hoàng hậu nào hết, nhưng có một hiệp sĩ cưỡi ngựa.”

Charlie nhận ra rằng, với ngài Otus, hiệp sĩ cưỡi ngựa là cảnh tượng trông thấy thường ngày. “Đây không phải là con ngựa bình thường đâu ạ,” Charlie nói, và rồi nó giải thích sự việc lão Ezekiel Bloor đã vô tình mang Hoàng hậu Berenice trở về cuộc đời trong diện mạo là con ngựa yêu quý của bà như thế nào. “Lão chẳng phải là một thầy pháp tài cán cho cam,” Charlie tiếp. “Chủ ý của lão là mang Bolath về lại thế giới.”

“Cảm ơn sai lầm đó,” ngài Otus lầm bầm.

Suốt phần còn lại của cuộc hành trình, Charlie cứ hết lơ mơ ngủ rồi lại thức, và mỗi lần trong lúc nó thức, hiệp sĩ cưỡi ngựa trắng luôn ở đó; nếu nó không thấy ngài ở trong gương chiếu hậu thì cũng nghe thấy tiếng vó ngựa, cách không xa đằng sau. Khi mặt trăng lên đến đỉnh cao nhất của nó, họ đậu xe bên cạnh một vách đá, và ăn hết giỏ đồ ăn do ngoại Maisie chuẩn bị. Sau đó Ông cậu Paton ngủ một chút, trước khi lái tiếp những dặm đường còn lại.

Họ rời bỏ con đường chính vào lúc bình minh và đậu xe trên một lối mòn dẫn ra biển.

“Ta tin đó là nơi này,” Ông cậu Paton nói. Ông leo ra khỏi xe, duỗi vai và hít một hơi không khí biển.

Charlie nhảy ra rồi chạy tới mở cửa cho ngài Otus. Nó nhận thấy người khổng lồ vẫn đang ngủ say sưa. Người đàn ông to lớn nằm co ro dưới sàn xe, một bên má áp vô hai bàn tay.

“Ngài Otus!” Charlie lay lay bàn chân người khổng lồ.

Ngài Otus mở choàng mắt, ngồi lên và nở với Charlie một nụ cười rộng. “Ta nghĩ ngày hôm nay sẽ tốt đẹp với chúng ta đó, Charlie,” ngài nói, đoạn hích người ra khỏi chiếc xe moóc. Và rồi, ngài nhìn thấy làn nước màu xanh da trời đằng xa vách đá, ngài chạy ra mép nước trong khi Ông cậu Paton vội thét bảo ngài hãy cẩn thận. Ngài Otus là người có trọng lượng nặng nề, mà vách đá đã lún chìm nhiều chỗ.

“Lâu đài đâu?” Ngài Otus la to. “Ta không thấy nó.”

Charlie đến đứng bên cạnh ngài. Một làn sương nhẹ như lông tơ bao phủ lấy mặt biển, và Charlie sức nhớ sự việc này cũng xảy ra vào lần trước. “Đó nó kia, con hứa với ngài, ngài Otus. Khi mặt trời thiêu cháy màn sương, thì chúng ta sẽ trông thấy nó.”

“Nó đang hiện ra.” Ông cậu Paton đã đến đứng cùng với họ, và vài phút sau, tất cả họ đều thấy một hòn đảo nhô lên mặt biển kéo dài chừng nửa dặm. “Hòn đảo của hàng ngàn dải xanh da trời,” Ông cậu Paton nói. “Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thấy đỉnh chóp của nó.”

Người khổng lồ ôm lấy lồng ngực. Tim ngài đập nhanh và to đến nỗi Charlie sợ nó ngừng mất. Từ từ, màn sương bốc hơi và những mảng nhỏ loang loáng trong ánh sáng. Khi mặt trời lên cao hơn, những lọn sương cuối cùng tan đi và lâu đài thủy tinh lấp lánh hiện ra.

“Ááá!” Người khổng lồ nín thở. “Nó kia.” Ngài bắt đầu bước xuống lối mòn nguy hiểm dẫn ra bờ biển, trong khi Charlie và ông cậu trượt tuột và loạng choạng đi theo dấu chân ngài.

“Có một chiếc thuyền, được cất giữ trong một cái hang,” Ông cậu Paton nói. “Nhưng...” ông nhìn người khổng lồ, “tôi không chắc nó có chịu nổi trọng lượng của ngài không, ngài Otus.”

Người khổng lồ há miệng vuột ra một tiếng cười và nói vang, “Thuyền ư? Ta không cần thuyền, ông Paton à,” rồi không thêm một lời nào nữa ngài chạy ào xuống biển. Tiếng cười sảng khoái của ngài dội âm ngược lại bờ khi ngài lướt đi qua những làn sóng, và khi ngài sải bước, cái đầu trắng của ngài nhấp nhô giữa những con mòng biển đang trôi bập bênh trên đầu sóng.

“Chúng ta lấy thuyền mau,” Ông cậu Paton nói.

Con thuyền vẫn ở tại nơi lần trước Charlie tìm thấy nó: ở cuối một cái hang sâu. Họ khẩn trương leo lên thuyền, Ông cậu Paton, lưng quay về phía lâu đài, ra sức chèo hết tốc lực trong khi Charlie chỉ hướng. Khi họ áp sát hòn đảo, người khổng lồ đang ngồi trên bãi biển đầy vỏ sò, và đang dốc nước ra khỏi đôi giày của ngài.

Ông cậu Paton ở lại thuyền, trong khi Charlie dẫn ngài Otus đi tới lâu đài. Mặt trời đã lên cao, khiến Charlie và người khổng lồ không thể nhìn vô mặt gương chói lóa khi họ khó nhọc bước qua mặt đất đầy bụi rậm, sỏi đá bao quanh lâu đài. Họ bước chệch về hướng bắc, nơi mặt trời không thể chạm đến những bức

tường tráng gương, và người khổng lồ lại phá lên cười to hết cỡ trước hình phản chiếu của họ, người này to gấp đôi kích thước của người kia.

Không có cửa vô. Họ phải ép mình qua một đường hầm hẹp dẫn bên dưới những bức tường. Hai lần người khổng lồ bị kẹt cứng, để rồi tiếng cười của ngài càng vang to hơn khi ngài cố vẫy vùng và dướn mình thoát ra được. Cuối cùng họ đứng trong một cái sân rộng, lát sỏi sáng loáng. Ở giữa sân có một cầu thang dẫn lên một cánh cửa ăn vào tháp: một cái tháp cao hình vuông.

“Những bức tường lịch sử ở trên đó.” Charlie chỉ lên đỉnh tháp.

“Và đó là nơi chúng ta sẽ nói lời từ biệt,” ngài Otus nói.

Những bậc thang được làm bằng thủy tinh nhám giúp họ leo lên tới cánh cửa mà không bị trơn trượt. Căn phòng họ bước vô có tường chìm hẳn vô trong những miếng thủy tinh dài mở đục hình chữ nhật, và hình phản chiếu của họ trở thành những mảnh vỡ sắc màu dập dờn, rẽ hướng bất cứ khi nào họ di chuyển.

Bên cạnh cánh cửa là một cầu thang dẫn lên đỉnh tháp. “Để con đi trước cho,” Charlie nói. “Phải leo rất là lâu đấy ạ.”

Người khổng lồ mỉm cười và vỗ vai Charlie. “Dẫn đường đi, Charlie.”

Những bậc thang hẹp và khấp khểnh khiến Charlie tự hỏi làm sao người khổng lồ xoay sở đi được khi cầu thang uốn khúc hướng lên trên. Claerwen bay ra khỏi túi áo Charlie và chiếu sáng đường đi, nếu không thể thì chắc chắn họ phải leo trong bóng tối. Charlie có thể nghe thấy tiếng thở hì hụi và tiếng bước chân ịch ạch của người khổng lồ khi ngài cố hích người lên những bậc thang bằng thủy tinh thô nhám, và rồi, cuối cùng, họ vô một căn phòng khác thường ở trên đỉnh tháp, nơi ánh sáng của Claerwen được phản chiếu lên một ngàn lần, dội từ bức tường này qua bức tường kia, rồi lại phản chiếu tiếp, xuyên qua lớp gương chói lóa.

“Amoret đâu?” Ngài Otus thì thầm.

Charlie muốn bảo người khổng lồ hãy kiên nhẫn nhưng nó không sao thốt nên lời. Nó cảm thấy lo âu thấp thỏm. Giả sử những bức tường đã mất đi ký ức của chúng rồi thì sao? Giả sử không còn gì ở đó? Mình có thể chu du, nó tự nhủ, và Claerwen là cây đu đưa phép của ngài Mathonwy.

Sâu bên trong tấm gương sáng lóa trước mặt nó, một dải màu lay động, một dải màu đỏ nhạt. Một đường vân màu xanh lá cây xuất hiện, nối theo là những đường vân màu nâu và một đường màu vàng dụ. Và giờ thì có thể nhìn thấy ngài Amadis tóc trắng trong bộ giáp màu xám bạc.

Vẫn nhìn xoáy vô bức tường, Charlie chìa bàn tay trái của nó ra lần tìm ngài Otus. Những ngón tay của ngài Otus đan vào những ngón tay nó. Chìa tiếp bàn tay phải ra, Charlie nói. “Claerwen, dwi isie mynd mewn.”

Con bướm trắng lướt đến đậu trên ngón tay trở của Charlie và Charlie bắt đầu nhích gần hơn và gần hơn đến những hình thù và màu sắc đang trôi người; qua một màn sương mù, không khí ngọt ngào, rồi xuyên qua thời tiết bão tố, và đi tiếp, đi tiếp, mặt nó bây giờ ấm nóng ánh mặt trời, rồi lại bị tuyết quất vô. Nó có thể cảm thấy những ngón tay của người khổng lồ bóp chặt ngón tay nó, và rồi, như thể xuyên thủng qua bề mặt của một cái hồ đóng băng, Charlie thấy mình lại ở trong căn phòng cổ xưa.

Họ đang ngồi bên bàn, hệt như lần trước: hoàng tử Amadis ngồi ở đầu bàn, vợ ngài và con gái ngài đang nhìn sững vô Charlie. Một đứa trẻ khác ngồi quay lưng lại Charlie; đứa trẻ thứ ba, có mái tóc trắng như tuyết, quay lại nhìn nó. Và rồi, Charlie trông thấy bà Amoret - bà đang đứng bên cạnh ngài Amadis, mái tóc đen của bà ôm lấy gương mặt phiên muộn.

Cao phía trên đầu, Charlie nghe thấy tiếng gọi “Amoret!”

Bà ngược lên và một nụ cười ngạc nhiên thấp sáng gương mặt bà.

Charlie cảm thấy những ngón tay của người khổng lồ tuột ra khỏi tay nó và nó biết mình phải trở về. “Chúng ta đi nào,” nó nói, nâng Claerwen lên sát mặt. “God ni fynd.”

Trong khi trôi ra khỏi khung cảnh ấy, Charlie thấy một người đàn ông trẻ ôm bà Amoret vô vòng tay ngài. Ngài nhắc bóng bà lên và quay tròn, vạt vấy màu đỏ của bà lượn cuộn phớt qua bàn tay ngài. Bà vùi đầu

vào vai ngài và ngài phá lên cười hạnh phúc. Người đàn ông đó có mái tóc màu hạt dẻ, gương mặt đẹp như tạc, mạnh mẽ. Ngài cao, rất cao - thật ra là một người khổng lồ.

Trước khi Charlie khuất tầm mắt khỏi họ, người khổng lồ bắt gặp mắt nó và những lời bị chẹt vỡ òa qua những làn sóng thời gian. Ta cảm ơn con.

Và rồi Charlie trở lại một mình trong căn phòng nơi những bức tường lịch sử sáng loáng lưu giữ những bí mật của chúng. Đáng lý ra nó phải cảm thấy phấn chấn. Nó phấn chấn thật, nó tự nhủ, bởi vì nó đã thành công, tuy nhiên, khi chệch choạc đi xuống cầu thang hẹp, một cảm giác thất bại ập trùm lên niềm hạnh phúc của nó. Lần cuối cùng ở Lâu Đài Gương này, có Billy đi cùng với nó.

Charlie bước vô căn phòng nơi nó đã gặp người đàn ông mà nó tưởng là ba mình. “Tại sao ba không bao giờ ở đây, hả ba?” Nó nói với hình phản chiếu của nó trong những bức tường gương.

Claerwen bay ra phía cửa và Charlie theo sau, đi xuống những bậc thang thủy tinh nhám, băng qua cái sân lấp lánh và vô đường hầm ở dưới chân tường.

Ông cậu Paton đang ngồi trên một phiến đá, sát bên chiếc thuyền. Vừa trông thấy Charlie đi một mình, ông liền đứng dậy và vỗ tay gọi, “Thế là con thành công rồi.”

Charlie gật đầu.

“Trông như con không chắc lắm nhỉ,” Ông cậu Paton nói khi Charlie hướng tới con thuyền. “Mọi thứ không đúng như kế hoạch à?”

“Đúng chứ. Thật diệu kỳ. Người khổng lồ đã trở lại và bà Amoret đang mỉm cười.”

“Giỏi quá.” Ông cậu vỗ vai nó. “Ta cần phải thú thật là ta đã có những nghi ngờ. Đó là một sứ mệnh phi thường. Ta nghĩ là con mệt rồi.”

“Hơi hơi thôi,” Charlie nói.

Họ leo vô thuyền và Ông cậu Paton bắt đầu chèo ra khỏi hòn đảo. Họ chưa đi xa thì một con sóng khổng lồ vỗ ầm vào mạn thuyền, xô nó nghiêng một cái thật nguy hiểm. Mặt trời vụt biến mất và bầu trời tối sầm lại với những đám mây đen giập dũ. Một trảng sấm nổ ran, kéo theo một trận mưa như trút nước.

“Dagbert không đi theo chúng ta đấy chứ?” Charlie nhìn những con sóng dữ tợn.

“Có thể là kẻ khác, cha của nó. Mụ Tilpin và cái bóng luôn luôn hợp lực, không nghi ngờ gì.”

Và bọn chúng sẽ diên tiết về việc mình vừa mới làm, Charlie nghĩ.

Những con sóng tung cao hơn nữa, những bức tường nước sừng sững thấy con thuyền mỏng manh lên và quật nó xuống như thể nó là một món đồ chơi.

“Đáng lý ra ta nên nghĩ tới áo phao,” Ông cậu Paton kêu to qua tiếng nước thét gào.

Con sóng kế tiếp hất con thuyền lật qua bên. Charlie tuột tay bám và cảm thấy mình bị quăng xuống biển. Hắn ta dùng hông quét mình đi được bằng cái này, Charlie nghĩ, khi những con sóng sắp chìm đầu nó đến nơi. Nhưng ít nhất mình đã làm xong một việc.

“Charlie! Charlie! Bám lấy!”

Khi nó dướn người lên hóp không khí, Ông cậu Paton tóm lấy cổ tay nó. “Cố lên, cố lên Charlie. Đừng buông,” ông thét. “Chúng ta sắp tới bờ rồi, đừng bỏ cuộc!”

Charlie cảm thấy hai bàn tay của ông cậu lồi đằng sau cái áo jacket của nó, nhưng sóng cứ tiếp tục tràn qua đầu nó và nó biết thứ sóng này muốn nhấn chìm nó. Bỗng nhiên, nước bắt đầu nâng nó lên bên dưới bàn chân nó. Rồi một dòng nước mạnh ôm chặt lấy cẳng chân nó, giữ cho nó thăng bằng. Từ từ thân người nó được nâng lên và, khi nó còn đang loay hoay tìm cách bám cho được con thuyền, thì nó đã được đẩy gọn gàng vô bên trong.

Ông cậu Paton chụp lấy đôi mái chèo và mỉm cười xuống với Charlie, đang nằm dưới đáy thuyền. “Chúng ta tới rồi, bạn à,” ông nói.

Hích người cổ ngồi dậy, Charlie thấy họ đang lướt qua một con đường nước rộng êm ả, yên bình ngay trên biển. Hai bên thuyền, những con sóng vẫn réo gào, tung lên rồi xuống với những cột nước đáng sợ, nhưng dường như chúng không thể nào chạm được đến con thuyền.

Vùng biển xung quanh con thuyền lóng lánh trong ánh mặt trời và, cũng trong những tia nắng rực rỡ đó, Charlie thình lình thấy một dáng người ở trên vách đá. Tấm áo chùng của ngài tung bay trong gió, với chùm lông chim trông như một làn mây đang cháy.

“Hiệp sĩ Đỏ,” Charlie thét lên.

“Cái gì?” Ông cậu Paton nói to, ra sức giương mắt chèo; áo khoác của ông ướt đầm, Charlie nhận thấy như vậy.

“Là hiệp sĩ. Hiệp sĩ Đỏ. Con nghĩ ngài đã cứu chúng ta.”

Ông cậu Paton ngoái nhìn qua vai. “Ta thấy ngài ấy rồi. Có lẽ con nói đúng đấy, Charlie.”

Mình biết chắc chắn mà, Charlie nghĩ. Hiệp sĩ Đỏ đã cứu ông cháu mình.

Từ đó trở đi, họ lướt qua hành lang nước một cách hanh thông. Họ bước lên bãi đá cuội và kéo con thuyền cất vô trong hang. Charlie cảm thấy mình sẽ không bao giờ đi nốt nổi quãng đường vách đá dựng đứng, nhưng với giọng thuyết phục của Ông cậu Paton thúc giục liên hồi, cuối cùng nó cũng lao đảo lặn ỉnh xuống bãi cỏ ướt ở trên đỉnh dốc.

Hiệp sĩ Đỏ đã đi rồi.

“Sao chúng ta không thấy con ngựa của ngài vậy?” Ông cậu Paton tự hỏi to thành lời.

“Bà không thể nhìn hòn đảo nơi các con của bà chết,” Charlie bảo với ông cậu nó.

Ông cậu Paton nhú mày, “Làm sao con biết điều đó?”

“Billy hiểu lời bà nói.”

“À, Billy,” Ông cậu Paton thốt lên.

“Con ước gì có thể mang nó trở về, Ông cậu Paton, nhưng nó bị bỏ bùa rồi, con biết.”

“Bùa chú có thể giải được,” ông cậu nói.

Khi về đến chỗ đậu xe moóc họ hong khô quần áo và nghỉ ngơi một lát. Ông cậu Paton đưa bộ đồ đi đường của ông mà ông giữ ở trong xe cho Charlie mặc. Charlie xắn chiếc quần dài lên trên và dút chân vô đôi vớ len cũng dài không kém. Nó cột chặt áo sơ mi lại bằng dây nịt, nhưng cái áo jacket dự trữ của Ông cậu Paton thì lủng thủng trên người nó như một cái áo khoác quá khổ.

“Được rồi đấy,” Ông cậu Paton nói. “Ít nhất là con khô ráo. Nếu chúng ta khởi hành bây giờ thì chúng ta có thể về đến thành phố vào giờ ăn tối.”

Đó không phải là điều Charlie mong ngóng. Nó nhớ người khổng lồ và nhớ Billy. Nhưng trên hết nó sợ trở về cái nơi mà sai lầm của nó đã gây nên một vụ chết đuối - một nơi mà nó sẽ không bao giờ còn thấy Tancred nữa.

Họ nghỉ chân tại một quán trọ miền quê và mua cá với khoai tây chiên. Charlie, trong bộ đồ thùng thình, nhận được những cái nhìn kỳ cục của dân địa phương, nhưng sự quan tâm của họ nhạt đi khi đèn đóm ở trên trần quán nổ tung, và Ông cậu Paton xin lỗi vì sự bất tiện này.

“Chỉ là do cúp điện thôi, thưa ngài,” chủ quán nói.

“Ta nghĩ ông sẽ nhận ra không phải như vậy đâu.” Ông cậu Paton mỉm cười ảm áp với người đàn ông rồi ông với Charlie bước ra, cầm chắc cá và khoai tây chiên trong tay.

Khi họ ngồi trong xe thưởng thức món ăn nóng hổi, mê ly, Charlie hỏi ông cậu nó điều gì đã khiến ông dạo này hay phải đi xa và lại đi lâu đến thế.

“Ta đang lần theo một dấu vết,” Ông cậu Paton đáp, “Nó dẫn ta tới một nơi mà chưa bao giờ ta biết là có tồn tại, nhưng ta nghĩ ta đã khám phá ra một điều cực... cực kỳ choáng.”

Charlie nhìn lên chờ đợi. “Cái gì ạ?”

“Ta tin rằng Billy Raven đáng lý ra phải thừa kế toàn bộ gia sản của gia đình Bloor. Đó là một câu chuyện dài và phức tạp và ta biết chúng ta sẽ phải khó khăn gian khổ lắm mới chứng minh được điều đó. Nhưng ta say mê thách thức. Billy sẽ nhận lại được gia tài của nó.”

“Thế thì chúng ta sẽ phải đưa nó trở lại,” Charlie nói.

Ông cậu Paton nhìn đứa cháu trai của mình một cách trù mến. “Ta tin chắc là con sẽ làm được, Charlie.”

Sau khi họ ăn xong, Charlie lăn ra ngủ mê mệt. Nó không thức dậy cho mãi đến khi họ về tới thành phố. Liếc nhìn qua gương chiếu hậu, nó thấy Hiệp sĩ Đỏ và con ngựa của ngài dừng lại ở đầu cây cầu đá. Và khi Ông cậu Paton rẽ khỏi con đường chính thì hiệp sĩ biến mất khỏi tầm nhìn.

“Chúng ta đang đi đâu đây?” Charlie ngồi dậy và nhìn ông cậu nó, bởi vì họ đang đi lên con đường dốc mà người ta gọi là đường Đồi Cao.

“Chúng ta vừa mới được mời dự một bữa tối,” Ông cậu Paton nói. “Họ đã gọi vào di động của ta. Ta được báo rằng đó là một dạ tiệc ăn mừng.”

“Ăn mừng cái gì?” Charlie hỏi.

“Ta tưởng tượng chúng ta sẽ biết ngay khi tới đó.”

Họ đi ngang qua nhà của gia đình Loom, nơi đèn trước xe của họ phản chiếu những đôi mắt hung tợn của hai con chó săn giống Rottweiler, đang trừng trừng nhìn qua cánh cổng có thanh chắn. Sau đó họ đi dọc theo bức tường của biệt thự Sage, nơi Lysander sống; đi tiếp nữa và tiếp nữa, lên, lên đồi cao, cho tới khi họ tới mảnh sân dẫn tới ngôi nhà liêu xiêu và chuồng gia súc, nơi Gabriel và gia đình nuôi vịt, ngỗng, dê và chuột kiểng. Charlie định ninh là ông cậu sẽ lại xe vô trong sân, nhưng ông vẫn đi lên tiếp trên con đường dốc cao, cho tới khi một khu rừng lọt vô tầm mắt.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

Charlie có thể thấy cánh cổng dẫn tới Ngôi Nhà Sấm. Khi họ tiến tới gần hơn, đèn trước xe chiếu rõ bốn, không năm chữ, năm dáng người đang tựa người vô thanh chắn trên cùng. Lysander cao vổng lên hết cả bọn kia, nhưng Charlie nhanh chóng nhận ra những đứa còn lại: Gabriel, Fidelio, Olivia và Emma. Và rồi nó thấy đứa thứ sáu, ngồi chót vót ở đằng cuối cánh cổng, cánh tay anh vẩy lên rồi rít, tấm áo jacket của anh cuộn cuộn trong một làn gió không có ngoài trời và mái tóc vàng của anh sáng rực như đeo vương miện gần ngôi sao.

“Tancred!” Charlie hét toáng lên sung sướng.

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Góc Sách:

Mai – Pô Pô – Tiểu Bảo Bình

(Tìm - Chỉnh sửa - Đăng)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/charlie-bone-va-cai-bong-xu-badlock-tap-7>